

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH



1996
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH

TRẦN NGỌC TUẤN

**QUYỀN VỀ ĐỜI SỐNG RIÊNG TƯ
CỦA CÁ NHÂN THEO QUY ĐỊNH
PHÁP LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIÊN SĨ LUẬT HỌC

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH



1996
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH

**QUYỀN VỀ ĐỜI SỐNG RIÊNG TƯ
CỦA CÁ NHÂN THEO QUY ĐỊNH
PHÁP LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Chuyên ngành: Luật Dân sự và Tố tụng dân sự

Mã số: 9.38.01.03

Nghiên cứu sinh : TRẦN NGỌC TUẤN
Người hướng dẫn khoa học : PGS.TS LÊ MINH HÙNG

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS Lê Minh Hùng. Các thông tin nêu trong Luận án là trung thực. Các trích dẫn trong Luận án đều được chú thích đầy đủ và chính xác. Các kết quả nghiên cứu trong Luận án chưa được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Tác giả chịu trách nhiệm hoàn toàn về liêm chính học thuật của Luận án.

Tác giả Luận án

Trần Ngọc Tuấn

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| STT | Viết tắt | Viết đầy đủ |
|-----|----------|-------------------------------------------------------|
| 1 | AI | Artificial Intelligence |
| 2 | ATTTM | Luật An toàn thông tin mạng |
| 3 | BLDS | Bộ luật dân sự |
| 4 | BLTTDS | Bộ luật Tố tụng dân sự |
| 5 | CHLB | Cộng hòa liên bang |
| 6 | Chat GPT | Chat Generative Pre-training Transformer |
| 7 | CNTT | Công nghệ thông tin |
| 8 | CRS | Corporate Social Responsibility |
| 9 | CPM | Communication Privacy Management |
| 10 | DVC | Dịch vụ công |
| 11 | DVCTT | Dịch vụ công trực tuyến |
| 12 | DLCN | Dữ liệu cá nhân |
| 13 | ECHR | European Court of Human Rights |
| 14 | EUCFR | European Union Charter of Fundamental Rights |
| 15 | GDPR | General Data Protection Regulation |
| 16 | HSR | Health Services Research |
| 17 | IoT | Internet of Things |
| 18 | ICCPR | International Covenant on Civil and Political Rights |
| 19 | NCS | Nghiên cứu sinh |
| 20 | Nxb | Nhà xuất bản |
| 21 | OECD | Organization for Economic Cooperation and Development |
| 22 | RALC | Restricted Access Limited Control |
| 23 | TAND | Tòa án nhân dân |
| 24 | TTCN | Thông tin cá nhân |

DANH MỤC CÁC BẢNG

| | |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| Biểu đồ 1: Sử dụng thiết bị có kết nối Internet..... | 104 |
| Biểu đồ 2: Nguồn sử dụng để tiếp cận thông tin xã hội | 104 |
| Biểu đồ 3: Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân..... | 105 |
| Biểu đồ 4: Đã từng nghe thuật ngữ nào sau đây..... | 105 |
| Biểu đồ 5: Tìm hiểu chính sách pháp luật về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân | 106 |
| Biểu đồ 6: Sử dụng các trang mạng xã hội..... | 146 |
| Biểu đồ 7: Đọc nội dung trong các tuyên bố về quyền riêng tư trên ứng dụng | 147 |
| Biểu đồ 8: Những hành vi thực hiện khi sử dụng các ứng dụng trên thiết bị thông minh (apps)..... | 148 |

MỤC LỤC

| | |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| PHẦN MỞ ĐẦU | 1 |
| 1. Tính cấp thiết của đề tài | 1 |
| 2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài | 3 |
| 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài | 4 |
| 4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài | 5 |
| 5. Những điểm mới của đề tài | 6 |
| 6. Bố cục nội dung của luận án | 7 |
| CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ THUYẾT, PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU. | 8 |
| 1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu | 8 |
| <i>1.1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài</i> | <i>8</i> |
| <i>1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam</i> | <i>21</i> |
| <i>1.1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu</i> | <i>30</i> |
| 1.2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu | 34 |
| <i>1.2.1. Cơ sở lý thuyết</i> | <i>34</i> |
| <i>1.2.2. Phương pháp nghiên cứu và hướng tiếp cận của đề tài</i> | <i>47</i> |
| 1.3. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu của luận án | 49 |
| <i>1.3.1. Câu hỏi nghiên cứu tổng quát</i> | <i>49</i> |
| <i>1.3.2. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu liên quan đến những vấn đề lý luận quyền về đời sống riêng tư của cá nhân</i> | <i>49</i> |
| <i>1.3.3. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu liên quan đến nội dung quyền về đời sống riêng tư của cá nhân</i> | <i>50</i> |
| <i>1.3.4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu liên quan đến thực trạng và giải pháp hoàn thiện pháp luật</i> | <i>50</i> |
| KẾT LUẬN CHƯƠNG 1 | 52 |

CHƯƠNG 2. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA QUYỀN VỀ ĐỜI SỐNG RIÊNG TƯ CỦA CÁ NHÂN..... 53

2.1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân..... 53

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trên thế giới 53

2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân ở Việt Nam..... 55

2.2. Khái niệm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân 60

2.2.1. Cơ sở lý luận hình thành khái niệm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân..... 60

2.2.2. Định nghĩa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân..... 62

2.3. Đặc điểm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân 71

2.3.1. Sự tự chủ của cá nhân đối với thông tin liên quan đến đời sống riêng tư..... 71

2.3.2. Hành vi xâm phạm tác động vào các nguồn thông tin mang nội dung về đời sống riêng tư 73

2.3.3. Chỉ được bảo vệ khi có yêu cầu 74

2.4. Mối quan hệ giữa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân với các quyền nhân thân khác..... 75

2.4.1. Mối liên hệ giữa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân với quyền đối với bí mật cá nhân, bí mật gia đình 75

2.4.2. Mối liên hệ giữa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân với quyền hình ảnh..... 77

2.4.3. Mối liên hệ giữa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân với quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín..... 78

2.5. Pháp luật điều chỉnh quyền về đời sống riêng tư của cá nhân 80

2.5.1. Pháp luật về công nghệ thông tin và an ninh mạng..... 80

2.5.2. Pháp luật về thương mại điện tử..... 83

| | |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 2.5.3. <i>Pháp luật về chăm sóc sức khỏe</i> | 85 |
| 2.5.4. <i>Pháp luật về bảo vệ quyền trẻ em</i> | 87 |
| 2.5.5. <i>Pháp luật về hoạt động báo chí</i> | 88 |
| 2.5.6. <i>Pháp luật về quản lí nhà nước</i> | 89 |
| 2.6. Ý nghĩa của việc ghi nhận quyền về đời sống riêng tư của cá nhân | 92 |
| KẾT LUẬN CHƯƠNG 2 | 94 |
| CHƯƠNG 3. GIỚI HẠN VÀ NGOẠI LỆ CỦA QUYỀN VỀ ĐỜI SỐNG RIÊNG TƯ CỦA CÁ NHÂN | 95 |
| 3.1. Cơ sở lý luận của giới hạn và ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân..... | 95 |
| 3.2. Giới hạn của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân | 98 |
| 3.3. Ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân | 109 |
| 3.3.1. <i>Lợi ích công cộng</i> | 110 |
| 3.3.2. <i>Quyết định tư pháp khác</i> | 121 |
| KẾT LUẬN CHƯƠNG 3. | 127 |
| CHƯƠNG 4. BẢO VỆ QUYỀN VỀ ĐỜI SỐNG RIÊNG TƯ CỦA CÁ NHÂN BẰNG BIỆN PHÁP DÂN SỰ | 130 |
| 4.1. Khái niệm, đặc điểm bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân bằng biện pháp dân sự | 130 |
| 4.1.1. <i>Khái niệm bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân bằng biện pháp dân sự</i> | 130 |
| 4.1.2. <i>Đặc điểm của bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân bằng biện pháp dân sự</i> | 131 |
| 4.2. Xác định hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân | 133 |
| 4.2.1. <i>Hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với cơ thể</i> | 133 |
| 4.2.2. <i>Hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với hành vi</i> | 137 |

| | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| <i>4.2.3. Hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với vị trí và không gian</i> | 139 |
| <i>4.2.4. Hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với dữ liệu cá nhân</i> | 143 |
| 4.3. Các biện pháp cụ thể trong việc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân | 144 |
| KẾT LUẬN CHƯƠNG 4 | 168 |
| KẾT LUẬN CHUNG | 170 |
| DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN | |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | |
| BẢNG VÀ PHỤ LỤC | |

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là một trong các quyền nhân thân cơ bản của con người. Mặc dù, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là thuật ngữ pháp lý có nội hàm rộng hơn thuật ngữ quyền riêng tư. Tuy nhiên, hiện nay thuật ngữ quyền riêng tư được sử dụng phổ biến trong pháp luật quốc tế và pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới.

Tại Việt Nam, các khía cạnh của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân lần đầu được ghi nhận tại Điều 11, Hiến pháp 1946: “Nhà ở và thư tín của công dân Việt Nam không ai được xâm phạm một cách trái pháp luật”, và được kế thừa, mở rộng, bổ sung trong Hiến pháp 1959, Hiến pháp 1980, Hiến pháp 1992 và Hiến pháp 2013 – đạo luật nền tảng trong hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ghi nhận: “quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; quyền bảo vệ danh dự, uy tín; thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn”¹. Ngoài ra, các khía cạnh của quyền về đời sống riêng tư cá nhân được cụ thể hoá trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật như Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng Hình sự, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Báo chí, Luật Trẻ em, Luật An ninh mạng, Luật Luật sư ... cũng như văn bản hướng dẫn thi hành.

Hơn nữa, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là quyền có nội hàm rộng hơn quyền riêng tư và được cụ thể hoá tại Điều 38 BLDS 2015: Quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình. Quy định quyền về đời sống riêng tư của cá nhân tại Điều 38 không chỉ cho thấy điểm tiến bộ của pháp luật dân sự Việt Nam mà còn thể hiện sự nhấn mạnh trong việc bảo vệ và xác định các quyền cơ bản của con người. Bên cạnh đó, nội dung quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo quy định pháp luật dân sự Việt Nam rộng hơn so với nội dung quyền riêng tư thường có trong các hệ thống pháp luật của các quốc gia khác trên thế giới.

Ngoài ra, trong thập kỷ qua, với sự bùng nổ của cuộc cách mạng công nghệ 4.0, mà nổi bật là trí tuệ nhân tạo - AI và Chat GPT (Chat Generative Pre-training Transformer) cơn sóng của việc vi phạm dữ liệu cá nhân, truy cập Internet bằng

¹ Điều 21 Hiến pháp Việt Nam 2013.

thông rộng, sự tăng trưởng của các hành vi tiếp thị Internet và sự phổ biến của công nghệ theo dõi, cũng như các hình thức khác, đã gây ra nhiều xâm phạm đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trên nhiều khía cạnh. Tuy nhiên, khung pháp lý để điều chỉnh và bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân vẫn chưa đủ cụ thể, không kịp thời và thiếu tính dự báo.

Cùng với đó, khi xã hội phát triển, tiêu chuẩn và các giá trị sống của con người ngày càng được yêu cầu cao hơn, con người bắt đầu quan tâm về những khía cạnh về tinh thần, tận hưởng các giá trị của cuộc sống hơn là chỉ quan tâm vào việc tạo ra giá trị thặng dư. Cũng chính vì những điều này, mà ngày nay những hành vi xâm phạm những khía cạnh về mặt tinh thần rất đa dạng và tinh vi, nó có thể là một chuỗi hành vi xâm phạm có chủ đích bằng nhiều công nghệ tiên tiến trong một khoảng thời gian nhất định rất khó phát hiện. Một khi dữ liệu được đăng lên mạng Internet thì nó sẽ ở trên đó vĩnh viễn bất chấp những quan điểm về quyền được gọi là quyền được lãng quên; về mặt công nghệ, vấn đề này còn nhiều bất cập. Ngoài ra, trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là không gian mạng, do tính chất toàn cầu và chức năng chia sẻ thông tin xuyên biên giới trên các lĩnh vực của đời sống xã hội nên quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được xem là dễ bị xâm phạm nhất và trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trên không gian mạng vẫn còn nhiều bất cập khi mà những hệ quả xảy ra trên môi trường Internet trong nhiều tình huống sẽ khác hoàn toàn với môi trường truyền thống, tương tác trực tiếp giữa người với người.

Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là một trong những quyền phức tạp và giao thoa với nhiều quyền khác, nơi mức độ xâm phạm cũng như thiệt hại thường khó để xác định một cách chính xác. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có một khái niệm đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trên cơ sở đó để xác định các nội dung của quyền, cũng như các quy định liên quan đến giới hạn và ngoại lệ của quyền này để dung hoà được lợi ích của cá nhân, doanh nghiệp và quản lý nhà nước. Điều này gây ra một số khó khăn và bất cập cụ thể khi áp dụng các quy định liên quan đến quyền về đời sống riêng tư vào thực tiễn cuộc sống. Do bối cảnh đặc thù mà lĩnh vực pháp luật này được nghiên cứu, nghiên cứu về bản chất pháp lý của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân tại Việt Nam đặt ra nhiều vấn đề phức tạp cả về lý luận và những vấn đề mang tính thực tiễn cấp bách. Từ đó, tác giả lựa chọn đề

tài “**Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo quy định pháp luật dân sự Việt Nam**” làm đề tài Luận án tiến sĩ luật học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của Luận án là việc làm sáng tỏ những vấn đề lý luận quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, phân tích khía cạnh pháp lý của vấn đề bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân; đặc biệt là những hạn chế, bất cập của pháp luật Việt Nam đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Luận án đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật quyền về đời sống riêng tư của cá nhân; tạo cơ sở cho việc hoàn thiện khung pháp lý quyền về đời sống riêng tư của cá nhân mang tính dự báo cao cũng như theo hướng phù hợp với các cam kết quốc tế bên cạnh các lợi thế về các điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, Luận án có các nhiệm vụ cụ thể sau:

Một là, tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài Luận án; từ đó đưa ra những nhận xét về kết quả nghiên cứu của các tác giả, đánh giá ưu điểm và hạn chế, khoảng trống trong nghiên cứu. Từ đó góp phần định hướng các vấn đề nghiên cứu và giải quyết trong Luận án, đáp ứng yêu cầu về tính mới.

Hai là, nghiên cứu cơ sở lý luận của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, và bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân thông qua việc phân tích khái niệm, đặc điểm và các nội dung của quyền; các nguyên tắc và các yếu tố tác động, chi phối đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân bao gồm yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, quy luật của nền kinh tế, bối cảnh thế giới.

Ba là, phân tích các quy định liên quan quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; qua đó xác định các nghĩa vụ của Việt Nam cũng như góp phần đánh giá thực trạng thực thi luật pháp quốc tế về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân của Việt Nam.

Bốn là, đề xuất những giải pháp pháp lý để Việt Nam xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận án tập trung vào 5 nhóm vấn đề sau: (i) Các quan điểm khoa học liên quan quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân; (ii) Các khái niệm pháp lý liên quan quyền về đời sống riêng tư của cá nhân; (iii) Hệ thống các nguyên tắc nền tảng và các yếu tố tác động đến pháp luật Việt Nam liên quan quyền về đời sống riêng tư của cá nhân; (iv) Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và pháp luật quốc tế có liên quan quyền về đời sống riêng tư của cá nhân; (v) Thực tiễn thực hiện pháp luật quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là vấn đề rộng, phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực khác nhau; vì vậy, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân có thể được tiếp cận nghiên cứu ở nhiều góc độ như kinh tế học, luật học, chính sách công, xã hội học, ... Trong việc thực hiện một luận án tiến sĩ Luật học, nghiên cứu sinh chỉ tập trung nghiên cứu những khía cạnh pháp lý của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo quy định pháp luật dân sự Việt Nam.

Về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu khía cạnh pháp lý đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Luận án không chỉ nghiên cứu pháp luật quyền về đời sống riêng tư của cá nhân như là một bộ phận của pháp luật dân sự mà quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được xem như một lĩnh vực pháp luật có mối liên hệ với các lĩnh vực khác trên cơ sở dung hòa được lợi ích của cá nhân, doanh nghiệp và quản lý nhà nước. Luận án nghiên cứu khái niệm, đặc điểm, nội dung, giới hạn và ngoại lệ đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, và bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trên cơ sở xác định hành vi xâm phạm và các phương thức bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Về thời gian: Luận án tập trung phân tích và đánh giá quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo quy định pháp luật dân sự hiện hành.

Về không gian: Những vấn đề thực tiễn thực hiện quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được ghi nhận số liệu tại Việt Nam. Luận án cũng chỉ tập trung nghiên cứu vấn đề quyền về đời sống riêng tư của cá nhân diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

4.1. Ý nghĩa khoa học

Ý nghĩa nghiên cứu của Luận án là thông qua việc làm sáng tỏ những vấn đề lý luận quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, phân tích khía cạnh pháp lý liên quan khái niệm, đặc điểm, giới hạn và ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, cũng như mối quan hệ giữa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân với các quyền nhân thân khác. Ngoài ra, Luận án sẽ phân tích các nội dung trong việc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trên cơ sở xác định hành vi xâm phạm và các phương thức bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân bằng biện pháp dân sự. Từ đó, Luận án đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật quyền về đời sống riêng tư của cá nhân; tạo cơ sở cho việc hoàn thiện khung pháp lý đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo hướng phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và tận dụng các lợi thế về các điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

4.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo quy định pháp luật dân sự Việt Nam sẽ đem lại những đóng góp quan trọng cho cộng đồng pháp lý, bằng cách cung cấp một cái nhìn toàn diện quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Nghiên cứu này không chỉ tập trung vào các khía cạnh lý thuyết quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, mà còn đi sâu vào các trường hợp thực tế và các vấn đề pháp lý cụ thể không chỉ ở Việt Nam, mà còn các cộng đồng quốc tế và các quốc gia phát triển khác.

Một trong những đóng góp quan trọng của Luận án là đề xuất khái niệm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, từ đó xác định các đặc điểm của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân; trên cơ sở đó xác định được các giới hạn và ngoại lệ của quyền. Ngoài ra, Luận án sẽ đề xuất các điều kiện bảo đảm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân như buộc chấm dứt hành vi xâm phạm; buộc xin lỗi, cải chính công khai; bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần.

Luận án cũng mang lại ý nghĩa thiết thực trong việc đưa ra các ý kiến đề xuất cho Quốc hội, các cơ quan ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các Tòa án trong việc áp dụng các quy định của pháp luật đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Ngoài ra, Luận án cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giúp các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam nhận thức rõ vai trò của mình trong việc giảng dạy kiến thức và kỹ năng liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong bối cảnh của cách mạng công nghệ 4.0 hiện nay.

5. Những điểm mới của đề tài

Là công trình nghiên cứu khoa học bậc tiến sĩ ở Việt Nam đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo quy định pháp luật dân sự Việt Nam, bên cạnh tiếp thu và kế thừa nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước Luận án đạt được những điểm mới sau đây:

- Luận án đã phân tích toàn diện những vấn đề lý luận liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân nói chung và bảo vệ quyền về sống riêng tư của cá nhân nói riêng bằng cách đưa ra những nhận thức mới liên quan đến khái niệm, đặc điểm, giới hạn, ngoại lệ của quyền và sự dung hòa lợi ích của cá nhân, doanh nghiệp và quản lý nhà nước trong việc điều chỉnh quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

- Luận án đã so sánh, phân tích các lý thuyết liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân từ các học giả trên thế giới. Luận án cũng đã chứng minh rằng dù có sự khác biệt về truyền thống pháp lý, các quy định quyền về đời sống riêng tư của cá nhân ở các quốc gia và cộng đồng chung đều có một số điểm chung nhất định, đó là hướng đến việc bảo vệ đời sống riêng tư của cá nhân. Điều này giúp định hình và hiểu rõ hơn về cách các quốc gia khác nhau điều chỉnh quyền về đời sống riêng tư của cá nhân như thế nào.

- Luận án đã nhận diện cụ thể các vấn đề bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong thời đại cách mạng công nghệ 4.0 làm cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng trong việc hoàn thiện quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trên cơ sở dung hòa được lợi ích của cá nhân, doanh nghiệp và quản lý nhà nước.

- Luận án cũng tập trung vào việc khảo sát ý thức và nhận thức của người dân đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, từ đó làm cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy sự nhận thức và tăng cường phương thức tự bảo vệ quyền dân sự đã được ghi nhận tại Điều 12 BLDS 2015.

- Luận án đã đưa ra các giải pháp quan trọng để xây dựng và hoàn thiện các quy định liên quan quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Các giải pháp này mang

giá trị tham khảo và nhằm tạo ra một khung pháp lý hoàn thiện quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong bối cảnh hiện nay.

6. Bố cục nội dung của luận án

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý thuyết, phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Chương 2. Những vấn đề chung của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân

Chương 3. Giới hạn và ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân

Chương 4. Bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân bằng biện pháp dân sự

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ THUYẾT, PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đã được nghiên cứu, bình luận và đề cập đến trong một số công trình nghiên cứu ở Việt Nam; nhưng đến nay vẫn còn hạn chế về số lượng, quy mô cũng như hàm lượng khoa học. Ngoài luận án, luận văn, sách, thì các công trình chủ yếu trong lĩnh vực này thường tập trung vào các bài báo, tạp chí khoa học. Trong nghiên cứu của mình, tác giả đã sơ khảo và tham khảo hệ thống các nguồn tài liệu trong nước và quốc tế có liên quan trực tiếp đến cách tiếp cận của tác giả khi nghiên cứu quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, tiêu biểu là các công trình cụ thể như sau:

1.1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

1.1.1.1. Tình hình nghiên cứu về cơ sở lý luận quyền về đời sống riêng tư của cá nhân

Ở các quốc gia gia phát triển, vấn đề bảo vệ đời tư cá nhân vô cùng được đề cao. Mọi khía cạnh họ đều tôn trọng đời sống riêng tư và mọi sự nghiên cứu, phân tích đều cố gắng để đưa ra các giải pháp bảo vệ tối ưu nhất cho việc dung hòa đời sống riêng tư. Về mặt lý thuyết, có thể sơ khảo một số công trình tiêu biểu:

- *Sách tham khảo, chuyên khảo*

Ahmed Elngar, Ambika Pawar, and Prathamesh Churi (2021), *Data protection and privacy in healthcare: research and innovations*, Taylor & Francis Group, LLC. (Dịch: Bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư trong y tế: nghiên cứu và những đổi mới). Trong cuốn sách này, tác giả bình luận mối quan tâm về bảo mật và quyền riêng tư² của bất kỳ loại dữ liệu nào là một vấn đề lớn trong thế giới công nghệ ngày nay. Về cơ bản, có một số kỹ thuật bảo mật như ẩn danh, tổng quát hóa, nhiễu loạn, kiểm soát truy cập dựa trên vai trò, mã hóa... Thông thường, theo các nhà nghiên cứu, dữ liệu có các giai đoạn khác nhau trong vòng đời của chúng: lưu trữ dữ liệu, chuyển đổi dữ

² Trong Luận án, tác giả thống nhất thuật ngữ “privacy” tạm dịch là “quyền riêng tư”. Đây là một thuật ngữ được sử dụng phổ biến trong các văn bản pháp lý, chính sách bảo mật, và thảo luận về quyền cá nhân, phản ánh mức độ quan trọng của việc bảo vệ quyền cá nhân trong xã hội hiện đại.

liệu, chuyển dữ liệu và xử lý dữ liệu. Ngoài ra, tác giả đã cung cấp một diễn đàn cho các nhà nghiên cứu về các chủ đề về công nghệ bảo mật dữ liệu, chính sách và vi phạm quyền riêng tư, coi chăm sóc sức khỏe như một lĩnh vực đa ngành.

Julie C. Inness (1992), *Privacy, intimacy and isolation*, Oxford University Press, USA. (Dịch: Quyền riêng tư, sự thân mật và cô lập). Thông qua cuốn sách này, tác giả nhận định rằng, khám phá khái niệm về quyền riêng tư giống như khám phá một đầm lầy không xác định. Việc nghiên cứu về quyền riêng tư nên bắt đầu dựa trên nền tảng vững chắc, lưu ý cách sử dụng phổ biến của “quyền riêng tư” trong cuộc trò chuyện hàng ngày và tranh luận pháp lý; có vẻ như đó sẽ là một nhiệm vụ đơn giản để xác định cốt lõi khái niệm và đạo đức của một thuật ngữ thường được sử dụng như vậy. Tác giả đã tìm cách xây dựng một lối thoát khỏi vũng lầy: một định nghĩa về quyền riêng tư và giải thích giá trị của nó sẽ làm rõ và giải quyết những xung đột của quyền riêng tư.

James B. Rule (2012), *Privacy in Peril: How We are Sacrificing a Fundamental Right in Exchange for Security and Convenience*, Oxford Scholarship Online. (Dịch: Quyền riêng tư bị đe dọa: Chúng ta đang hy sinh một quyền cơ bản để đổi lấy an ninh và tiện lợi như thế nào). Trong cuốn sách này, quyền riêng tư được định nghĩa là việc thực hiện lựa chọn xác thực để giữ lại thông tin về bản thân của một người. Định nghĩa này có một số hàm ý không trực quan và không phải tất cả những người thích các tùy chọn kiểu này đều thực hiện chúng để trải nghiệm sự riêng tư. Tác giả cũng nhấn mạnh, căng thẳng về quyền riêng tư là một đặc điểm chung của đời sống xã hội. Một số xã hội được cho là không có thuật ngữ cho quyền riêng tư và không có khái niệm về nó.

John T. Soma (2014), *Privacy Law in A Nutshell*, West Academic Publishing. (Dịch: Một sự tóm lược về Luật Quyền riêng tư). Tác giả nghiên cứu về quyền riêng tư thành bốn phần. Đầu tiên, tác giả trình bày về quyền riêng tư qua bốn phần chính. Tác giả khám phá lịch sử của quyền riêng tư, bao gồm định nghĩa từ nhiều nguồn khác nhau như luật gia, triết gia, học giả pháp lý, nhà tâm lý học, nhà kinh tế học và nhà xã hội học. Cuốn sách cũng thảo luận về xu hướng lịch sử của quyền riêng tư ở phạm vi quốc tế, quan điểm của Liên minh Châu Âu và Hoa Kỳ, hướng dẫn của tổ chức OECD, và quy trình thu thập, lưu giữ, và sử dụng thông tin về quyền riêng tư. Cuối cùng, tác giả nói về ảnh hưởng của công nghệ đối với quyền riêng tư, mang lại cái nhìn tổng quan về các lý thuyết, nguyên tắc, và thách thức đối với quyền riêng tư cá nhân.

Mark Burdon (2020), *Digital Data Collection and Information Privacy Law*, (Dịch: Luật Quyền riêng tư về thông tin và thu thập dữ liệu số). Cambridge University Press. Trong cuốn sách này, tác giả trình bày, luật bảo mật thông tin cung cấp một loạt các biện pháp bảo vệ vòng đời bắt đầu từ thời điểm thu thập dữ liệu và kết thúc bằng việc phá hủy hoặc hủy nhận dạng dữ liệu không còn cần thiết. Trong thời gian tạm thời, các tổ chức thu thập dữ liệu có một loạt nghĩa vụ phải thực hiện: cá nhân phải được thông báo về mục đích thu thập để họ có thể đồng ý một cách có ý nghĩa cho việc sử dụng tiếp theo. Xuyên suốt, trọng tâm của cuốn sách là tập trung vào những người thu thập dữ liệu của khu vực tư nhân thay vì công cộng, với mục tiêu thương mại cho việc thu thập dữ liệu.

Mark D Robins (2016), *Rights of Privacy and Publicity under Massachusetts Law*, The Massachusetts Law Review. (Dịch: Quyền riêng tư và công khai theo Luật Massachusetts). Vào buổi bình minh của thiên niên kỷ mới, có lẽ không có lĩnh vực nào của luật lại năng động và có thể áp dụng cho nhiều ngành và nhiều lĩnh vực hành nghề luật hơn lĩnh vực quyền riêng tư. Phạm vi tuyệt đối của chủ đề này rất ngoạn mục với các khía cạnh mở rộng nhanh chóng về bản chất là quốc tế, liên bang, tiểu bang, hiến pháp, luật định, quy định. Theo đó, bài viết này kiểm tra những gì có thể được coi là cốt lõi của luật quyền riêng tư ở Massachusetts - cụ thể là, các sơ đồ khác nhau thể hiện các quyền riêng tư và công khai cũng như mã hóa của chúng và những sơ đồ này vẫn là công cụ tốt nhất để phân tích án lệ và dự đoán trách nhiệm pháp lý khi quyền riêng tư bị xâm phạm.

Paul Bernal (2014), *Internet Privacy rights - Rights to Protect autonomy*, Cambridge University Press. (Dịch: Quyền riêng tư trên Internet - Quyền bảo vệ tính tự chủ). Trong cuốn sách này, tác giả nhấn mạnh rằng: Quyền riêng tư trên Internet chưa bao giờ quan trọng hơn thế. Internet hiện là một phần của hầu hết mọi khía cạnh trong cuộc sống của chúng ta, nó không còn là một cái gì đó tùy chọn, một cái gì đó mà chúng ta có thể tránh: nếu chúng ta muốn sống một cuộc sống đầy đủ, tham gia vào xã hội, để tận dụng mọi cơ hội của mình, chúng ta cần có Internet. Tác giả nêu quan điểm rằng, người ta đã lập luận quyền riêng tư là “đã chết”, rằng quyền riêng tư đã “lỗi thời” và ngay cả bản thân quyền riêng tư cũng đang gây tổn hại và chúng ta nên chấp nhận sự minh bạch và cởi mở ở vị trí của nó. Nếu chúng ta muốn tự chủ, nếu chúng ta muốn tự do, chúng ta cần quyền riêng tư để bảo vệ nó.

Ronald Leenes (2017), *Data Protection and Privacy the Age of Intelligent Machines*, Hart Publishing. (Dịch: Bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư trong thời đại

máy móc thông minh). Tác giả cho rằng, trái ngược với bối cảnh phương pháp tiếp cận dựa trên quyền của Châu Âu mà nó được tác động, Chỉ thị 95/46/EC của EU (công cụ bảo vệ dữ liệu cá nhân có ảnh hưởng nhất thế giới sẽ được thay thế vào năm 2018 bằng GDPR mới được thông qua) đã được tạo ra và có đang hoạt động như một công cụ tạo thị trường. Cơ sở hiến pháp cho cách tiếp cận dựa trên quyền được mở ra hoàn toàn ở cấp độ EU cùng với Hiệp ước Lisbon. Tuy nhiên, việc quản lý các quyền đối với quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu vẫn duy trì nhiều yếu tố mang tính thị trường, và một số yếu tố phụ thuộc đường dẫn nhất định đã xuất hiện trong suốt hai thập kỷ sau khi Chỉ thị 95/46/EC được thông qua. Bên cạnh đó, tác giả nhấn mạnh, bối cảnh định khung thị trường của Chỉ thị 95/46/EC với cái gọi là 'trò chơi dựa trên cơ sở hiệp ước' được biết đến trong chính trị EU như một trong những chiến lược sáng tạo trong việc khắc phục các hạn chế về thể chế.

Yassine Maleh (2020), Mohammad Shojaifar, Mamoun Alazab, Imed Romdhani, *Blockchain for Cybersecurity and Privacy: Architectures, Challenges, and Applications*, Taylor & Francis Group, LLC. (Dịch: Chuỗi khối cho an ninh mạng và Quyền riêng tư: kiến trúc, thách thức và ứng dụng). Cuốn sách này tập trung vào các ứng dụng của Blockchain trong an ninh mạng, quyền riêng tư và pháp y kỹ thuật số, cho các lĩnh vực công nghiệp khác nhau như Internet vạn vật (IoT) và chăm sóc sức khỏe. Cụ thể, cuốn sách bao gồm năm phần, mỗi phần bao gồm một chủ đề khác nhau. Trong Phần một, nhóm tác giả giới thiệu về các kiến trúc Blockchain và một số thách thức nghiên cứu liên quan. Sau đó, hai phần tiếp theo cung cấp một cuộc thảo luận sâu hơn về cách Blockchain có thể được sử dụng cho an ninh mạng và quyền riêng tư trong lĩnh vực IoT và chăm sóc sức khỏe. Phần thứ tư sau đó thảo luận về tiềm năng của chuỗi khối trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho bảo mật và quyền riêng tư của hệ thống thanh toán. Phần cuối cùng, nhóm tác giả nhấn mạnh đến các tiện ích tiềm năng của Blockchain trong các ứng dụng pháp y kỹ thuật số.

Wolf J. Schünemann, Max-Otto Baumann (2017), *Privacy, Data Protection and Cybersecurity in Europe*, Springer International Publishing. (Dịch: Quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu và an ninh mạng ở Châu Âu). Cuốn sách này, tác giả nhận định rằng tất cả những khía cạnh khó khăn của mối quan hệ giữa quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu và an ninh mạng đưa chúng ta đến một cuộc tranh cãi truyền thống về các giá trị hay rõ ràng hơn là vào tình thế tiến thoái lưỡng nan cơ bản giữa tự do và an ninh. Tác giả đã phân tích mô hình hoá 3 đỉnh của tam giác đó là mối quan hệ giữa 3 bên đó là Chính phủ, người dùng và nhà cung cấp dịch vụ. Bên cạnh đó, tác giả nhấn mạnh

rằng đối với an ninh mạng, phải kết hợp tổng quan tài liệu với việc mô xẻ lý thuyết chứng khoán hóa, đây là cách tiếp cận hàng đầu để nghiên cứu về an ninh mạng.

- *Bài viết trên tạp chí*

Butler. Des (2005), “A Tort of Invasion of Privacy in Australia”, *Melbourne University Law Review*, Vol. 29, No.2. (Dịch: Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do xâm phạm quyền riêng tư ở Úc). Trong công trình này, tác giả nhấn mạnh khó khăn lớn nằm ở việc xác định “quyền riêng tư” nghĩa là gì - khái niệm này thiếu chính xác. Tác giả đưa ra một vấn đề liên quan tồn tại trong việc đạt được sự cân bằng thích hợp giữa lợi ích riêng tư và lợi ích tự do ngôn luận, trong đó việc xác định bản chất và phạm vi của các biện pháp phòng vệ thích hợp, đặc biệt là bất kỳ biện pháp bảo vệ lợi ích công cộng nào. Ngoài ra, tác giả đã thảo luận về sự phát triển có thể xảy ra của một hình thức xâm phạm quyền riêng tư ở Úc.

Bygrave. Lee A (1998), “Data Protection Pursuant to the Right to Privacy in Human Rights Treaties”, *International Journal of Law and Information Technology*, Vol. 6, No.3. (Dịch: Bảo vệ dữ liệu theo quyền riêng tư trong các Hiệp ước Nhân quyền). Danh mục quyền tự do cơ bản được ghi nhận trong các Hiệp ước đa phương đã cung cấp phần lớn cơ sở quy phạm chính thức cho luật và chính sách về bảo vệ dữ liệu. Điều này được công nhận rõ ràng trong nhiều luật bảo vệ dữ liệu. Tác giả đã nêu nổi bật được mục tiêu chính của Công ước 2 của Hội đồng Châu Âu (COE) về bảo vệ dữ liệu là “bảo đảm ... cho mọi cá nhân ... tôn trọng các quyền và tự do cơ bản của họ, và đặc biệt là quyền riêng tư của họ ...” (Điều 1). Theo đó, trọng tâm của bài báo này là hướng tới phạm vi pháp lý của các điều khoản công bố một quyền như vậy. Hai điều khoản được xem xét chi tiết: Điều 17 của ICCPR và Điều 8 ECHR. Bài viết nhấn mạnh, vấn đề này đặc biệt quan trọng đối với công dân ở các quốc gia (i) thiếu luật bảo vệ dữ liệu trong nước, (ii) không bị ràng buộc về mặt pháp lý hoặc chính trị để đưa ra các luật đó theo một công cụ quốc tế liên quan cụ thể đến bảo vệ dữ liệu, nhưng (iii) là bên tham gia cho ICCPR và hoặc ECHR.

Cao Jingchun (2015), “Protecting the Right to Privacy in China”, *Victoria University of Wellington Law Review*, No.645. (Dịch: Bảo vệ Quyền riêng tư ở Trung Quốc). Bài báo này đề xuất Chính phủ Trung Quốc nên thiết lập hệ thống bảo vệ pháp lý đối với quyền riêng tư cá nhân ở Trung Quốc. Đầu tiên, công trình giới thiệu ngắn gọn về lịch sử của khái niệm quyền riêng tư ở Trung Quốc. Dựa trên định nghĩa về quyền riêng tư ở thế giới phương Tây, khái niệm hiện đại về quyền

riêng tư đã được các học giả Trung Quốc tiếp thu và định nghĩa theo các chuẩn mực của Trung Quốc. Trong quá trình này, các chủ thể và đối tượng của quyền riêng tư đã được chọn và sự phân biệt giữa quyền riêng tư, quyền danh tiếng và quyền được biết đã được nêu rõ. Tác giả cho rằng điều quan trọng nhất là thừa nhận quyền riêng tư là một quyền độc lập cả trong Hiến pháp và Bộ luật Dân sự.

Hunter. Nan (1999), “Contemporary Challenges to Privacy Rights”, *New York Law School Law Review*, Vol. 43, No.1. (Dịch: Thách thức đương đại đối với quyền riêng tư). Quyền riêng tư là một chủ đề rất lớn, và đặc biệt, những thách thức hiện tại mà chúng ta phải đối mặt, thật không may, lại có phạm vi rất rộng. Từ đó, tác giả đã khái quát quyền riêng tư như sau: Thứ nhất, về lý thuyết, bản chất của quyền riêng tư là cực kỳ sâu rộng. Justice Brandeis nói điều đó hay nhất khi ông nói rằng đó là “quyền toàn diện nhất”, cụ thể là “quyền được để một mình”. Theo các thuật ngữ đó, Brandeis đã nắm bắt rất rõ khái niệm thống nhất năng lực bao gồm tất cả các khía cạnh riêng biệt khác nhau của các quyền đa dạng mà chúng đã gắn nhãn là “quyền riêng tư” và đôi khi có vẻ khá khác biệt. Thứ hai, quyền riêng tư bao gồm quyền tự chủ, quyền không bị khám xét và thu giữ không chính đáng hoặc không có căn cứ; quyền duy trì quyền kiểm soát; và quyền được toàn vẹn thân thể. Các khía cạnh đa dạng này của quyền riêng tư đều có điểm chung mà Justice Brandeis đã xác định là “quyền được để một mình”.

Krisana Kitiyadisai (2005), “Privacy Rights and Protection: Foreign Values in Modern Thai Context”, *Ethics and Information Technology*. (Dịch: Quyền riêng tư và sự bảo vệ: Những giá trị nước ngoài trong bối cảnh Thái Lan hiện đại). Tác giả khái niệm về quyền riêng tư là một quyền cơ bản và phải được pháp luật bảo vệ là một khái niệm mới được áp dụng gần đây ở Thái Lan, vì việc bảo vệ quyền con người chỉ được Công nhận hợp pháp bởi Đạo luật Nhân quyền Quốc gia năm 1999. Tuy nhiên, sức mạnh của văn hóa truyền thống Thái Lan có nghĩa là nhận thức của quần chúng về khái niệm quyền riêng tư vẫn còn khan hiếm. Ngoài ra, tác giả cũng giải thích quan điểm văn hóa Thái Lan về quyền này và thảo luận những tác động của Phật giáo đối với quyền riêng tư, bao gồm tác động của toàn cầu hóa và ảnh hưởng của các giá trị phương Tây đối với sự phát triển chính trị và luật pháp của đất nước.

Rabi Mahmmud Najeeb Alamuor (2018), “Right to Privacy in Law (Sanctity of Private Life)”, *Journal of Law, Policy and Globalization*. (Dịch: Quyền Riêng tư trong Luật (Sự bất khả xâm phạm của đời sống riêng tư)). Bài viết nhấn mạnh, quyền

về đời tư là một quyền cơ bản được quy định trong các công ước quốc tế, Hiến pháp và tư pháp quốc tế; tuy nhiên, trên thực tế vẫn chưa có sự thống nhất trong luật học về định nghĩa của nó do tính linh hoạt của ý tưởng về cuộc sống riêng tư và sự phát triển của nó từ xã hội này sang xã hội khác và theo thời gian. Căn cứ vào mức độ phát triển và tiến bộ của xã hội, các vấn đề về đạo đức và theo hoàn cảnh của mỗi cá nhân trong xã hội, độ tuổi, địa vị xã hội, trình độ văn hóa, học vấn và văn hóa. Luật học Pháp đã cố gắng xác định quyền riêng tư theo cách cho phép cơ quan tư pháp áp dụng quyền đó, và các ý kiến khác nhau trong lĩnh vực này là một số học thuyết có thể được tóm tắt theo hai hướng. Đây là một định nghĩa tích cực về quyền riêng tư, trong đó quyền riêng tư được hiểu như quyền của một người tồn tại mà không bị can thiệp hoặc gây gián đoạn vào các khía cạnh cá nhân của họ. Điều này bao gồm quyền sống mà không bị xâm nhập hoặc quấy rối, cũng như quyền được bảo vệ khỏi sự tò mò.

1.1.1.2. Tình hình nghiên cứu về thực trạng bảo vệ quyền riêng tư cá nhân

Về mặt thực tế, bảo vệ quyền riêng tư cá nhân ở một số quốc gia được thể hiện qua những công trình nghiên cứu, các bài báo, phân tích chuyên sâu, điển hình như:

- *Sách tham khảo, chuyên khảo*

Tamane (2017), *Privacy and Security Policies in Big Data*, IGI Global. (Dịch: Những chính sách quyền riêng tư và an ninh trong dữ liệu lớn). Khi công nghệ kỹ thuật số trở nên phổ biến hơn trong cuộc sống hàng ngày và Internet được sử dụng ngày càng nhiều bởi cả các tổ chức tư nhân và nhà nước, mối quan tâm về các mối đe dọa kỹ thuật số trở nên phổ biến hơn. Nắm bắt được điều đó, tác giả đã tập trung vào khai thác và cung cấp quyền riêng tư cho dữ liệu cá nhân. Nó cũng đề xuất các kỹ thuật khai thác tập hợp mục thường xuyên quyền riêng tư bằng cách sử dụng bản đồ giảm thiểu việc khai thác riêng tư các tập dữ liệu lớn. Tác giả đã thảo luận những thách thức khác nhau để bảo vệ quyền riêng tư về dữ liệu trong không gian dữ liệu lớn và các kỹ thuật để phục vụ trước quyền riêng tư về dữ liệu và các ứng dụng của chúng đối với dữ liệu phi cấu trúc. Các phân tích về kết quả thử nghiệm trên các tập dữ liệu có cấu trúc và phi cấu trúc cũng được trình bày.

- *Bài viết trên tạp chí*

Chassen Palmer (2019), “Celebrity Privacy: How France Solves Privacy Problems Celebrities Face in the United States”, *California Western International Law Journal*, No.245. (Dịch: Quyền riêng tư của người nổi tiếng: Pháp giải quyết

những vấn đề quyền riêng tư của người nổi tiếng ở Hoa Kỳ như thế nào). Mặc dù quyền riêng tư được xem là quyền cơ bản ở Hoa Kỳ, nhưng quyền tự do báo chí đã hủy bỏ hầu hết các biện pháp bảo vệ quyền riêng tư cho các nhân vật công chúng. Bài viết đã cho thấy được những thực tế rằng: các nhân vật công chúng cảm thấy ảnh hưởng của việc thiếu an toàn và riêng tư khi họ bị quấy rối bởi các tay săn ảnh hung hãn, những kẻ theo dõi và tội phạm lợi dụng địa chỉ nhà bị rò rỉ và lịch trình làm việc của họ. Trong khi các nhân vật công chúng ở Hoa Kỳ không có biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn các hành vi xâm phạm quyền riêng tư và có rất ít quyền truy tố trước Tòa án, các quốc gia khác đã giải quyết một cách hiệu quả các biện pháp ngăn chặn như vậy. Cuối cùng, tác giả kết luận rằng trong khi thực hiện luật bảo mật của Pháp tại Hoa Kỳ sẽ là một bước tiến nhằm bảo vệ quyền riêng tư của các nhân vật công chúng, việc áp đặt các hình phạt tiền và trừng phạt hình sự nhằm giảm thiểu hiệu quả các vi phạm luật về quyền riêng tư.

Institute of Medicine (2000), “Protecting Data Privacy in Health Services Research - Committee on the Role of Institutional Review Boards in Health Services Research Data Privacy Protection, Division of Health Care Services”, *National Academies Press*. (Dịch: Bảo vệ quyền riêng tư dữ liệu trong nghiên cứu dịch vụ y tế - Ủy ban về vai trò của hội đồng đánh giá thể chế trong bảo vệ quyền riêng tư dữ liệu nghiên cứu dịch vụ y tế, bộ phận dịch vụ chăm sóc sức khỏe). Nghiên cứu về các dịch vụ y tế (HSR) nêu lên một số hy vọng lớn nhất và nỗi sợ hãi lớn nhất đối với việc thu thập và phân tích thông tin sức khỏe cá nhân được vi tính hóa. Mỗi quan tâm về việc duy trì tính bảo mật của thông tin y tế là đặc biệt quan trọng vì người bệnh tiết lộ thông tin nhạy cảm cho bác sĩ mà họ không được nói với người thân và bạn bè thân thiết, chẳng hạn như thông tin về sức khỏe tâm thần, lạm dụng rượu và chất kích thích và thực hành tình dục. Tính bảo mật của thông tin y tế được sử dụng trong HSR là đặc biệt quan trọng vì thông tin về nhiều cá nhân có thể được phân tích bởi các nhà nghiên cứu mà họ không biết hoặc không được sự đồng ý của họ. Do đó, tác giả nhận định để một HSR quan trọng được tiến hành, điều quan trọng là quyền riêng tư và bí mật của các đối tượng phải được bảo vệ thích hợp.

Judith Rauhofer (2008), “Privacy is dead, get over it! Information privacy and the dream of a risk-free society”, *Journal Information & Communications Technology Law*. (Dịch: Quyền riêng tư đã chết, phải vượt qua! Quyền riêng tư thông tin và giấc mơ về một xã hội không rủi ro). Trong bài viết này, tác giả nhận

xét rằng việc sử dụng công nghệ thông tin, truyền thông và số hóa các công việc hàng ngày đã dẫn đến một sự thay đổi mô hình trong đó lượng lớn thông tin cá nhân về các ý kiến và thói quen của họ được tạo ra, lưu trữ trong cơ sở dữ liệu của những người cung cấp dịch vụ trực tuyến. Sự tồn tại đơn thuần của các nhóm dữ liệu đó đã tạo ra những mong muốn bất thiện ở cả các tổ chức tư nhân và công cộng nhằm che giấu dữ liệu đó cho mục đích riêng của họ. Ngoài ra, tác giả đã phân tích mối liên hệ giữa nhận thức rủi ro, xử lý dữ liệu và các khái niệm cá nhân về quyền riêng tư cũng như các mối nguy hiểm mà việc gia tăng xâm phạm quyền riêng tư thể hiện mối quan hệ giữa cá nhân với nhà nước và mối quan hệ giữa các công dân.

Moore. Adam D (2007), “Toward Informational Privacy Rights”, *San Diego Law Review*, Vol.44, No.4. (Dịch: Hướng tới quyền riêng tư thông tin). Những tiến bộ trong công nghệ thông tin hứa hẹn sẽ làm cho cuộc sống của chúng ta trở nên minh bạch. Các tập đoàn lớn và nhỏ tham gia vào các hoạt động khai thác dữ liệu để thu thập một lượng lớn thông tin. Phần lớn thông tin được khai thác này là về các hoạt động hàng ngày của chúng ta - những gì đã được mua, ở đâu và với giá bao nhiêu. Các hộp thư và tài khoản e-mail (thư điện tử) của chúng ta sau đó chứa đầy vô số quảng cáo và lời mời. Những người ủng hộ quyền riêng tư thông tin phản đối một hệ thống thúc đẩy dòng thông tin cá nhân tự do, ít nhiều bị thúc đẩy bởi các cân nhắc kinh tế và lợi ích an ninh quốc gia. Nhiều người ủng hộ quyền riêng tư đã hoan nghênh các quy định pháp lý của Liên minh Châu Âu liên quan đến việc lưu trữ và chuyển dữ liệu cá nhân. Và trong khi Hoa Kỳ bảo vệ quyền riêng tư về thông tin, có thể cho rằng các biện pháp bảo vệ này khá yếu hoặc ít nhất là không mạnh bằng Chỉ thị về quyền riêng tư của Châu Âu. Trong bài báo này, tác giả đưa ra một số lập luận ủng hộ quan điểm rằng các cá nhân có tuyên bố đạo đức để kiểm soát thông tin cá nhân và tác giả đề xuất thực hiện các bước quan trọng để đạt được quyền riêng tư chung.

1.1.1.3. Tình hình nghiên cứu về các giải pháp để bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân

Bên cạnh việc phân tích, các công trình luôn cố gắng đưa ra nhiều mô hình, giải pháp để khắc phục thực trạng xâm phạm quyền riêng tư, những đề xuất mang tính giá trị cao mà tác giả nhận thấy cần được tham khảo, có thể kể đến:

- *Sách tham khảo, chuyên khảo*

Alan Charles Raul (2019), *The Privacy, Data Protection and Cybersecurity Law Review*, Law Business Research. (Dịch: Tổng quan Luật quyền riêng tư, bảo vệ

dữ liệu và an ninh mạng). Trong cuốn sách này, tác giả phân tích quy định chung về GDPR. Tác giả nhấn mạnh rằng vào tháng 3 năm 2019, Ban bảo vệ về dữ liệu Châu Âu (European Data Protection Board - EDPB) đã công bố tổng quan đầu tiên về việc triển khai GDPR. Phần tổng quan cung cấp số liệu thống kê về cơ chế nhất quán, cơ chế hợp tác và việc thực thi theo GDPR. Mặc dù GDPR đưa ra các tiêu chuẩn và nguyên tắc bảo vệ dữ liệu hài hòa, nhưng GDPR cho phép các quốc gia thành viên EU duy trì hoặc đưa ra các điều khoản quốc gia để cụ thể hóa việc áp dụng GDPR trong luật quốc gia thành viên.

Graham Greenleaf (2014), *Asian Data Privacy Laws: Trade & Human Rights Perspectives*, Oxford University Press. (Dịch: Các Luật quyền riêng tư dữ liệu ở Châu Á: Quan điểm về thương mại và nhân quyền). Trong cuốn sách này, tác giả nhấn mạnh rằng, mặc dù quyền riêng tư dữ liệu, hay còn gọi là bảo vệ dữ liệu như được gọi ở những nơi khác, đã có hơn hai thập kỷ lịch sử ở Châu Á, nhưng chỉ trong vài năm gần đây, đã có những bước phát triển đáng kể ở hơn một số khu vực pháp lý. Bên cạnh đó, tác giả nhấn mạnh rằng khái niệm “bảo vệ dữ liệu” (hay “bảo mật dữ liệu”) hiện được định nghĩa tương đối rõ ràng như một tập hợp “dữ liệu các nguyên tắc bảo vệ”, bao gồm một tập hợp các nguyên tắc tối thiểu được quốc tế chấp nhận cộng với các nguyên tắc bổ sung được phát triển liên tục thông qua luật quốc gia và các hiệp định quốc tế. Tác giả trấn trở, “quyền riêng tư” cũng bao gồm các khía cạnh của quyền riêng tư thực tế không phải là một phần của quyền riêng tư về dữ liệu. Ngoài ra, luật "bảo mật dữ liệu" chỉ áp dụng cho việc xử lý dữ liệu xảy ra bên ngoài lĩnh vực gia đình và cá nhân, trong khi “bảo vệ quyền riêng tư” không bị hạn chế như vậy. Cho dù khái niệm bảo vệ dữ liệu là một tập hợp con của một khái niệm rộng hơn về “quyền riêng tư”, hay liệu hai khái niệm có chồng chéo hay không, thì cũng cần làm rõ.

Hao Wang (2011), *Protecting Privacy in China - A Research on China's Privacy Standards and the Possibility of Establishing the Right to Privacy and the Information Privacy Protection Legislation in Modern China*, Springer-Verlag Berlin Heidelberg. (Dịch: Bảo vệ quyền riêng tư ở Trung Quốc - Nghiên cứu về tiêu chuẩn quyền riêng tư của Trung Quốc và khả năng thiết lập quyền riêng tư cùng với Luật bảo vệ quyền riêng tư thông tin ở Trung Quốc hiện đại). Mục đích chính của cuốn sách này là xem xét cách thức bảo vệ quyền riêng tư ở Trung Quốc một cách hiệu quả. Do đó, cuốn sách xem xét các tiêu chuẩn về quyền riêng tư trong cả xã hội

Trung Quốc truyền thống và hiện đại. Hơn nữa, để xem xét Trung Quốc bảo vệ quyền riêng tư cá nhân như thế nào, cuốn sách này cũng liên quan đến việc nghiên cứu kinh nghiệm của các nước phát triển khác. Điều này là do, so với những biện pháp bảo vệ quyền riêng tư tại Trung Quốc, mức độ bảo vệ quyền riêng tư cao ở một vài quốc gia phát triển phương Tây. Một số tiến bộ thực sự đã không được phản ánh trong luật pháp Trung Quốc, chẳng hạn như việc bảo vệ hiệu quả các lợi ích riêng tư thông qua các hoạt động xử lý thông tin. Dựa trên các truyền thống của Trung Quốc và các nguyên tắc bảo vệ quyền riêng tư cá nhân ở các quốc gia khác, tác giả nhận thấy rằng hai điều kiện tiên quyết của việc bảo vệ quyền riêng tư là cần thiết.

Linnette Attai (2019), *Protecting Student Data Privacy - Classroom Fundamentals*, Rowman & Littlefield. (Dịch: Bảo vệ quyền riêng tư dữ liệu học sinh - kiến thức cơ bản trong lớp học). Tác giả đã cung cấp sự thật là việc bảo vệ quyền riêng tư về dữ liệu học sinh là một phần của trách nhiệm chăm sóc cơ bản mà giáo viên dành cho học sinh của mình. Do đó, việc tìm hiểu những gì cần thiết để cung cấp dịch vụ chăm sóc đó là cần thiết và quan trọng. Bằng cách tham gia vào quá trình học tập này, giáo viên sẽ không chỉ hiểu cách bảo vệ dữ liệu của học sinh tốt hơn mà còn của chính họ. Ngoài ra, giáo viên sẽ có vị trí tốt hơn nhiều để chuẩn bị cho học sinh của mình vào cuộc sống trong thời đại hiện đại, truyền cho học sinh ý thức rằng không chỉ quyền riêng tư cá nhân quan trọng mà học sinh có thể đưa ra quyết định có ý thức về cách họ quản lý, quyết định thông tin, chia sẻ với thế giới trong tương lai. Ngoài ra, tác giả chỉ ra rằng các tổ chức giáo dục đã cố gắng bắt kịp các yêu cầu về quyền riêng tư, bảo mật và đã đạt được tiến bộ vượt bậc trong các chương trình bảo vệ dữ liệu mạnh mẽ.

Marcin Betkier (2019), *Privacy Online, Law and The Effective Regulation of Online Services*, Intersentia. (Dịch: Quyền riêng tư trực tuyến, luật và quy định hiệu quả về dịch vụ trực tuyến). Tác giả vẽ ra bối cảnh hiện tại của một cuộc cách mạng công nghệ thông tin đang làm biến đổi nhiều khía cạnh của xã hội và nền kinh tế. Các nhà cung cấp dịch vụ trực tuyến chủ yếu dựa vào sự đồng ý đó như một sự biện minh và cơ sở pháp lý cho việc thu thập và sử dụng dữ liệu cá nhân. Họ nói rằng họ cần những dữ liệu đó để cung cấp các dịch vụ “miễn phí”, được cá nhân hóa cho những người dùng sẵn sàng. Các luật bảo mật dữ liệu hiện có, bao gồm luật mới nhất - Quy định chung về bảo vệ dữ liệu của Châu Âu (GDPR) - cũng tiếp tục tập trung vào sự đồng ý như một công cụ chính để ủy quyền cá nhân. Nhưng các cá

nhân không thực sự có một lựa chọn; tất cả những gì họ có là lựa chọn “tất cả hoặc không có gì” giữa việc hưởng lợi từ công nghệ kỹ thuật số hiện đại và giữ cho dữ liệu cá nhân của họ tránh khỏi sự giám sát sâu rộng của công ty. Trong cuốn sách này, tác giả đã phân tích các chi tiết kinh tế và kỹ thuật của các dịch vụ trực tuyến và lập kế hoạch đưa ra các quy định bằng một bộ công cụ kinh tế, kiến trúc và pháp lý cụ thể. Đầu tiên, xác định lại mối quan tâm về quyền riêng tư đối với dữ liệu cá nhân là quản lý của một quy trình riêng tư. Thứ hai, trình bày một mô hình lý thuyết để quản lý các quy trình bảo mật - mô hình Quản lý quyền riêng tư (PMM). Ba chức năng cốt lõi của PMM - tổ chức, lập kế hoạch và kiểm soát - mô tả các yếu tố cần thiết để các chủ thể dữ liệu có sự lựa chọn tự chủ đối với các quy trình bảo mật của họ. Thứ ba, tác giả phát triển một mô hình kinh doanh nhận thức về quyền riêng tư hoàn toàn mới dựa trên các bên thứ ba đáng tin cậy: Quản trị viên Thông tin Cá nhân (PIA). Thứ tư, các luật về quyền riêng tư được đề xuất khắc phục những thiếu sót của mô hình phổ biến (chủ yếu) về các nguyên tắc bảo mật theo thủ tục. Nhiều người dùng trong số đó không tham gia vào các hoạt động vi phạm quyền riêng tư, nhưng thường cần đáp ứng các yêu cầu quá nghiêm ngặt của luật hiện hành.

Surjit Singh, Anca Delia Jurcut (2021), *Revolutionary Applications of Blockchain-Enabled Privacy and Access Control*, IGI Global. (Dịch: Ứng dụng Cách mạng của chuỗi khối trong quyền riêng tư và kiểm soát truy cập). Trong cuốn sách này, tác giả nhấn mạnh công nghệ chuỗi khối (Blockchain) là một chủ đề mới nổi do khả năng cung cấp khả năng lưu trữ thông tin phi tập trung, tính minh bạch, tính bất biến và thiết lập niềm tin trong một hệ thống mạng mở. Dự kiến, các ứng dụng sử dụng Blockchain trong việc bảo mật dữ liệu sẽ sớm thay thế các công nghệ hiện có cung cấp khả năng lưu trữ tập trung. Có triển vọng ứng dụng công nghệ Blockchain trong nhiều ngành bao gồm tiền kỹ thuật số, Internet vạn vật (IoT), chăm sóc sức khỏe, quản lý chuỗi cung ứng, ngân hàng, bán lẻ, bảo hiểm, hậu cần và các lĩnh vực công cộng. Trên thực tế, việc quản lý, kiểm soát truy cập, lưu thông tin và chia sẻ bất kỳ dữ liệu nào có giá trị cao đều nên sử dụng Blockchain.

- *Bài viết trên tạp chí*

Abraham L. Newman (2018), “Protectors of privacy – Regulating personal data in the Global Economy”, *Cornell University Press*. (Dịch: Người bảo vệ quyền riêng tư - Quy định về dữ liệu cá nhân trong nền kinh tế toàn cầu). Bởi vì mạng dữ liệu kỹ thuật số tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền nhanh chóng thông tin cá nhân qua các ranh

giới pháp lý, do cách tiếp cận đa dạng đối với quyền riêng tư dữ liệu đã khiến các quốc gia xung đột với nhau. Bài viết đã cho thấy rõ bối cảnh tranh chấp về các quy định về quyền riêng tư dữ liệu đã làm chao đảo các mối quan hệ thương mại và làm dấy lên những lo ngại mới về an ninh, tạo ra cơ hội quan trọng cho vai trò đang phát triển của Châu Âu trong việc định hình các quy tắc của nền kinh tế toàn cầu. Trước sự phản kháng gay gắt của ngành công nghiệp quốc tế, các quy định kiểu EU vẫn nhanh chóng lan rộng khắp thế giới công nghiệp, với hầu hết các thành viên của tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (The Organisation for Economic Co-operation and Development - OECD) - Hoa Kỳ là quốc gia ngoại lệ chính áp dụng các quy tắc tương tự để bảo vệ quyền riêng tư hoặc có luật đang chờ xử lý trong cơ quan lập pháp của họ. Mặc dù các cơ cấu hành chính khác nhau, hơn bốn mươi quốc gia đã áp dụng một số hình thức quy định toàn diện, bao gồm các quốc gia lâu nay vẫn duy trì các quy định hạn chế hơn như Úc, Canada và Nhật Bản. Và thậm chí Hoa Kỳ đã ký một thỏa thuận quốc tế yêu cầu các công ty Hoa Kỳ hoạt động tại các thị trường Châu Âu phải tuân thủ các quy tắc của Châu Âu. Tác giả đã đưa ra những trình bày và phân tích về cách tiếp cận và bảo vệ quyền riêng tư ở những quốc gia này.

Gina L. Genova (2009), “No Place to Play: Current Employee Privacy Rights in Social Networking Sites”, *SAGE journals*. (Dịch: Không còn chỗ để chơi: Các quyền riêng tư hiện tại của nhân viên trên các trang mạng xã hội). Bài viết này, tác giả phân tích các vấn đề trong việc giám sát việc sử dụng Internet tại nơi làm việc, để giảm thiểu sự tiếp xúc với pháp luật, tăng tính linh hoạt và tránh mất thông tin độc quyền. Trong môi trường làm việc được xem xét kỹ lưỡng, không có gì lạ khi nhân viên khao khát một nơi để thư giãn và chơi điện tử sau giờ làm việc. Với số lượng chưa từng có, công nhân Mỹ đang truy cập các trang mạng xã hội trực tuyến (*Online Social Network - OSN*) và đăng những mẫu tin có thể không được chủ lao động coi là công việc phù hợp. Qua đó, tác giả kết luận rằng người sử dụng lao động được khuyên nên thiết lập các chính sách OSN toàn diện để bảo vệ lợi ích kinh doanh, mang lại cho nhân viên quyền tự do cá nhân và cho phép sử dụng OSN cho sự phát triển của cả hai bên.

Leonardo Estevam de Assis Zanini (2018), “The Protection of the Image and Privacy in France”, *Revista de Derecho Privado*, No.157. (Dịch: Bảo vệ hình ảnh và quyền riêng tư ở Pháp). Bài viết này phân tích sự xuất hiện và phát triển của việc bảo vệ hình ảnh và quyền riêng tư ở Pháp. Bài viết nhấn mạnh rằng ban đầu, việc

bảo vệ các quyền này chỉ là công việc của Tòa án, điều này đã tạo ra các quy tắc áp dụng cho các trường hợp cụ thể. Các Tòa án đã sử dụng điều khoản chung về trách nhiệm dân sự vì không có học thuyết phát triển nào về quyền nhân cách. Sau đó, vấn đề này cũng bắt đầu trở thành đối tượng nghiên cứu của các nhà chính trị học Pháp. Không giống như Đức, quốc gia đã ban hành sự bảo hộ từ rất sớm, Pháp chỉ quy định những quyền này khi ban hành Luật 70-643, ngày 17 tháng 7 năm 1970, trong đó đưa quyền riêng tư vào Điều 9 Bộ luật Dân sự Pháp. Quy chuẩn này củng cố việc bảo vệ nhân cách, nhưng vẫn còn phải xem liệu có sự cải thiện trong việc bảo vệ hình ảnh ở Pháp hay không.

Ryan Henry (2018), Amir Herzberg, Aniket Kate, “Blockchain Access Privacy: Challenges and Directions”, *IEEE Computer and Reliability Societies*. (Dịch: Quyền riêng tư trong truy cập chuỗi khối: thách thức và định hướng). Trong bài báo này, nhóm tác giả nỗ lực giải quyết các tình huống trong việc sử dụng Blockchain để bảo vệ quyền riêng tư trong các giao dịch. Ngoài ra, nhóm tác giả nhấn mạnh các cộng đồng nghiên cứu về mật mã và quyền riêng tư đã đề xuất và triển khai một số giao thức nhằm cải thiện quyền riêng tư của Blockchain. Tất cả các giao thức này đều cố gắng tách biệt danh tính giả của người dùng khỏi các giao dịch cụ thể mà họ thực hiện, do đó làm nản lòng những nỗ lực liên kết các bên giao dịch dựa trên dữ liệu xuất hiện trong Blockchain. Tuy nhiên, không có giao thức nào được đưa ra cố gắng che giấu danh tính của người dùng khỏi các đối thủ cấp mạng khi người dùng xuất bản hoặc truy xuất dữ liệu từ Blockchain. Thay vào đó, các giao thức được đề xuất “thuê ngoài” bước quan trọng này, dựa vào mạng truyền thông ẩn danh bên ngoài như Tor (<https://www.torproject.org>). Tuy nhiên, việc chạy các giao thức phức tạp trên các mạng ẩn danh có mục đích chung, độ trễ thấp như Tor tiềm ẩn nhiều rủi ro và có thể khiến người dùng gặp phải các cuộc tấn công vô hiệu hóa tinh vi nhưng chưa tàn phá, do đó làm suy yếu các đảm bảo quyền riêng tư của toàn bộ hệ thống 2008.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam

1.1.2.1. Tình hình nghiên cứu lý luận về bảo vệ quyền về đời sống riêng tư ở Việt Nam

Thứ nhất, bàn về khái niệm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, một số công trình nghiên cứu ở Việt Nam cũng có những sự đề cập, phân tích dưới nhiều góc độ, trong đó kể đến:

• *Luận án, luận văn, khoá luận*

Nguyễn Thị Hoà (2020), *Quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư trong pháp luật Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học quốc gia Hà Nội – Khoa luật. Trong luận văn này, tác giả đã phân tích các đặc điểm của quyền bất khả xâm phạm đời sống riêng tư: thứ nhất, quyền bất khả xâm phạm đời sống riêng tư luôn thuộc về một cá nhân cụ thể (thể nhân), không thuộc về nhóm hay tổ chức (pháp nhân); thứ hai, chủ thể được bảo hộ quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư là mọi cá nhân; thứ ba, quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư rất quan trọng song không phải là quyền tuyệt đối; thứ tư, quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư của mỗi cá nhân được ghi nhận và bảo vệ vô thời hạn, ngay cả khi cá nhân đó đã chết; thứ năm, quyền bất khả xâm phạm đời sống riêng tư có sự gắn bó mật thiết với các quyền khác như: tự do ngôn luận và biểu đạt; quyền tự do hiệp hội và hội họp. Tác giả cũng nhấn mạnh rằng, quyền này được ghi nhận rải rác trong rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật nên thiếu tập trung, giá trị pháp lý không đồng đều, gây khó khăn cho việc hiểu, tra cứu, viện dẫn, tiếp cận và thi hành. Nội dung các quy định pháp luật về quyền này vẫn còn khá chung chung, chưa có một định nghĩa cụ thể về thế nào là “đời sống riêng tư”, và chưa được tiếp cận dưới góc độ về quyền con người. Bên cạnh đó, các chế tài xử lý những hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm đời sống riêng tư thiếu và chưa phù hợp.

Trương Thị Hương Mai (2019), *Quyền về sự riêng tư trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam*, Khóa luận tốt nghiệp đại học, Ngành: Luật học, Hà Nội. Trong công trình này, tác giả tập trung phân tích các vấn đề lý luận cơ bản về quyền về sự riêng tư; Khung pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền về sự riêng tư; phân tích các nguyên nhân và giải pháp tăng cường bảo vệ quyền về sự riêng tư ở Việt Nam. Các quy định của pháp luật Việt Nam về quyền riêng tư khá phù hợp, tương thích theo hệ thống pháp luật quốc tế. Tác giả cũng nhấn mạnh, trong thực tế, các hành vi xâm phạm quyền về sự riêng tư vẫn xảy ra khá phổ biến ở nước ta do nhiều nguyên nhân. Vì vậy, để tăng cường bảo đảm quyền này, cần áp dụng đồng thời nhiều giải pháp, trong đó bao gồm việc hoàn thiện khung khổ pháp luật, giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức và xây dựng cơ chế phát hiện, xử lý nghiêm minh và kịp thời những vi phạm. Có như vậy mới có thể bảo vệ quyền về sự riêng tư một cách bền vững, hiệu quả.

- *Sách tham khảo, chuyên khảo*

Đỗ Văn Đại (2016), *Bình luận khoa học – Những điểm mới của Bộ luật dân sự năm 2015*, NXB. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam. Sách là tài liệu chuyên khảo bình luận những điểm mới mà BLDS 2015 quy định, trong đó tác giả bình luận nội dung quyền về bí mật đời tư, khái niệm như thế nào được xem quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, cũng như phạm vi nó ra sao là vấn đề gây “lúng túng”, dẫn đến “nhiều cách hiểu khác nhau”. Tác giả cũng đưa ra quan điểm của mình là cần thiết có sự thống nhất về khái niệm, phạm vi này để đảm bảo công cuộc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tại Việt Nam được thực thi có hiệu quả trên thực tế. Qua đó, tác giả tham khảo được nguồn quan điểm đáng giá, hình thành nên quá trình nghiên cứu khái niệm quyền riêng tư và so sánh với nội hàm “quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình” trong BLDS Việt Nam.

- *Bài viết trên tạp chí*

Nguyễn Đăng Dung, Nguyễn Đăng Duy (2017), “Quyền riêng tư trên thế giới và ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Luật học*, Tập 33, số 3. Trong bài viết này, tác giả khái quát sự xuất hiện quyền riêng tư và sự phát triển nội hàm của nó từ quyền bất khả xâm phạm nhà ở, nơi cư trú; Quyền riêng tư trong công pháp quốc tế; Quyền riêng tư trong pháp luật Việt Nam. Tác giả cũng nhấn mạnh, Việt Nam là thành viên của nhiều Công ước quốc tế về nhân quyền, Việt Nam không chỉ ghi nhận mà còn tìm nhiều biện pháp khác nhau để bảo vệ quyền này trong một môi trường kinh tế chuyển đổi.

Nguyễn Ngọc Điện (2018), “Quyền được tiếp cận thông tin và quyền bất khả xâm phạm về cuộc sống riêng tư”, *Tạp chí Nghiên cứu và lập pháp*, số 15 (367). Trong bài viết này, tác giả đã đặt vấn đề về việc thừa nhận cả quyền tiếp cận thông tin và quyền được tôn trọng đối với cuộc sống riêng tư trên bình diện quan hệ công tât yếu dẫn đến sự xung đột giữa hai quyền này. Luật phải được xây dựng như thế nào để một mặt, đáp ứng nhu cầu của chủ thể trong việc nắm bắt thông tin liên quan đến một tư nhân và mặt khác, đảm bảo quyền của chủ thể tư nhân về việc giữ cho mình một cuộc sống riêng tư, không bị quấy nhiễu bởi sự tò mò của người khác. Tác giả đưa ra quan điểm của mình đối với các thông tin được tiếp cận có điều kiện, các quan hệ giao tiếp trong khuôn khổ đời sống gia đình, không gian riêng tư, các

mối quan hệ xã hội riêng tư. Thông qua những nội dung này, tác giả đã đặt những nền tảng cơ bản trong việc xác định những giới hạn của cuộc sống riêng tư.

Lê Thị Giang (2018), “Quyền riêng tư đối với thông tin cá nhân”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 17. Tác giả đưa ra khái niệm, đặc điểm về thông tin cá nhân, quyền riêng tư và giới hạn của quyền riêng tư đối với thông tin cá nhân và nêu ra những giải pháp nhằm bảo vệ quyền riêng tư cá nhân đối với thông tin như phải xác định được phạm vi thông tin của cá nhân, quy định thống nhất giữa BLDS 2015 và Luật tiếp cận thông tin 2016. Thông qua bài viết, tác giả đã gợi mở những vấn đề trong việc xác định phạm vi của việc bảo vệ quyền riêng tư đối với thông tin cá nhân.

Đặng Thị Hà – Bùi Thị Thuận Ánh (2020), “Bảo vệ quyền riêng tư của người chết trong thời đại công nghệ số”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 4 (337). Tác giả đưa ra khái niệm về quyền riêng tư, quyền riêng tư của người chết đang bị xâm phạm và tác giả cũng đặt ra vấn đề rằng: Việt Nam đang thiếu các quy định nhằm bảo vệ quyền riêng tư cá nhân sau khi họ qua đời và đưa ra một số kiến nghị như: cần xem xét bảo vệ quyền riêng tư của một người sau khi họ đã chết một cách riêng biệt và cụ thể, và nghiên cứu dữ liệu cá nhân như là một tài sản trong Bộ luật dân sự, cần có quy phạm pháp luật trong việc bảo vệ quyền riêng tư tách bạch giữa một người còn đang sống và một người đã chết.

Lê Thị Thúy Nga (2020), “Bảo vệ quyền đối với đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 3. Trong bài viết này, tác giả đã nêu lên cách hiểu thế nào là đời sống riêng tư cá nhân, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, tác giả cũng đưa ra những thực trạng xâm phạm quyền đối với đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong bối cảnh hiện nay và cho rằng các quy định pháp luật dân sự, trong đó, các quy định về quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình cũng chịu ảnh hưởng từ những tác động to lớn của cách mạng công nghiệp 4.0. Ngoài ra, tác giả đặt ra vấn đề việc xác định thiệt hại, mối quan hệ nhân quả trong vụ kiện đòi bồi thường thiệt hại do vi phạm nhóm quyền này.

Phùng Trung Tập (2019), “Cơ sở pháp lý bảo đảm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 7 (328). Tác giả đã phân tích thế nào là đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và nêu lên quan điểm của mình về các quyền này. Thêm vào đó, tác giả đã nêu ra vấn đề bảo vệ những thông tin này và khẳng định cơ chế pháp lý bảo vệ quyền về đời sống

riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình hiện nay ở Việt Nam đã thể hiện rõ quan điểm lập pháp về quyền con người.

Thứ hai, bàn về đặc điểm của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân có thể kể đến công trình nghiên cứu sau đây là nguồn tham khảo quan trọng:

Phùng Trung Tập (2019), “Bí mật cá nhân và nhu cầu bảo vệ thông tin bí mật của cá nhân”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 12. Điểm nổi bật của bài viết là tác giả đã phân tích các đặc điểm về thông tin bí mật của cá nhân, và những bất cập trong các quy định hiện hành về thông tin bí mật của cá nhân trong các văn bản pháp luật. Trên cơ sở đó, tác giả cho rằng nhu cầu xây dựng, hoàn thiện pháp luật về bảo vệ thông tin bí mật của cá nhân ở Việt Nam hiện nay là cấp thiết.

Thứ ba, đối với việc phân tích về lịch sử hình thành và phát triển của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, có thể kể đến công trình tiêu biểu:

- *Luận án, luận văn, khoá luận*

Lê Đình Nghị (2009), *Quyền bí mật đời tư theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội. Tác giả đã khái quát quá trình phát triển trong quy định của pháp luật Việt Nam về quyền bí mật đời tư, từ đó, tác giả đưa ra những nhận xét, phân tích các quy định về quyền bí mật đời tư trong từng bối cảnh xã hội cụ thể. Ngoài ra, tác giả đã đối chiếu và phân tích pháp luật một số nước trên thế giới và đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật quyền bí mật đời tư trong hệ thống các quyền nhân thân theo quy định của pháp luật Việt Nam. Mặc dù, tiếp cận của tác giả về quyền bí mật đời tư trong BLDS 2005 đã hết hiệu lực thi hành, nhưng đó là những bước nền tảng trong việc hoàn thiện các quy định liên quan đến quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình hiện nay.

- *Sách tham khảo, chuyên khảo*

Đỗ Thanh Trung – Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2013), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về quyền riêng tư ở Việt Nam hiện nay*, Triển khai thi hành chế định “quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân” trong Hiến pháp 2013, Kỷ yếu hội thảo, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh. Tác giả đã đưa ra những quy định của pháp luật quốc tế về quyền riêng tư, khái quát về quyền riêng tư trong lịch sử lập hiến Việt Nam, phân tích một số văn bản pháp lý chủ yếu bảo đảm quyền riêng tư ở Việt Nam. Ngoài ra, tác giả đã đưa ra một số vụ việc có nhiều ý kiến khác nhau về quyền riêng tư ở Việt Nam trong thời gian gần đây trong lĩnh vực thông tin, truyền

thông. Từ đó, tác giả đưa ra một số ý kiến về việc bảo vệ quyền tư ở Việt Nam như xem xét lại mối tương quan giữa phạm vi tự do báo chí, thông tin truyền thông và việc bảo vệ quyền riêng tư, việc bảo vệ quyền riêng tư không chỉ các văn bản pháp luật là đủ mà còn phụ thuộc vào năng lực, sự tích cực của ngành Tòa án.

• *Bài viết trên tạp chí*

Thái Thị Tuyết Dung (2012), “Quyền riêng tư trong thời đại công nghệ thông tin”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 9 (217). Trong bài viết này, tác giả đã khái quát về lịch sử phát triển của quyền riêng tư, nêu lên một số quan điểm về quyền riêng tư và tác giả nhấn mạnh: những vấn đề về quyền riêng tư ở Việt Nam cần được nghiên cứu đầy đủ để kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định pháp lý cần thiết để điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến quyền riêng tư theo đúng quy luật phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại. Thông qua bài viết, tác giả đã làm nổi bật thuật ngữ quyền riêng tư và những giá trị của quyền này trong thời đại công nghệ thông tin, mặc dù thuật ngữ quyền riêng tư chưa được ghi nhận trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam hiện hành.

Đỗ Hải Hà (2009), “Quyền riêng tư của người lao động”, *Tạp chí khoa học pháp lý*, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, số 3 (52). Tác giả sơ lược về sự riêng tư và quyền riêng tư, quyền riêng tư của người lao động trong pháp luật Việt Nam và tác giả cũng đã đưa ra một số khuyến nghị đối với người sử dụng lao động như đặt ra các quy định trong doanh nghiệp về việc thu thập, lưu trữ và sử dụng các thông tin cá nhân về người lao động, niêm yết các quy định liên quan đến quyền riêng tư, hoặc ít nhất là những điểm chính của quy định này tại những nơi mà mọi người lao động đều dễ dàng tiếp cận và các thiết bị giám sát, kiểm tra tại nơi làm việc hoặc thực hiện việc kiểm soát các phương tiện thông tin liên lạc tại nơi làm việc thì người sử dụng lao động nên thông báo các quy định đó rõ ràng cho người lao động.

Lê Văn Sua (2017), “Quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình”, *Tạp chí Luật sư Việt Nam*, số 61. Tác giả đã khái quát sơ lược về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình theo quy định của BLDS 2015, tác giả nêu lên quan điểm rằng: trong thời đại công nghệ số hóa phát triển, việc các thông tin cá nhân đưa lên mạng để sử dụng vào những mục đích khác nhau đã dần trở nên quen thuộc; tuy nhiên, những thông tin về bí mật gia đình, đời sống tình cảm riêng tư của cá nhân vẫn được đăng công khai và có thể dẫn đến tổn hại về tinh thần, danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân người đó. Ngoài ra, tác giả cho rằng việc biết những thông tin cá nhân của

mình có được pháp luật bảo vệ hay không, phạm vi thông tin cá nhân được bảo vệ như thế nào, mức độ bảo vệ ra sao... là điều hết sức quan trọng và cần thiết.

Vương Thanh Thúy (2019), “Về vấn đề bảo vệ quyền riêng tư”, *Tạp chí quản lý nhà nước*, số 283. Tác giả đã khái quát sơ lược về quyền riêng tư, đề cập đến các án lệ của một số nước về bảo vệ quyền riêng tư nhưng chưa nêu lên nội dung án lệ như thế nào, phân tích nội dung án lệ mà chỉ dừng lại ở mức độ đề cập. Tác giả khẳng định việc bảo vệ quyền riêng tư của cá nhân nói chung cần được quy định rõ ràng và đầy đủ hơn, đặc biệt là những trường hợp liên quan đến người nổi tiếng.

Thứ tư, bàn về việc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo quy định của một số quốc gia trên thế giới và những giá trị, kinh nghiệm có thể tham khảo cho Việt Nam, một số nhà khoa học, tác giả trong nước cũng có những sự phân tích nhất định, có thể kể đến:

Nguyễn Hoàng Anh (2019), “Tự do thông tin, quyền riêng tư, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trên mạng Internet theo pháp luật của Cộng hòa Pháp”, *Tạp chí Luật Học*, số đặc biệt “25 năm Tạp chí Luật học”. Trong bài viết này, tác giả đã làm nổi bật sự bảo vệ tuyệt đối với quyền tự do thông tin vốn đã có từ lâu đời và gắn liền với các giá trị của nhà nước pháp quyền ở Pháp. Theo quan điểm của người Pháp, tự do thông tin là nền tảng cho dân chủ, công bằng của quyền công dân. Điểm lưu ý trong bài viết, đó là tác giả đã sơ lược quyền được lãng quên trên mạng và coi đó là nghịch cảnh của sự riêng tư mà pháp luật phải đối mặt và cần có cơ chế để điều chỉnh.

Thái Vĩnh Thắng (2017), “Bảo vệ quyền riêng tư ở Hoa Kỳ, Pháp và những kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 8. Tác giả đã phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn bảo vệ quyền riêng tư ở Hoa Kỳ, Pháp và những kinh nghiệm có thể áp dụng cho Việt Nam. Ngoài ra, trong bài viết này, tác giả đã nêu lên một vấn đề khá nổi bật đó là: “quyền riêng tư mà thẩm phán Cooley gọi là right to be alone (quyền được ở một mình)” cần được Tòa án thừa nhận và bảo vệ. Công trình nghiên cứu này đã có ảnh hưởng lớn đến giới luật gia, dẫn đến hình thành khái niệm mới trong ngôn ngữ pháp lý của những nước nói tiếng anh: “right to privacy”.

1.1.2.2. Tình hình nghiên cứu thực trạng bảo vệ quyền về đời sống riêng tư ở Việt Nam

Bàn về thực trạng bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân ở Việt Nam, đây là lĩnh vực rất đáng quan tâm khi mà xã hội phát triển đến giai đoạn mà các

quyền con người được đề cao và bảo vệ tối ưu, do đó, tại Việt Nam, vấn đề này cũng trở nên cấp bách, nhiều nhà nghiên cứu đã có những phân tích từ cơ bản đến chuyên sâu, đưa ra những dẫn chứng thực tiễn để mô phỏng nội dung này, có thể kể đến:

- *Luận án, luận văn, khoá luận*

Lỗ Chí Anh Đức (2022), *Bảo vệ quyền riêng tư cá nhân trong môi trường mạng xã hội ở Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. Công trình này, tác giả tập trung phân tích một số vấn đề lý luận về quyền riêng tư cá nhân trong môi trường mạng xã hội; quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về bảo vệ quyền riêng tư cá nhân trong môi trường mạng xã hội; thực tiễn thực hiện quy định pháp luật về bảo vệ quyền riêng tư cá nhân trong môi trường mạng xã hội và kiến nghị hoàn thiện. Điểm nổi bật của công trình này là tác giả kiến nghị cần xây dựng cơ chế bảo vệ quyền riêng tư cá nhân trên mạng xã hội đa chiều, dựa trên sự tham gia và cộng đồng trách nhiệm của toàn xã hội; đồng thời phải dựa trên hai nguyên tắc cơ bản (i) xuất phát, bám sát nội dung và mức độ thực hiện quyền quyết định của cá nhân là chủ thể dữ liệu cá nhân người sử dụng mạng để xác định các quyền, nghĩa vụ tương ứng của các chủ thể trong các mối quan hệ (từ quyền được biết, quyền đồng ý/ không đồng ý đến quyền truy cập, sửa đổi, xoá bỏ, huỷ bỏ thông tin cá nhân; (ii) ưu tiên lợi ích cao hơn và bảo đảm hài hòa giữa lợi ích cá nhân là chủ thể thông tin cá nhân với lợi ích cộng đồng, xã hội).

Lê Thị Hậu (2016), *Quyền riêng tư của công dân trong lĩnh vực báo chí*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh. Điểm nổi bật của khóa luận này là tác giả đã phân tích thực trạng quy định của pháp luật về quyền riêng tư của công dân trong lĩnh vực báo chí, thực tiễn đảm bảo quyền riêng tư của công dân trong lĩnh vực này. Thông qua khoá luận, tác giả đã gợi mở nhiều vấn đề mới trong việc đặt ra giới hạn bảo vệ quyền riêng tư của công dân trong lĩnh vực báo chí, một lĩnh vực mà hiện nay có nhiều quan điểm khác nhau.

Đặng Hồng Minh (2022), *Quyền riêng tư của cá nhân trong môi trường mạng xã hội ở Việt Nam và thực tiễn thực hiện tại mạng xã hội Facebook*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội. Điểm nổi bật của công trình này là tác giả phân biệt quyền riêng tư cá nhân với một số quyền dân sự khác như quyền riêng tư cá nhân với quyền bí mật đời tư, quyền riêng tư cá nhân với quyền bí mật gia đình,

quyền riêng tư cá nhân với quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền riêng tư cá nhân với quyền tự do biểu đạt.

- *Sách tham khảo, chuyên khảo*

Lê Trần Như Tuyên - Vũ Công Giao (2019), Quyền riêng tư trong thời đại kỹ thuật số: Liên hệ với bối cảnh Việt Nam, *Hội thảo khoa học quốc tế luật học trước biến đổi của thời đại (International Conference Laws in a Changing)*: Hanoi, Tập 1. Trong bài viết này, tác giả nhấn mạnh thời đại kỹ thuật số đã dẫn đến các tác động xã hội rộng rãi và thay đổi lối sống. Mặc dù quyền riêng tư là một quyền phổ quát, nhưng thực tế không có định nghĩa chung về quyền riêng tư. Giới hạn và nội dung của những gì được coi là riêng tư khác nhau giữa các nền văn hóa và cá nhân, nhưng có chung nền tảng. Bảo vệ quyền riêng tư thường được xem là một cách để vạch ra giới hạn mà xã hội có thể can thiệp vào vấn đề của một người. Ngoài ra, tác giả kiến nghị cần nhanh chóng bổ sung các quy định bảo mật thông tin/dữ liệu trong các luật chuyên ngành để có những biện pháp bảo vệ quyền riêng tư phù hợp bắt kịp xu thế phát triển mới của thời đại.

- *Bài viết trên tạp chí*

Nguyễn Thị Thu Hồng và Nguyễn Văn Phúc (2019), “Một số vấn đề pháp lý về bảo vệ quyền riêng tư trong quan hệ hôn nhân và gia đình”, *Tạp chí pháp luật và thực tiễn*, số 39. Tác giả phân tích một số vấn đề nổi bật như nhiều cặp vợ chồng vẫn tự cho mình quyền được xâm phạm vào đời sống cá nhân của nhau và xem như là một sự chứng minh về mức độ trung thực và gắn bó giữa hai cá nhân sau khi đăng ký kết hôn, và việc bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em trong quan hệ gia đình. Từ đó, tác giả đưa ra một số gợi ý mở cho việc hoàn thiện các quy định về bảo vệ quyền riêng tư của cá nhân trong mối quan hệ hôn nhân và gia đình.

Nguyễn Văn Hợi (2020), “Một số vấn đề về bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh”, *Tạp chí Khoa học kiểm sát*, số 1. Tác giả đã phân tích các điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường, các yếu tố lỗi và vai trò của yếu tố lỗi trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh, xác định thiệt hại được bồi thường, thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường. Qua đó, tác giả nhấn mạnh rằng, việc hoàn thiện các quy định của pháp luật trong việc bồi thường thiệt hại do vi phạm quyền riêng tư của cá nhân là cấp thiết trong bối cảnh hiện nay.

Nguyễn Lan Phương, Nguyễn Quang Đông (09/2022), “Bảo vệ dữ liệu cá nhân xuyên biên giới: Thực tiễn và kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế*, số 149. Trong bài viết này, tác giả tập trung phân tích việc chuyển dữ liệu cá nhân (DLCN) xuyên biên giới đặt ra nhiều thách thức trong giai đoạn chuyển đổi số và đặc biệt tập trung vào bốn vấn đề quan trọng dưới đây: một là an toàn dữ liệu; hai là bảo vệ quyền riêng tư; ba là thực thi pháp luật quốc gia đối với chủ thể ở ngoài lãnh thổ quốc gia; bốn là cạnh tranh không lành mạnh. Bên cạnh đó, tác giả nhấn mạnh với địa vị là một trong mười quốc gia có lưu lượng trao đổi dữ liệu xuyên biên giới lớn nhất thế giới và trong bối cảnh kết nối kinh tế ngày càng sâu rộng, Việt Nam cần có khung pháp luật về bảo vệ DLCN xuyên biên giới linh hoạt hơn để tận dụng lợi thế của mình. Thứ nhất, Việt Nam nên xem xét sử dụng cách tiếp cận trách nhiệm giải trình đối với chủ thể chuyển DLCN ra khỏi lãnh thổ Việt Nam thông qua học tập kinh nghiệm lập pháp của Singapore và áp dụng biện pháp cấp phép trong trường hợp đặc biệt (ví dụ, đối với dữ liệu dân số sức khỏe, tài chính của công dân). Thứ hai, về yêu cầu địa phương hóa dữ liệu, Việt Nam không nên quy định lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam thông qua học tập kinh nghiệm lập pháp của Singapore. Thứ ba, cần thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế về bảo vệ DLCN xuyên biên giới thông qua việc tham gia các thiết chế đa phương hoặc khu vực về chuyển DLCN xuyên biên giới.

Nguyễn Phương Vy (2019), “Xung đột pháp luật giữa công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình với quyền bí mật thông tin ở Việt Nam”, *Tạp chí thanh tra*, số 11. Tác giả đã đặt ra vấn đề về xung đột pháp luật giữa công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và quyền bí mật đời tư, bí mật thông tin cá nhân về tài sản cũng như xung đột pháp luật giữa công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và bí mật thông tin nhà nước. Qua đó, tác giả đã gợi mở nhiều vấn đề quan trọng trong việc giải quyết xung đột pháp luật trong việc bảo vệ quyền bí mật thông tin, một nội hàm quan trọng của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

1.1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.3.1. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến Luận án, tác giả có một số nhận xét về tổng quan tình hình nghiên cứu như sau:

Thứ nhất, các tài liệu học thuật và tư pháp liên quan quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đã tạo ra những quan điểm khác nhau về các nội hàm của quyền này diễn ra trên thực tế cả trong các công cụ pháp lý quốc tế và chính sách bảo vệ ở một số quốc gia trên thế giới. Mặc dù các quan điểm đều hướng tới việc bảo vệ các sinh hoạt hàng ngày, đời sống riêng tư của cá nhân nhưng các thuật ngữ khác nhau được sử dụng trong thực tế dẫn đến những bất cập nhất định trong việc thực hiện pháp luật và nghiên cứu về chủ đề này.

Thứ hai, những công trình trên cho thấy việc dung hòa quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân với các quyền khác cần được xem xét, và nhấn mạnh rằng bảo vệ dữ liệu cá nhân là một phần nội hàm quan trọng của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Do đó, trong trường hợp có xung đột giữa các quyền, các quyền khác sẽ chiếm ưu thế hơn việc bảo vệ dữ liệu, nếu quyền về đời sống riêng tư của cá nhân không bị vi phạm. Bên cạnh đó, qua các công trình trên cho thấy quan điểm nổi bật của các học giả đó là thay vì tập trung vào các biện pháp bảo vệ, bảo vệ dữ liệu cá nhân nên được chia thành các khía cạnh cốt lõi, bản chất và ngoại vi. Đó cũng chính là cơ sở lý luận quan trọng cho tác giả trong việc nghiên cứu đề xuất dung hòa lợi ích của cá nhân, doanh nghiệp và quản lý nhà nước trong việc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong bối cảnh hiện nay.

Thứ ba, những công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã phân tích nhiều khía cạnh khác nhau về bản chất của đời sống riêng tư dưới các góc độ kinh tế, chính trị, khoa học công nghệ, khoa học xã hội và phạm trù đạo đức. Thông qua các góc độ khác nhau, các công trình đã nêu lên những hướng tiếp cận mới đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và phương thức bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong các lĩnh vực cụ thể dưới những bối cảnh văn hoá, xã hội khác nhau. Đặc biệt, dưới góc độ kinh tế, các công trình khoa học nêu trên đã đề cập nội hàm của khái niệm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, xác định và phân tích nguồn gốc của việc khai thác dữ liệu cá nhân cho các hoạt động kinh tế trên không gian mạng; dưới góc độ đạo đức thì những học giả cho rằng đạo đức có vai trò quan trọng trong việc thực hiện quyền nếu muốn tìm ra cơ sở tốt hơn cho quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, bởi lẽ đạo đức có thể được tóm tắt như một tập hợp các cơ quan quản lý, do cá nhân đặt ra với những gì là “tốt” và “xấu” đối với cả bản thân họ và môi trường xung quanh họ. Mặc dù đạo đức của một người chịu ảnh hưởng của văn hóa và xã hội

mà cá nhân đó sống, nhưng nó vẫn do cá nhân tạo ra, dù có ý thức hay không. Với tuyên bố này về đạo đức với tư cách là người điều chỉnh hành động của một cá nhân và phán đoán của họ đối với bản thân và môi trường xung quanh, các học giả cho rằng đạo đức ảnh hưởng đến cách một cá nhân nghĩ về đời sống riêng tư của mình và nhu cầu trong việc bảo vệ các sinh hoạt hàng ngày. Bởi đời sống riêng tư là rất quan trọng vì nó giữ sự dung hòa giữa cá nhân và xã hội. Đối với các xã hội dân chủ, hiện đại, trái ngược với các xã hội cổ đại hoặc xã hội toàn trị, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được trao cho các cá nhân vì xã hội nhận ra rằng một cá nhân có thể phát triển tốt hơn trong xã hội nếu họ có thể chọn người mà họ muốn ở cùng trong những trường hợp nhất định hoặc nếu họ muốn ở một mình. Tuy nhiên, như vô số trường hợp cũng chứng minh, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân có thể đóng vai trò là phương tiện cản trở sự phát triển của một số khía cạnh xã hội như bình đẳng giới, phân hoá giàu nghèo và các mối quan hệ trong gia đình trong đó quyền này sẽ hạn chế những chủ thể khác và đặc biệt là quản lý nhà nước, do đó tạo ra những điểm mù khó phát hiện. Những vấn đề này làm dấy lên cuộc tranh luận về việc liệu quyền về đời sống riêng tư của cá nhân có nên được cấp ít hơn cho một cá nhân hay không. Đây là cơ sở quan trọng để tác giả đánh giá các khía cạnh của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân dưới góc độ pháp lý từ đó đề xuất giới hạn của quyền trong việc dung hòa lợi ích của cá nhân, doanh nghiệp, quản lý nhà nước trong việc điều chỉnh các khía cạnh quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Thứ tư, dưới góc độ pháp lý, các công trình khoa học nêu trên đã đề cập đến bản chất pháp lý của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, việc thực thi quyền này ở các quốc gia trên thế giới và truyền thống quốc tế. Qua đó, cho thấy rằng, bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân có sự khác nhau trong từng môi trường kinh tế - chính trị - xã hội, với những thuật ngữ khác nhau, nhưng bản chất đều hướng đến việc bảo vệ cuộc sống bình yên, quyền nhân thân của con người và cùng nhằm mục tiêu là hướng đến việc bảo toàn, phát triển giá trị của mỗi cá nhân trong bối cảnh mới. Từ kinh nghiệm và thực tiễn quy định quyền về đời sống riêng tư của cá nhân ở các quốc gia là những gợi mở tốt cho Việt Nam trong việc hoàn thiện khung pháp lý quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo quy định pháp luật dân sự.

Thứ năm, ở góc độ là công trình nghiên cứu luận án tiến sĩ, cho đến nay, ở nước ta vẫn chưa có một công trình nghiên cứu nào nghiên cứu chuyên sâu và hệ thống quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và bảo vệ quyền về đời sống riêng tư

của cá nhân trong bối cảnh hiện nay của Việt Nam, tầm nhìn bao quát vẫn còn thiếu và đặc biệt là trong bối cảnh thời đại cách mạng công nghệ 4.0 với sự phát triển vượt bậc của trí tuệ nhân tạo AI và Chat GPT. Từ đó, có thể khẳng định, đây là luận án tiến sĩ đầu tiên nghiên cứu quyền về đời sống riêng tư của cá nhân dưới góc độ pháp lý tại Việt Nam.

1.1.3.2. Những vấn đề chưa được nghiên cứu và nhiệm vụ của Luận án

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu ở nước ngoài chủ yếu đề cập đến quyền riêng tư và những thuật ngữ liên quan gắn liền với điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội và lịch sử của từng quốc gia hoặc cộng đồng chung. Các công trình trong nước có sự so sánh với các quy định của các quốc gia trên thế giới nhưng còn rất ít, hầu như chỉ đề cập đến các quy định còn khá chung của luật. Vì vậy, Luận án phân tích rõ hơn các quy định của luật, những bài học kinh nghiệm trong việc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, thuật ngữ liên quan ở một số quốc gia và gợi mở cho Việt Nam.

Thứ hai, một số vấn đề vẫn chưa được các tác giả của các công trình nghiên cứu trước làm rõ như khái niệm của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, giới hạn và ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và phương thức bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân nhất là gắn với các quy định của pháp luật dân sự Việt Nam. Luận án tiếp tục làm rõ thêm những vấn đề lý luận quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và những phương thức bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân hiệu quả dưới góc độ pháp lý và góc độ kinh tế trong bối cảnh kinh tế, xã hội của Việt Nam và xu hướng chung của thế giới, đặc biệt là gắn với bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

Thứ ba, các công trình nghiên cứu đã đề cập khái quát quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và những thuật ngữ liên quan, nhưng chưa có công trình nghiên cứu nào vừa đề cập cách tiếp cận chung về quyền này trong mối liên hệ với các hình thức xâm phạm trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay. Do đó, công trình sẽ làm rõ về thực trạng quyền về đời sống riêng tư của cá nhân ở Việt Nam cũng như nhận thức pháp luật của người dân về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, từ đó có những phân tích, đánh giá và đưa ra những giải pháp làm cơ sở pháp lý về thực hiện pháp luật quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo quy định pháp luật dân sự Việt Nam.

Thứ tư, các công trình nghiên cứu chưa chỉ rõ những bất cập trong việc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, chưa phân tích và đề xuất các giải pháp

cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật quyền về đời sống riêng tư của cá nhân ở Việt Nam. Vì vậy, Luận án sẽ lý giải những khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng nguyên tắc giới hạn của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và các biện pháp bảo vệ quyền này theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam trên cơ sở dung hòa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, doanh nghiệp và quản lý nhà nước.

Thứ năm, các công trình nghiên cứu trước đây chưa thực sự tận dụng phương pháp điều tra xã hội để đánh giá mức độ nhận thức của người dân đối với quyền về đời sống riêng tư cá nhân trong thời đại cách mạng công nghệ 4.0. Điều này đặt ra một yêu cầu cấp thiết cho việc hiểu rõ hơn về cách người dân Việt Nam nhìn nhận và giá trị quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong cuộc sống hàng ngày và trong không gian mạng. Hơn nữa, việc khám phá cách thức mà quyền về đời sống riêng tư cá nhân được bảo vệ và các thách thức mà người dân đang đối mặt cũng là một yếu tố quan trọng trong việc thiết kế các biện pháp pháp lý và chính sách hiệu quả trong bối cảnh hiện nay, đặc biệt là nâng cao phương thức chủ động tự bảo vệ của người dân.

1.2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

1.2.1. Cơ sở lý thuyết

Cơ sở lý thuyết đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng nền móng vững chắc cho việc triển khai toàn bộ nội dung Luận án, vì tác giả dựa trên tư tưởng chủ đạo nghiên cứu là sự dung hòa giữa lợi ích của cá nhân, doanh nghiệp và quản lý nhà nước để đưa ra những đề xuất hoàn thiện quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo quy định pháp luật dân sự Việt Nam. Việc xác định đúng đắn cơ sở lý thuyết sẽ giúp tác giả tránh được việc mơ hồ trong quá trình thực hiện nghiên cứu và cung cấp một phương pháp tiếp cận cụ thể, khác biệt so với công trình nghiên cứu tương tự chủ đề này, từ đó góp phần quan trọng vào sự thành công của Luận án.

Nguyên tắc tỷ lệ

Trong hai mươi năm qua, các Tòa án Hiến pháp đã áp dụng nguyên tắc tỷ lệ như một quy trình nhằm đảm bảo sự tôn trọng đầy đủ quyền con người (hoặc quyền cơ bản) bởi nhà nước. Nguyên tắc này được áp dụng trong cả hệ thống luật dân sự và luật chung³.

³Rogers, A. P. V. (2016), The principle of proportionality, In *The Legitimate Use of Military Force* (pp. 189-218), Routledge.

Nguyên tắc tỷ lệ quy định rằng tất cả các luật ảnh hưởng đến quyền con người nên cân xứng hoặc hợp lý. Nguyên tắc tỷ lệ bao gồm ba nguyên tắc phụ: sự thích hợp, sự cần thiết và tỷ lệ theo nghĩa hẹp. Nguyên tắc phụ đầu tiên là sự thích hợp, quy định rằng luật ảnh hưởng đến quyền con người phải phù hợp để đạt được mục đích mà nhà lập pháp mong muốn. Nói cách khác, một khi áp dụng pháp luật phải xác định được mục đích mà nhà lập pháp hướng tới và các phương tiện mà nhà lập pháp thiết kế để đạt được mục đích đó, thì người áp dụng pháp luật phải xác minh xem các phương tiện có khả năng đạt được mục đích đó hay không. Thứ hai, trong số các phương tiện có khả năng đạt được mục đích mong muốn, phương tiện nào ít hạn chế quyền con người nhất. Nói cách khác, quy định chỉ vượt qua các tiêu chí cần thiết nếu nó là quy định có hiệu quả tương tự nhưng ít hạn chế quyền nhất. Bên cạnh đó, nguyên tắc tỷ lệ theo nghĩa hẹp có nghĩa là việc áp dụng một công cụ hoặc phương tiện nhất định để đạt được một mục đích hoặc mục tiêu nhất định không nên là không hợp lý trong các mối quan hệ tương hỗ của nó. Thông qua nguyên tắc tỷ lệ, tác giả sẽ áp dụng tại Chương 3 để áp đặt các ngoại lệ đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân nhằm đảm bảo rằng các biện pháp được đưa ra là cần thiết và hợp lý, nhằm bảo vệ an ninh quốc gia mà không gây ra những hạn chế không đáng có đối với quyền con người.

Lý thuyết về quyền riêng tư cổ điển

Quyền riêng tư là một vấn đề có tầm quan trọng sâu sắc trên toàn thế giới. Ở hầu hết mọi quốc gia, Hiến pháp, nhiều đạo luật và quyết định tư pháp tìm cách bảo vệ quyền riêng tư. Trong Hiến pháp của các quốc gia trên thế giới, quyền riêng tư được coi là một quyền cơ bản.

Các biện pháp bảo vệ quyền riêng tư phụ thuộc vào quan niệm về quyền riêng tư, những vấn đề được bảo vệ, bản chất và phạm vi của các biện pháp bảo vệ cụ thể được sử dụng. Quyền riêng tư rất khó xác định, quyền riêng tư thường được mô tả dưới nhiều hình thức và đôi khi thường bị nhầm lẫn với các khái niệm như tự do, tự chủ, bí mật và cô độc. Quyền riêng tư được mô tả là thứ có thể xâm nhập, bị xâm phạm, bị vi phạm, bị mất, bị giảm bớt, bị rò rỉ ra bên ngoài...⁴ Mỗi phép ẩn dụ này phản ánh một quan niệm về quyền riêng tư có thể được tìm thấy trong một hoặc nhiều mô hình hoặc lý thuyết tiêu chuẩn về quyền riêng tư. Trong khi một số lý thuyết về quyền riêng tư cơ bản mang tính mô tả, những lý thuyết khác mang tính

⁴ Herman T. Tavani (2007), *Philosophical Theories of Privacy: Implications for An Adequate Online Privacy Policy*, Metaphilosophy Llc and Blackwell, tr.3.

quy chuẩn. Nhiều lý thuyết quy chuẩn dựa trên quyền, chẳng hạn như những lý thuyết phân tích quyền riêng tư theo khu vực hoặc không gian có thể bị xâm phạm. Trên cơ sở lý thuyết về quyền riêng tư cổ điển sẽ giúp tác giả có cơ sở lý luận quan trọng trong việc luận giải lịch sử phát triển của quyền riêng tư và những cách tiếp cận khác nhau trên phương diện quốc tế. Điều này không chỉ mở rộng tầm nhìn, mà còn giúp tác giả thể hiện sự nhận thức sâu sắc về vấn đề, từ đó tạo ra đóng góp mang tính đột phá cho lĩnh vực này.

(i) Lý thuyết không xâm nhập và cô độc về quyền riêng tư

Vào năm 1890, trong một bài báo kinh điển mà nhiều học giả ngày nay coi là một công trình đặc sắc về quyền riêng tư, Samuel Warren và Louis Brandeis đã mô tả quyền riêng tư theo nghĩa “đề yên” hoặc “không bị xâm phạm”⁵. Vấn đề trong lý thuyết không xâm nhập là việc xác định quyền riêng tư theo nghĩa không bị xâm nhập, nó nhằm lẫn giữa quyền riêng tư với quyền tự do. Mặc dù hai khái niệm có liên quan chặt chẽ với nhau, nhưng chúng cũng có thể được phân biệt với nhau. Quyền riêng tư là điều cần thiết cho sự tự do ở chỗ nó có thể giúp thực hiện quyền tự do. Tuy nhiên, quyền tự do cho phép các cá nhân nắm giữ những ý tưởng có thể không được chấp nhận trong các xã hội, thì sự riêng tư lại cho phép họ tiết lộ ý tưởng của mình cho một số cá nhân nhất định trong khi che giấu sự thật rằng họ nắm giữ những ý tưởng không được ưa chuộng đó. Tuy nhiên, lý thuyết không xâm nhập về quyền riêng tư của Samuel Warren và Louis Brandeis không giải quyết được vấn đề này. Lý thuyết được đề một mình “To be let alone” của Samuel Warren và Louis Brandeis đã đặt nền tảng đầu tiên cho sự phát triển lý thuyết về quyền riêng tư sau này.

Phát triển của lý thuyết này là lý thuyết cô độc về quyền riêng tư. Theo quan điểm này, quyền riêng tư được đồng nhất với “ở một mình”. Điển hình là quan điểm của Ruth Gavison, người mô tả một người được hưởng “sự riêng tư hoàn hảo” khi người đó hoàn toàn không thể tiếp cận được. Đối với người khác đó là khi không ai có quyền truy cập vật lý vào cá nhân⁶.

Lý thuyết cô độc, không giống như lý thuyết không xâm nhập, tránh nhầm lẫn giữa quyền riêng tư và tự do. Cả hai lý thuyết không xâm nhập và cô độc đều giải quyết các mối quan tâm về quyền riêng tư liên quan đến quyền truy cập thực tế đối

⁵ Samuel D. Warren Louis D. Brandeis (1890), *The Right to Privacy*, Harvard Law Review, December 15, tr.193–220.

⁶ Gavison, Ruth (1980), “Privacy and the Limits of the Law”, *Yale Law Journal*, No. 89, tr.480.

với các cá nhân, dưới hình thức truy cập (vật lý) thông qua quan sát (như trong trường hợp của lý thuyết cô độc) hoặc dưới hình thức xâm nhập không chính đáng vào không gian cá nhân của một người thông qua một người nào đó truy cập vật lý của một người (như trong lý thuyết không xâm nhập). Những lo ngại về quyền riêng tư này đôi khi được giải quyết trong danh mục “quyền riêng tư về khả năng truy cập”⁷, chế độ xem này đôi khi cũng được gọi là quyền riêng tư về khả năng truy cập.

Trên cơ sở lý thuyết không xâm nhập và cô độc về quyền riêng tư, sẽ là cơ sở lý luận để giúp tác giả tránh được cách tiếp cận hẹp và giới hạn trong việc nghiên cứu về nội hàm và ngoại hàm của quyền riêng tư. Điều này sẽ mở ra một góc nhìn rộng lớn, giúp tác giả không chỉ hiểu rõ hơn mà còn đề cập đến những khía cạnh phức tạp và đa chiều của quyền riêng tư, từ đó tạo ra một nghiên cứu toàn diện và sâu sắc. Tác giả sử dụng lý thuyết này tại Chương 3 về giới hạn và ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, tác giả không chỉ mở rộng khả năng tiếp cận và hiểu biết về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân mà còn tăng cường khả năng phân tích và đề xuất các biện pháp pháp lý phù hợp. Điều này giúp nghiên cứu không chỉ dừng lại ở việc định nghĩa và bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân mà còn hướng tới việc tìm kiếm sự cân bằng giữa việc bảo vệ quyền tốt hơn, hiệu quả hơn và đáp ứng nhu cầu, lợi ích chung của xã hội, từ đó tạo ra những giá trị toàn diện và sâu sắc cho nghiên cứu.

(ii) Các lý thuyết giới hạn về quyền riêng tư

Không giống như lý thuyết không xâm nhập và lý thuyết cô độc, lý thuyết giới hạn của quyền riêng tư tách biệt quyền riêng tư với cả tự do và cô độc. Điển hình của lý thuyết này là các học giả Charles Fried (1990), Arthur Miller (1971), Alan F. Westin (1967), James Rachels (1975). Vấn đề quan trọng nhất của lý thuyết này là nhận ra vai trò của sự lựa chọn mà một cá nhân có quyền riêng tư được hưởng. Thực tế rằng ai đó có quyền riêng tư có thể cấp quyền, cũng như từ chối, những người khác truy cập vào thông tin về bản thân họ. Nhưng lý thuyết này không rõ ràng đối với hai điểm trong việc cho biết: (a) loại thông tin cá nhân nào mà người ta có thể mong đợi để kiểm soát và (b) mức độ kiểm soát mà người ta có thể mong đợi đối với thông tin cá nhân.

Điểm nổi bật trong lý thuyết này đó là việc phân chia thành hai loại thông tin, đó là thông tin cá nhân không công khai (Non-Public Personal Information - NPI),

⁷ DeCew, Judith W (1997), *In Pursuit of Privacy: Law, Ethics, and the Rise of Technology*, Ithaca, N.Y.: Cornell University Press, tr.76.

bao gồm thông tin về dữ liệu nhạy cảm và bí mật; và loại thông tin cá nhân công khai (Public Personal Information PPI), chẳng hạn như thông tin về nơi một người làm việc, sinh sống, những thông tin mà dễ dàng tiếp cận công khai qua các hình thức, phương tiện kỹ thuật. Tuy nhiên, sự phân biệt giữa một người có quyền kiểm soát NPI và quyền kiểm soát PPI không phải lúc nào cũng được thực hiện rõ ràng.

Một ưu điểm của lý thuyết giới hạn về quyền riêng tư là nó nhận ra đúng tầm quan trọng của việc thiết lập bối cảnh hoặc “khu vực” về quyền riêng tư để hạn chế hoặc hạn chế người khác truy cập thông tin cá nhân của một người và phân biệt rõ ràng giữa quyền riêng tư với quyền tự chủ, cũng như với sự tự do và cô độc.

Tuy nhiên, lý thuyết giới hạn dường như đánh giá thấp vai trò của quyền kiểm soát hoặc sự lựa chọn cũng được yêu cầu đối với quyền riêng tư của một người; không tính đến việc ai đó có quyền riêng tư có thể chọn cấp cho người khác quyền truy cập vào thông tin về bản thân họ, cũng như hạn chế (hoặc thậm chí từ chối) người khác truy cập vào thông tin đó.

Trong các lý thuyết giới hạn về quyền riêng tư, thì lý thuyết Westin đã thể hiện rõ nét lý thuyết giới hạn của quyền riêng tư của mình so các với nhà lý thuyết đương thời. Quyền riêng tư là một khái niệm rất phức tạp, các học giả và những người khác đã phải vật lộn trong nhiều thế kỷ để xác định nó và nêu rõ giá trị của nó. Quyền riêng tư và tự do chứa đựng một trong những cuộc thảo luận về quyền riêng tư phức tạp, liên ngành và sâu sắc nhất từng được viết. Westin kết hợp triết học, xã hội học, tâm lý học và các ngành khác để giải thích quyền riêng tư là gì và tại sao chúng ta nên bảo vệ quyền riêng tư⁸. Đối với Westin, quyền riêng tư là yêu cầu của các cá nhân, nhóm hoặc tổ chức để tự mình xác định thời điểm, cách thức và mức độ thông tin về họ được truyền đạt cho người khác. Hơn nữa, quyền riêng tư là sự rút lui tự nguyện và tạm thời của một người khỏi xã hội chung thông qua các phương tiện vật lý hoặc tâm lý.... đặc biệt giới hạn lý thuyết của mình đối với các nền dân chủ phương Tây vì quyền riêng tư phù hợp với các giá trị chính trị xã hội của các nền dân chủ này. Theo Westin, sự riêng tư không phải là sự tự cung tự cấp cũng không phải là mục đích tự thân, mà là một phương tiện để đạt được mục đích tổng thể của việc tự nhận thức⁹.

⁸ Alan F. Westin (2018), *Privacy and Freedom*, Jurisprudence & Law, IG, tr.7.

⁹ Sabine Trepte | Leonard Reinecke (2019), *Privacy Online Perspectives on Privacy and Self-Disclosure in the Social Web*, Springer Heidelberg Dordrecht London New York, tr.9.

Một trong những cách được chấp nhận để đại diện cho nhu cầu của cá nhân đối với cốt lõi tối thượng của quyền tự chủ, như được thể hiện bởi các nhà lý thuyết như Simmel, RE Park, Kurt Lewin và Erving Goffman, là mô tả mối quan hệ của cá nhân với những người khác dưới dạng một loạt “vùng” hoặc “khu vực” của quyền riêng tư dẫn đến “lõi”. Bản thân lõi này được hình dung như một vòng tròn bên trong được bao quanh bởi một loạt các vòng tròn đồng tâm lớn hơn. Vòng tròn bên trong che chở “bí mật cuối cùng” của cá nhân những hy vọng, nỗi sợ hãi và lời cầu nguyện không thể chia sẻ với bất kỳ ai trừ khi cá nhân bị căng thẳng đến mức phải tiết lộ những bí mật cuối cùng này để giải tỏa tinh thần. Trong những trường hợp bình thường không ai được tiếp nhận vào khu vực riêng tư này. Vòng tròn tiếp theo bên ngoài chứa những bí mật thân mật, những điều có thể sẵn sàng chia sẻ với những người thân cận hoặc người lạ đi ngang qua và không thể làm tổn thương. Vòng kết nối tiếp theo dành cho các thành viên trong nhóm tình bạn của cá nhân đó. Loạt vòng tiếp tục cho đến khi đạt đến các vòng ngoài của cuộc trò chuyện bình thường và biểu hiện thể chất mở cho tất cả người quan sát¹⁰.

Westin cũng đặt ra bốn chức năng (mục đích) của quyền riêng tư. Trên thực tế, chúng là “lý do” của quyền riêng tư: (1) Mỗi đe dọa nghiêm trọng nhất đối với quyền tự chủ của cá nhân là khả năng ai đó có thể xâm nhập vào khu vực bên trong và tìm hiểu những bí mật cuối cùng của cá nhân, bằng các phương tiện vật lý hoặc tâm lý. Sự xâm nhập có chủ ý vào lớp vỏ bảo vệ của cá nhân và sẽ đặt cá nhân dưới sự kiểm soát của những người biết bí mật của họ. (2) Quyền tự chủ cũng bị đe dọa bởi những người thâm nhập vào bản thân vì họ không nhận ra tầm quan trọng của quyền riêng tư tối thượng hoặc nghĩ rằng sự giúp đỡ tự nhiên và không được mời mà họ có thể bù đắp cho hành vi vi phạm. Mỗi người nhận thức được khoảng cách giữa những gì họ muốn che giấu và những gì họ thực sự công khai, giữa những gì thế giới nhìn thấy về họ¹¹. Tự đánh giá đề cập đến việc tích hợp kinh nghiệm vào các mô hình có ý nghĩa và phát huy tính cá nhân trong các sự kiện. Nó bao gồm xử lý thông tin, hỗ trợ quá trình lập kế hoạch (ví dụ: thời gian tiết lộ), tích hợp kinh nghiệm và cho phép chiêm nghiệm về đạo đức và tôn giáo. (3) Giao tiếp có giới hạn và được bảo vệ, có hai khía cạnh: giao tiếp hạn chế thiết lập ranh giới giữa các cá nhân; liên lạc được bảo vệ cung cấp cho việc chia sẻ thông tin cá nhân với những người khác đáng tin cậy. (4) Giải tỏa cảm xúc thông qua quyền riêng tư đóng một phần quan trọng trong cuộc sống cá

¹⁰ Kurt Lewin (1948), *Resolving Social Conflicts*, New York, tr.18-33.

¹¹ Alan F. Westin, *tldđ* (8), tr.41.

nhân vào những thời điểm mất mát, tiêu cực hoặc đau buồn. Trong những thời điểm như vậy, xã hội mang lại sự thoải mái thông qua sự hỗ trợ của cộng đồng và thông qua sự tôn trọng quyền riêng tư của cá nhân và những người thân của họ.

Đối với Westin (1967), quyền riêng tư hoạt động ở cấp độ cá nhân, nhóm và tổ chức/ thể chế. Điểm nổi bật trong lý thuyết của Westin đó là ông đặt ra bốn chức năng (mục đích) của quyền riêng tư, đó cũng là cơ sở lý luận quan trọng để tác giả kế thừa, phát triển tư tưởng chủ đạo nghiên cứu của mình trên cơ sở dung hòa lợi ích của cá nhân, doanh nghiệp và nhà nước trong việc hoàn thiện quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo quy định pháp luật dân sự Việt Nam. Sự kế thừa và phát triển tư tưởng chủ đạo từ các lý thuyết giới hạn của quyền riêng tư trong nghiên cứu này nhằm hoàn thiện quy định pháp lý đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo pháp luật dân sự Việt Nam. Tác giả đặc biệt chú trọng đến Chương 3, nơi đề cập đến giới hạn của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, nhận thức rằng việc bảo vệ quyền này không thể tách rời từ việc xem xét các yếu tố xã hội rộng lớn hơn. Các giới hạn này không chỉ giúp xác định ranh giới quyền về đời sống riêng tư của cá nhân mà còn cung cấp cơ sở để cân nhắc giữa bảo vệ lợi ích của cá nhân và xã hội.

Các lý thuyết hiện đại về quyền riêng tư

- Lý Thuyết kinh tế về quyền riêng tư của Richard A Posner

Theo lý thuyết của Richard A Posner thì mọi người luôn sở hữu thông tin, bao gồm nội dung thông tin liên lạc và sự thật về bản thân, mà họ sẽ phải chịu chi phí để che giấu. Những loại thông tin đó có thể được xem là hàng hóa tiêu dùng thuần túy. Theo lý thuyết, mọi người có quyền không mong muốn hoặc coi trọng quyền riêng tư hoặc sự tò mò trong bản thân mà sử dụng những hàng hóa này như để tạo ra thu nhập hoặc một số biện pháp rộng rãi khác về tiện ích hoặc phúc lợi.

Trường hợp mạnh nhất đối với quyền sở hữu trong bí mật được trình bày khi các quyền đó là cần thiết để khuyến khích đầu tư vào việc sản xuất thông tin có giá trị xã hội. Đây là cơ sở lý luận để bảo vệ pháp lý cho nhiều ý tưởng, kế hoạch và thông tin thương mại được bao hàm bởi thuật ngữ “bí mật thương mại”¹².

Lý thuyết này đã phác thảo các yếu tố thiết yếu của quyền riêng tư hợp pháp dựa trên kinh tế: (1) Thương mại và bí mật kinh doanh mà các nhà hoạt động thương mại khai thác và ngăn chặn; (2) Thông tin về con người bình thường; (3)

¹² Richard A. Posner (1978), “Economic Theory of Privacy”, *Regulation*, No. 19, tr.20.

Nghe lén và các hình thức giám sát xâm nhập khác sẽ bị hạn chế đối với việc phát hiện các hoạt động bất hợp pháp.

Xu hướng nâng cao quyền riêng tư cấp cá nhân và hạ cấp tổ chức là điều bí ẩn đối với nhà kinh tế học (cũng như các xu hướng gần đây khác về quy định công). Lý thuyết kinh tế về quyền riêng tư của thông tin liên lạc dường như không liên quan đến bản chất của người giao tiếp, cho dù là một cá nhân tư nhân hay nhân viên của một trường đại học, công ty hay cơ quan Chính phủ, trong khi sự thật về con người hoặc tổ chức có liên quan, trường hợp này nói chung, việc bảo vệ quyền riêng tư của doanh nghiệp mạnh hơn so với việc bảo vệ quyền riêng tư của cá nhân. Nhưng chỉ một phần nhỏ của kết quả lập pháp gần đây trong lĩnh vực quyền riêng tư có thể được giải thích theo những thuật ngữ như vậy.

- Lý thuyết về quyền riêng tư của Altman

Lý thuyết của Altman về quyền riêng tư tập trung vào quyền riêng tư và hành vi của cá nhân và nhóm (tức là cơ chế quản lý quyền riêng tư) hoạt động như một hệ thống nhất quán. Altman có quan điểm năng động và biện chứng về quy định quyền riêng tư (tức là, đó là một quá trình xử lý và điều chỉnh sự tương tác với những người khác¹³; chúng ta thay đổi cách chúng ta đóng hoặc mở để đáp ứng với những thay đổi trong trạng thái bên trong và điều kiện bên ngoài)¹⁴.

Điểm nổi bật trong lý thuyết của Altman đó là quá trình tương tác xã hội, Altman đã khai thác môi trường tương tác xã hội để cung cấp các cơ chế cho quá trình điều chỉnh quyền riêng tư. Quyền riêng tư là sự kiểm soát có chọn lọc đối với quyền truy cập vào bản thân.¹⁵ Theo lý thuyết quyền riêng tư của Altman, quyền riêng tư có năm thuộc tính: (1) Quyền riêng tư liên quan đến một quá trình năng động kiểm soát ranh giới giữa các cá nhân; (2) mức độ riêng tư mong muốn và thực tế; (3) Quyền riêng tư là một chức năng không đơn điệu, với mức độ riêng tư tối ưu (mức thực tế mong muốn) và khả năng có quá nhiều quyền riêng tư; (4) Quyền riêng tư có tính hai chiều, bao gồm đầu vào từ người khác và đầu ra cho người khác; (5) Quyền riêng tư hoạt động ở cấp độ cá nhân và nhóm.

¹³ Altman I (1990), "Toward a transactional perspective: A personal journey", in: *Altman I, Christensen K (eds) Environment and behavior studies: emergence of intellectual traditions*, Plenum, New York, tr.335-355.

¹⁴ Margulis ST (1977), "Conceptions of privacy: current status and next steps", *J Soc Issues*, No. 33(3), tr.5-21.

¹⁵ Altman I (1975), *The environment and social behavior: privacy, personal space, territory, crowding*, Brooks/Cole, Monterey, tr.83.

Đối với Altman, có nhiều cơ chế hành vi để điều chỉnh quyền riêng tư (ví dụ: hành vi lãnh thổ, chuẩn mực văn hóa) hoạt động như một hệ thống nhất quán. Do đó, một cơ chế có thể thay thế cho một cơ chế khác (ví dụ: một cái gậy đầu đồng ý cho từ “có”), có thể khuếch đại một cơ chế khác (ví dụ: hét “không” và đóng sầm cửa lại) hoặc có thể điều chỉnh một cơ chế khác (ví dụ: đưa ra lời xin lỗi để khóa cửa của một người)¹⁶.

Trong cách tiếp cận của Altman, ba tính năng của quyền riêng tư là đặc biệt quan trọng. Thứ nhất, quyền riêng tư vốn dĩ là một quá trình xã hội. Thứ hai, sự hiểu biết đúng đắn về các khía cạnh tâm lý của quyền riêng tư phải bao gồm sự tác động lẫn nhau của con người, thế giới xã hội của họ, môi trường vật chất và bản chất thời gian của các hiện tượng xã hội¹⁷. Thứ ba, quyền riêng tư có bối cảnh văn hóa xã hội. Lý thuyết của Altman về quyền riêng tư đã đặt ra nhiều vấn đề trong việc xây dựng các cơ chế bảo vệ quyền riêng tư hiện nay, đặc biệt khái niệm “cơ chế” trong lý thuyết của ông.

- Lý thuyết kiểm soát về quyền riêng tư (Restricted access and limited control theory – RALC)

Lý thuyết kiểm soát về quyền riêng tư của Moor và James H¹⁸. Lý thuyết RALC có ba thành phần: mô tả về khái niệm quyền riêng tư, mô tả về sự biện minh của quyền riêng tư và mô tả về việc quản lý quyền riêng tư. RALC phân biệt giữa điều kiện của quyền riêng tư (nghĩa là điều cần thiết để có quyền riêng tư theo nghĩa mô tả) và quyền riêng tư, cách phân biệt này cho phép chúng ta phân biệt giữa mất quyền riêng tư và vi phạm hoặc xâm phạm quyền riêng tư. Lý thuyết RALC liên kết khái niệm quyền riêng tư với khái niệm bảo vệ cá nhân bằng cách hạn chế hoặc hạn chế quyền truy cập vào người hoặc thông tin về người, RALC ban đầu có thể chỉ đơn giản là một biến thể của lý thuyết giới hạn. RALC xác định quyền riêng tư theo nghĩa bảo vệ khỏi sự xâm nhập và thu thập thông tin của người khác (thông qua các tình huống hoặc khu vực được thiết lập để hạn chế quyền truy cập), chứ không phải về kiểm soát thông tin.

RALC cho thấy rằng một người có quyền riêng tư theo quy chuẩn trong tình huống mà một người được bảo vệ bởi các chuẩn mực, chính sách hoặc luật rõ ràng

¹⁶ Sabine Trepte l Leonard Reinecke, *tldđ* (7), tr.12.

¹⁷ Altman I (1990), *Toward a transactional perspective: A personal journey*. In: Altman I, Christensen K *Environment and behavior studies: emergence of intellectual traditions*, Plenum, New York, tr.335-355.

¹⁸ Moor, James H (1990), “The Ethics of Privacy Protection”, *Library Trends*, No.39, nos.1 and 2 (Summer/Fall), tr.69-82.

đã được thiết lập để bảo vệ các cá nhân trong tình huống đó. Mặc dù quyền riêng tư được định nghĩa theo nghĩa bảo vệ và quyền truy cập bị hạn chế, khái niệm kiểm soát cũng đóng một vai trò quan trọng trong khuôn khổ RALC trong việc biện minh và quản lý quyền riêng tư.

- Lý thuyết Quản lý quyền riêng tư thông tin của Petronio (Communication Privacy Management)

Theo lý thuyết CPM, các ranh giới về quyền riêng tư có thể từ hoàn toàn cởi mở đến hoàn toàn khép kín hoặc bí mật. Một ranh giới mở phản ánh sự sẵn sàng cấp quyền truy cập thông tin cá nhân thông qua việc tiết lộ hoặc cho phép xem thông tin đó, do đó thể hiện một quá trình tiết lộ. Mặt khác, một ranh giới khép kín thể hiện thông tin riêng tư và không nhất thiết phải truy cập, do đó đặc trưng cho quá trình che giấu và bảo vệ. Có năm vấn đề khái niệm đại diện cho những cách thay thế để hiểu những khái niệm này phát triển từ việc nghiên cứu ứng dụng và phát triển CPM¹⁹. Đầu tiên, trái ngược với nhiều cách xử lý trước đây về quyền riêng tư, CPM được cấu trúc trong một khuôn khổ biện chứng. Bằng cách sử dụng khuôn khổ này, các cách nghĩ khác nhau về khái niệm đã xuất hiện. Thứ hai, bằng cách giả định rằng các cá nhân và tập thể quản lý đồng thời và riêng biệt thông tin cá nhân, lý thuyết CPM cho phép một cách khả thi để xem giao diện của cá nhân và tập thể để quản lý quyền riêng tư. Thứ ba, bằng cách chú động tính đến vai trò của người nhận trong quản lý quyền riêng tư, CPM xác định một yếu tố còn thiếu trong quá trình quản lý này và đưa ra một phương pháp khả thi để nghiên cứu tầm quan trọng của người nhận. Thứ tư, lý thuyết CPM thừa nhận mối quan hệ cơ bản và nổi bật giữa quyền riêng tư, tiết lộ và bảo mật và đưa ra một cách hữu ích để giải quyết mối quan hệ này. Khi làm như vậy, lý thuyết CPM cho thấy vị trí trung tâm của giao diện giữa ba khái niệm này đối với quản lý quyền riêng tư. Thứ năm, bằng cách tính đến thời gian mà quản lý quyền riêng tư, lý thuyết CPM cho phép hiểu rõ hơn về cách thức hoạt động của hoạt động quản lý quyền riêng tư và xác định cách thức mà các cá nhân cố gắng sửa chữa thiệt hại.

Lý thuyết trò chơi²⁰

Lý thuyết trò chơi có thể trả lời câu hỏi liên quan đến cách người phòng thủ sẽ phản ứng với bên tấn công, và ngược lại, trong an ninh mạng. Tương tác chiến

¹⁹ Dawn O. Braithwaite, Elizabeth A. Suter, Kory Floyd (2017), *Engaging Theories in Family Communication*, Routledge, tr.176.

²⁰ Guillermo Owen (2013), *Game Theory (Fourth Edition)*, Emerald Group Publishing Limited, tr.34.

lược giữa họ được ghi lại bằng trò chơi hai người chơi, trong đó mỗi người chơi cố gắng tối đa hóa lợi ích của mình. Chiến lược của bên tấn công phụ thuộc nhiều vào hành động của người phòng thủ và ngược lại. Do đó, hiệu quả của cơ chế phòng thủ phụ thuộc vào cả hành vi chiến lược của bên phòng thủ và bên tấn công. Sử dụng cách tiếp cận lý thuyết trò chơi, phân tích chiến thuật được thực hiện để điều tra cuộc tấn công từ một nút duy nhất hoặc nhiều nút. Do đó, lý thuyết trò chơi rất hữu ích để điều tra các tình huống ra quyết định chiến lược của bên phòng thủ hoặc để phân tích động cơ của bên tấn công. Các phương pháp tiếp cận lý thuyết trò chơi vượt qua các giải pháp truyền thống đối với an ninh mạng và quyền riêng tư trên không gian mạng ở nhiều khía cạnh, được mô tả dưới đây:

(1) Chứng minh toán học: hầu hết các giải pháp bảo mật thông thường, được triển khai trong các thiết bị phòng ngừa (ví dụ: tường lửa) hoặc trong các thiết bị phản ứng (ví dụ: chương trình chống vi-rút), chỉ dựa vào phương pháp phỏng đoán. Tuy nhiên, lý thuyết trò chơi có thể điều tra các quyết định bảo mật một cách có phương pháp với chứng minh toán học.

(2) Phòng thủ đáng tin cậy: dựa trên kết quả phân tích từ trò chơi, các nhà nghiên cứu có thể thiết kế cơ chế phòng thủ cho các hệ thống mạng mạnh mẽ và đáng tin cậy chống lại các hành vi ích kỷ (hoặc các cuộc tấn công) của người dùng, nút độc hại.

(3) Hành động kịp thời: trong khi việc áp dụng giải pháp bảo mật truyền thống khá chậm do thiếu động lực cho người tham gia, các phương pháp tiếp cận lý thuyết trò chơi ủng hộ những người bảo vệ bằng cách sử dụng các cơ chế khuyến khích cơ bản để phân bổ các nguồn lực hạn chế nhằm cân bằng các rủi ro nhận thức được.

(4) Các giải pháp phân tán: hầu hết các cơ chế phòng vệ thông thường đưa ra quyết định theo cách tập trung hơn là theo cách cá nhân hóa (hoặc phân tán). Trong trò chơi an ninh mạng, cách thức tập trung gần như là một giải pháp bất khả thi do thiếu một người điều phối trong hệ thống tự trị. Sử dụng các mô hình trò chơi thích hợp, các giải pháp bảo mật sẽ được thực hiện theo cách phân tán.

Do đó, việc áp dụng lý thuyết trò chơi trong việc phân tích những vấn đề liên quan đến công nghệ 4.0, đặc biệt là dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo sẽ góp phần làm vững chắc cơ sở lý luận của việc áp dụng tư tưởng chủ đạo nghiên cứu của tác giả trên cơ sở dung hòa lợi ích của cá nhân, doanh nghiệp và quản lý nhà nước

trong bối cảnh vấn đề an ninh mạng, tấn công mạng và khai thác dữ liệu cá nhân hiện nay.

Lý thuyết về tính toàn vẹn theo ngữ cảnh

Lý thuyết về tính toàn vẹn theo ngữ cảnh (Contextual integrity -CI) được phát triển bởi Nissenbaum (2010)²¹. Lý thuyết về tính toàn vẹn theo ngữ cảnh cung cấp một đánh giá nghiêm ngặt, thực chất về các yếu tố xác định thời điểm mọi người sẽ coi các hệ thống và công nghệ thông tin mới là mối đe dọa đối với quyền riêng tư; nó không chỉ dự đoán cách mọi người sẽ phản ứng với các hệ thống như vậy mà còn hình thành một cách tiếp cận để đánh giá các hệ thống này và đưa ra các phản ứng hợp pháp cho chúng. Lý thuyết này nhấn mạnh quyền riêng tư không phải là quyền giữ bí mật hay quyền kiểm soát mà là quyền đối với luồng thông tin cá nhân thích hợp. Trung tâm lý thuyết tính toàn vẹn theo ngữ cảnh là một sự trau chuốt cấu trúc chính của nó: ngữ cảnh- các quy chuẩn thông tin tương đối. Mỗi liên quan tức thời nhất đối với sự phát triển của khuôn khổ tính toàn vẹn theo ngữ cảnh là các cấu trúc của vai trò, hoạt động, chuẩn mực và giá trị. Lý thuyết về tính toàn vẹn theo ngữ cảnh sẽ đặt nền móng quan trọng cho việc dung hòa lợi ích của cá nhân, doanh nghiệp và quản lý nhà nước khi đặt ra các giới hạn về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong bối cảnh mà khoa học, công nghệ phát triển như vũ bão hiện nay.

Lý thuyết về quyền riêng tư đã trải qua bốn giai đoạn chính mà tác giả đã phân tích, ở giai đoạn thứ nhất, bắt nguồn từ cuối thế XIX với lý thuyết không xâm nhập và cô độc về quyền riêng tư của Samuel Warren và Louis Brandeis đã mô tả quyền riêng tư theo nghĩa “được để một mình” hoặc “không bị xâm phạm”. Giai đoạn thứ hai là các lý thuyết giới hạn về quyền riêng tư. Điển hình của lý thuyết này là các học giả Charles Fried (1990), Arthur Miller (1971), Alan F. Westin (1967), James Rachels (1975). Giai đoạn thứ ba ra đời vào cuối thế kỉ XX, đi liền với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba; ở giai đoạn này, các nhà lý thuyết dần nhận ra rằng quyền riêng tư không thể được hiểu là quyền tự chủ, tự quyết tuyệt đối của chủ thể được nữa, vì thế giới điện toán đám mây đã làm sự kiểm soát ấy thành bất khả. Các nhà lý thuyết bắt đầu đưa ra những đề xuất khác biệt hơn về quyền riêng tư, trong đó họ cố gắng kết nối vấn đề quyền riêng tư với vấn đề bảo vệ dữ liệu lại với nhau, tiêu biểu là lý thuyết quản lý quyền riêng tư thông tin (CPM) của Petronio, lý thuyết kinh tế về quyền riêng tư của Richard A

²¹ Helen Nissenbaum (2010), *Privacy in Context: Technology, Policy, and the Integrity of Social Life*, Stanford University Press, tr.127-80.

Posner. Đến giai đoạn hiện nay, đang nhận được nhiều sự quan tâm trên thế giới, ra đời vào khoảng thập niên 2010 và vẫn đang được thảo luận sôi nổi cho đến nay. Giai đoạn này là sự tiếp nối tư tưởng của các giai đoạn trước, lý thuyết về tính toàn vẹn theo ngữ cảnh đã đặt nền tảng trong việc nhận thức lại quyền riêng tư không nên được gắn liền với sự tự chủ, tự do, tự quyết của chủ thể, mà dịch chuyển sang các điều kiện của bối cảnh cụ thể, đa dạng, đặc biệt trong không gian mạng trong việc dung hòa lợi ích của cá nhân, doanh nghiệp và quản lý nhà nước.

Sau sự phát triển từ tư tưởng của Nissenbaum, thì lý thuyết này tiếp tục được phát triển và mở rộng bởi Yan Shvartzshneider, Noah Apthorpe, Nick Feamster, Cohen, Solove... Những nhà lý thuyết này đều nhấn mạnh, quyền riêng tư của một người bị vi phạm cơ bản khi việc chuyển giao thông tin đi lệch khỏi các chuẩn mực đã được thiết lập trong một ngữ cảnh cụ thể. Ví dụ: ai đó có thể xem việc chia sẻ dữ liệu Fitbit²² của họ thích hợp nhưng việc chia sẻ cùng một dữ liệu với một công ty bảo hiểm là vi phạm quyền riêng tư. Việc thay đổi người nhận thông tin sẽ làm thay đổi dòng chảy, và do đó, có thể làm vi phạm một quy chuẩn ngữ cảnh. Nguồn của các ngữ cảnh này có thể khác nhau, từ luật pháp và quy định cho đến niềm tin xã hội và giá trị gia đình.

Trong Chương 3 và Chương 4 của nghiên cứu, tác giả sẽ áp dụng các lý thuyết hiện đại về quyền riêng tư để phân tích giới hạn và hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Sự áp dụng này nhằm đưa ra cái nhìn sâu sắc về ranh giới và điều kiện của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, cũng như cách thức xác định và giải quyết các vấn đề xâm phạm quyền. Qua đó, nghiên cứu hướng đến việc xây dựng một cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc cho việc bảo vệ quyền tốt hơn và hiệu quả hơn trong thực tiễn cuộc sống.

Như vậy, thông qua nghiên cứu và phân tích các lý thuyết về quyền riêng tư của các học giả trên thế giới, dẫn đến vấn đề rằng, tất cả cách tiếp cận của các nhà lý thuyết đều làm nổi bật những khía cạnh khác nhau của quyền riêng tư. Tuy nhiên, mỗi lý thuyết lại tiếp cận quyền riêng tư dưới những góc độ khác nhau: gián lược và hạn chế đối với quyền riêng tư, kiểm soát và điều kiện của quyền riêng tư, sự riêng tư và góc độ xã hội, kinh tế và triết học của quyền riêng tư, hay tính toàn vẹn theo

²² Các sản phẩm của Fitbit bao gồm các thiết bị trình theo dõi hoạt động, đồng hồ thông minh, thiết bị không dây có hỗ trợ công nghệ đeo được để đo dữ liệu, chẳng hạn như số bước đã đi bộ, nhịp tim, chất lượng giấc ngủ, số bước đã leo và các chỉ số cá nhân khác liên quan đến thể dục.

ngữ cảnh, dẫn đến chưa giải quyết toàn diện những khía cạnh của quyền riêng tư, đặc biệt là việc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân khi những quan điểm của nhà lý thuyết đứng độc lập. Thông qua các lý thuyết nghiên cứu, sẽ giúp cho tác giả có những cơ sở lý luận vững chắc trong việc triển khai toàn Luận án trên cơ sở tư tưởng chủ đạo nghiên cứu của tác giả là tăng cường quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo quy định pháp luật dân sự Việt Nam trên cơ sở dung hòa lợi ích của cá nhân, doanh nghiệp và quản lý nhà nước.

1.2.2. Phương pháp nghiên cứu và hướng tiếp cận của đề tài

1.2.2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài, Luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, cụ thể như sau:

Phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin: phương pháp này tác giả sẽ sử dụng xuyên suốt toàn bộ quá trình nghiên cứu của Luận án để đưa ra những vấn đề khái quát, nhận định, kết luận nghiên cứu đảm bảo tính khách quan, trung thực. Trên cơ sở phương pháp luận chung, Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể trong quá trình nghiên cứu các nội dung của Luận án, cụ thể:

Phương pháp phân tích và tổng hợp: phương pháp này, tác giả sử dụng ở tất cả các nội dung thuộc các chương của Luận án nhằm tìm hiểu và làm rõ các vấn đề lý luận, các quy định của pháp luật cũng như thực tiễn thực hiện pháp luật, các quan điểm, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân tại Việt Nam. Bên cạnh đó, phương pháp phân tích luật viết được sử dụng phần lớn tại Chương 2 và Chương 3, 4 của Luận án để hiểu rõ mục đích, giá trị của các quy định pháp luật hiện nay về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, phát hiện ra những bất cập, những lỗ hổng trong các quy phạm pháp luật điều chỉnh vấn đề này, để từ đó đưa ra các kiến nghị hoàn thiện. Đối với phương pháp tổng hợp, tác giả sử dụng chủ yếu trong việc rút ra những nhận định, ý kiến đánh giá sau quá trình phân tích ở từng ý, từng tiêu mục, đặc biệt được sử dụng để kết luận các chương và kết luận chung của Luận án.

Phương pháp so sánh: được sử dụng để đối chiếu các quy định của pháp luật Việt Nam với quy định của quốc tế, các quốc gia khác về các nội dung tương tự liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Hơn nữa, cũng nhằm đối chiếu

giữa các quy định của pháp luật với thực tiễn áp dụng, từ đó tìm ra được những vướng mắc trong quá trình áp dụng để tìm ra hướng hoàn thiện cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Phương pháp so sánh được sử dụng chủ yếu ở Chương 3, 4.

Phương pháp lịch sử: dùng để nghiên cứu khái quát về các quy định của pháp luật về quyền nhân thân qua các thời kỳ. Từ đó có thể đưa ra được cái nhìn tổng quan nhất về vấn đề nghiên cứu, qua đó thấy được mối liên hệ và điểm mới tiến bộ cũng như những điểm còn hạn chế về việc bảo vệ quyền nhân thân nói chung và bảo vệ quyền về sống riêng tư của cá nhân nói riêng. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu ở Chương 1, 2.

Phương pháp điều tra xã hội học: để có cái nhìn tổng quan về thực trạng sử dụng pháp luật quyền về đời sống riêng tư của cá nhân cũng như ý thức pháp luật của người dân đối với quyền về sống riêng tư của cá nhân thông qua việc nghiên cứu người dân đang sinh sống, học tập và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đề tài vận dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để thu thập dữ liệu thực chứng trong 300 mẫu để đo lường và phân tích mục tiêu nghiên cứu của đề tài, giúp tác giả có thể đưa ra kết luận một cách khách quan và chuẩn xác. Phương pháp này sử dụng ở Chương 3, 4.

Phương pháp bình luận án: được sử dụng để đánh giá thực tiễn xét xử, thực trạng áp dụng các quy định của pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết chấp liên quan đến quyền nhân thân, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Phương pháp này được sử dụng ở Chương 4.

1.2.2.2. Hướng tiếp cận của đề tài

Là Luận án tiến sĩ luật học, chuyên ngành luật dân sự và tố tụng dân sự, hướng tiếp cận của đề tài xuất phát từ góc độ bảo vệ quyền dân sự và chính trị cơ bản của công dân - quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Bên cạnh đó, tác giả nhìn nhận việc phân tích pháp luật ở bối cảnh kinh tế - chính trị - văn hoá - xã hội nhằm đảm bảo mục tiêu và yêu cầu cần hướng đến trong việc thực thi pháp luật đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trên cơ sở dung hòa được lợi ích của cá nhân, doanh nghiệp và quản lý nhà nước.

Ngoài ra, cách tiếp cận của tác giả về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân cũng đảm bảo tạo cơ sở và động lực thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng những thành tựu của cách mạng công nghệ 4.0 và hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay.

1.3. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu của luận án

1.3.1. Câu hỏi nghiên cứu tổng quát

Điều 21 Hiến pháp 2013 quy định: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình; Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn”. Thể chế hoá tinh thần của Hiến pháp năm 2013, thì khoản 1 Điều 38 BLDS năm 2015 quy định: “Đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ...”. Quy định quyền về đời sống riêng tư của cá nhân tại Điều 38 không chỉ cho thấy điểm tiến bộ của pháp luật dân sự Việt Nam mà còn thể hiện sự nhấn mạnh trong việc bảo vệ và xác định các quyền cơ bản của con người. Bên cạnh đó, với sự ghi nhận quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong BLDS 2015 cũng đặt ra vấn đề đó là làm sao để quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được bảo vệ tốt hơn và hiệu quả hơn trong thực tiễn cuộc sống.

Do đó, Luận án sẽ có một câu hỏi nghiên cứu tổng quát: **Với việc ghi nhận quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong BLDS 2015 thì pháp luật dân sự Việt Nam cần phải được hoàn thiện như thế nào để quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được bảo vệ một cách hiệu quả nhất cũng như đạt được sự hài hòa và tương thích với các tiêu chuẩn quốc tế.**

Để quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được bảo vệ hiệu quả hơn trong đời sống dân sự, việc nghiên cứu và hiểu rõ quyền này từ nhiều khía cạnh là rất quan trọng: các yếu tố xã hội như văn hóa, chuẩn mực, và đạo đức xã hội; cơ sở kinh tế; nhận thức cá nhân và giáo dục; khung pháp lý như xây dựng và thực thi các quy định pháp lý cụ thể, minh bạch và đầy đủ. Tuy nhiên, với giới hạn của Luận án nghiên cứu về pháp luật nên chỉ tập trung các yếu tố pháp lý trong việc phát triển quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong thực tế.

Để trả lời cho câu hỏi tổng quát mang tính chất chính yếu trên thì Luận án cũng đặt ra những câu hỏi có tính chất bổ sung, làm rõ, cụ thể như sau:

1.3.2. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu liên quan đến những vấn đề lý luận quyền về đời sống riêng tư của cá nhân

Câu hỏi nghiên cứu 1: Khái niệm, đặc điểm của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Để đưa ra khái niệm tổng quát quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, nghiên cứu sinh cho rằng cần phải nhìn nhận quyền này trong mối quan hệ với các khái niệm và quy định liên quan trong BLDS 2015. Trên cơ sở đó, tác giả sẽ đưa ra cách hiểu chính xác về nội hàm của quyền này.

Câu hỏi nghiên cứu 2: Các yếu tố nào tác động tới việc pháp luật điều chỉnh quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Đây là nội dung có ý nghĩa quan trọng trên các phương diện lý luận và thực tiễn. Do đó, định hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh sẽ tập trung phân tích làm rõ hai khía cạnh này trên các yếu tố về quan điểm chủ trương của Đảng và Nhà nước về quyền con người, về các giá trị đạo đức và lợi ích của cá nhân, doanh nghiệp.

Câu hỏi nghiên cứu 3: Lịch sử phát triển pháp luật đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân ở Việt Nam nói riêng và trên thế giới như thế nào?

Nghiên cứu sinh sẽ tiếp tục nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của pháp luật về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trên thế giới nói chung và tại Việt Nam qua các thời kỳ để xác định cơ sở pháp lý cho việc ban hành và thực hiện những quy định của pháp luật liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

1.3.3. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu liên quan đến nội dung quyền về đời sống riêng tư của cá nhân

Câu hỏi nghiên cứu 4: Thực trạng pháp luật Việt Nam hiện hành quy định về giới hạn và ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân như thế nào? Để trả lời những câu hỏi này, Luận án sẽ trình bày cụ thể các vấn đề như sau:

Thứ nhất, nội hàm của quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình rộng hơn quyền riêng tư.

Thứ hai, các giới hạn và ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Thứ ba, mối quan hệ giữa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với các quyền nhân thân khác.

Thứ tư, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong phạm vi điều chỉnh của các luật chuyên ngành.

1.3.4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu liên quan đến thực trạng và giải pháp hoàn thiện pháp luật

Câu hỏi nghiên cứu 5: Việc hoàn thiện pháp luật về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân cần đứng trên phương diện nào để một mặt đáp ứng được yêu cầu

bảo vệ các quyền dân sự cơ bản của công dân, mặt khác tạo ra hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch cho việc thúc đẩy các hoạt động ứng dụng những thành tựu của cách mạng công nghệ 4.0 vào đời sống xã hội.

Câu hỏi nghiên cứu 6: Từ việc đánh giá các vấn đề về lý luận cũng như thực trạng thực hiện pháp luật quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, giải pháp cụ thể nào được đặt ra nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong thực tiễn?

Nghiên cứu sinh đề xuất các giải pháp hướng tới các kết quả được như sau:

Thứ nhất, NCS sẽ xây dựng các nội dung liên quan trong việc giới hạn và ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Thứ hai, NCS sẽ là xây dựng các quy định liên quan đến việc xác định hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và các biện pháp dân sự bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương đầu tiên của luận án cung cấp một cái nhìn tổng quan sâu sắc về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Chương này bao gồm tình hình nghiên cứu trong nước và quốc tế, cơ sở lý thuyết, phương pháp nghiên cứu, cũng như các câu hỏi và giả thuyết của nghiên cứu. Tác giả đã khái quát rõ nét về tình hình nghiên cứu cả trong nước và quốc tế, nhận diện được những vấn đề chưa được giải quyết và phân tích những điểm mạnh, điểm yếu của các nghiên cứu đã tiến hành.

Trong việc phân tích tình hình nghiên cứu, tác giả không chỉ nhấn mạnh tầm quan trọng của quyền đời sống riêng tư của cá nhân trong bối cảnh hiện nay mà còn phác thảo nên một bức tranh đa chiều quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, với những lớp nội dung phức tạp nhưng cùng hướng đến một mục tiêu duy nhất - tìm ra lời giải cho vấn đề đang được nghiên cứu.

Ngoài ra, chương đầu tiên đã xác định rõ cơ sở lý thuyết cho vấn đề nghiên cứu, từ đó xây dựng một khung hình tư duy cụ thể cho việc nghiên cứu toàn bộ luận án. Sự thảo luận chi tiết về các phương pháp nghiên cứu đã cung cấp những công cụ cần thiết để tác giả thực hiện quá trình nghiên cứu một cách hiệu quả và chính xác.

Hơn nữa, việc xác định các câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu không chỉ giúp làm rõ mục tiêu và hướng đi của nghiên cứu mà còn phản ánh sự nhận thức sâu sắc về vấn đề. Tác giả đã nhận diện những khoảng trống của các nghiên cứu trước, từ đó tạo nên những điểm mới cho luận án.

CHƯƠNG 2. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA QUYỀN VỀ ĐỜI SỐNG RIÊNG TƯ CỦA CÁ NHÂN

2.1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trên thế giới

Dù không được định nghĩa thế nào là “đời sống riêng tư”, rõ ràng ý tưởng về nhu cầu cá nhân được tách biệt khỏi lĩnh vực công cộng đã tồn tại từ thời kỳ huyền thoại của những nền văn minh đầu tiên của loài người. Trong Thiên sử thi Gilgamesh của Sumeria - bản anh hùng ca của miền đất Lưỡng Hà (Mesopotamia) được soạn thảo hơn bốn nghìn năm trước đã có sự đề cập đến nhu cầu về đời sống riêng tư khi nói về Utnapishtim, là người bình thường nhưng bất tử, sống như một người ẩn dật và không tiết lộ danh tính của mình cho những vị khách đến thăm cho đến khi Vua Gilgamesh ghé thăm và đã giải thích về cuộc sống của mình đến nhà Vua²³. Trong Cựu ước của Kinh Thánh, một trong những dấu hiệu cho thấy con người đã học được sự phân biệt giữa thiện và ác là Adam và Eva: “Xa rời mong muốn gặp lại thần linh, cặp đôi - người vừa trước đó “giấu” sự trần trụi của mình trước mặt nhau bằng cách mặc đồ - giờ đây thậm chí cố giấu mình khỏi Chúa. Việc giấu diếm là điều được ưu tiên. Người kể câu chuyện không nhận xét về việc làm thế nào một người có thể che giấu mình và do đó tránh sự phát hiện của Chúa. Liệu cây cối hay bụi cây có thực sự tạo ra khoảng cách giữa thần linh và loài người không?”²⁴. Đây là hai nội dung cho thấy ý tưởng về nguồn gốc của sự riêng tư đã manh nha xuất hiện từ thời kỳ đầu nền văn minh nhân loại.

Một cách chính thống hơn, mối quan tâm về riêng tư xuất hiện trong Bộ luật Hammurabi, một trong những văn bản pháp lý đầu tiên trên thế giới. Được soạn thảo ở Đế chế Babylon vào khoảng năm 1760 trước Công nguyên, đoạn văn 21 của Bộ luật đã xem việc đục một lỗ nhìn qua tường nhà của người khác là một tội ác²⁵. Mối quan tâm về riêng tư cũng được phản ánh trong Luật Manu, được biên soạn ở Ấn Độ vào khoảng năm 200 trước Công nguyên. Văn bản này bao gồm một điều khoản theo đó nếu một cá nhân gửi hàng hoá hoặc tiền bạc tới một kho chứa một cách bí mật,

²³ Kovacs, M. G. (1989), *The epic of Gilgamesh*, Stanford University Press, tr.152.

²⁴ Kovacs, M. G. (1989), tldd (23), tr.212

²⁵ Prince, J. D. (1904), *The code of Hammurabi*, tr.70.

người giữ hàng phải trả lại hàng hoá hoặc tiền bạc đó cho chủ sở hữu một cách bí mật²⁶. Như vậy, hai bộ luật này đã cho thấy nhu cầu được bảo vệ trong không gian riêng tư, hoạt động riêng tư của từng cá nhân được coi là một phần quan trọng của đời sống dân chúng. Điều này được thể hiện qua việc xây dựng các ngôi nhà ở Athens, với những khu vực riêng tư được bố trí xa tầm mắt của người qua đường. Họ coi việc xâm phạm vào không gian riêng tư của người khác là một vi phạm nghiêm trọng. Các villa rộng lớn của giới quý tộc thường được thiết kế sao cho người sở hữu có thể tận hưởng sự yên tĩnh, cô lập, tránh xa sự theo dõi, quan sát của người khác. Ngoài ra, việc này cũng chứng minh rằng, từ xa xưa, việc bảo vệ quyền lợi và tài sản cá nhân không chỉ là một vấn đề pháp lý mà còn là một phần của đạo đức và văn hóa xã hội. Nó thể hiện một sự tôn trọng giữa các cá nhân trong cộng đồng và góp phần xây dựng niềm tin trong giao dịch và các mối quan hệ xã hội.

Ở các xã hội Hy Lạp và La Mã, các nhà triết học ngày càng nhận ra ý nghĩa của sự phân biệt giữa lĩnh vực riêng tư và công cộng. Trong phiên tòa buộc tội làm hỏng giới trẻ Athens, một trong những cáo buộc Socrates bảo vệ bản thân trước là nếu việc giáo huấn của ông không trái pháp luật thì ông nên tham gia vào lĩnh vực chính trị và nói chuyện một cách công khai thay vì giảng dạy riêng tư cho học sinh. Socrates phản bác những người buộc tội, điều đó chỉ đơn giản làm dấy lên sự phản đối của công chúng đối với ông sớm hơn và “người nào sẵn lòng chiến đấu vì chính nghĩa, nếu muốn sống, dù chỉ trong một khoảng thời gian ngắn, phải giữ mình ở vị trí riêng tư chứ không phải công khai”²⁷. Trong khi đó, nhà triết học Stoic La Mã, Epictetus, giải thích rằng logic chỉ ra rằng suy nghĩ con người vốn dĩ là riêng tư - thậm chí dưới sự đe dọa của việc bị giam giữ hoặc tử hình cũng không thể ép buộc một người tiết lộ thực sự suy nghĩ của mình là gì²⁸.

Trong những thế kỷ tiếp theo, có thể thấy sự di chuyển chậm nhưng đều đặn hướng tới việc công nhận đầu là “riêng tư”. Năm 1361, Đạo luật Hoà bình của Anh (Peace Act 1361) quy định việc bắt giữ những kẻ nhòm trộm và nghe lén. Tại phiên tòa năm 1535 với cáo buộc từ chối sự hợp pháp của tư cách của Henry VIII là nguyên thủ của Giáo hội Anh, Thomas More bác bỏ ý kiến rằng sự im lặng trước các cáo buộc chống lại anh có thể là bằng chứng đủ để hỗ trợ một bản án. Lặp lại nhận định của Epictetus từ hơn một nghìn năm trước, More nói: “Vì sự im lặng và

²⁶ Bühler, G. (Ed.) (1886), *The laws of Manu* (Vol. 25), Clarendon Press, tr.150.

²⁷ Jowett, M. A. (1892), *Plato, The Dialogues of Plato, Translated into English with Analyses and Introductions. Five Volumes*, tr.125

²⁸ Long, A. A. (2002), *Epictetus: A Stoic and Socratic guide to life*, Clarendon Press, tr.112.

sự im lặng của tôi này, không có luật nào của bạn cũng như bất kỳ luật nào trên thế giới này có thể công bằng và chính xác trừng phạt tôi, trừ khi bạn có thể đặt ra một từ hoặc một hành động nào đó trong hành vi của tôi²⁹. Qua đó cho thấy, Thomas More đã chọn đứng vững trước quyền lực và đấu tranh cho nguyên tắc mình tin tưởng, ngay cả khi phải đối mặt với tử hình. Với sự kiên định và quan điểm pháp lý của mình, Thomas More đã trở thành một biểu tượng cho sự công bằng và quyền tự do tư tưởng trong lịch sử³⁰.

Vào năm 1890, trong một bài báo kinh điển mà nhiều học giả ngày nay coi là một công trình đặc sắc về quyền riêng tư, Samuel Warren và Louis Brandeis đã mô tả quyền riêng tư cá nhân theo nghĩa “để yên” hoặc “không bị xâm phạm”³¹. Vấn đề trong lý thuyết không xâm nhập là việc xác định quyền riêng tư theo nghĩa không bị xâm nhập, nó nhằm lẫn giữa quyền riêng tư với quyền tự do. Mặc dù hai khái niệm có liên quan chặt chẽ với nhau, nhưng chúng cũng có thể được phân biệt với nhau. Quyền riêng tư là điều cần thiết cho sự tự do ở chỗ nó có thể giúp thực hiện quyền tự do. Tuy nhiên, quyền tự do cho phép các cá nhân nắm giữ những ý tưởng có thể không được chấp nhận trong các xã hội, thì sự riêng tư lại cho phép họ tiết lộ ý tưởng của mình cho một số cá nhân nhất định trong khi che giấu sự thật rằng họ nắm giữ những ý tưởng không được ưa chuộng đó. Tuy nhiên, lý thuyết không xâm nhập về quyền riêng tư của Samuel Warren và Louis Brandeis không giải quyết được vấn đề này. Lý thuyết được đề một mình “To be let alone” của Samuel Warren và Louis Brandeis đã đặt nền tảng đầu tiên cho sự phát triển lý thuyết về quyền riêng tư sau này.

2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân ở Việt Nam

Ở Việt Nam, trong suốt hàng nghìn năm lịch sử hình thành và phát triển, các vị Vua và quan lại cao cấp đã nhận thức được vai trò của luật pháp và quan tâm, đầu tư cho việc ban hành pháp luật. Hệ thống pháp luật Việt Nam thời kỳ này gồm các bộ luật tổng hợp và các văn bản pháp luật khác như: Chiếu, Chi, Lê, Lệnh, Dụ, Sắc... Trong đó, các bộ luật: Hình thư (thời nhà Lý), Quốc triều thông chế, Hoàng triều đại điển, Hình thư luật (thời nhà Trần), Quốc triều Hình luật (còn gọi là Bộ

²⁹ Reynolds, E. E. (1964), *The Trial of St. Thomas More*, tr.84

³⁰ Macháčková, R. (2008), *Impact of the Religious Attitudes of Sir Thomas More on the Humanistic Vision in his Utopia*, Prague, tr.41.

³¹ Samuel D. Warren Louis D. Brandeis (1890), *The Right to Privacy*, Harvard Law Review, December 15, tr.193-220.

luật Hồng Đức - thời Lê), và Hoàng Việt Luật lệ (còn gọi là Bộ luật Gia Long - Thời Nguyễn)³² là những bộ luật cổ tiêu biểu nhất được xây dựng và ban hành trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIX). Theo các cứ liệu lịch sử, trong lịch sử lập pháp Việt Nam, Hình thư là bộ luật quốc gia thành văn đầu tiên, được ban hành dưới thời nhà Lý. Qua đó cho thấy, trải qua những thăng trầm của lịch sử, mặc dù trong các cổ luật như Bộ luật Hồng Đức tại Điều 2 Chương Vệ cấm: “Người tự tiện vào cửa hoàng thành, bị tội trượng hoặc biếm; vào cửa cấm phải tội đồ làm khao đình... Người coi ty tự tiện vào nơi vua nằm và nơi vua ở, cũng bị xử cùng một tội...” hay Điều 20: “Những người tiết lộ những việc đại sự cần giữ bí mật, thì xử tội chém...”. Hoàng Việt luật lệ có nhiều điều quy định nhằm bảo vệ quyền làm người, để người dân không bị người có chức quyền sách nhiễu, xâm phạm đến thân thể, tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm và sinh hoạt hàng ngày của mình như tại Điều 268: “Bọn cường hào hung ác, cậy tiền của, ý thế lực nhân việc cậy uy bức, hiếp chế, quẫn nhục làm cho bình dân bị oan khổ...” hay Điều 281 quy định: “Nếu (người cường hào) dùng uy lực hiếp bức, trói giữ người ta ở nhà riêng rồi khảo đánh, giam giữ...”. Dù các bộ luật cổ như Bộ luật Hồng Đức và Hoàng Việt Luật lệ chưa thực sự hoàn thiện, chúng vẫn phản ánh rõ ràng sự quan tâm đối với quyền làm người. Thêm vào đó, những giá trị về đời sống riêng tư của con người cũng đã được tôn trọng trong chừng mực đối với các ngữ cảnh đặc biệt chỉ dành cho các chủ thể nhất định. Điều đó thể hiện các quy định liên quan đến giá trị riêng tư có sự phân biệt giữa tầng lớp và giai cấp nhất định trong xã hội.

Thời kỳ Pháp thuộc (1858 đến năm 1945), Pháp thiết lập một hệ thống pháp luật và quản lý xã hội tại Việt Nam dựa trên mô hình luật Pháp. Để quản lý và áp dụng pháp luật hiệu quả, Pháp đã chia Việt Nam thành ba kỳ: Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ. Trong đó, Nam kỳ là thuộc địa của Pháp, Bắc kỳ và Trung kỳ là đất bảo hộ, ba thành phố Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng là nhượng địa của Pháp và ban hành các Bộ luật dân sự riêng lẻ cho mỗi kỳ. Tầm ảnh hưởng của Pháp trên các bộ luật này đã để lại dấu vết trong lịch sử luật pháp Việt Nam và cách tiếp cận pháp lý của nước Việt Nam trong thời kỳ sau khi độc lập.

Tại Bắc kỳ, Bộ Dân luật Bắc kỳ năm 1931 được xây dựng dựa trên nền tảng của Bộ luật Dân sự Pháp năm 1804, có kế thừa nhiều quy định của Bộ luật Hồng Đức và Bộ luật Gia Long. Điều này đồng nghĩa rằng các quy định dân sự nói chung

³² Trường Đại học Luật TP.HCM (2013), *Giáo trình Lịch sử Nhà nước và Pháp luật Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, tr.116-118.

và quyền về đời sống riêng tư của cá nhân nói riêng ở Bắc kỳ được xây dựng dựa trên mô hình pháp luật Pháp. Điểm chú trong quy định của Bộ Dân luật Bắc kỳ năm 1931 tại Điều thứ 9: “Người và của là không xâm phạm được và thuộc quyền pháp luật bảo hộ”, điều này ám chỉ rằng sự riêng tư của cơ thể và quyền sở hữu tài sản của mỗi người dân tại Bắc kỳ được bảo vệ và tuân thủ theo quyền pháp. Cá nhân có quyền tự do, quyền bảo vệ tài sản và sự riêng tư của họ mà không bị xâm phạm bất hợp pháp. Điều này là một nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự và đảm bảo tính riêng tư và quyền sở hữu tài sản của mỗi cá nhân. Bên cạnh đó, qua quy định “quyền sở hữu về tài sản của mình không ai có thể bác tước được, chỉ trừ khi có việc cần chung do pháp luật chuẩn nhận”, điều này xác định rằng quyền sở hữu tài sản của mỗi người dân không thể bị tước đoạt mà không có sự tuân theo của pháp luật, và chỉ khi có việc cần chung và luật pháp chấp thuận, chẳng hạn như trong trường hợp bắt buộc mua đất cho mục tiêu công cộng, tài sản mới có thể bị thu hồi. Qua đó cho thấy những giới hạn về các quyền cơ bản vì lợi ích công cộng đã được đặt ra một cách minh thị trong điều luật.

Tại Trung kỳ, với Bộ luật Dân sự Trung kỳ năm 1936 (Hoàng Việt Trung kỳ hộ luật) đã phản ánh tầm ảnh hưởng đáng kể của hệ thống luật Pháp trong quá trình hình thành và thi hành luật dân sự trong khu vực này. Hoàng Việt Trung kỳ hộ luật sao chép lại hầu hết các điều khoản của Bộ Dân luật Bắc kỳ, những nguyên tắc và quy định cơ bản của Bộ luật được phát triển dựa trên nền tảng luật Pháp, và nó thể hiện sự tương tự với các quy định luật dân sự tại Pháp. Điều này thể hiện tôn trọng quyền con người, quyền sở hữu tài sản, đời tư cá nhân và nguyên tắc tuân theo luật pháp trong hệ thống pháp luật dân sự của Bắc kỳ vào thời điểm đó. Quy định tại Điều thứ 9: “Người và của không ai xâm phạm được và do pháp luật bảo hộ cho. Tài sản của mình thời không ai xâm phạm được, chỉ trừ khi có việc cần thiết chung do pháp luật chuẩn nhận, mà tất nhiên phải dùng đến, lại có chiếu giá trả tiền trước cho xứng đáng và trừ khi nào chiếu luật thi hành án kiện, thời không kể”. Quy định trong Bộ luật Dân sự Trung kỳ về quyền cá nhân và quyền sở hữu tài sản có nhiều điểm tương đồng với Bộ Dân luật Bắc kỳ. Cả hai đều khẳng định quyền cá nhân và quyền sở hữu tài sản của công dân. Tuy nhiên, điểm khác biệt quan trọng là cách cân nhắc giữa quyền cá nhân và lợi ích công cộng có thể khác nhau giữa các khu vực này, đó là trong Bộ luật Dân sự Trung kỳ việc xâm phạm quyền còn nhấn mạnh tính cân xứng bằng cách chiếu giá trả tiền, qua đó thể hiện việc xâm phạm giới hạn của quyền phải tương xứng với hệ quả và được bồi hoàn một khoản tiền tương

xung. Nguyên tắc này có lẽ cũng được áp dụng tương tự với các quyền cơ bản của con người một nguyên tắc cơ bản trong BLDS Pháp lúc bấy giờ.

Tại xứ Nam kỳ, đây là vùng thuộc địa của Pháp, quyền lập pháp nằm trong tay người Pháp và được thực hiện bằng sắc lệnh của Tổng thống Pháp. Bộ Dân luật giản yếu (Bộ luật Dân sự Nam kỳ năm 1883) đã được ban hành để áp dụng riêng cho Nam kỳ. Cấu trúc và nội dung có nhiều điểm tương đồng với Bộ Dân luật Bắc kỳ và Hoàng Việt Trung kỳ hộ luật. Mặc dù quyền về đời sống riêng tư của cá nhân không được quy cụ thể trong cuốn thứ nhất về người của bộ luật nhưng tại nhân thứ X nói về con nhỏ tuổi, - phép giữ gìn (thủ hộ) - cùng sự ra riêng quy định: “Kẻ còn nhỏ tuổi có vợ chồng rồi hoặc cha mẹ có làm lời khai trước mặt cai tổng hay trước mặt hai người hương chức thì là khỏi phép cha mẹ; khi ấy phải 15 tuổi mới được ra riêng... Đứa còn nhỏ tuổi được phép ra riêng làm việc buôn bán thì được trọn phép làm các giấy lá thuộc về buôn bán. Khi ấy có lẽ buộc nó y theo việc buôn bán”. Bộ luật Dân sự Nam kỳ năm 1883, dù không đề cập trực tiếp đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, mà tập trung vào việc quản lý và điều chỉnh cuộc sống gia đình và hôn nhân trong xã hội Nam kỳ thời kỳ đó. Một trong những điểm nổi bật là quy định về việc ra riêng của người 15 tuổi, mà đặt ra các điều kiện cụ thể cho việc này. Điều này bao gồm việc đảm bảo rằng họ đã có vợ chồng hoặc cha mẹ đã làm lời khai trước người có chức vụ. Nếu những điều kiện này được thỏa mãn, họ có thể tham gia vào các hoạt động buôn bán. Những quy định này đánh dấu một khía cạnh quan trọng của sự riêng tư trong cuộc sống cá nhân và gia đình trong xã hội Nam kỳ thời kỳ đó. Điều này thể hiện sự ghi nhận của pháp luật đối với các khía cạnh của đời sống cá nhân và gia đình, tạo ra một tương quan quan trọng với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong xã hội.

Như vậy, trong thời kỳ Pháp thuộc tại Việt Nam (1858 - 1945), những khía cạnh của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và các quyền con người không được coi trọng như ngày nay. Hệ thống pháp luật Pháp áp dụng chủ yếu nhằm quản lý và kiểm soát thuộc địa, không tập trung vào việc bảo vệ quyền cá nhân và tự do của người dân bản địa. Quyền lợi và tự do cá nhân không phải là ưu tiên trong chính sách và luật lệ thời kỳ này.

Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1980, với sự ra đời của Hiến pháp 1946 - bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã đặt nền móng cho việc ban hành các văn bản có hiệu lực sau Hiến pháp, trong đó có các văn bản pháp luật về dân sự chứa đựng các điều khoản cơ bản đầu tiên điều chỉnh đối với quyền về đời sống riêng tư. Điều 11 Hiến pháp 1946 quy định: “Tư pháp chưa quyết định

thì không được bắt bớ và giam cầm người công dân Việt Nam. Nhà ở và thư tín của công dân Việt Nam không ai được xâm phạm một cách trái pháp luật.” Từ năm 1954 đến năm 1975, Việt Nam tạm thời bị chia cắt thành hai miền với hai hệ thống chính trị, pháp lý khác nhau. Ở miền Bắc vẫn tiếp tục sử dụng một số luật lệ ở Bắc-Trung-Nam của giai đoạn trước. Hiến pháp 1959 thay thế Hiến pháp 1946, trong đó Điều 28 quy định: “Pháp luật bảo đảm nhà ở của công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hoà không bị xâm phạm, thư tín được giữ bí mật. Công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hoà có quyền tự do cư trú và đi lại”. Tuy nhiên, do hoàn cảnh lịch sử đất nước còn đang chiến tranh, xây dựng thống nhất đất nước nên giai đoạn này nước ta chưa quy định cụ thể hoá những nội dung liên quan đến bí mật cá nhân. Ngoài ra, ở giai đoạn này, với chế độ chính trị đặc thù giữa hai miền Bắc và Nam, nên tác giả chỉ khái quát sơ lược nội dung pháp luật trong tiến trình phát triển của pháp luật về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Đến giai đoạn 1980 - 1992, liên quan đến bí mật đời tư, Điều 71 Hiến pháp 1980 quy định: “Công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu người đó không đồng ý, trừ trường hợp được pháp luật cho phép. Việc khám xét chỗ ở phải do đại diện cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành, theo quy định của pháp luật. Bí mật thư tín, điện thoại, điện tín được bảo đảm...”.

Giai đoạn 1992 - 1995, đây được xem là giai đoạn chuyển biến mạnh mẽ trong các quy định của pháp luật Việt Nam. Hiến pháp 1992 ra đời, thay thế Hiến pháp 1980, quy định về nội dung quyền bí mật đời tư tại Điều 73: “Công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu người đó không đồng ý, trừ trường hợp được pháp luật cho phép. Thư tín, điện thoại, điện tín của công dân được bảo đảm an toàn và bí mật. Việc khám xét chỗ ở, việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện tín của công dân phải do người có thẩm quyền tiến hành theo quy định của pháp luật.” Một trong những mốc quan trọng đánh dấu sự phát triển vượt bậc của pháp luật dân sự đó là sự ra đời của BLDS 1995. Lần đầu tiên, BLDS đã quy định về quyền đối với bí mật đời tư với tư cách là một quyền nhân thân của cá nhân tại Điều 34. BLDS 2005 tiếp tục quy định về quyền bí mật đời tư tại Điều 38, theo đó: “1. Quyền bí mật đời tư của cá nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. 2. Việc thu thập, công bố thông tin, tư liệu về đời tư của cá nhân phải được người đó đồng ý; trong trường hợp người đó đã chết, mất năng lực hành vi dân sự, chưa đủ mười lăm tuổi thì phải được cha, mẹ, vợ, chồng, con đã thành niên hoặc

người đại diện của người đó đồng ý, trừ trường hợp thu thập, công bố thông tin, tư liệu theo quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. 3. Thư tín, điện thoại, điện tín, các hình thức thông tin điện tử khác của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật. Việc kiểm soát thư tín, điện thoại, điện tín, các hình thức thông tin điện tử khác của cá nhân được thực hiện trong trường hợp pháp luật có quy định và phải có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.” So với BLDS 1995 thì quy định về quyền bí mật đời tư trong BLDS 2005 không có sự thay đổi, bởi lẽ bí mật đời tư chỉ là một phần trong các sinh hoạt hàng ngày của cá nhân. Nhưng cùng với sự phát triển, thách thức mới cũng dần xuất hiện, đặc biệt trong bối cảnh xã hội hiện đại, với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ và thông tin. Các vấn đề về việc thu thập, lưu giữ và sử dụng thông tin cá nhân, cũng như việc bảo vệ các sinh hoạt hàng ngày của cá nhân ngày càng trở nên phức tạp hơn.

Như vậy, nhằm đáp ứng nhu cầu thay đổi của thực tiễn xã hội, BLDS 2015 ra đời như một biểu hiện tiến bộ trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật dân sự của Việt Nam. So với BLDS 2005, BLDS 2015 đã mang đến một bước đột phá trong việc công nhận và bảo vệ quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình. Sự mở rộng phạm vi quyền này so với quyền về bí mật đời tư ở BLDS 2005 không chỉ xuất phát từ việc học hỏi kinh nghiệm quốc tế mà còn phản ánh đúng tinh thần và truyền thống văn hoá pháp luật của Việt Nam. Thông qua BLDS 2015, Việt Nam đã chứng minh khả năng thích ứng sự thay đổi của bối cảnh xã hội, tính dự báo cao trong các quy định của pháp luật, đồng thời thể hiện điểm mới vượt bậc khi ghi nhận việc bảo vệ cuộc sống hàng ngày của cá nhân qua việc ghi nhận quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình so với việc ghi nhận quyền riêng tư trong các hệ thống pháp luật của các nước khác nhau trên thế giới khi bảo vệ những giá trị riêng tư của cá nhân trong sinh hoạt hàng ngày. Quá trình phát triển của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân chứng minh được rằng, đây là quyền cơ bản của con người, mang tính tất yếu của sự phát triển, hoàn thiện khung pháp lý đối với quyền này chính là nhu cầu của một xã hội văn minh, tiến bộ.

2.2. Khái niệm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân

2.2.1. Cơ sở lý luận hình thành khái niệm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân

Việc xác định một khái niệm rõ ràng về “quyền về đời sống riêng tư của cá nhân” là một yếu tố cốt lõi trong nghiên cứu và phân tích vấn đề này, tạo nên một

cơ sở vững chắc cho việc lập luận và đảm bảo tính thống nhất trong quá trình nghiên cứu. Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là một khái niệm pháp lý quan trọng, được xây dựng dựa trên nhiều cơ sở lý luận khác nhau. Các học giả pháp lý đã đưa ra nhiều lý thuyết để giải thích và bảo vệ quyền này. Trong đó, lý thuyết về quyền tự chủ của cá nhân nhấn mạnh rằng mỗi người có quyền kiểm soát thông tin và hoạt động cá nhân của mình mà không bị xâm phạm. Lý thuyết về quyền được bảo vệ thông tin cá nhân cho rằng mỗi cá nhân có quyền giữ bí mật về các thông tin cá nhân của mình. Các lý thuyết này thường được xây dựng dựa trên các nguyên tắc cơ bản của quyền con người, nhấn mạnh tầm quan trọng của quyền riêng tư trong việc bảo vệ phẩm giá và tự do cá nhân.

Theo từ điển tiếng Việt định nghĩa “quyền” là điều mà pháp luật và xã hội công nhận, cho được hưởng, được làm, được đòi hỏi³³, “riêng tư” thì được hiểu là “Riêng của từng người, từng cá nhân”³⁴, “đời sống” là “toàn bộ nói chung những hoạt động trong một lĩnh vực nào đó của con người, của xã hội. Đời sống riêng. Đời sống tinh thần. Đời sống văn hoá”³⁵. Đời sống riêng tư bao gồm các khía cạnh về thông tin cá nhân, hoạt động cá nhân, sở thích, quan điểm cá nhân của từng người, từng cá nhân.

Trong bối cảnh này, “quyền” được hiểu là khả năng được pháp luật công nhận và bảo vệ, cho phép cá nhân kiểm soát cuộc sống hàng ngày của mình, thông tin cá nhân, và quyết định về việc chia sẻ hoặc giữ kín thông tin đó. Ý nghĩa của quyền này là sự đảm bảo rằng mỗi cá nhân được sống trong một môi trường không bị giám sát, đánh giá, hay can thiệp một cách không cần thiết và không mong muốn.

Các điều kiện áp dụng của quyền về đời sống riêng tư bao gồm việc xác định rõ ràng phạm vi của quyền, xác định những gì được coi là sinh hoạt hàng ngày, thông tin cá nhân và những hoàn cảnh mà việc can thiệp vào đời sống riêng tư của cá nhân có thể được chấp nhận theo luật. Đặc biệt, trong bối cảnh phát triển của công nghệ 4.0, khái niệm này trở nên phức tạp hơn bao giờ hết. Công nghệ số và nền tảng mạng xã hội đã tạo ra những thách thức mới trong việc thu thập, xử lý và bảo vệ thông tin cá nhân, đòi hỏi sự điều chỉnh liên tục từ pháp luật để đáp ứng những thay đổi này.

³³ Viện Ngôn ngữ học (2006), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, tr.1068.

³⁴ Viện Ngôn ngữ học (2006), *Sđd* (33), tr.1087.

³⁵ Viện Ngôn ngữ học (2006), *Sđd* (33), tr.803.

Bên cạnh đó, sự cân nhắc giữa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và các quyền khác cũng trở thành một yếu tố quan trọng trong việc xác định ranh giới của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Điều này đòi hỏi sự nhận thức và trách nhiệm trong mối quan hệ giữa doanh nghiệp, cá nhân và quản lý nhà nước để đảm bảo quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được bảo vệ mà không làm ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích khác.

Ngoài ra, trong thời đại toàn cầu hóa và kỹ thuật số, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân không chỉ là vấn đề của một quốc gia mà đã trở thành một vấn đề toàn cầu. Điều này đòi hỏi một cách tiếp cận hợp tác quốc tế, cần phải có sự phối hợp chặt chẽ trong việc xác định và thực thi các tiêu chuẩn bảo vệ quyền đời sống riêng tư của cá nhân. Điều này không chỉ là sự mở rộng phạm vi của vấn đề, mà còn là sự nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hiểu và tuân thủ các chuẩn mực quốc tế trong lĩnh vực này, nhằm đảm bảo sự tôn trọng và bảo vệ.

2.2.2. Định nghĩa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân

Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, hoặc chính xác hơn, trong truyền thống pháp lý Châu Âu lục địa còn gọi là quyền được tôn trọng cuộc sống riêng tư và gia đình, và chúng được định nghĩa qua nhiều cách khác nhau. Điều này xuất phát từ sự không cụ thể của các công cụ pháp lý về nội dung của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, trên thực tế nó được xác định theo từng trường hợp cụ thể bởi Tòa án. Tuy nhiên, việc phân tích các phương pháp tiếp cận định nghĩa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo từng khía cạnh cụ thể của các học giả đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân sẽ cho phép tác giả rút ra được khái niệm bao quát đối với quyền này.

Bốn phương pháp tiếp cận chính trong các quan điểm khác nhau đối với việc định nghĩa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được thể hiện theo từng khía cạnh của quyền. Phương pháp đầu tiên bao gồm việc xác định ranh giới của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân thông qua việc xác định các yếu tố thể hiện nội dung của đời sống riêng tư. Hai phương pháp tiếp cận khác sẽ tập trung vào định nghĩa quyền đời sống riêng tư của cá nhân dựa vào các thành phần của khái niệm đời sống riêng tư. Phương pháp thứ tư không định nghĩa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo hướng liên quan đến các thành phần của quyền, mà theo hướng giới hạn khi đặt trong mối liên hệ đến quyền của bên thứ ba.

2.2.2.1. Định nghĩa quyền về đời sống riêng tư được biểu hiện dưới dạng thông tin, hoạt động

Nội dung của quyền đời sống riêng tư của cá nhân đã được một số học giả định nghĩa theo nghĩa rộng là “quyền được cho phép một mình”³⁶, hay “quyền của mỗi người trong việc đưa ra quyết định theo ý muốn của mình trong lĩnh vực đời sống riêng tư”³⁷, hoặc quyền có cơ hội hình thành cuộc sống của mình với sự can thiệp tối thiểu từ bên ngoài.

Cùng quan điểm nhưng không có sự phân loại chính xác và có lẽ cung cấp một góc nhìn rộng hơn, Tòa án nhân quyền Châu Âu (ECHR) bảo vệ một loạt thông tin và quyền tự do vượt ra ngoài các hoạt động thuần túy riêng tư, chẳng hạn như quyền đối với danh tính và phát triển cá nhân; quyền được thiết lập và phát triển mối quan hệ với người khác; quyền tự quyết định và tự chủ cá nhân; sự toàn vẹn về thể chất và tâm lý; hoạt động kinh doanh; thư, cuộc gọi điện thoại và cuộc trò chuyện, tin nhắn từ máy nhắn tin, thư từ bị giám sát trong quá trình kinh doanh hoặc từ nơi kinh doanh, và giao tiếp điện tử (bao gồm quyền của cá nhân kiểm soát thông tin thu được từ việc theo dõi việc sử dụng Internet cá nhân của họ; dữ liệu cá nhân cũng được bảo vệ và ECHR đặc biệt cho rằng việc lưu trữ và tiết lộ bởi một cơ quan công quyền thông tin liên quan đến cuộc sống riêng tư của một cá nhân là “sự can thiệp vào quyền của anh ta đối với tôn trọng đời sống riêng tư, không quan tâm thông tin được lưu trữ sẽ được sử dụng như thế nào trong bối cảnh của “phương pháp giám sát dẫn đến việc thu thập dữ liệu hàng loạt.”³⁸ Nói chung, việc lưu trữ dữ liệu liên quan đến đời sống riêng tư của một cá nhân là một sự can thiệp theo nghĩa của Điều 8 của Hiến chương về các quyền cơ bản của Liên minh châu Âu.³⁹ Bên cạnh đó, Tòa án nhân quyền Châu Âu đã nhiều lần tuyên bố rằng mục tiêu của Điều 8 về cơ bản là “bảo vệ cá nhân khỏi sự can thiệp tùy tiện của các cơ quan công quyền vào đời sống riêng tư hoặc gia đình của người đó”, sự can thiệp có thể được biện minh theo quy định tại khoản Điều 2 không mang tính tùy tiện

³⁶ Brandeis, L. D., & Warren, S. D. (2023), *The right to privacy*, Good Press, vol. IV, For an history of privacy including comments on S. Warren and L. Brandeis conception of privacy. Xem thêm: Saarenpää, A. (2008), Perspectives on privacy, *In Legal privacy*, tr.20.

³⁷ Theo Tòa án Tối cao Hoa Kỳ trong một quyết định năm 1965, Pierre Tabatoni (2000), “Vie privée: Une notion et des pratiques complexes”, in *La protection de la vie privée dans la société d'information*, under the direction of Pierre Tabatoni, tome 1, Cahier des sciences morales et politique, PUF, p.3, quotation p.4. (Tác giả dịch từ tiếng Pháp: Pierre Tabatoni, 2000), “Đời sống riêng tư: Một khái niệm và các thực hành phức tạp”, đoạn này xuất phát từ tài liệu “Bảo vệ đời sống riêng tư trong xã hội thông tin” của Pierre Tabatoni, tập 1, Cahier des sciences morales et politiques).

³⁸ ECHR, Chương 26.

³⁹ European Court of Human Rights, Factsheet, “Protection of personal data”, Press Unit, April 2017, tr.1, http://www.echr.coe.int/Documents/FS_Data_ENG.pdf (truy cập lần cuối: 01/06/2024).

và do đó phù hợp với việc tôn trọng đời sống riêng tư của cá nhân. Tuy nhiên, sự can thiệp chỉ được phép trong giới hạn được quy định trong đoạn này: Nếu nó vượt qua những giới hạn này, thì đó là vi phạm quyền tôn trọng lĩnh vực riêng tư của cá nhân. Vì các quốc gia thành viên của Công ước bảo đảm tuân theo Điều 8, và tránh sự can thiệp không thỏa đáng vào lĩnh vực riêng tư, nên họ đã thừa nhận những gì có thể được mô tả là nghĩa vụ tiêu cực. Đây là cách tiếp cận chủ yếu của cả Ủy ban Châu Âu và Tòa án Châu Âu đối với việc giải thích Điều 8. Việc áp dụng cách tiếp cận này cho một khiếu nại cụ thể đòi hỏi phải trả lời một loạt ba câu hỏi cơ bản, trong đó mỗi câu hỏi chỉ phát sinh nếu câu hỏi trước đó được trả lời một cách khẳng định⁴⁰:

(i) Khiếu nại có liên quan đến lĩnh vực riêng tư của người nộp đơn không? Nếu vậy,

(ii) Cơ quan công quyền có can thiệp vào lĩnh vực riêng tư của người nộp đơn không? Nếu vậy,

(iii) Việc can thiệp có hợp lý theo khoản 2 Điều 8 không?

Điều này đặt nền tảng cho việc đánh giá các khiếu nại về việc vi phạm đời sống riêng tư của cá nhân đồng thời thúc đẩy quá trình bảo vệ đời sống riêng tư và tự quyết định của cá nhân trước sự can thiệp từ cơ quan công quyền. Cách tiếp cận này giúp đảm bảo rằng quyền về đời sống riêng tư được bảo vệ và áp dụng một cách rõ ràng và hợp lý trong các trường hợp cụ thể.

Như vậy, theo quan điểm trên, định nghĩa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là bao gồm toàn bộ các thông tin có được từ một cá nhân hoặc các hoạt động mà cá nhân đó tự mình quyết định.

Tuy nhiên, hạn chế trong cách tiếp cận quyền về đời sống riêng tư được biểu hiện dưới dạng thông tin, hoạt động đó là việc xác định và phân loại thông tin cá nhân, khiến việc bảo vệ và thực thi quyền này trở nên phức tạp, nhất là trong thế giới số hóa. Đồng thời, việc cân nhắc giữa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và lợi ích công cộng vẫn chưa được đặt ra. Ngoài ra, việc thực thi và giám sát, yêu cầu nguồn lực và công nghệ, đặc biệt khi đối mặt với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ mới. Mâu thuẫn giữa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và các quyền lợi khác như tự do ngôn luận trong cách tiếp cận này vẫn còn bỏ ngỏ, mặc dù cách tiếp cận này đã thể hiện được bản chất cốt lõi trong việc bảo vệ cá nhân khỏi các can thiệp không mong muốn.

⁴⁰ Connolly, A. M. (1986), "Problems of interpretation of Article 8 of the European Convention on Human Rights", *International & Comparative Law Quarterly*, 35(3), tr.570.

2.2.2.2. Định nghĩa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân dựa trên ngữ cảnh của việc thực hiện quyền

Đời sống riêng tư không chỉ bao gồm thông tin mà tùy thuộc vào từng bối cảnh khác nhau thì cách hiểu về đời sống riêng tư cũng khác nhau. Một số học giả không định nghĩa quyền về đời sống riêng tư là gì, nhưng lại chia quyền về đời sống riêng tư của cá nhân thành nhiều danh mục, khía cạnh hoặc các loại quyền riêng tư, không dựa trên việc xác định chính xác thông tin và quyền tự do tạo thành quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, cũng không dựa trên các mối liên kết giữa chủ thể quyền và các bên thứ ba tham gia trong ngữ cảnh này. Theo học giả Roger Clarke xem xét, quyền riêng tư được phân chia thành: (i) quyền riêng tư của thông tin cá nhân, (ii) quyền riêng tư của một người, (iii) quyền riêng tư của hành vi cá nhân, và (iv) quyền riêng tư của giao tiếp cá nhân⁴¹. Hay nhóm học giả Rachel Finn, David Wright and Michael Friedewald đã xác định bảy loại quyền riêng tư” (cụ thể là “của một người, về tư tưởng và cảm xúc, về địa điểm và không gian, về dữ liệu và hình ảnh, về hành vi và hành động, về giao tiếp, và về sự kết hợp, bao gồm quyền riêng tư nhóm”)⁴².

Điểm nổi bật trong quan điểm này là học giả Ahti Saarepää đã xác định có khoảng ít nhất mười một lĩnh vực cốt lõi chính của quyền riêng tư đó là quyền riêng tư về thể chất, quyền riêng tư không gian, quyền riêng tư xã hội, quyền riêng tư truyền thông, quyền được ẩn danh, quyền riêng tư trong quá trình xử lý dữ liệu cá nhân, quyền sở hữu thông tin, quyền được đánh giá một cách chính xác, quyền riêng tư của bệnh nhân, quyền riêng tư trong cuộc sống làm việc và quyền riêng tư trong giao tiếp⁴³.

Mỗi một ngữ cảnh riêng, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân cũng cần được tôn trọng theo những tính chất khác nhau và mang nội dung không giống nhau. Chẳng hạn, ở bệnh viện, quyền về đời sống riêng tư được ghi nhận ở việc bảo vệ các thông tin của bệnh nhân, đảm bảo bệnh nhân có các không gian riêng khi có yêu cầu. Điều này có nghĩa, khái niệm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân sẽ phụ thuộc vào từng bối cảnh mà chúng ta xem xét. Tác giả cho rằng, việc đánh giá như các quan điểm trên không phải là không có cơ sở, bởi lẽ, trong mỗi trường hợp, phạm vi, mức độ, nội dung của đời sống riêng tư sẽ khác nhau.

⁴¹ Clarke, R. (2006, July), *What's "Privacy"*, In Australian law reform commission workshop (Vol. 28), tr.13,

⁴² Finn, R. L., Wright, D., & Friedewald, M. (2013), Seven types of privacy, *European data protection: coming of age*, tr.3-32.

⁴³Ahti Saarepää, Perspectives on privacy, in Ahti Saarepää, *Legal privacy*, LEFIS Series, 5, Prensas Universitarias de Zaragoza, tr.27 (<http://puz.unizar.es/detalle/898/Legal+privacy-0.html>, (truy cập lần cuối: 01/06/2024).

Như vậy, quan điểm này chỉ định nghĩa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là quyền của cá nhân được bảo vệ đời sống riêng tư của mình trong từng ngữ cảnh cụ thể thông qua việc phân loại thành những quyền riêng tư khác nhau.

Tuy nhiên, khi định nghĩa quyền về đời sống riêng tư dựa trên từng ngữ cảnh cụ thể, thì cách tiếp cận này sẽ khó khăn trong việc xác định và áp dụng một cách đồng nhất quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong mỗi tình huống. Sự mơ hồ và đa dạng của ngữ cảnh tạo ra thách thức trong việc thiết lập chuẩn mực chung, cũng như cân nhắc giữa bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và các lợi ích khác. Ngoài ra, định nghĩa này đòi hỏi một cách tiếp cận linh hoạt và cập nhật liên tục, để đảm bảo quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được bảo vệ một cách công bằng và hợp lý trong mọi ngữ cảnh cụ thể.

2.2.2.3. Định nghĩa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đặt trong các hành động cần thiết để bảo vệ quyền

Học giả Pierre Kayser chia quyền về đời sống riêng tư của cá nhân thành hai lĩnh vực có thể được gọi là “bí mật của đời sống riêng tư” và “tự do của đời sống riêng tư”⁴⁴. Bí mật của đời sống riêng tư là sự không rõ ràng đối với người khác về cuộc sống cá nhân và gia đình. Điều này bao gồm bí mật của giao tiếp, bí mật của mối quan hệ được xây dựng với các bên thứ ba, quyền được lãng quên, và bí mật của hình ảnh và giọng nói của một người⁴⁵. Các thông tin này được chủ thể quyền “giữ” và không tiết lộ với bên thứ ba hoặc bất kỳ ai không liên quan. Chủ thể quyền có thể áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ thông tin đó hoặc “im lặng”, không tiết lộ, hoặc muốn chủ thể khác “quên” các thông tin hay bản thân chủ thể quyền. Lĩnh vực này được nghiên cứu cho thấy tính riêng tư thể hiện ở việc thông tin chỉ được chủ thể quyền (hoặc đôi khi có các chủ thể có liên quan biết, như gia đình) biết và giữ, các chủ thể khác không được tiếp cận.

Tự do của đời sống riêng tư được định nghĩa là quyền của một người để đưa ra những quyết định mà được cho là tốt nhất cho phần cuộc sống của mình, không bị phụ thuộc vào bất kỳ chủ thể nào khác, được biểu hiện dưới dạng hình thức vật lý (như tự do vật lý, tự do di chuyển) hoặc hình thức tinh thần (như tự do tín ngưỡng)⁴⁶. Điều này có nghĩa rằng, đời sống riêng tư xét trong sự tự do quyết định cả về vật chất, tinh thần trong môi trường tự nhiên và cả trên nền tảng

⁴⁴ Pierre Kayser (1995), *La protection de la vie privée par le droit* (Tạm dịch: Bảo vệ quyền riêng tư theo pháp luật), PU d'Aix-Marseille/Economica, tr.12.

⁴⁵ Estelle De Marco (2005), *L'anonymat sur Internet et le droit* (Tạm dịch: Ẩn danh trên Internet và pháp luật), thesis, Montpellier.

⁴⁶ Pierre Kayser (1995), *tlđđ* (44), tr.344.

Internet. Tự do và bí mật của đời sống riêng tư có mối liên hệ chặt chẽ, vì việc thực hiện quyền tự do trong cuộc sống riêng tư tạo ra nội dung riêng tư được bảo vệ bởi bí mật, và bí mật có thể là một điều kiện cho việc thực hiện đúng mực của một số loại quyền riêng tư.

Do đó, đời sống cá nhân là tổng thể thông tin, cuộc sống hàng ngày của một cá nhân và đời sống riêng tư của cá nhân là sự tự do của cá nhân trong việc kiểm soát toàn bộ cuộc sống và thông tin của mình đối với người khác mà không nhất thiết phải dựa vào các công cụ hoặc biện pháp cụ thể. Tác giả cho rằng, đây cũng là một cách thức để xác định bản chất của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Như vậy, định nghĩa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo quan điểm này là quyền tự quyết của cá nhân trong việc bảo vệ những thông tin của mình mà không phụ thuộc vào bất kỳ chủ thể nào.

Việc tiếp cận quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được định nghĩa dựa trên quyền tự quyết trong việc kiểm soát thông tin và cuộc sống cá nhân dẫn đến việc phụ thuộc vào khả năng tự phòng vệ cá nhân có thể tạo ra bất bình đẳng, vì không phải mọi người đều có đủ nguồn lực hoặc kiến thức để bảo vệ. Ngoài ra, với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, việc kiểm soát thông tin cá nhân trở nên cực kỳ khó khăn, làm dấy lên vấn đề về công bằng và tiếp cận pháp lý trong bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

2.2.2.4. Định nghĩa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân liên quan đến quyền của bên thứ ba

Một số học giả cho rằng định nghĩa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân thông qua việc xác định giới hạn của quyền, những biện pháp này cho phép theo đuổi lợi ích công cộng, bên cạnh những giới hạn mà một người đặt ra cho lĩnh vực riêng tư của mình hoặc do sự tham gia của người này trong cuộc sống xã hội và công cộng. Theo cách tiếp cận này, quyền về đời sống riêng tư đặt trong mối liên hệ với bên thứ ba sẽ cho thấy các góc nhìn mới mẻ về bản chất của quyền này. Nói đến quyền của bên thứ ba⁴⁷ trong việc đề cập đến quyền về đời sống

⁴⁷ Florence Deboissy (2000), "La divulgation d'une information patrimoniale", tr.26: "The right to respect for private life is completely directed against others. Its object must therefore be defined in relation to third parties" (dịch từ tiếng Pháp); José Duclos, *L'opposabilité - Essai d'une théorie générale*, Thesis, LGDJ, 1984 và Ruth E Gavinson, "Privacy and the limits of law": "Our interest in privacy, I argue, is related to our concern over our accessibility to others: the extent to which we are known to others, the 'extent to which others have physical access to us, and the extent to which we are the subject of others' attention" (tr.423); "The desire not to preempt our inquiry about the value of privacy by adopting a value-laden concept at the outset is sufficient to justify viewing privacy as a situation of an individual vis-a-vis others, or as a condition of life" (tr.425).

riêng tư chính là tiêu chí sẽ giúp xác định xem một yếu tố liên quan đến cuộc sống của một người cụ thể sẽ được xem là riêng tư hay không riêng tư, mỗi bên thứ ba đều có quyền hạn hơn hoặc ít hơn để kiểm soát tự do hành động hoặc thông tin cá nhân của người này⁴⁸.

Định nghĩa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo cách hiểu này xem xét rằng việc bảo vệ cuộc sống cá nhân khỏi sự tiết lộ và can thiệp của bên thứ ba là nguyên tắc. Tuy nhiên, nó sẽ phụ thuộc vào sự hợp pháp của những bên thứ ba này có thể được truy cập hay tác động đến các quyền về đời sống riêng tư trong những trường hợp được pháp luật cho phép. Do đó, với cách ghi nhận nguyên tắc và ngoại lệ này sẽ giúp xác định được trong mỗi trường hợp cụ thể, điều gì liên quan đến cuộc sống riêng tư và điều gì được loại trừ khỏi lĩnh vực này. Thực tế, đây là cách thức được biết đến rộng rãi và được đề xuất trong Công ước Châu Âu về Quyền con người và Hiến pháp Liên minh Châu Âu về Quyền cơ bản⁴⁹.

Khi định nghĩa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân liên quan đến quyền của bên thứ ba thì việc xác định ranh giới giữa cái được bảo vệ và không bảo vệ trở nên phức tạp, đặc biệt khi đối mặt với các ngoại lệ cho phép bên thứ ba can thiệp. Sự hợp pháp của bên thứ ba cũng tạo ra những tranh cãi và khó khăn trong việc giám sát và quản lý, đòi hỏi một hệ thống pháp lý và kiểm soát chặt chẽ. Đồng thời, tính không toàn diện trong việc định nghĩa và phân biệt thông tin cá nhân có thể dẫn đến hiểu biết và thực thi không đồng nhất. Những hạn chế này làm nổi bật thách thức trong việc bảo vệ quyền đời sống riêng tư một cách toàn diện và công bằng, đồng thời cần có sự điều chỉnh liên tục từ phía các nhà lập pháp và cơ quan thực thi. Do đó, quan điểm này không hoàn toàn hợp lý, bởi nó có xu hướng xem xét rằng những yếu tố không được bảo vệ của đời sống riêng tư (ngoại lệ với bên thứ ba) không phải là yếu tố của đời sống riêng tư, thế nên cách hiểu này không mang tính toàn diện.

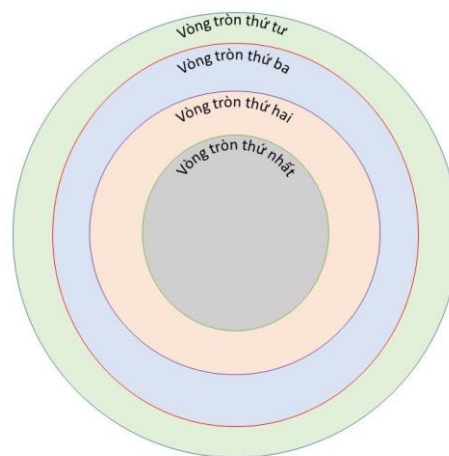
⁴⁸ Florence Deboissy (2000), “La divulgation d'une information patrimoniale”, tr.267: “*The debate is (...) about the legitimacy of the control of the information, which special characteristic is to be personal, that is to say representative of a personality. Moreover, such a conception of private life allows forestalling the classical criticism of the theory of rights in the personality, that is to say the confusion between object and subject of law. Indeed, each individual has a prerogative not on himself but on an object that is outside of himself, the information*” (dịch từ tiếng pháp) On the coexistence of freedoms and personal data in the content of private life, và Saarenpää, “Perspectives on privacy”, at http://efis.unizar.es/images/_documents/outcomes/efis_series/efis_series_5/capitulo1.pdf, tr.21, truy cập lần cuối: 01/06/2024, “*when privacy is mentioned, we have to determine in each case whether we are talking about privacy as it relates to information and the processing of data or privacy more broadly in the sense of an individual's right to be left alone*”.

⁴⁹ Estelle De Marco (2018), *Comparative study between Directive 95/46/EC & the GDPR including their relations to fundamental rights*, Deliverable D2.10, INFORM project, https://www.inthemis.fr/ressources/INFORM_D2.10_Comparative_analysis_GDPR_Dir9546EC.pdf, Section 2.3.2, (truy cập lần cuối: 01/06/2024).

Từ những quan điểm khác nhau về cách tiếp cận định nghĩa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân của các học giả khác nhau, tác giả cho rằng mỗi cách hiểu cho thấy một khía cạnh của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Các quan điểm đều góp phần hình thành nên bản chất của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Nội dung của đời sống riêng tư bao gồm tất cả các thông tin và quyền tự do liên quan đến một người, trong khi quyền của bên thứ ba sẽ giúp xác định các giới hạn của khu vực riêng tư được bảo vệ, chứ không còn là toàn bộ lĩnh vực riêng tư nữa. Điều đó có nghĩa rằng, tất cả những gì liên quan đến một cá nhân sẽ theo bản chất là riêng tư, nhưng các yếu tố cuộc sống riêng tư chỉ được bảo vệ bởi các công cụ pháp lý, theo từng trường hợp, dựa trên quyền của bên thứ ba, những bên thứ ba này có thể có nhiều hoặc ít quyền hạn hợp pháp để kiểm soát quyền tự do hành động của người khác hoặc thông tin cá nhân của người khác.

Khái niệm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được hiểu một cách rộng trong các ranh giới được thiết lập bởi ECHR và EUCFR để cân nhắc xung đột giữa các quyền cơ bản, điều này cũng có nghĩa là nội dung của quyền đời sống riêng tư của cá nhân sẽ được bảo vệ chắc chắn là mang tính ngữ cảnh, và phụ thuộc vào các cá nhân và bên liên quan, bên cạnh các giá trị đạo đức và giá trị, tính hợp pháp của các quyền khác đang bị đe dọa.

Từ các quan điểm khác nhau của các học giả về định nghĩa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, cũng như kế thừa quan điểm của học giả Kurt⁵⁰ về vòng tròn đồng tâm trong việc xác định mức độ của thông tin, tác giả minh họa thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân như sau:



Hình ảnh minh họa

⁵⁰ Kurt Lewin (1948), *Resolving Social Conflicts*, New York, tr.18-33.

Vòng tròn thứ nhất, trung tâm, là nơi ẩn chứa những bí mật sâu kín nhất của một cá nhân. Nơi đây chứa những thông tin nhạy cảm, thông tin đặc biệt quan trọng chỉ khi cá nhân cảm thấy hoàn toàn an tâm và tin tưởng, mới chọn tiết lộ. Những bí mật này thường được giữ kín, bởi chúng không chỉ là thông tin liên quan đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, mà còn là phần cốt lõi nhất liên quan đến các giá trị của cá nhân.

Tiếp theo, vòng tròn thứ hai là không gian dành cho thông tin mà cá nhân chọn chia sẻ với những người thân thiết như bạn bè hoặc người thân. Đây là những thông tin quan trọng, nhưng không quá nhạy cảm, và được chia sẻ dựa trên niềm tin rằng người nhận thông tin sẽ không sử dụng thông tin đó vượt qua mục đích được chia sẻ.

Vòng tròn thứ ba mở rộng hơn, chứa đựng thông tin mà người đó có thể chia sẻ trong một nhóm hoặc cộng đồng cụ thể mà họ là thành viên. Đây có thể là thông tin về sở thích, quan điểm, hoặc những trải nghiệm cá nhân. Sự chia sẻ ở vòng tròn này giúp xây dựng mối quan hệ và cảm giác gắn kết với cộng đồng, nhưng vẫn giữ được một mức độ bảo vệ nhất định về thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân.

Cuối cùng, vòng tròn thứ tư, là tầng ngoại cùng, nơi thông tin cá nhân trở nên mở cửa và có thể tiếp cận bởi mọi người. Biểu thị cấp độ thông tin ngày càng công cộng, nơi thông tin trở nên mở cửa cho tất cả mọi người. Vòng tròn này biểu thị cho sự sẵn lòng của cá nhân trong việc chia sẻ bản thân với thế giới bên ngoài, đồng thời cũng là bức tường bảo vệ cho những vòng tròn bên trong.

Như vậy, thông qua quan điểm của các học giả về định nghĩa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, khái niệm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được hiểu một cách rộng trong các ranh giới được thiết lập bởi ECHR và EUCFR và minh họa các vòng tròn đồng tâm đối với các thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân, tác giả cho rằng cần có một khái niệm đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong pháp luật dân sự Việt Nam là vô cùng cần thiết, nhằm định hình nó với quy mô, phạm vi, nội dung của quyền, góp phần đảm bảo việc thực thi có hiệu quả trên thực tế.

Do đó, tác giả kiến nghị khái niệm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, cụ thể như sau:

Kiến nghị thứ nhất:

Khái niệm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân:

Quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân là quyền được bảo vệ thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân trên nguyên tắc tự chủ của cá nhân trong việc xác định mức độ và phạm vi thông tin. Mỗi cá nhân có quyền tự quyết định những thông tin nào thuộc về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của mình, trừ trường hợp luật có quy định khác.

Từ đó, tác giả kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều 38 BLDS 2015 như sau:

Điều 38: Quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình

Đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ.

Quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân là quyền được bảo vệ thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân trên nguyên tắc tự chủ của cá nhân trong việc xác định mức độ và phạm vi thông tin. Mỗi cá nhân có quyền tự quyết định những thông tin nào thuộc về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của mình, trừ trường hợp luật có quy định khác.

2.3. Đặc điểm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân

Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân không chỉ là một quyền cơ bản của con người mà còn là một yếu tố then chốt trong việc duy trì thông tin liên quan đến đời sống riêng tư khỏi sự can thiệp trái ý muốn. Thông qua khái niệm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân thì việc xem xét các đặc điểm cơ bản của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân sẽ quan trọng trong việc hiểu rõ phạm vi và nội dung của quyền, mà còn cung cấp cái nhìn sâu sắc về cách thức quyền này được bảo vệ và thách thức trong bối cảnh hiện nay.

2.3.1. Sự tự chủ của cá nhân đối với thông tin liên quan đến đời sống riêng tư

Theo từ điển tiếng Việt thì tự chủ là “1. Tự điều hành, quản lí mọi công việc của mình, không bị ai chi phối; 2. Tự làm chủ tình cảm, hành động của mình, không dễ bị hoàn cảnh chi phối”⁵¹. Sự tự chủ của cá nhân đối với thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, là một đặc điểm quan trọng, chủ chốt định hình quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong thực tế. Đặc điểm này phản ánh quyền cơ bản của

⁵¹ Viện Ngôn ngữ học (2006), *Sđd* (33), tr.1075.

cá nhân trong việc kiểm soát thông tin cá nhân, đặc biệt là thông tin liên quan đến đời sống riêng tư. Sự tự chủ của cá nhân trong việc xác định ranh giới thông tin liên quan đời sống riêng tư của mình có mối liên hệ, gắn liền với năng lực hành vi dân sự của cá nhân. Nếu như năng lực pháp luật dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân có quyền, nghĩa vụ dân sự do pháp luật quy định là như nhau, thì năng lực hành vi dân sự của cá nhân phụ thuộc vào khả năng nhận thức và độ tuổi của cá nhân đó nên mỗi cá nhân khác nhau sẽ có năng lực hành vi khác nhau.

Đối với người thành niên là những người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ trừ trường hợp bị Tòa án tuyên bố mất hoặc tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi thì họ đều có sự tự chủ của mình trong việc xác định ranh giới thông tin liên quan đời sống riêng tư của mình và duy trì nó, bằng việc xác định đâu là ranh giới riêng tư của cuộc sống mà chủ thể quyền sẽ có cách ứng xử khác nhau đối với quyền về đời sống riêng tư của mình trong mối quan hệ với các chủ thể khác trong các sinh hoạt hàng ngày. Đối với người chưa thành niên là những người chưa có khả năng nhận thức đánh giá toàn diện các vấn đề liên quan đến đời sống cá nhân, nên sự tự chủ của họ sẽ bị hạn chế trong một số trường hợp nhất định nhằm bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích liên quan đến những người này và góp phần hạn chế phát sinh tranh chấp⁵².

Do đó, sự tự chủ của cá nhân đối với thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân như một hệ thống các vòng tròn đồng tâm mở rộng dần từ trung tâm ra ngoài. Vòng tròn cứ tiếp tục mở rộng ra, biểu thị cấp độ thông tin ngày càng công cộng cho đến khi đạt đến vùng ngoại vi, nơi thông tin cá nhân trở nên mở cửa cho tất cả mọi người. Do đó, thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân sẽ là sự tự chủ của cá nhân trong việc điều chỉnh và kiểm soát của họ, tùy thuộc vào ngữ cảnh và mức độ tin cậy đối với người nhận thông tin.

Thông qua minh họa của các vòng tròn đồng tâm thì sự tự chủ của cá nhân đối với thông tin liên quan đến đời sống riêng tư đòi hỏi sự minh bạch và trách nhiệm trong quá trình xử lý thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân. Cá nhân có quyền yêu cầu thông tin chi tiết về cách thức thông tin của họ được thu thập, lưu giữ, sử dụng, và công khai. Cá nhân cũng được thông báo về các quyền và lựa chọn của mình liên quan đến thông tin cá nhân, giúp họ có thể đưa ra quyết định

⁵² Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2021), Giáo trình Những quy định chung về luật dân sự - Tái bản lần 1, có sửa đổi, bổ sung, Nxb. Hồng Đức, tr.116.

thông tin và kiểm soát hiệu quả đối với thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của mình. Quyền này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tôn trọng và bảo vệ sự tự chủ của cá nhân trong việc quản lý thông tin liên quan đến đời sống riêng tư cá nhân, đặc biệt trong bối cảnh xã hội với thông tin ngày càng phức tạp và đa dạng.

2.3.2. Hành vi xâm phạm tác động vào các nguồn thông tin mang nội dung về đời sống riêng tư

Vi phạm dân sự là những hành vi trái pháp luật, có lỗi xâm hại tới những quan hệ tài sản, quan hệ nhân thân có liên quan tới tài sản, quan hệ phi tài sản...⁵³ Những hành vi xâm phạm đến các quan hệ nhân thân và tài sản được pháp luật bảo vệ bằng những chế tài có tính răn đe để bảo vệ công lý, lẽ phải, quyền công bằng giữa con người với nhau. Hành vi vi phạm dân sự chủ yếu là vi phạm các nguyên tắc của bộ luật dân sự; vi phạm các điều cấm; vi phạm nghĩa vụ dân sự; vi phạm hợp đồng dân sự... Đây là hành vi trái pháp luật và có lỗi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm phạm quan hệ tài sản, quan hệ nhân thân gắn với tài sản, quan hệ nhân thân không gắn với tài sản. Như vậy, hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân khác với các hành vi vi phạm dân sự khác như danh dự, nhân phẩm, uy tín cá nhân là hành vi trái pháp luật tác động vào các nguồn thông tin mang nội dung về đời sống riêng tư của cá nhân. Đây là đặc điểm quan trọng để xác định đâu là hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Mỗi cá nhân đều có quyền và năng lực để tự quyết định những gì thuộc về không gian riêng tư và những thông tin nào có thể được chia sẻ, để từ đó xác định đâu là nguồn thông tin mang nội dung về đời sống riêng tư của cá nhân với những mức độ của thông tin khác nhau. Hình ảnh các vòng tròn đồng tâm là một biểu tượng mạnh mẽ cho thấy sự phân cấp và phân tầng của mức độ thông tin liên quan đến đời sống riêng tư. Mỗi vòng tròn được minh họa tượng trưng cho một cấp độ riêng tư đặc thù, được cá nhân tự định hình dựa trên sự hiểu biết, tự chủ và mong muốn của mình, từ đó tạo nên một không gian riêng tư đa dạng và phong phú, phản ánh cá tính và nhu cầu riêng biệt của mỗi người.

Do đó, hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân tác động vào các nguồn thông tin mang nội dung về đời sống riêng tư sẽ dựa vào phạm vi và

⁵³ Trường Đại học Luật Hà Nội (2009), *Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb. Công an nhân dân – Hà Nội, tr.504.

mức độ của các vòng tròn mà cá nhân xác định trong sinh hoạt cuộc sống hàng ngày. Mọi cá nhân có quyền chọn cách tiếp cận và chia sẻ thông tin với bạn bè, gia đình, đồng nghiệp hoặc công chúng dựa trên mức độ tin tưởng và mục tiêu của mỗi mối quan hệ. Đặc điểm này phản ánh rằng đời sống riêng tư không phải là một thuộc tính cố định mà là một quá trình động, được xác định và tái xác định liên tục qua từng quyết định và hành vi của mỗi cá nhân trong sự tương tác với các chủ thể khác trong xã hội.

2.3.3. Chỉ được bảo vệ khi có yêu cầu

Quyền tự định đoạt của các chủ thể khi tham gia quan hệ pháp luật dân sự đã dẫn đến một hệ quả quan trọng, đó là các chủ thể được phép thực hiện quyền của mình theo nhiều cách thức khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu của bản thân mình⁵⁴. Do vậy, chủ thể quyền có thể bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân một cách chủ động nhất.

Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân chỉ được bảo vệ khi có yêu cầu của chủ thể quyền, sự bảo vệ các thông tin liên quan đến đời sống riêng tư chỉ được kích hoạt khi người có quyền đối với thông tin đó (chủ thể quyền) chủ động yêu cầu. Sự chủ động này không chỉ phản ánh nhu cầu về việc cá nhân tự bảo vệ mình mà còn nhấn mạnh đến quyền tự chủ trong việc xác định nguồn thông tin mang nội dung về đời sống riêng tư. Trên cơ sở đó, cá nhân bằng hành vi pháp lý của mình sẽ yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của mình.

Khác với các quyền nhân thân liên quan đến cơ thể con người như quyền đối với tính mạng và sức khỏe được bảo vệ một cách vô thời hạn và không phụ thuộc vào đơn yêu cầu từ chủ thể quyền. Bởi lẽ, mọi cá nhân, bất kể nhận thức hay mong muốn của họ, tự động được hưởng sự bảo vệ này như một phần không thể tách rời của quyền được sống và được chăm sóc sức khỏe. Điều này phản ánh sự ưu tiên cấp thiết và không thể từ chối của quyền lợi này trong việc duy trì sự sống và nhân phẩm của con người. Ngược lại, các giá trị nhân thân là khách thể trong các quan hệ nhân thân như quyền về đời sống riêng tư của cá nhân không tự động được bảo vệ theo cách tương tự. Mặc dù quyền này cũng rất quan trọng trong việc bảo vệ những giá trị cơ bản của con người, nhưng pháp luật đòi hỏi cá nhân phải chủ động yêu cầu hoặc khẳng định quyền của mình để được bảo vệ. Điều này không chỉ phản ánh

⁵⁴ Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2021), *Sđd* (52), tr.58.

sự nhạy cảm và đa dạng của thông tin liên quan đến đời sống riêng tư mà còn phản ánh quan điểm rằng cá nhân có trách nhiệm và quyền tự quyết định về thông tin riêng tư của mình.

Ngoài ra, việc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân sau khi cá nhân chết có thể theo yêu cầu của vợ, chồng hoặc con thành niên; trường hợp không có những người này thì theo yêu cầu của cha, mẹ của người đã chết, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác. Thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân được đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng nào thì phải được gỡ bỏ bằng chính phương tiện thông tin đại chúng đó. Bởi lẽ, việc một cá nhân chết, các vấn đề như chia sẻ thông tin đời sống riêng tư, các bí mật đời tư của họ cũng cần được tôn trọng. Bởi vì, thông tin cá nhân của người chết không thể biến mất cùng với người chết. Như học giả Mark Littmann đã chỉ ra rằng “con người là một động vật xã hội, không con người nào có thể tồn tại lâu dài trong sự cô lập hoàn toàn với tất cả những người khác.”⁵⁵ Chẳng hạn, việc tiết lộ thông tin y tế về những căn bệnh truyền nhiễm của bệnh nhân sau khi họ qua đời, thì gia đình, con cái của người quá cố hoặc bạn bè chắc chắn sẽ bị phân biệt đối xử ở một mức độ nào đó. Hay những thông tin liên quan đến các vấn đề riêng tư, nhật ký của người quá cố mặc dù không xúc phạm, ảnh hưởng đến những giá trị của họ nhưng cũng có thể ảnh hưởng những người liên quan. Vì vậy, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân chỉ được bảo vệ khi cá nhân có yêu cầu và trong trường hợp cá nhân chết thì có thể được bảo vệ theo yêu cầu của vợ, chồng hoặc con thành niên; trường hợp không có những người này thì theo yêu cầu của cha, mẹ của người đã chết, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác.

Do đó, người đã chết cần được bảo vệ sự riêng tư, điều này không chỉ để bảo vệ danh tiếng của người đã chết mà còn để bảo vệ đầy đủ lợi ích riêng tư của những người đang sống.

2.4. Mối quan hệ giữa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân với các quyền nhân thân khác

2.4.1. Mối liên hệ giữa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân với quyền đối với bí mật cá nhân, bí mật gia đình

Bên cạnh quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, Điều 38 BLDS 2015 còn đề cập đến quyền đối với bí mật cá nhân, bí mật gia đình. Giống như đặc điểm

⁵⁵ Littman M (1970), *A report by justice: privacy and the law*, The Eastern Press, London.

chung của quyền về đời sống riêng tư, quyền đối với bí mật cá nhân là cũng là quyền dân sự, là quyền nhân thân gắn với cá nhân bất khả xâm phạm và không thể chuyển giao cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào khác. Mỗi cá nhân đều có những thông tin, những kỷ niệm, những trải nghiệm và quan điểm riêng, nằm sâu trong trái tim và tâm hồn của mình và che giấu, không mong muốn chia sẻ với người khác. Những bí mật này có thể là kết quả của các mối quan hệ xã hội, trải nghiệm cá nhân hoặc các hoạt động hàng ngày. Bí mật cá nhân không chỉ bao gồm những thông tin từ quá khứ mà còn vài thông tin hiện tại và kỳ vọng cho tương lai mà cá nhân không muốn công khai⁵⁶. Cá nhân có thể áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ thông tin đó hoặc tự bản thân xác định đây là các vấn đề “bí mật” không muốn bất kỳ chủ thể nào biết được.

Như đã phân tích, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được minh họa như lõi của các vòng tròn đồng tâm, nơi chứa các “bí mật” không thể chia sẻ với bất kỳ ai trừ khi cá nhân đó tự mình tiết lộ và tiếp tục các vòng tròn cho đến khi đạt đến các vòng ngoài và biểu hiện ở trạng thái “mở” cho tất cả người quan sát.

Đối với bí mật gia đình, bí mật gia đình là một khía cạnh quan trọng của đời sống riêng tư của cá nhân. Mỗi gia đình có những bí mật riêng, những kỷ niệm chung, những trải nghiệm và quan điểm độc đáo. Những thông tin này có thể bao gồm những quan điểm về giáo dục con cái, những kế hoạch tài chính, những quyết định về sự nghiệp, và cả những mối quan hệ gia đình nội bộ. Những bí mật này cần được tôn trọng và bảo vệ, không chỉ bởi chúng là quyền của các thành viên trong gia đình mà còn vì chúng đại diện cho sự đoàn kết, tình yêu và sự hiểu biết giữa các thành viên. Do đó, việc thu thập, lưu giữ, sử dụng và công khai thông tin liên quan đến bí mật gia đình phải dựa trên sự đồng thuận của tất cả các thành viên trong gia đình. Điều này không chỉ phản ánh tinh thần tôn trọng và đoàn kết giữa các thành viên mà còn giúp đảm bảo rằng mọi quyết định về thông tin gia đình đều được cân nhắc và chấp thuận.

Bí mật gia đình không chỉ là những thông tin riêng tư của không gian gia đình mà còn là biểu hiện của sự đoàn kết, tình cảm và niềm tin giữa các thành viên. Mỗi gia đình và mỗi cá nhân đều có trách nhiệm và quyền lợi trong việc bảo vệ những bí mật này trước mọi tác động từ bên ngoài. Để được gọi là gia đình, các thành viên có mối liên hệ nhất định với nhau về nhân thân (hôn nhân, huyết thống,

⁵⁶ Phùng Trung Tập, “Quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 02/2018, tr.23-34.

quan hệ được tạo lập bởi sự kiện pháp lý khác như nhận nuôi con nuôi). Khác với bí mật cá nhân, bí mật gia đình bao gồm thông tin liên quan đến phạm vi gia đình và chỉ các thành viên trong gia đình nắm bắt, không muốn cho chủ thể khác biết được. Bí mật cá nhân, bí mật gia đình là những thông tin, tư liệu mà cá nhân không mong muốn công khai, bộc bạch, được giữ kín bằng các biện pháp thông thường hoặc biện pháp kỹ thuật khác nhau⁵⁷.

Như vậy, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và quyền đối với bí mật cá nhân, bí mật gia đình được minh họa như hình ảnh các vòng tròn đồng tâm để thể hiện mức độ và phạm vi của thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, với mỗi vòng tròn đại diện cho một mức độ riêng tư khác nhau được cá nhân định nghĩa theo nhận thức và mong muốn của mình. Trong đó, phần lõi của vòng tròn đồng tâm chính là các bí mật cá nhân, bí mật gia đình với mức độ đặc biệt quan trọng của thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, tiếp theo các vòng tròn thể hiện các mức độ tương đối quan trọng về thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân.

2.4.2. Mối liên hệ giữa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân với quyền hình ảnh

Khoản 1 Điều 32 BLDS 2015 quy định: “*Cá nhân có quyền đối với hình ảnh của mình*” và quyền của cá nhân đối với hình ảnh xuất phát từ khái niệm “*đời tư*”, nghĩa là trước khi sử dụng hình ảnh của bất kỳ chủ thể nào, người sử dụng hình ảnh phải đảm bảo không làm tổn hại đến đời sống cá nhân, hình tượng riêng và bản thân chủ thể hình ảnh không phản đối nếu việc sử dụng hình ảnh làm phương hại đến những giá trị của họ. Quyền đối với hình ảnh là một quyền nhân thân gắn liền với mỗi cá nhân, mang lại giá trị tinh thần nhất định cho cá nhân đó và cho thấy rõ sự tự do của mỗi cá nhân trong việc quyết định cách mình được thể hiện và nhìn nhận trong các mối quan hệ xã hội. Khi một người sử dụng hình ảnh của một người khác mà không có sự đồng ý, dù chỉ là một bức ảnh chụp từ phía sau hoặc trong tình huống không rõ ràng, họ cần phải nhận biết rằng mình có thể đang can thiệp vào không gian riêng tư, danh dự và bản sắc của người đó.

Mặc dù quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và quyền hình ảnh là hai quyền mang tính độc lập nhưng cả hai quyền đều xuất phát từ ý thức bảo vệ tính cá biệt của mỗi cá nhân. Quyền đối với hình ảnh có thể là quyền của cá nhân đối với

⁵⁷ Nguyễn Văn Cừ - Trần Thị Huệ (Đồng chủ biên) (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Công an Nhân dân, tr.104.

diện mạo bên ngoài của mình như hình dáng, khuôn mặt, cử chỉ, điệu bộ ở không gian đa chiều. Có thể là hình ảnh chụp một người từ phía sau, hình chụp chế độ mờ...mà qua hình ảnh đó có thể nhận ra người này nhờ vào hình thể, tư thế, kiểu tóc, thần thái và các những hoạt động riêng tư của cá nhân⁵⁸. Do đó, việc xâm phạm quyền của cá nhân đối với hình ảnh trong một số trường hợp nhất định sẽ vượt qua giới hạn về sự riêng tư của cá nhân và gia đình, đó là những hình ảnh mang tính riêng tư mà họ không muốn tiết lộ, giữ kín, nếu hành vi xâm phạm xảy ra có thể xâm phạm đến đời sống riêng tư của họ và gây ra hậu quả về vật chất, tinh thần cho chủ thể có hình ảnh và người liên quan. Chẳng hạn, hình ảnh cá nhân của một người trong không gian riêng tư bị tiết lộ ra bên ngoài trái với mong muốn của họ. Thì trong trường hợp này, hành vi xâm phạm không chỉ tác động đến quyền hình ảnh cá nhân mà còn xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với thông tin liên quan đời sống riêng tư (trong trường hợp này là thông tin liên quan đến hình ảnh cá nhân trong không gian sinh hoạt riêng tư).

2.4.3. Mối liên hệ giữa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân với quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín

Theo quy định tại khoản 1 Điều 34 BLDS 2015 quy định: “*Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ*” và quyền về đời sống riêng tư của cá nhân gắn bó mật thiết với quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín. Danh dự, nhân phẩm, uy tín là những yếu tố nhân thân phi tài sản, gắn liền với mỗi cá nhân, thể hiện phẩm chất, đạo đức và giá trị của mỗi cá nhân. Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ.

Danh dự của cá nhân thể hiện sự coi trọng của dư luận xã hội đối với cá nhân đó và được hình thành, tồn tại và tôn tạo theo thời gian. Nhân phẩm của cá nhân là những phẩm chất và giá trị con người của cá nhân đó. Uy tín cá nhân thể hiện ở sự tín nhiệm của cộng đồng đối với cá nhân đó, là quá trình tự xây dựng trong hoạt động thực tiễn. Cả ba yếu tố trên đây, tuy có tính chất độc lập tương đối trong một cá nhân được đánh giá qua các mối quan hệ xã hội.

Với sự phát triển của khoa học và công nghệ, những thông tin ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân được đăng tải nhanh chóng trên một diện

⁵⁸ Trần Ngọc Tuấn (2019), *Bảo vệ hình ảnh cá nhân trên các trang mạng xã hội theo pháp luật dân sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, tr.20.

rộng. Tuy nhiên không phải trường hợp nào cũng xác định được người đưa tin. Đối với những trường hợp này, cá nhân bị đưa tin sẽ căn cứ vào phương thức yêu cầu Tòa án tuyên bố thông tin đó là không đúng để bảo vệ quyền nhân thân của mình.

Việc xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân cùng lúc có thể xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân cũng là một yếu tố gắn liền với danh dự, nhân phẩm, uy tín. Sự liên hệ đó thể hiện ở chỗ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân khi bị xâm phạm sẽ làm giảm sút, ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của chủ thể quyền.

Hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân liên quan đến danh dự, nhân phẩm, uy tín diễn ra dưới nhiều hình thức: phát tán những hình ảnh nhạy cảm hay những hình ảnh vô ý bị bắt gặp ở đời thường trong không gian riêng tư. Ngoài ra, hành vi xâm phạm diễn ra trên không gian mạng vẫn còn gây nhiều khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền vì dù được thể hiện dưới hình thức văn bản hay âm thanh, hình ảnh sẽ rất khó có thể xác định được hành vi trên có thực sự gây ra tổn hại cho người bị xâm phạm hay không. Mặc dù danh dự, nhân phẩm, uy tín là những giá trị nhân thân không trị giá được bằng tiền, tuy nhiên, xâm phạm đến những giá trị này có thể ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của chủ thể quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Thiệt hại mà chủ thể bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín phải gánh chịu bao gồm cả thiệt hại vật chất và tổn thất tinh thần. Chủ thể quyền về đời sống riêng tư của cá nhân có thể bị giảm thu nhập, ảnh hưởng đến hoạt động nghề nghiệp, đến các mối quan hệ xã hội, thậm chí đến sức khỏe, tính mạng⁵⁹.

Tuy nhiên, khi quyền về đời sống riêng tư của cá nhân bị xâm phạm liên quan đến danh dự, nhân phẩm, uy tín thì hiện nay mức bồi thường tổn thất tinh thần đối với hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân chưa được quy định trong BLDS 2015. Nếu chỉ áp dụng quy định thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm sẽ không phản ánh hết trách nhiệm của chủ thể vi phạm trong mối quan hệ với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Bởi lẽ, bên cạnh người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều 592 BLDS 2015 và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm không quá mười lần mức

⁵⁹ Kim Thị Tuyết, “Bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm: Thực trạng áp dụng và hướng hoàn thiện”, *Tap chí Công Thương*, Tháng 10/2021, tr.34.

lượng cơ sở do Nhà nước quy định; thì mức bồi thường tổn thất về tinh thần bởi hành vi độc lập là xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân chưa được thể hiện. Mức bù đắp tổn thất tinh thần đương nhiên cần được xác định một cách độc lập cho từng người với những mức yêu cầu khác nhau so với giới hạn của luật.

Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân có quan hệ đối với quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín bởi thông qua hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân có thể xâm phạm tới danh dự, nhân phẩm, uy tín của chủ thể quyền. Như vậy, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và quyền bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân tuy có những điểm khác nhau nhưng chúng có mối liên hệ mật thiết với nhau.

2.5. Pháp luật điều chỉnh quyền về đời sống riêng tư của cá nhân

Trong bối cảnh xã hội ngày càng số hóa và sự trỗi dậy không ngừng của công nghệ 4.0, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trở thành vấn đề cấp bách cần được bảo vệ. Các lĩnh vực như công nghệ thông tin và an ninh mạng, thương mại điện tử, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ quyền trẻ em, hoạt động báo chí, và quản lý nhà nước không chỉ đứng trước những thách thức phức tạp mà còn là tâm điểm của những nguy cơ xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Do đó, tác giả lựa chọn các lĩnh vực trên để phân tích nhằm phản ánh một chiến lược pháp lý nhất quán và tập trung, nhằm đảm bảo việc bảo vệ thông tin liên quan đời sống riêng tư của cá nhân được thực hiện một cách toàn diện và hiệu quả. Bên cạnh đó, cũng làm sáng tỏ sự dung hoà quyền lợi giữa cá nhân, doanh nghiệp và quản lý nhà nước trong việc điều chỉnh quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

2.5.1. Pháp luật về công nghệ thông tin và an ninh mạng

Trong bối cảnh công nghệ thông tin và mạng xã hội phát triển mạnh mẽ, việc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trở nên phức tạp hơn. Luật công nghệ thông tin, trong phạm vi điều chỉnh, đã cụ thể hóa việc giới hạn và bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong không gian số. Khoản 2 Điều 12 Luật Công nghệ thông tin 2006 nghiêm cấm việc tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại và những bí mật khác đã được pháp luật quy định. Mặc dù Luật Công nghệ thông tin 2006 không quy định việc xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân nhưng với việc quy định mở đối với cụm từ “những bí mật khác đã được pháp luật quy định” thì có thể hiểu những vấn đề quyền về đời

sống riêng tư của cá nhân được quy định gián tiếp trong luật này. Như đã phân tích quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là quyền của cá nhân đối với các sinh hoạt hàng ngày của mình khỏi sự xâm phạm mà không có sự đồng ý; do đó, đối với các sinh hoạt hàng ngày trong lĩnh vực công nghệ thông tin sẽ được dẫn chiếu trong pháp luật chuyên ngành với sự cụ thể hơn những giới hạn của quyền cũng như sự bảo vệ quyền này trong khuôn khổ các quy định trong luật, mặc dù Luật Công nghệ thông tin quy định chung về bí mật, và chủ yếu tập trung vào việc bảo vệ các bí mật quan trọng liên quan đến quốc gia, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế và đối ngoại. Điều này không có nghĩa là Luật Công nghệ thông tin bỏ qua việc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Thông qua các quy định cụ thể, luật này đã giúp định rõ hơn việc thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân trên môi trường mạng. Điều 21 của Luật Công nghệ thông tin 2006 chính là minh chứng cho điều này. Luật không chỉ quy định việc thu thập thông tin cá nhân, mà còn đặt ra những nguyên tắc cần tuân thủ khi xử lý và sử dụng thông tin cá nhân trên mạng, nhằm đảm bảo quyền về đời sống riêng tư của cá nhân không bị xâm phạm, ngay cả trong không gian số mà mọi thông tin có thể trở nên minh bạch. Tuy nhiên, tại Điều 22 Luật Công nghệ thông tin quy định lưu trữ, cung cấp thông tin cá nhân trên môi trường mạng quy định những trường hợp ngoại lệ mà cá nhân được “thu thập, xử lý, sử dụng TTCN” mà không cần sự đồng ý.

Luật CNTT quy định khá chi tiết về những nghĩa vụ, ràng buộc pháp lý với việc “thu thập, xử lý, lưu trữ, chuyển nhượng TTCN” trên môi trường mạng nhằm đảm bảo quyền của mỗi người đối với TTCN, quyền riêng tư nói chung trên môi trường mạng; tuy nhiên việc thực hiện trên thực tế còn nhiều bất cập, do sự thiếu thống nhất trong các quy định về nội dung của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, những hướng dẫn thi hành còn mang tính chung chung, chưa đem lại hiệu quả cao. Ngoài ra, trường hợp tổ chức, cá nhân thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của người khác trên môi trường mạng phải được người đó đồng ý, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Quy định này dẫn đến sự không thống nhất đối với quy định trong BLDS 2015 đó là những hạn chế khác đối với quyền về đời sống riêng tư phải được dẫn chiếu trong các trường hợp luật có quy định khác chứ không phải như trường hợp pháp luật có quy định khác trong việc hạn chế quyền riêng tư của chủ thể dữ liệu. Trong khi các TTCN có thể là một đối tượng của quyền về đời sống riêng tư (cá nhân có thông tin đó không muốn nhiều người biết về thông tin).

Đối với an toàn thông tin trên môi trường mạng, thì Luật An toàn thông tin mạng 2015 quy định về hoạt động an toàn thông tin mạng, quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm an toàn thông tin mạng; mật mã dân sự; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin mạng; kinh doanh trong lĩnh vực an toàn thông tin mạng; phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin mạng; quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng⁶⁰. Thông tin cá nhân theo Luật này được định nghĩa ngắn gọn “TTCN là thông tin gắn với việc xác định danh tính của một người cụ thể” tại khoản 15 Điều 3 Luật An toàn thông tin mạng 2015, khác với quy định những trường hợp cụ thể là TTCN, bí mật cá nhân theo Nghị định 64/2007/NĐ-CP. Ngoài ra, Điều 16 Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 quy định 5 nguyên tắc bảo vệ TTCN trên không gian mạng. Điểm nổi bật trong năm nguyên tắc bảo vệ TTCN trên không gian mạng đó là tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân phải xây dựng và công bố công khai biện pháp xử lý, bảo vệ thông tin cá nhân. Nguyên tắc này đặt ra trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên liên quan trong việc xử lý thông tin cá nhân trên môi trường mạng, tuy nhiên việc triển khai nội dung xây dựng và công bố công khai biện pháp xử lý, bảo vệ thông tin cá nhân như thế nào thì Luật An toàn thông tin mạng 2015 chưa quy định cụ thể.

Theo quan điểm tác giả, nguyên tắc này là một bước đột phá trong việc ràng buộc trách nhiệm của các bên liên quan trong việc xử lý thông tin cá nhân, mặc dù chưa thể hiện rõ các chế tài nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ. Tuy nhiên, nguyên tắc này giúp khắc phục khoảng trống trong quy định của pháp luật hiện nay đối với việc xử lý luồng thông tin trên không gian mạng, bảo vệ tốt hơn quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với dữ liệu cá nhân. Ngoài ra, một điểm lưu ý trong các nguyên tắc này đó là việc xử lý thông tin cá nhân không nhằm mục đích thương mại được thực hiện theo quy định khác của pháp luật có liên quan, điều này dẫn đến sự không thống nhất đối với quy định trong BLDS 2015 đó là những hạn chế khác đối với quyền về đời sống riêng tư phải được dẫn chiếu trong các trường hợp “luật có quy định khác” chứ không phải như trường hợp “pháp luật có quy định khác” trong việc hạn chế quyền riêng tư của chủ thể dữ liệu.

Mặc dù hướng tiếp cận trong các quy định của Luật An toàn thông tin mạng 2015 dựa trên các nguyên tắc về việc bảo vệ thông tin cá nhân trên môi trường mạng nhưng văn bản này cũng chưa đưa ra khái niệm thế nào là quyền về đời sống

⁶⁰ Điều 1, Luật An toàn thông tin mạng 2015.

riêng tư của cá nhân và giới hạn của quyền này như thế nào. Điều này dẫn đến các quy định trong luật chưa có sự rõ ràng, mang tính chung chung và thiếu tính hệ thống trong toàn bộ các quy định liên quan quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Bên cạnh các quy định về công nghệ thông tin và an toàn thì Luật An ninh mạng cũng chứa đựng các quy định về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; Phòng ngừa, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng, triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng và quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân thì Luật An ninh mạng 2018 quy định về phòng, chống gián điệp mạng; bảo vệ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trên không gian mạng tại Điều 17 và bảo vệ trẻ em trong không gian mạng với quy định tại Điều 29.

Mặc dù, Luật An ninh mạng 2018 đã nắm bắt được xu hướng và nhu cầu thiết yếu của xã hội trong bối cảnh số hoá ngày càng phát triển, nơi mà không gian mạng trở thành không gian sống, làm việc và tương tác quan trọng của con người. Tuy nhiên, việc không quy định chi tiết các giới hạn của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân liên quan đến an ninh mạng dẫn đến những bất cập nhất định là khi nào sẽ áp dụng trách nhiệm dân sự khi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo quy định của BLDS 2015 và khi nào chủ thể xâm phạm quyền sẽ bị áp dụng chế tài khi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân liên quan đến an ninh mạng.

2.5.2. Pháp luật về thương mại điện tử

Pháp luật về thương mại điện tử là tổ hợp các quy định pháp lý, được ban hành bởi cơ quan có thẩm quyền, nhằm quản lý, điều chỉnh và hướng dẫn hoạt động liên quan đến việc mua bán, trao đổi hàng hóa, dịch vụ và thông tin thông qua môi trường điện tử, Internet hoặc các phương tiện kỹ thuật số khác. Trong quá trình thực hiện giao dịch thương mại điện tử, việc bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trở nên cực kỳ quan trọng. Người tiêu dùng cung cấp một lượng lớn thông tin cá nhân, và họ có quyền kiểm tra, sửa đổi, hoặc yêu cầu xoá bỏ thông tin đó. Ngoài ra, người tiêu dùng cũng được bảo vệ trước quảng cáo không mong muốn và có quyền không bị giám sát trong hành vi mua sắm trực tuyến. Đồng thời, các doanh nghiệp thương mại điện tử cần phải thu thập thông tin một cách minh bạch, rõ ràng về việc họ thu thập,

lưu trữ và sử dụng thông tin cá nhân cho mục đích gì. Do đó, Luật Giao dịch điện tử 2023 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ 01/7/2024 với những quy định việc thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử, không quy định về nội dung, hình thức, điều kiện của giao dịch. Giao dịch trong lĩnh vực nào sẽ được điều chỉnh bởi pháp luật chuyên ngành của lĩnh vực đó đã tạo hành lang pháp lý cụ thể cho việc bảo vệ quyền về đồng riêng tư của cá nhân trong các giao dịch điện tử hiện nay. Theo Luật Giao dịch điện tử 2023 thì cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật về an toàn thông tin mạng, pháp luật về an ninh mạng và quy định khác của pháp luật có liên quan khi thực hiện giao dịch điện tử. Thông tin trong thông điệp dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật về cơ yếu. Luật cũng quy định cụ thể các hành vi bị nghiêm cấm trong giao dịch điện tử tại Điều 6. Luật Giao dịch điện tử được thiết lập nhằm tạo nên một hành lang pháp lý hoàn chỉnh, toàn diện và thuận tiện cho việc chuyên hóa các hoạt động từ môi trường thực sang môi trường số hóa trong mọi ngành và lĩnh vực. Mục tiêu này nhằm nắm bắt cơ hội và tham gia một cách tích cực vào cuộc Cách mạng công nghệ 4.0 cũng như quá trình chuyển đổi số quốc gia. Luật này cũng nhấn mạnh tầm quan trọng pháp lý của giao dịch điện tử, xác nhận rằng chúng có giá trị pháp lý tương đương với giao dịch trong môi trường thực. Luật còn ưu tiên và khuyến khích việc thực hiện giao dịch điện tử bằng cách triển khai các chính sách giúp giao dịch điện tử nhanh chóng, giảm chi phí, dễ dàng tiếp cận hơn, và đảm bảo an toàn cũng như độ tin cậy cao hơn. Bên cạnh những vấn đề nổi bật khác, một trong những vấn đề cần được chú trọng là việc bảo vệ thông tin cá nhân và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) đề cập đến vấn đề này chỉ giới hạn tại Điều 47, liên quan đến trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử.

Tuy nhiên, đây là một quy định khá chung chung và không đưa ra các chỉ dẫn cụ thể về những biện pháp cần thiết để bảo vệ thông tin cá nhân, những phương thức cụ thể để ngăn chặn sự rò rỉ thông tin và dữ liệu cá nhân. Hơn nữa, Điều luật hiện tại cũng không quy định các phương thức bảo vệ và trách nhiệm pháp lý của các bên liên quan. Điều này khiến cho việc xác định trách nhiệm pháp lý trong trường hợp vi phạm bảo vệ dữ liệu cá nhân trở nên khó khăn và mơ hồ, đồng thời cũng tạo ra những khoảng trống trong việc quản lý và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Việc

điều chỉnh nội dung quyền về đời sống riêng tư trong lĩnh vực giao dịch điện tử là cần thiết, tuy nhiên, việc quy định rời rạc, thiếu thống nhất và thiếu tính hệ thống dẫn đến vấn đề bảo vệ và áp dụng nó không có sự đồng bộ giữa từng lĩnh vực.

2.5.3. Pháp luật về chăm sóc sức khỏe

Trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, việc bảo vệ thông tin cá nhân và bảo đảm quyền riêng tư của bệnh nhân luôn được coi trọng. Vấn đề này liên quan đến việc thu thập, lưu trữ, truy cập và sử dụng các thông tin y tế của bệnh nhân như lịch sử bệnh án, thông tin về tình trạng sức khỏe hiện tại, kết quả xét nghiệm, thông tin thuốc và liệu pháp điều trị, cũng như các thông tin cá nhân khác như địa chỉ, số điện thoại, và bảo hiểm y tế. Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong lĩnh vực này bảo đảm rằng các thông tin nhạy cảm này không bị tiết lộ mà không có sự đồng ý của bệnh nhân, trừ những trường hợp do luật quy định.

Theo đó, Điều 8 Luật Khám bệnh, chữa bệnh 2009 quy định người bệnh có quyền được tôn trọng “bí mật riêng tư”, bao gồm quyền được giữ bí mật thông tin về tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án. Ngoài ra, bí mật riêng tư này chỉ được phép công bố khi người bệnh đồng ý hoặc để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng chẩn đoán, chăm sóc, điều trị người bệnh giữa những người hành nghề trong nhóm trực tiếp điều trị cho người bệnh hoặc trong trường hợp khác được pháp luật quy định.

Cũng như quy định trong Luật giao dịch điện tử 2023, Luật không thống nhất đối với quy định trong BLDS 2015 đó là những hạn chế khác đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân phải được dẫn chiếu trong các trường hợp “luật có quy định khác” chứ không phải như trường hợp pháp luật có quy định khác trong việc hạn chế quyền về đời sống riêng tư của chủ thể dữ liệu.

Như vậy, trong lĩnh vực này có 2 nhóm thông tin được xem là quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được pháp luật bảo vệ:

Thứ nhất, bí mật thông tin về tình trạng sức khỏe của người bệnh.

Thứ hai, đời tư ghi trong hồ sơ bệnh án: Hồ sơ bệnh án là tài liệu y học, y tế và pháp lý mà mỗi người bệnh có sau mỗi lần khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở. Hồ sơ bệnh án bao gồm⁶¹ hồ sơ bệnh án giấy và hồ sơ bệnh án điện tử.

⁶¹ Khoản 1 Điều 59 Luật khám bệnh, chữa bệnh 2009.

Dù là thông tin của người bệnh trong hồ sơ bệnh án nào thì chỉ được phép công bố khi người bệnh đồng ý hoặc chia sẻ thông tin, kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng chẩn đoán, chăm sóc, điều trị người bệnh giữa những người hành nghề trong nhóm trực tiếp điều trị cho người bệnh hoặc trong trường hợp khác được pháp luật quy định.⁶²

Chủ thể được quyền tiếp cận thông tin sức khỏe của người bệnh theo quy định của Luật này thì có ba nhóm sau khi được sự đồng ý của người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, phải giữ bí mật và chỉ được sử dụng đúng mục đích⁶³ như đã đề nghị với người đứng đầu cơ sở khám bệnh chữa bệnh, bao gồm⁶⁴: Sinh viên thực tập, nghiên cứu viên, người hành nghề trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh⁶⁵ được mượn hồ sơ bệnh án tại chỗ để đọc hoặc sao chép phục vụ cho việc nghiên cứu hoặc công tác chuyên môn kỹ thuật; đại diện cơ quan quản lý nhà nước về y tế trực tiếp quản lý cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, thanh tra chuyên ngành y tế, cơ quan bảo hiểm, tổ chức giám định pháp y, pháp y tâm thần, luật sư được mượn hồ sơ bệnh án tại chỗ để đọc hoặc sao chép phục vụ nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền cho phép; Người bệnh hoặc người đại diện của người bệnh được nhận bản tóm tắt hồ sơ bệnh án nếu có yêu cầu bằng văn bản.

Trong bối cảnh phát triển sôi động của lĩnh vực y tế tại Việt Nam, Luật khám chữa bệnh năm 2009 đã mang đến một quan điểm mới mẻ về bảo vệ quyền riêng tư của bệnh nhân. Đáng chú ý, luật này sử dụng thuật ngữ “bí mật riêng tư” như một khái niệm chuyên biệt, thể hiện thông tin cá nhân liên quan đến sức khỏe, bệnh án và quá trình điều trị. Tuy nhiên, việc sử dụng thuật ngữ này lại gây ra một sự không thống nhất so với BLDS 2015. Trong BLDS 2015, khái niệm “đời sống riêng tư” đã được mở rộng và đi sâu hơn, bao gồm không chỉ thông tin về sức khỏe mà còn liên quan đến bí mật cá nhân và bí mật gia đình. Sự khác biệt về thuật ngữ và phạm vi giữa hai văn bản pháp luật này có thể gây ra sự mơ hồ trong việc áp dụng và giải thích, đồng thời cũng làm giảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật về bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Rõ ràng, trong lĩnh vực y tế, khía cạnh

⁶² Khoản 2 Điều 8 Luật khám bệnh, chữa bệnh 2009.

⁶³ Khoản 5 Điều 59 Luật khám bệnh, chữa bệnh 2009.

⁶⁴ Khoản 4 Điều 59 Luật Khám bệnh chữa bệnh 2009.

⁶⁵ Riêng với đối tượng này thì việc giữ bí mật tình trạng bệnh của người bệnh, những thông tin mà người bệnh đã cung cấp cũng như hồ sơ bệnh án được xem như một trong những nguyên tắc trong hành nghề khám, chữa bệnh và là nghĩa vụ đối với nghề nghiệp (Khoản 2 Điều 3 và khoản 5 Điều 37 Luật khám bệnh, chữa bệnh 2009).

quyền về đời sống riêng tư của cá nhân thể hiện ở việc bảo vệ các dữ liệu về tình trạng sức khoẻ, thông tin chứa đựng trong hồ sơ bệnh án, nhằm phục vụ công tác y tế, nội dung này được bảo vệ với mức độ “có ngoại lệ” cho các chủ thể có thẩm quyền được tiếp cận đến để điều trị bệnh cho bệnh nhân hoặc nâng cao năng lực chuyên môn. Điều này cho thấy khía cạnh mới trong nội dung bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân nói chung.

2.5.4. Pháp luật về bảo vệ quyền trẻ em

Pháp luật về bảo vệ quyền trẻ em được thiết lập nhằm đảm bảo rằng trẻ em, nhóm đặc biệt yếu thế trong xã hội cần được bảo vệ, hỗ trợ và phát triển một cách toàn diện. Trẻ em cần có sự bảo vệ đặc biệt về mặt tư pháp vì họ chưa đủ tuổi và khả năng tự bảo vệ mình. Điều này không chỉ liên quan đến việc bảo vệ thông tin cá nhân của trẻ em khỏi sự xâm phạm, mà còn liên quan đến việc đảm bảo rằng trẻ em có quyền tự quyết định, tự biểu đạt và được sống trong một môi trường không bị xâm phạm, dù trong thế giới thực hay thế giới ảo. Một trong những quyền cơ bản của trẻ em là quyền về đời sống riêng tư. Tương tự như mọi người dân khác, trẻ em cũng có quyền được tôn trọng và bảo vệ thông tin cá nhân cũng như đời sống riêng tư của mình. Tuy nhiên, mức độ quan tâm đối với việc bảo vệ thông tin và đời sống riêng tư của trẻ em thường cao hơn do trẻ em dễ bị tổn thương và có nguy cơ bị lạm dụng. Trẻ em cũng là con người, bình đẳng và được hưởng quyền như những người khác. Hơn hết, trẻ em còn là một trong những đối tượng cần thiết để bảo vệ quyền này vì đây là “nhóm yếu thế”, chưa phát triển đầy đủ về mặt nhận thức, thể chất để có khả năng tự bảo vệ trước những hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư. Luật trẻ em cũng trang bị các quy định nhằm xác định trách nhiệm của các chủ thể có liên quan, không chỉ cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà còn có các thành viên trong gia đình, phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền về đời sống riêng tư của trẻ em, giữ các thông tin cá nhân của trẻ⁶⁶. Luật trẻ em quy định cụ thể trách nhiệm bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng⁶⁷ và cụ thể hoá quy định này là hướng dẫn tại Điều 33 Nghị định 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 về thông tin bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em và các biện pháp bảo vệ thông tin bí mật đời sống riêng tư của trẻ em trên môi trường mạng tại Điều 36.

⁶⁶ Điều 54 Luật Trẻ em 2016 và Điều 33, 36 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em.

⁶⁷ Điều 54 Luật Trẻ em 2016.

Tuy nhiên, qua các quy định của Luật trẻ em 2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành thì thuật ngữ mà Luật trẻ em sử dụng để bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em là bí mật đời sống riêng tư; thông tin bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân. Như vậy, phạm vi điều chỉnh các thông tin sinh hoạt hàng ngày của trẻ em được quy định trong Luật trẻ em 2016 chỉ tập trung vào bí mật đời sống riêng tư; thông tin bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân so với nội hàm rộng hơn là quyền về đời sống riêng tư của trẻ em. Cụ thể, trong Luật trẻ em 2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành, chỉ có việc liệt kê những thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư và bí mật cá nhân của trẻ em mà không quy định các nội dung liên quan đời sống riêng tư của trẻ em dẫn đến việc bảo vệ quyền này của trẻ em trong thực tế không hiệu quả.

Do đó, mặc dù điều chỉnh đối với đối tượng là “quyền của trẻ em” nhưng nội dung quy định phải có sự thống nhất giữa các văn bản với nhau để đảm bảo rằng việc áp dụng là thống nhất, không có sự mâu thuẫn, chồng chéo hoặc bất cập khi vận hành trên thực tế.

2.5.5. Pháp luật về hoạt động báo chí

Trong lĩnh vực báo chí, việc thu thập và tiết lộ thông tin cá nhân cần được thực hiện một cách cẩn trọng, tránh làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của cá nhân. Mặt khác, quyền tự do thông tin và nguyên tắc minh bạch trong hoạt động quản lý nhà nước đôi khi có thể mâu thuẫn với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Để đảm bảo sự cân bằng giữa quyền tự do thông tin và quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, cần có sự điều chỉnh từ phía hệ thống pháp luật, đồng thời tăng cường nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức báo chí trong việc thu thập, xử lý và công bố thông tin.

Với tính chất đặc thù của nghề nghiệp, báo chí là lĩnh vực có liên quan nhiều nhất đến quyền riêng tư của cá nhân, có vai trò và ý nghĩa quan trọng trong việc cung cấp thông tin đến mọi tầng lớp trong xã hội. Tuy nhiên đây cũng là lĩnh vực mà các sự việc xâm phạm sự riêng tư của cá nhân xảy ra thường xuyên nhất, đôi khi được coi như một sự việc hiển nhiên trong ngành, thậm chí việc xâm phạm sự riêng tư của cá nhân là một phần không thể thiếu để có được một bài viết thu hút sự chú ý của dư luận. Chủ thể bị xâm phạm quyền riêng tư nhiều nhất trong lĩnh vực báo chí là những người nổi tiếng, người của công chúng hoặc bất kỳ cá nhân nào có những đặc điểm hoặc mang lại những thông tin gây sự tò mò cho các độc giả. Vậy nên, những quy định về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong lĩnh vực báo chí là

cực kỳ quan trọng và cần thiết. Có thể nói, đề cập đến nội dung quyền về đời sống riêng tư của cá nhân không thể không kể đến các quy định trong lĩnh vực quản lý hoạt động báo chí.

Tại khoản 5 Điều 9 của Luật Báo chí 2016 quy định cấm “*Tiết lộ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật.*” Bên cạnh đó, đối với vấn đề cung cấp thông tin cho báo chí, “*cơ quan, tổ chức, cá nhân*” có quyền từ chối cung cấp thông tin cho báo chí trong các trường hợp như “*Thông tin thuộc danh Mục bí mật nhà nước, bí mật thuộc nguyên tắc và quy định của Đảng, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật.*”⁶⁸

2.5.6. Pháp luật về quản lý nhà nước

Quản lý nhà nước là hoạt động của nhà nước trên các lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp nhằm thực hiện các chức năng đối nội và đối ngoại của nhà nước. Nói cách khác, quản lý nhà nước là sự tác động của các chủ thể mang quyền lực nhà nước, chủ yếu bằng pháp luật, tới các đối tượng quản lý nhằm thực hiện các chức năng đối nội và đối ngoại của nhà nước⁶⁹. Do đó, việc phân tích vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước như cơ quan quản lý dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ quan quản lý và đăng ký tài sản bảo đảm, cơ quan tư pháp, và tổ chức hành nghề công chứng trong việc bảo vệ quyền đời sống riêng tư của cá nhân là hết sức cấp thiết. Các cơ quan này, thông qua chức năng và nhiệm vụ của mình tác động trực tiếp đến các đối tượng quản lý, trong đó có thông tin liên quan đến đời sống riêng tư. Phân tích chức năng và hoạt động của các cơ quan này từ góc độ bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân sẽ làm sáng tỏ những bất cập trong hệ thống quản lý hiện hành. Điều này không chỉ cung cấp cái nhìn toàn diện về việc quản lý nhà nước liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân mà còn là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp cải thiện và tăng cường khả năng bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Tại Quyết định số 06/QĐ-Ttg ngày 06 tháng 01 năm 2022 về phê duyệt đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 nhấn mạnh dữ liệu dân cư là tài nguyên quan trọng, được quản lý tập trung, thống nhất và chia sẻ trong

⁶⁸ Điều a khoản 2 Điều 38 Luật Báo chí 2016.

⁶⁹ Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), “Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam (Tái bản có sửa đổi, bổ sung)”, Nxb. Công an nhân dân, tr.13.

toàn bộ hệ thống chính trị, phục vụ người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử là cơ sở để chuyển đổi số trong cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số. Việc tổ chức thu thập và cập nhật thông tin cơ bản của công dân giúp xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu hệ thống nhất về dân cư từ trung ương đến địa phương, cung cấp thông tin dân cư đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và hoạch định các chính sách phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an sinh xã hội. Đặc biệt, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được xây dựng để kết nối và chia sẻ thông tin dân cư với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các ngành, lĩnh vực trên toàn quốc. Điều này giúp tăng khả năng khai thác và cập nhật thông tin về dân cư, hạn chế tối đa sự trùng lặp thông tin, giảm thiểu những vấn đề vi phạm cơ sở dữ liệu.

Ngoài ra, Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 về Đăng ký biện pháp bảo đảm nhấn mạnh việc thực thi và duy trì quyền về đời sống riêng tư của cá nhân thông qua các quy định chặt chẽ trong đăng ký và cung cấp thông tin. Trong đó, nguyên tắc đăng ký yêu cầu người kê khai phải chính xác và trung thực, đồng thời buộc cơ quan đăng ký thực hiện theo đúng thẩm quyền và quy trình, đảm bảo rằng thông tin cá nhân được xử lý một cách cẩn trọng và bảo mật. Điều này không chỉ bảo vệ quyền sở hữu tư nhân mà còn đảm bảo dữ liệu cá nhân, từ đó bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong mọi giao dịch. Việc xác định cụ thể về thẩm quyền của các cơ quan đăng ký đất đai, hàng không, hàng hải, chứng khoán⁷⁰... đảm bảo quyền lợi và thông tin cá nhân được xử lý một cách công bằng và minh bạch. Tuy nhiên, bất cập trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân vẫn tồn tại và cần được giám sát, đặc biệt là trong bối cảnh công nghệ số và thông tin cá nhân trở nên ngày càng dễ dàng truy cập.

Bên cạnh đó, trong quá trình tố tụng và thi hành án dân sự, việc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trở thành một phần không thể tách rời của việc đảm bảo công bằng và minh bạch. Cơ quan tư pháp, bao gồm cả Tòa án và các cơ quan thi hành án, đóng vai trò quan trọng trong việc thực thi luật pháp và giải quyết tranh chấp, tiếp xúc thường xuyên với thông tin cá nhân nhạy cảm và các tài liệu liên quan. Tòa án có trách nhiệm giữ bí mật những thông tin nhạy cảm như bí mật cá nhân, bí mật kinh doanh, và các thông tin khác liên quan đến đời sống riêng tư⁷¹.

⁷⁰ Điều 10 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP về Cơ quan đăng ký, cơ quan cung cấp thông tin.

⁷¹ Điều 109 BLTTDS 2015 về Công bố và sử dụng tài liệu, chứng cứ.

Hay tại Điều 44 Luật Thi hành án dân sự 2014 nhấn mạnh nghĩa vụ của chấp hành viên và các cơ quan liên quan trong việc xác minh điều kiện thi hành án, yêu cầu sự cung cấp thông tin chi tiết và trung thực từ người phải thi hành án và các bên liên quan. Trong quá trình xác minh, việc thu thập và sử dụng thông tin cần được tiến hành một cách cẩn trọng để không xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Các cơ quan như bảo hiểm xã hội, ngân hàng, tổ chức tín dụng, và văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cũng được yêu cầu cung cấp thông tin liên quan đến điều kiện thi hành án, đồng thời đảm bảo rằng thông tin này được bảo mật và chỉ được sử dụng cho mục đích thi hành án. Như vậy, việc bảo vệ thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân trong quá trình tố tụng và thi hành án đòi hỏi sự cẩn nhắc và bảo vệ từ cơ quan tư pháp.

Hơn nữa, trong hoạt động quản lý nhà nước, các tổ chức hành nghề công chứng giữ một vị thế không thể thay thế trong việc chứng thực tính pháp lý của giao dịch dân sự, đồng thời bảo quản một lượng lớn thông tin cá nhân và tài liệu có tính chất riêng tư. Điều 7 và Điều 32 của Luật Công chứng 2014 nhấn mạnh sự cần thiết của việc bảo vệ thông tin này, đặt ra những ràng buộc pháp lý đối với hành vi của công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng. Việc nghiêm cấm tiết lộ thông tin mà không được phép và đồng thời cho phép khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu công chứng phản ánh một cân nhắc pháp lý đầy đủ giữa việc duy trì tính bảo mật và đáp ứng nhu cầu hợp pháp của các bên liên quan. Việc đảm bảo tính bảo mật và an toàn thông tin trong mọi hoạt động công chứng đảm bảo việc bảo vệ thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, đồng thời củng cố tính minh bạch và đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực này.

Thông qua việc tìm hiểu và phân tích các quy định về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong các văn bản pháp luật dân sự hiện hành, có thể thấy được những điểm chung trong các văn bản pháp luật trên đều ghi nhận và bảo vệ những nội dung liên quan quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Tuy nhiên, các quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành đều không có sự thống nhất trong việc sử dụng thuật ngữ quyền về đời sống riêng tư cá nhân; bên cạnh đó là các quy định đối các trường hợp ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Có thể khẳng định rằng quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được xác định rõ thông qua nội dung và phạm vi điều chỉnh của từng văn bản cụ thể. Tuy nhiên, việc một số văn bản mang những điểm trùng lặp hay thậm chí quy định phạm vi hẹp hơn quyền về

đời sống riêng tư của cá nhân có lẽ xuất phát từ việc BLDS 2015 cụ thể hóa quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình dựa trên Hiến pháp 2013 sau một số văn bản pháp luật trước đó.

Như vậy, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, một trong những quyền cơ bản và thiêng liêng của con người, được ghi nhận tại BLDS 2015 và cụ thể hoá tại nhiều luật chuyên ngành. Sự phản ánh của quyền này trong các luật chuyên ngành không chỉ minh chứng cho tầm quan trọng mà còn thể hiện sự nhận thức sâu rộng của Nhà nước về việc cân nhắc giữa lợi ích cá nhân, doanh nghiệp và quản lý nhà nước. Tuy nhiên, sự không thống nhất trong việc định nghĩa và phạm vi điều chỉnh giữa các văn bản pháp luật chuyên ngành đôi khi gây ra khó khăn trong việc áp dụng và thi hành pháp luật. Để đảm bảo quyền lợi tối đa của người dân và sự minh bạch, khoa học trong hệ thống pháp luật, cần có sự sửa đổi, thay thế, bổ sung của các luật chuyên ngành nhằm đảm bảo việc hoàn thiện và thống nhất các văn bản pháp luật liên quan quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

2.6. Ý nghĩa của việc ghi nhận quyền về đời sống riêng tư của cá nhân

Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là một trong những quyền cơ bản và quan trọng nhất của con người, đóng vai trò thiết yếu trong việc bảo vệ và tôn trọng tính cá nhân trong mọi khía cạnh của cuộc sống hàng ngày. Việc ghi nhận quyền này trong Bộ luật Dân sự 2015 có ý nghĩa vô cùng quan trọng, phản ánh xu hướng phát triển của quyền cá nhân trong bối cảnh kinh tế và xã hội ngày càng phức tạp, đồng thời đáp ứng nhu cầu về các giá trị tinh thần của người dân.

Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đảm bảo rằng mỗi cá nhân có quyền kiểm soát thông tin và các hoạt động liên quan đến cuộc sống riêng tư của mình. Điều này không chỉ khẳng định giá trị và sự tự do cá nhân mà còn tạo ra một không gian riêng tư an toàn, nơi mỗi người có thể quyết định thông tin nào sẽ được chia sẻ và với ai. Bằng cách này, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân giúp bảo vệ cá nhân khỏi sự can thiệp không mong muốn từ bên ngoài, bao gồm quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các cá nhân khác.

Việc ghi nhận quyền về đời sống riêng tư của cá nhân không chỉ ngăn chặn sự can thiệp trái pháp luật mà còn đảm bảo cho sự tôn trọng và bảo vệ tự do cá nhân. Điều này thể hiện sự nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc bảo vệ thông tin cá nhân trong xã hội hiện đại. Thông qua đó, nhấn mạnh việc thu thập, lưu

trữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư đều được điều chỉnh bởi các quy định rõ ràng và công bằng, đồng thời đảm bảo sự đồng thuận từ chủ thể quyền. Bằng cách này, không chỉ giúp cá nhân tránh khỏi nguy cơ xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân mà còn góp phần xây dựng một xã hội dựa trên sự tin cậy và an toàn, nơi mọi cá nhân có thể tin tưởng rằng thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của họ được tôn trọng và bảo vệ một cách toàn diện và hiệu quả.

Do đó, việc ghi nhận quyền về đời sống riêng tư là bước đệm quan trọng, song việc bảo vệ và thực thi quyền này cần được tiến hành mạnh mẽ qua các biện pháp pháp lý cụ thể và rõ ràng. Pháp luật dân sự Việt Nam cần phải đưa ra các quy định chi tiết, cơ chế giám sát và xử lý các hành vi xâm phạm quyền hiệu quả, nhằm đảm bảo quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được tôn trọng và bảo vệ toàn diện. Mọi hành động can thiệp vào quyền này phải được cân nhắc kỹ lưỡng và chỉ thực hiện trong khuôn khổ pháp luật, bảo vệ lợi ích và quyền lợi hợp pháp của mỗi cá nhân.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Thông qua nội dung chương 2, tác giả đã cung cấp một cái nhìn sâu rộng về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Tác giả đã khái quát lịch sử hình thành và phát triển của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, từ đó cho thấy rõ những cơ sở lâu đời của quyền này. Lịch sử chứng tỏ rằng quyền về đời sống riêng tư của cá nhân không phải là một ý tưởng mới mẻ, mà đã tồn tại và phát triển qua hàng thế kỷ. Trong chương này, tác giả đã xác định và làm rõ khái niệm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Kiến nghị thứ nhất: Khái niệm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân:

Quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân là quyền được bảo vệ thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân trên nguyên tắc tự chủ của cá nhân trong việc xác định mức độ và phạm vi thông tin. Mỗi cá nhân có quyền tự quyết định những thông tin nào thuộc về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của mình, trừ trường hợp luật có quy định khác.

Từ khái niệm quyền, tác giả đã phân tích ba đặc điểm chính của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Thứ nhất, đó là sự tự chủ của cá nhân đối với thông tin liên quan đến đời sống riêng tư. Điều này có nghĩa là mỗi cá nhân có quyền kiểm soát và quyết định ai được phép tiếp cận và sử dụng thông tin về đời sống riêng tư của họ. Thứ hai, là hành vi xâm phạm tác động vào các nguồn thông tin mang nội dung về đời sống riêng tư. Tác giả đã chỉ ra rằng bất kỳ hành vi nào xâm phạm vào thông tin đời sống riêng tư của cá nhân mà không có sự đồng ý của họ đều được coi là xâm phạm quyền này. Thứ ba, là quyền này chỉ được bảo vệ khi có yêu cầu, tức là cá nhân phải chủ động yêu cầu bảo vệ quyền của mình khi bị xâm phạm.

Ngoài ra, tác giả nhấn mạnh rằng quyền về đời sống riêng tư của cá nhân không tồn tại độc lập mà liên quan chặt chẽ với các quyền khác như bí mật cá nhân, bí mật gia đình, hình ảnh, danh dự, nhân phẩm và uy tín. Điều này có nghĩa là sự bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân cũng đồng nghĩa với việc bảo vệ các quyền liên quan khác. Tác giả đã làm rõ cách mà quyền này đã được áp dụng và bảo vệ trong thực tế, qua đó tạo nên một bức tranh rõ nét và sinh động về tầm quan trọng và sự phức tạp của quyền đời sống riêng tư trong xã hội hiện đại.

CHƯƠNG 3. GIỚI HẠN VÀ NGOẠI LỆ CỦA QUYỀN VỀ ĐỜI SỐNG RIÊNG TƯ CỦA CÁ NHÂN

Trong chương này, tác giả tập trung vào việc phân tích những giới hạn và ngoại lệ đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân dựa trên thực tiễn xã hội. Mục tiêu của việc phân tích này là hiểu rõ hơn về lý do và hậu quả của các can thiệp vào quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, cũng như xem xét sự cân bằng giữa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và lợi ích của cá nhân, doanh nghiệp và quản lý nhà nước.

3.1. Cơ sở lý luận của giới hạn và ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân

Hiến pháp 2013 lần đầu tiên quy định về nguyên tắc hạn chế quyền tại khoản 2 Điều 14⁷². Bởi lẽ, con người hoặc công dân không thể tồn tại một cách độc lập, tuyệt đối trong đời sống xã hội, mà luôn tồn tại trong mối liên hệ với các cá nhân khác, với cộng đồng xã hội. Do đó, không phải mọi trường hợp, cá nhân có thể hưởng thụ quyền một cách tuyệt đối⁷³. Cũng như các quyền nói chung thì quyền về đời sống riêng tư của cá nhân tuy là của cá nhân mỗi con người nhưng không thể độc lập, loại trừ, xâm hại quyền của cá nhân khác hay những lợi ích của cộng đồng. Vì vậy, trong những trường hợp cần thiết, vì lợi ích chung, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân có những giới hạn và ngoại lệ nhất định.

Với tư cách là luật cơ bản của quốc gia, Hiến pháp có vai trò quy định giới hạn của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, trên cơ sở xác lập tiêu chí để giới hạn quyền được chính đáng, tránh sự tùy tiện, vô hiệu hoá hoặc giảm đi ý nghĩa của quyền khi các giải pháp khác chưa được cân nhắc và áp dụng. Như vậy, trên cơ sở quy định tại Điều 21 Hiến pháp 2013⁷⁴ và được cụ thể hoá tại khoản 1 Điều 38

⁷² Khoản 2, Điều 14, Hiến pháp 2013: Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

⁷³ Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2022), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam (Tái bản lần thứ 1, có sửa đổi, bổ sung)*, Nxb. Hồng Đức, tr.240.

⁷⁴ Điều 21, Hiến pháp 2013:

1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình.

Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn.

2. Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác.

Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác.

BLDS 2015 đã khẳng định đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, khoản 2 Điều này quy định rõ trách nhiệm của mỗi cá nhân, theo đó việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được thực hiện khi được người đó đồng ý. Đối với thông tin liên quan đến bí mật gia đình thì phải được tất cả thành viên trong gia đình đồng ý, trừ trường hợp luật có quy định khác.

Ngoài ra tại khoản 3 Điều 38 BLDS 2015 quy định: thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân không chỉ là nơi chứa đựng các thông tin liên quan cá nhân mà còn thể hiện quan điểm, ý định, tình cảm và các mối quan hệ của cá nhân. Do đó, việc bảo đảm an toàn và bảo mật cho những thông tin này là cần thiết để bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Sự bảo mật này không chỉ giúp đảm bảo quyền tự do ngôn luận và quyền tự chủ thông tin của mỗi cá nhân mà còn góp phần vào việc duy trì sự tin cậy và an toàn trong giao tiếp cá nhân và xã hội. Tuy nhiên, có những trường hợp nhất định thì luật cho phép bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác⁷⁵. Trong những trường hợp này, việc can thiệp quyền về đời sống riêng tư của cá nhân phải được thực hiện một cách cẩn trọng, tuân theo quy định pháp luật và đảm bảo rằng việc can thiệp chỉ diễn ra khi có đủ cơ sở pháp lý và không vượt quá mục đích đã được xác định.

Hơn nữa, trong quá trình giao kết hợp đồng, có thể các bên trong hợp đồng biết được về những thông tin đời tư, bí mật cá nhân của đối tác. Chẳng hạn như khi xác lập, thực hiện hợp đồng có tính chất nhạy cảm mà khi một trong hai bên phải cung cấp thông tin riêng tư như: dịch vụ khám chữa bệnh, thẩm mỹ, tư vấn tâm lý... Để bảo đảm cho quyền về đời sống riêng tư của cá nhân thì khoản 4 Điều 38 đã quy định: *“Các bên trong hợp đồng không được tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của nhau mà mình đã biết được trong quá trình xác lập, thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”* Theo đó, BLDS 2015 cấm hành vi tiết lộ thông tin liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của các bên trong hợp đồng trừ trường hợp đã có thỏa thuận.

⁷⁵ Khoản 3 Điều 38 BLDS 2015.

Như vậy, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân không phải lúc nào cũng được bảo vệ một cách tuyệt đối. Trong bối cảnh xã hội hiện đại với sự tiến bộ của khoa học và công nghệ, bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đôi khi phải cân nhắc với các lợi ích khác như an ninh quốc gia, sức khỏe cộng đồng, hoặc lợi ích chung của xã hội trong mối quan hệ, tương tác với chủ thể khác. Điều này phản ánh một thực tế phức tạp trong việc định hình quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, đó là không phải mọi sự can thiệp đều được xem là hành vi xâm phạm quyền, và trong những trường hợp nhất định, can thiệp vào quyền về đời sống riêng tư của cá nhân có thể được coi là cần thiết và chính đáng. Điều này không chỉ đề cao tầm quan trọng của việc xác định rõ ràng giới hạn và ngoại lệ cho phép can thiệp vào quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng một khung pháp lý hoàn thiện để bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân tốt hơn và hiệu quả hơn trong thực tiễn cuộc sống.

Theo từ điển tiếng Việt định nghĩa “giới hạn” là phạm vi, mức độ nhất định, không thể hoặc không được phép vượt qua⁷⁶. Việc định nghĩa và áp dụng “giới hạn” theo đúng nghĩa phạm vi và mức độ nhất định cũng là yếu tố quan trọng trong việc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Trong bối cảnh hiện nay, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông đưa ra thách thức mới trong việc xác định những giới hạn đó: từ việc thu thập dữ liệu, bảo mật thông tin cá nhân, đến việc chia sẻ và sử dụng thông tin một cách hợp lý và an toàn. Việc thực thi giới hạn của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân không chỉ cần sự rõ ràng về mặt pháp lý mà còn đòi hỏi sự linh hoạt để phản ánh đúng đắn và kịp thời đối với sự phát triển của công nghệ và ngữ cảnh xã hội. Do đó, việc xác định giới hạn của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đòi hỏi một cách tiếp cận toàn diện, cập nhật liên tục và cân nhắc kỹ lưỡng, nhằm đảm bảo quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được bảo vệ hiệu quả trong mọi hoàn cảnh, đồng thời vẫn duy trì sự cân bằng và phù hợp với các lợi ích và yêu cầu khác của xã hội.

Ngoài ra, theo từ điển tiếng Việt định nghĩa “ngoại lệ” là cái nằm ngoài cái chung, trường hợp ngoại lệ⁷⁷. Đối với ngoại lệ liên quan quyền về đời sống riêng tư của cá nhân không đơn thuần là những trường hợp biệt lệ mà còn phản ánh một

⁷⁶ Viện Ngôn ngữ học (2006), *Sđd* (33), tr.405.

⁷⁷ Viện Ngôn ngữ học (2006), *Sđd* (33), tr.683.

cách tiếp cận cân nhắc, nơi mà quyền có thể được hạn chế trong những ngữ cảnh cụ thể để phục vụ lợi ích lớn hơn trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc tỷ lệ.

Một trong những cơ sở lý luận quan trọng liên quan đến ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích chung. Trong mỗi quan hệ này, thì quyền của công chúng được biết thông tin, quyền của nhà nước trong việc tiếp cận thông tin để thực hiện chức năng quản lý và đảm bảo an ninh quốc gia, là những yếu tố cần thiết để duy trì trật tự xã hội và phúc lợi chung. Trong trường hợp này, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân có thể phải nhường chỗ cho lợi ích lớn hơn, song việc này cần được thực hiện một cách cân trọng và có chọn lọc, tránh tình trạng lạm dụng quyền lực và xâm phạm không cần thiết đến quyền của cá nhân.

Xét về bản chất giới hạn và ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là giải quyết sự cân bằng giữa quyền lợi cá nhân và quyền lợi của người khác và của xã hội. Việc giới hạn và ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân có thể gây ra hệ quả: (i) xâm phạm đến quyền cá nhân nếu sự hạn chế này nếu phạm vi của nó quá rộng và thủ tục thiếu chặt chẽ và tùy tiện; (ii) quyền lợi của xã hội, quyền lợi của các nhân khác bị xâm phạm nếu quyền về đời sống riêng tư của cá nhân không bị hạn chế. Chính vì vậy, giới hạn và ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân phải được thực hiện bằng cơ chế đồng bộ, rõ ràng.

Như vậy, sự cân nhắc giữa việc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và nhu cầu khác của xã hội dẫn đến việc thiết lập các giới hạn và ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

3.2. Giới hạn của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân

Theo quan điểm truyền thống, quyền là độc lập với các giới hạn của chúng, độc lập với nhiều lợi ích, giá trị và nguyên tắc thường xuyên và hợp lý xâm phạm quyền⁷⁸. Dù được coi là độc lập với những giới hạn này, quyền vẫn phải tuân theo chúng. Tuy nhiên, quan điểm này không phải là quan điểm duy nhất và cũng không phải là cách hiểu đúng về giới hạn. Một quan điểm thay thế cho rằng chúng ta không nên chỉ xem xét một quyền mà không quan tâm đến giới hạn của nó. Thay vào đó, một quyền nên được nhìn nhận qua khía cạnh giới hạn của nó.⁷⁹ Bên

⁷⁸ Robert Alexy, *A Theory of Constitutional Rights*, Oxford University Press, tr.178.

⁷⁹ Grégoire C. N. Webber, *The Negotiable Constitution: On the Limitation of Rights*, Cambridge University Press, tr.116.

ạnh việc ghi nhận quyền được/không được thực hiện hành vi, pháp luật cũng đặt ra các giới hạn nhất định, thể hiện:

Một trong những giới hạn chính của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là sự bộc lộ thông tin cá nhân. Đây có thể là sự bộc lộ tự nguyện khi cá nhân đồng ý chia sẻ thông tin của mình cho người khác hoặc công khai thông tin trên các nền tảng truyền thông xã hội. Sự bộc lộ này xuất phát từ quyền tự chủ của cá nhân, cho phép họ quyết định thông tin nào sẽ được tiết lộ và trong hoàn cảnh nào. Tuy nhiên, việc tự nguyện bộc lộ thông tin cũng mang lại nguy cơ lạm dụng khi thông tin đó có thể bị sử dụng ngoài ý muốn của cá nhân. Chẳng hạn, thông tin cá nhân được chia sẻ trên mạng xã hội có thể bị khai thác cho mục đích quảng cáo hoặc theo dõi hành vi người dùng mà không có sự đồng ý rõ ràng từ phía cá nhân.

Thứ hai, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân có thể bị giới hạn thông qua các thỏa thuận giữa cá nhân và doanh nghiệp. Các thỏa thuận này thường được thực hiện dưới dạng các điều khoản dịch vụ mà cá nhân phải đồng ý để sử dụng dịch vụ cụ thể. Trong các thỏa thuận này, cá nhân có thể đồng ý cung cấp một phần thông tin cá nhân của mình để đổi lấy sự tiện ích hoặc dịch vụ. Bản chất của giới hạn này nằm ở sự đồng thuận và hiểu biết đầy đủ của cá nhân về cách thông tin của họ sẽ được sử dụng. Một thỏa thuận minh bạch và công bằng sẽ giúp bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong khi vẫn đáp ứng được nhu cầu của các bên liên quan.

Cuối cùng, pháp luật đóng vai trò quan trọng trong việc xác định các giới hạn của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Nhà nước có thể ban hành các quy định cụ thể về việc thu thập, lưu trữ và sử dụng thông tin cá nhân nhằm bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự công cộng và bảo vệ quyền lợi của các cá nhân khác. Các giới hạn này phải tuân thủ nguyên tắc pháp quyền, đảm bảo tính hợp pháp, cần thiết và cân đối. Giới hạn này được thể hiện ở ba khía cạnh:

• Giới hạn về thời gian

Trong việc giới hạn về thời gian thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, các quy định pháp luật thường đặt ra giới hạn về thời hạn cụ thể cho việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân, với mục đích bảo vệ chống lại việc xử lý thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân không cần thiết hoặc vượt quá thời gian cho phép, nhằm giảm thiểu nguy cơ xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Điều này đặt ra vấn đề trong việc cân nhắc giữa nhu cầu thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đời sống riêng tư của cá nhân và bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Ngoài ra, theo Michael Kelly và David Satola thuộc Hiệp hội Luật sư Hoa Kỳ về quản trị Internet, “quyền được lãng quên” (Right to be forgotten) đã đề cập đến việc các cá nhân có khả năng thực hiện việc xóa, giới hạn, xóa liên kết, xóa hoặc sửa những thông tin cá nhân có khả năng gây hiểu lầm, đáng xấu hổ, không liên quan hoặc đã hết hạn trên mạng Internet⁸⁰. Quyền được lãng quên có thể được hiểu là quyền của các cá nhân tự quyết định khi nào, bằng cách nào và ở mức độ nào thông tin về họ được tiết lộ cho các cá nhân khác hoặc là quyền của một người để kiểm soát thông tin liên quan đến họ một cách tốt hơn. Quyền này hướng đến việc bảo vệ lợi ích cho từng cá nhân, cho phép họ được quyền quản lý, quyền tự quyết định các thông tin của mình. Điều này đặt ra vấn đề trong việc cho phép cá nhân yêu cầu xóa thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của họ từ các cơ sở dữ liệu, đặc biệt là trong môi trường trực tuyến sau một phạm vi thời gian nhất định.

Thông qua giới hạn về thời gian, yêu cầu các cá nhân, tổ chức liên quan phải có cơ chế hiệu quả để xử lý các yêu cầu xóa dữ liệu, đảm bảo thông tin được xóa triệt để và không thể phục hồi sau giới hạn về thời gian được thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân.

• Giới hạn về không gian

Việc xác định giới hạn không gian đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trở nên phức tạp hơn trong bối cảnh công nghệ hiện đại. Ranh giới giữa không gian riêng tư và công cộng, truyền thống được xác định bởi kỳ vọng về mức độ riêng tư cá nhân, đang dần mờ nhạt do sự xuất hiện của công nghệ giám sát và thiết bị thông minh. Trong không gian riêng tư, như nhà ở, cá nhân có quyền mong đợi sự bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân cao hơn, điều này bao gồm quyền không bị giám sát hoặc nghe lén mà không có sự đồng ý. Tuy nhiên, sự phát triển của thiết bị giám sát như camera và các thiết bị IoT (Internet of Things) trong không gian riêng tư đã tạo ra những thách thức mới trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân khỏi sự theo dõi và xử lý không đúng cách. Mặt khác, trong không gian công cộng, mặc dù kỳ vọng về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, nhưng vẫn có những giới hạn đối với việc thu thập và sử dụng thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân. Sự minh bạch và đồng ý của người dùng trở thành yếu tố quan trọng trong

⁸⁰ Michael J. Kelly, David Satola (2017), The right to be forgotten, University of Illinois, Law Review, no.1, pp. 1-64.

việc quản lý việc thu thập và sử dụng dữ liệu. Các thiết bị giám sát hiện đại như camera, IoT đã đặt ra những thách thức mới trong việc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Những thiết bị này, mặc dù có thể được sử dụng với mục đích an toàn và tiện ích, nhưng cũng mở ra khả năng thu thập dữ liệu cá nhân một cách rộng rãi và đôi khi không được kiểm soát. Thông tin được thu thập từ những thiết bị này, nếu không được quản lý đúng cách, có thể bị sử dụng để theo dõi, phân tích hoặc chia sẻ mà không có sự đồng ý của người dùng, gây ra những rủi ro lớn đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Trong không gian công cộng, dù kỳ vọng quyền về đời sống riêng tư của cá nhân giảm đi so với trong không gian riêng, nhưng có những giới hạn đối với việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân. Việc sử dụng camera giám sát tại nơi công cộng cần tuân thủ các quy định về thông báo công khai, phạm vi giám sát hợp lý, và không được sử dụng để thu thập thông tin một cách lạm dụng hoặc xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Bên cạnh đó, sự minh bạch và đồng ý của người dùng ngày càng trở thành những yếu tố quan trọng trong việc quản lý việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân trong giới hạn về không gian. Các tổ chức và doanh nghiệp cần phải thông báo rõ ràng về mục đích, phạm vi thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân được thu thập, cũng như cách thức thông tin được bảo vệ và sử dụng.

- **Giới hạn về đối tượng**

Giới hạn về đối tượng chính là việc xác định rõ ràng thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân được bảo vệ. Điều này bao gồm việc nhận diện và phân loại phạm vi và mức độ thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân (hình ảnh vòng tròn được minh họa). Việc xác định này không chỉ giới hạn ở việc phân loại thông tin, mà còn đồng thời xác định mức độ bảo vệ phù hợp cho từng loại thông tin.

Giới hạn về đối tượng trong việc bảo vệ thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân không chỉ là một yếu tố cơ bản trong việc bảo vệ quyền lợi cá nhân, mà còn là một minh chứng cho quá trình phân tích và đánh giá sâu sắc về mức độ và tác động tiềm ẩn của thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân. Điều này đặc biệt quan trọng trong thời đại kỹ thuật số, nơi mọi dấu vết kỹ thuật số đều có thể được thu thập, phân tích và lan truyền với tốc độ chóng mặt, việc xác định giới hạn về đối tượng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Ngoài ra, sự đồng ý của cá nhân trong việc sử dụng thông tin cá nhân của họ nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc tôn trọng quyền tự chủ và quyền kiểm soát thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân. Mỗi cá nhân có quyền quyết định thông tin nào về họ có thể được chia sẻ, và trong hoàn cảnh nào. Đồng thời, việc xác định mục đích sử dụng thông tin cũng cần được thực hiện một cách minh bạch và chính xác, để đảm bảo rằng thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân không bị sử dụng cho những mục đích không được phép.

Như vậy, giới hạn về đối tượng không chỉ là một khía cạnh quan trọng trong việc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, mà còn phản ánh nỗ lực cân nhắc giữa bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và lợi ích cộng đồng trong việc sử dụng thông tin liên quan đến đời sống riêng tư. Điều này đòi hỏi một sự cân nhắc kỹ lưỡng và cẩn trọng, đảm bảo rằng thông tin được sử dụng một cách phù hợp và an toàn, trong khi vẫn duy trì sự tôn trọng quyền lợi và quyền về đời sống riêng tư của mỗi cá nhân.

Từ góc độ phân tích về nội dung và giới hạn của quyền đời sống riêng tư của cá nhân, tác giả cho rằng quyền này không nên được xem xét một cách cô lập, mà cần phải đặt trong bối cảnh rộng lớn hơn của xã hội, văn hóa và lịch sử. Quyền về đời sống riêng tư không chỉ đơn giản là một khía cạnh của quyền cá nhân mà còn phản ánh mối quan hệ phức tạp giữa cá nhân và xã hội, giữa quyền cá nhân và lợi ích cộng đồng.

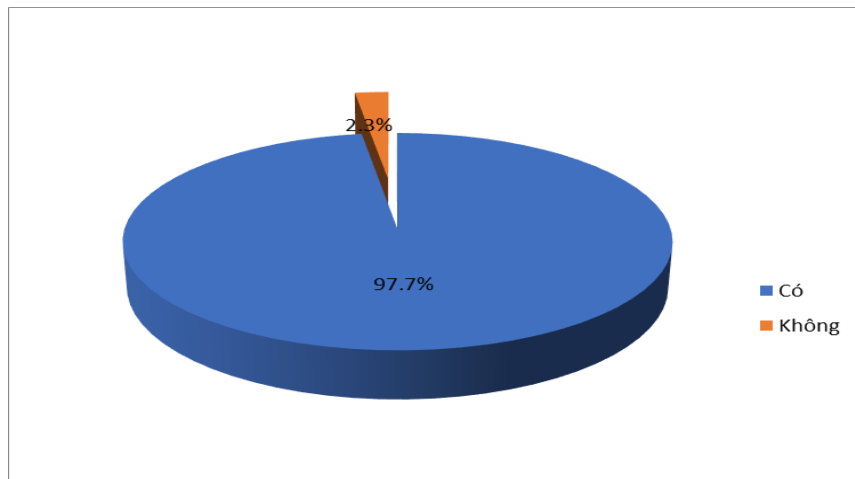
Giới hạn liên quan đến việc đặt ra các điều kiện và yêu cầu cho việc xử lý thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân. Mục đích của việc đặt ra giới hạn là để bảo đảm rằng mọi hoạt động thu thập, lưu trữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư đều diễn ra một cách minh bạch, có trách nhiệm, và chỉ trong phạm vi các mục đích đã được xác định rõ ràng từ trước. Điều này không chỉ giúp bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân mà còn đảm bảo tính hợp lý và cần thiết của mọi can thiệp vào đời sống riêng tư, làm cho việc hạn chế quyền này phải luôn dựa trên cơ sở pháp lý vững chắc và lý lẽ chính đáng. Nó nhấn mạnh tầm quan trọng của tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong các hoạt động xử lý thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân.

Giới hạn này yêu cầu các chủ thể liên quan xác định rõ ràng mục đích mà họ thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư cá nhân trong phạm vi cho phép và đảm bảo rằng mọi hoạt động xử lý tiếp theo đều phù hợp với các mục đích ban đầu đó.

Như đã phân tích, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, là sự tự chủ của cá nhân đối với các thông tin liên quan đến đời sống riêng tư. Đó là sự bảo vệ cá nhân khỏi việc bị xâm phạm, giám sát hoặc lạm dụng thông tin mà không có sự cho phép. Trong thế giới số hóa ngày nay, mỗi cá nhân đều phụ thuộc vào hàng loạt các dịch vụ và ứng dụng trực tuyến, từ mạng xã hội, dịch vụ ngân hàng trực tuyến, cho đến các ứng dụng điện thoại thông minh. Bên cạnh các hoạt động tương tác trong không gian vật lý, thì trong không gian mạng, trong quá trình sử dụng cá nhân thường xuyên gặp phải các yêu cầu truy cập thông tin cá nhân từ các bên thứ ba. Có thể nói, việc này đã trở thành một phần không thể thiếu của trải nghiệm số hóa. Tuy nhiên, một khi cá nhân chấp nhận các yêu cầu truy cập từ ứng dụng hoặc dịch vụ trực tuyến, cá nhân thực sự đang tự nguyện cung cấp một phần đời sống riêng tư của mình cho bên thứ ba, và đây được xem là giới hạn của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân cho bên thứ ba để đạt được sự trải nghiệm số hoá. Bởi lẽ, khi một cá nhân quyết định chấp nhận yêu cầu truy cập từ một ứng dụng hoặc dịch vụ trực tuyến, họ đang tạo ra một giới hạn cho quyền về đời sống riêng tư của mình cho các mục đích xác định. Điều này xảy ra bởi vì trong quá trình đó, cá nhân đã cụ thể hóa việc chia sẻ một phần thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của mình.

Ngoài ra, Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ phát triển nhanh chóng về công nghệ thông tin, số người sử dụng mạng xã hội, Internet ngày càng tăng nhanh. Theo số liệu thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông cho thấy, tính tới tháng 9/2022, số lượng người dùng Internet tại Việt Nam vào khoảng 70 triệu người, chiếm khoảng 70% dân số cả nước. Với con số này, Việt Nam là quốc gia có lượng người dùng Internet cao thứ 12 trên toàn thế giới và đứng thứ 6 trong tổng số 35 quốc gia và vùng lãnh thổ tại Châu Á.⁸¹

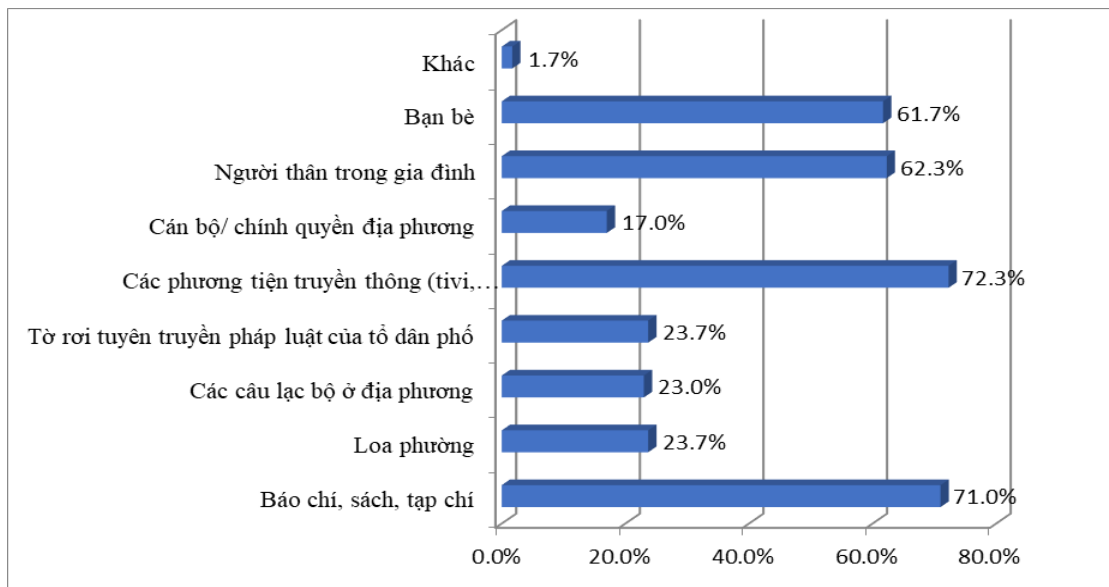
⁸¹Internet Day 2022, <https://vtv.vn/cong-nghe/internet-day-2022-nguoi-dung-internet-viet-nam-dat-hon-70-dan-so-sau-25-nam-2022120411142802.htm> (truy cập lần cuối: 01/06/2024).



Biểu đồ 1: Sử dụng thiết bị có kết nối Internet

Nguồn: kết quả khảo sát của đề tài

Theo số liệu khảo sát của tác giả thì có đến 97,7% người có sử dụng thiết bị có kết nối Internet, qua đó cho thấy rằng việc tiếp cận mạng Internet và các dịch vụ đi kèm trở nên dễ dàng và thuận tiện hơn cho người dân trong bối cảnh khoa học, công nghệ phát triển, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo.

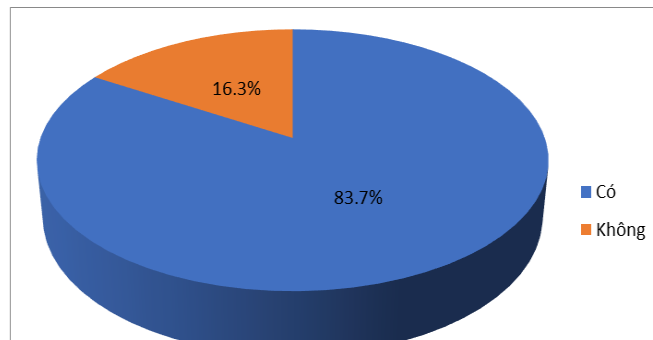


Biểu đồ 2: Nguồn sử dụng để tiếp cận thông tin xã hội

Nguồn: kết quả khảo sát của đề tài

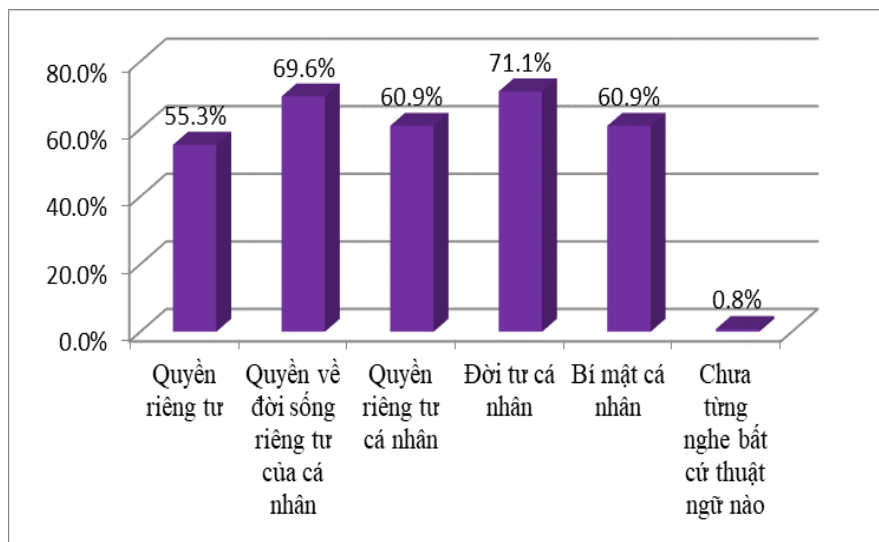
Qua khảo sát cho thấy, nguồn sử dụng để tiếp cận thông tin xã hội của người dân qua các phương tiện truyền thông; báo chí, sách, tạp chí và người thân trong gia

đình chiếm nhiều nhất với tỉ lệ lần lượt là 72,3%, 71% và 62,3%. Bên cạnh đó, nguồn sử dụng để tiếp cận thông tin xã hội từ câu lạc bộ ở địa phương và tờ rơi tuyên truyền pháp luật của tổ dân phố cũng đóng một vai trò quan trọng với tỉ lệ là 23% và 23.7%. Qua đó cho thấy được vai trò nòng cốt của các hội đoàn địa phương trong việc tuyên truyền pháp luật và nắm bắt được thông tin dư luận địa phương, dư luận xã hội của các chủ thể liên quan để từ đó có những giải pháp nâng cao hiệu quả và đa dạng hoạt động tuyên truyền pháp luật liên quan đến các vấn đề pháp luật về không gian mạng, đặt biệt là các giới hạn đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân khi sử dụng các thiết bị, công cụ, ứng dụng trên nền tảng Internet và có các phương thức để chủ động bảo vệ các thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân.



Biểu đồ 3: Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân

Nguồn: kết quả khảo sát của đề tài

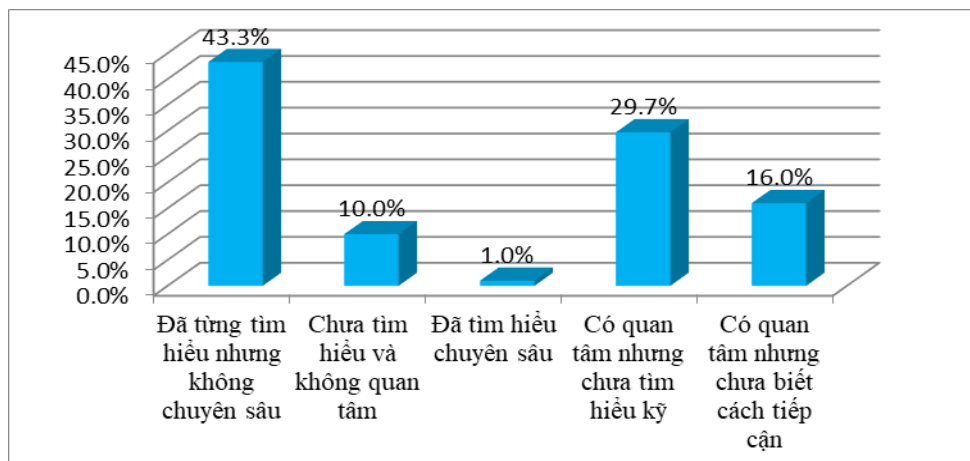


Biểu đồ 4: Đã từng nghe các thuật ngữ nào sau đây

Nguồn: kết quả khảo sát của đề tài

Số liệu điều tra xã hội học cho thấy, khi người được khảo sát hỏi có biết về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân thì có đến 251 người (chiếm tỉ lệ 83,7%) biết về quyền này, nhưng khi được hỏi đã từng nghe các thuật ngữ như quyền riêng tư, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, quyền riêng tư cá nhân, đời tư cá nhân và bí mật cá nhân thì số liệu khảo sát không có sự chênh lệch đáng kể, dao động từ 55.3% đến 71.1%. Qua đó cho thấy người dân có quan tâm đến các vấn đề về sự riêng tư trong cuộc sống hàng ngày.

Bên cạnh đó, việc khảo sát tỷ lệ người dùng các ứng dụng trên nền tảng Internet về việc đọc các chính sách về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đóng một vai trò quan trọng trong việc xác định từng giới hạn mà người dùng tự đặt ra cho chính bản thân mình.



Biểu đồ 5: Tìm hiểu chính sách pháp luật quyền về đời sống riêng tư của cá nhân

Nguồn: kết quả khảo sát của đề tài

Để việc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trên nền tảng Internet được hiệu quả cao đối với từng cá nhân thông qua giới hạn quyền của mình thì việc tìm hiểu chính sách pháp luật quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là nhu cầu thật cần thiết của người dân. Tuy nhiên, qua khảo sát cho thấy người dân chưa đặc biệt quan tâm đến giới hạn quyền về đời sống riêng tư của mình, mức độ quan tâm, tìm hiểu của người dân chỉ dừng ở mức là tìm hiểu cơ bản, chưa mang tính hệ thống với 130 người (tỉ lệ 43.3%) đã từng tìm hiểu nhưng không chuyên sâu và 89 người (tỉ lệ 29.7 %) có quan tâm nhưng chưa tìm hiểu kỹ.

Tuy nhiên, giới hạn này không đồng nhất với việc từ bỏ hoàn toàn một phần quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Cá nhân vẫn giữ quyền quản lý, rút lại sự đồng ý, yêu cầu hạn chế xử lý dữ liệu, phản đối xử lý dữ liệu, yêu cầu xóa hoặc chỉnh sửa thông tin của mình tại bất kỳ thời điểm nào, trừ trường hợp luật có quy định khác⁸². Đó là giới hạn trong phạm vi cho phép một sự tương tác cụ thể xảy ra, chứ không phải là sự đồng ý với mọi hình thức sử dụng thông tin đời sống riêng tư của cá nhân trong tương lai. Điều quan trọng ở đây là, ngay cả khi cá nhân đã tự nguyện chia sẻ thông tin đời sống riêng tư, điều đó không có nghĩa là cá nhân đã hoàn toàn từ bỏ quyền về đời sống riêng tư của mình. Thực tế, pháp luật vẫn đặt ra những yêu cầu rất nghiêm ngặt đối với cách mà các bên thứ ba thu thập, lưu trữ, sử dụng, công khai thông tin cá nhân. Bên thứ ba phải minh bạch về mục đích sử dụng thông tin, phạm vi thu thập, và phải bảo vệ thông tin cá nhân khỏi việc bị lạm dụng hoặc xâm phạm⁸³. Bởi lẽ, với những giới hạn đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân diễn ra trên thực tế hiện nay đã dẫn đến sự ra đời của thị trường dữ liệu (A data marketplace or data market) nơi để người ta mua bán dữ liệu. Một trong những “sản phẩm” của thị trường này phải kể đến đó là “dữ liệu cá nhân” – cái mà được xem là gắn với quyền về đời sống riêng tư của mỗi người. Hầu như các nhà cung cấp dịch vụ mạng Internet đều thực hiện mô hình “cài đặt quyền riêng tư mặc định” trong việc chấp nhận sử dụng dịch vụ, qua đó thúc đẩy người dùng “chia sẻ” dữ liệu của họ một cách hợp pháp, nhưng đằng sau đó là vấn đề sử dụng, khai thác, bảo mật dữ liệu lại được đặt ra.

Vấn đề đầu tiên để bảo mật dữ liệu cá nhân đó là đánh giá vấn đề bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Ngày nay, có nhiều mô hình đánh giá dựa trên những tiêu chuẩn xã hội nhất định.⁸⁴ Tiêu chuẩn xã hội như vậy có thể được hiểu là một tập hợp các lựa chọn về quyền riêng tư mà một cá nhân có thể áp dụng, điều này sẽ không gây tranh cãi đối với hầu hết các thành viên trong xã hội. Một số tác giả phân chia xã hội thành các thái độ riêng tư khác nhau, chẳng hạn như những người theo chủ nghĩa bảo mật quyền riêng tư, những người thực dụng và không

⁸² Điều 9, Nghị định 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

⁸³ Điều 3, Nghị định 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

⁸⁴ N.A. Moreham (2016), *The Nature of Privacy Interest* in N.A. Moreham and M. Warby (eds), *The Law of Privacy and the Media*, Oxford University Press, Oxford, 42, 49–51; H.T. Gomez-Arostegui (2005), “Defining Private Life under the European Convention on Human Rights by Referring to Reasonable Expectations”, 35 *California Western International Law Journal*, tr.153.

quan tâm.⁸⁵ Cuối cùng, ý thức về quyền riêng tư khác nhau trên toàn cầu (Cộng đồng Chung Châu Âu và Hoa Kỳ, Trung Quốc...) và cả giữa các quốc gia cụ thể⁸⁶ trong việc thực hiện các quy định bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Thực tế cho thấy, với sự phát triển như vũ bão của công nghệ 4.0, hàng loạt các dịch vụ, ứng dụng trực tuyến ra đời từng giờ từng phút trên CH Play⁸⁷ hay App Store⁸⁸ mang tính toàn cầu khi mà gần như ai có tài khoản và điện thoại kết nối Internet đều có thể tiếp cận được. Điều này đã đặt ra nhu cầu cần có một số quy tắc để điều chỉnh “tiêu chuẩn” về quyền riêng tư từ các nhà cung cấp dịch vụ theo lựa chọn chủ quan của từng người, và từng xã hội cụ thể.

Ngoài ra, đối với các quy định về bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong môi trường dữ liệu (trong việc đưa ra các quy tắc và thực thi chúng), chúng đặt ra vấn đề kiểm soát thực tế đối với thông tin.⁸⁹ Có nhiều phương thức khác nhau để thu thập thông tin, giữa truyền thống và hiện đại với các ứng dụng của khoa học công nghệ.⁹⁰ Vì vậy, trọng tâm của quy định về quyền riêng tư của dữ liệu là quản lý việc thu thập và sử dụng dữ liệu, điều này cần được thực hiện ở nơi lưu trữ những dữ liệu đó.⁹¹ Phạm vi quản lý phải bao gồm dữ liệu gốc (thô), liên quan đến dữ liệu, kiểm soát dữ liệu và bảo vệ việc dữ liệu được chuyển giao. Nguyên tắc giới hạn gián tiếp việc sử dụng dữ liệu của người kiểm soát dữ liệu bằng các quy tắc pháp lý cũng cần được đặt ra. Điều này cần dựa trên việc có được sự đồng ý của chủ

⁸⁵ A.F. Westin (2003), “Social and Political Dimensions of Privacy”, 59 *Journal of Social Issues* 431, tr.445; see also the discussion in J.M. Urban and C.J. Hoofnagle (2014), “The Privacy Pragmatic as Privacy Vulnerable”, *SSRN*, <http://papers.ssrn.com/abstract=2514381> (truy cập lần cuối: 01/06/2024).

⁸⁶ Điều này đã được thảo luận rộng hơn trong B.-J. Koops, B.C. Newell, T. Timan, I. Škorvák, T. Chokrevski and M. Galič (2016), “A Typology of Privacy”, *SSRN*, <http://papers.ssrn.com/abstract=2754043> (truy cập lần cuối: 01/06/2024).

⁸⁷ CH Play là cửa hàng của Google Play đáp ứng đa dạng các ứng dụng và trò chơi cho hàng tỷ chiếc điện thoại sử dụng hệ điều hành Android tại hơn 190 quốc gia và vùng lãnh thổ lớn nhỏ trên toàn thế giới. CH là viết tắt của từ “Cửa Hàng”. Khi người dùng ngôn ngữ tiếng Việt máy sẽ hiển thị tên CH Play còn khi chuyển sang ngôn ngữ tiếng Anh thì sẽ là Google Play. Đến với CH Play người dùng có tải về vô vàn ứng dụng Android miễn phí một cách nhanh chóng và tiện lợi.

⁸⁸ App Store mang đến cho mọi người trên khắp thế giới một nơi an toàn và đáng tin cậy để khám phá các ứng dụng đáp ứng các tiêu chuẩn cao của Apple về quyền riêng tư, bảo mật và nội dung.

⁸⁹ D.J. Solove (2008), *Understanding Privacy*, Harvard University Press, Cambridge, MA, tr.28; D. boyd (2012), “Networked Privacy”, 10 *Surveillance & Society* 348, tr.349; J.W. DeCew (1997), *In Pursuit of Privacy: Law, Ethics, and the Rise of Technology*, Cornell University Press, Ithaca, tr.53.

⁹⁰ Lê Thị Giang (2018), “Quyền riêng tư đối với thông tin cá nhân”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 17, tr.18.

⁹¹ Vì lý do bảo mật, các nhà cung cấp dịch vụ có vị trí tốt hơn để giữ an toàn cho dữ liệu so với người dùng cá nhân. Xem thêm: B. Schneier (2018), *Click Here to Kill Everybody: Security and Survival in a Hyper-connected World*, W.W. Norton & Company, New York, tr.111.

thể dữ liệu⁹² để sử dụng dữ liệu cho một mục đích cụ thể được tiết lộ tại thời điểm đưa ra sự đồng ý này.

Từ đó, tác giả kiến nghị xây dựng định nghĩa về giới hạn của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân như sau:

Kiến nghị thứ hai:

Giới hạn của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là các thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân phải được thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai trong phạm vi thoả thuận giữa các bên hoặc theo quy định của luật.

Việc xác định và hiểu rõ giới hạn đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân có một ý nghĩa rất quan trọng trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Trong thời đại này, gần như tất cả các khía cạnh của cuộc sống hàng ngày của cá nhân, từ giao tiếp, công việc, giải trí, đến giao dịch tài chính, đều diễn ra trực tuyến và dựa vào không gian mạng. Việc chia sẻ thông tin và dữ liệu cá nhân trên Internet trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống hiện đại. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra những thách thức lớn về bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Giới hạn của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân cần phải được xem xét và bổ sung một cách thích hợp để phản ánh thực tế mới.

3.3. Ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân

Bên cạnh những giới hạn được pháp luật quy định trực tiếp bằng cách liệt kê phạm vi quyền hoặc áp dụng các trường hợp nhất định để các chủ thể liên quan thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư thì quyền về đời sống riêng tư của cá nhân cũng chứa đựng một khía cạnh quan trọng khác, đó là ngoại lệ của quyền. Ngoại lệ của một quyền là những tình huống mà pháp luật cho phép can thiệp vào một quyền mà không trên cơ sở sự đồng ý của chủ thể quyền. Ngoại lệ này thể hiện sự phân định giữa việc áp dụng một quyền và trường hợp ngoại lệ, khi mà việc can thiệp vào quyền đó là không thể hay không được chấp nhận. Sự phân định rõ ràng giữa việc áp dụng quyền và trường hợp ngoại lệ giúp đảm bảo sự cân bằng giữa quyền và các yếu tố khác trong xã hội. Ngoại lệ là một phần quan trọng của việc hiểu và áp dụng quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, giúp đảm bảo rằng quyền này không trở thành một sự cản trở không cần thiết trong các hoạt động quan trọng của xã hội và phục vụ cho lợi ích chung.

⁹² Sometimes knowledge is enough, see OECD (2013), *Guidelines Governing the Protection of Privacy and Transborder Flows of Personal Data*, tr.7.

3.3.1. Lợi ích công cộng

3.3.1.1. An ninh quốc gia

Tại Đại hội XIII của Đảng (tổ chức năm 2021), vấn đề “an ninh con người” được chú trọng và đề cao. Trong định hướng phát triển đất nước trong 10 năm (2021-2030), Đảng ta xác định: “Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, phân minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người”⁹³. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển giai đoạn đất nước 5 năm tới (2021-2025) xác định: “Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người. Triển khai đồng bộ, toàn diện các mục tiêu kinh tế, tiến bộ, công bằng xã hội và môi trường, trên cơ sở đó, đổi mới phân bổ nguồn lực hợp lý để nâng cao hiệu quả phát triển xã hội. Xây dựng và thực hiện đồng bộ thể chế, chính sách phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội bền vững, hài hòa”⁹⁴. Trong tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Đại hội XIII xác định “giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người”⁹⁵. Trong sáu nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ Đại hội XIII có nhiệm vụ trọng tâm thứ tư về văn hóa, xã hội: “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; có chính sách cụ thể phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam”⁹⁶... Như vậy, việc nhấn mạnh an ninh quốc gia đặc biệt là an ninh cá nhân trong văn kiện Đại hội XIII đã thể hiện rõ sự quyết tâm cũng như những vấn đề then chốt trong việc ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghệ 4.0, đặc biệt là chuyển đổi số quốc gia sau Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó nhấn mạnh yêu cầu cấp bách để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số. Bởi lẽ, chuyển đổi số là cuộc chuyển đổi toàn diện từ không gian

⁹³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.116.

⁹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Sđd* (93), tr.147.

⁹⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Sđd* (93), tr.148.

⁹⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Sđd* (93), tr.202.

thực lên không gian số, cho phép đưa toàn bộ hoạt động lên không gian số. Cuộc dịch chuyển này diễn ra với tốc độ nhanh chóng theo ba trụ cột: Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Chuyển đổi số tác động sâu rộng, bao trùm lên tất cả các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội, góp phần tăng năng suất lao động, chuyển đổi mô hình hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng sáng tạo, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia. Tuy nhiên, việc chuyển đổi số cũng đặt ra vấn đề bảo vệ an ninh quốc gia nói chung và bảo vệ quyền về đời sống riêng tư cá nhân về dữ liệu nói riêng, mà vấn đề này hiện nay các quy định trong pháp luật Việt Nam vẫn còn những khoảng trống nhất định. Điều này thể hiện rõ trong an ninh y tế và an ninh cá nhân. Trong bối cảnh quốc tế và khu vực ngày càng phức tạp, Việt Nam đã thể hiện sự kiên quyết và kiên trì trong việc bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Đặc biệt, Việt Nam luôn đặt sự ưu tiên cao nhất cho việc bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, đặc biệt là trong bối cảnh mối đe dọa đến an ninh phi truyền thống và an ninh trên không gian mạng.

Như vậy, ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân liên quan trực tiếp đến an ninh quốc gia là một khía cạnh quan trọng bậc nhất trong bối cảnh hiện nay. Đáng lưu ý, hầu hết các hoạt động hàng ngày của cá nhân hiện diễn ra trên không gian mạng. Trong bối cảnh này, việc áp đặt các ngoại lệ đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trở nên cần thiết để đảm bảo an ninh quốc gia. Ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân cho phép cơ quan thực thi pháp luật chuyên trách can thiệp vào thông tin liên quan đời sống riêng tư của cá nhân trong các trường hợp cụ thể. Mục tiêu của việc này là ngăn chặn và ngăn ngừa các hành vi đe dọa đến an ninh quốc gia, bảo vệ chủ quyền quốc gia và quyền lợi của toàn xã hội.

Trong bối cảnh quốc tế và khu vực đang phức tạp hóa, việc bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc đã trở thành một mục tiêu quan trọng. Việt Nam không chỉ đang đối mặt với các thách thức truyền thống mà còn phải đối diện với mối đe dọa ngày càng tăng về an ninh phi truyền thống và an ninh trên không gian mạng. Việc bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội đòi hỏi chúng ta phải đưa ra các biện pháp hiệu quả để ngăn chặn và đối phó với những tình huống đe dọa đối với an ninh quốc gia.

Trong bối cảnh này, ngoại lệ một phần quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trở nên cần thiết và quan trọng hơn bao giờ hết. Đặc biệt, khi hầu hết các hoạt động hàng ngày của cá nhân diễn ra trên không gian mạng, thông tin đời sống riêng tư trở nên đặc biệt quan trọng. Ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân sẽ tạo

điều kiện cho cơ quan thực thi pháp luật có khả năng can thiệp vào thông tin đời sống riêng tư của cá nhân trong trường hợp cần thiết để ngăn chặn và đối phó với các hành vi đe dọa an ninh quốc gia.

3.3.1.2. Tình trạng khẩn cấp

Nhiều người thừa nhận tầm quan trọng của quyền về đời sống riêng tư cá nhân đối với tự do, dân chủ, phúc lợi xã hội, hạnh phúc cá nhân và các mục đích khác. Nhiều người cũng khẳng định rằng nó đáng được bảo vệ với chi phí đáng kể. Sự can thiệp của xã hội đối với quyền về đời sống riêng tư cá nhân thường đòi hỏi sự hạn chế hoặc thậm chí hy sinh giữa các khía cạnh có tầm quan trọng đáng kể, chẳng hạn như quyền tự do ngôn luận và báo chí, thực thi pháp luật đầy đủ và quyền truy cập thông tin.

Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là nhu cầu nảy sinh từ sự xâm nhập của xã hội và chúng ta phải căn cứ vào các quy định của pháp luật như một công cụ để giải quyết các vấn đề mà xã hội tạo ra. Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân không phải là tài sản cố hữu, nó phụ thuộc vào các điều kiện có thể gắn với thông tin hoặc các vấn đề cụ thể. Một vấn đề về quyền về đời sống quyền riêng tư làm gián đoạn các hoạt động cụ thể và giá trị của việc bảo vệ chống lại vấn đề này bắt nguồn từ tầm quan trọng của việc bảo vệ các hoạt động bị gián đoạn. Sau khi xác định được lợi ích riêng tư và giá trị của nó, bước tiếp theo là cân nhắc giữa lợi ích riêng tư với giá trị của bất kỳ lợi ích đối kháng nào. Trong một số trường hợp, quyền về đời sống riêng tư có thể lớn hơn lợi ích đối kháng hoặc ngược lại. Do đó, tùy từng hoàn cảnh mà pháp luật quy định ưu tiên quyền về đời sống riêng tư hay ưu tiên lợi ích của đa số các chủ thể khác trong xã hội.

Việc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư cá nhân trong thực tế là sự bảo vệ tương đối, trong một giới hạn nhất định và phải được quy định bởi luật nhằm dung hòa được lợi ích của cá nhân, doanh nghiệp và quản lý nhà nước. Điều này thể hiện rõ trong các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của các chủ thể hay khi xã hội xảy ra các sự kiện, hiện tượng gây tác động không tốt đến sự ổn định xã hội và cuộc sống của người dân thì cơ chế bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân cũng có những thay đổi. Khoa học pháp lý gọi đây là tình trạng khẩn cấp. Hạn chế các quyền cá nhân để tập trung giải quyết các vấn đề chung của một nhóm người và của toàn xã hội là một yêu cầu hợp lý. Bởi thứ nhất, con người không sống riêng lẻ mà sống trong một cộng đồng có mối liên hệ qua lại lẫn nhau, do đó, lợi ích cá nhân gắn liền với lợi ích của tập thể và ngược lại. Thứ hai, khi xã hội trong bối cảnh dịch

COVID-19, chủ thể là nhà nước với vai trò là tổ chức nắm giữ quyền lực công để quản lý xã hội không thể cùng lúc thực hiện việc đảm bảo quyền của cá nhân và quyền của cộng đồng, chủ thể này buộc phải lựa chọn để có cách xử sự hợp lý nhất. Thứ ba, để đảm bảo việc hạn chế quyền công dân một cách hợp lý đòi hỏi hệ thống văn bản pháp luật – công cụ để quản lý xã hội phải hoàn thiện, rõ ràng, minh thị, được sự nhất trí của xã hội, khi đó các cá nhân sẽ tự nguyện thực hiện và tuân thủ nó. Đó cũng là cơ sở pháp lý quan trọng để thực hiện chức năng quản lý nhà nước của các chủ thể có thẩm quyền trên cơ sở luật định nhằm dung hòa được quyền lợi của cá nhân, doanh nghiệp và quản lý nhà nước trong việc giới hạn của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Chẳng hạn, trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19, những dữ liệu cá nhân nào mà các cơ quan nhà nước có quyền tiếp cận và những chủ thể nào phải có nghĩa vụ cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu là những khía cạnh về việc hạn chế quyền về đời sống riêng tư vì sức khỏe cộng đồng. Thông tin cá nhân thuộc về bản thân mỗi người và thông tin đó cho biết các vấn đề, đặc điểm của người đó. Do đó, khi những quy định được minh thị rõ ràng trong các văn bản luật thì các chủ thể liên quan trong các tình huống khẩn cấp, chẳng hạn trong thời điểm đại dịch COVID-19 ở mức báo động, sẽ tuân thủ một cách tự nguyện và không có sự phản kháng hay sự không đồng thuận vì lý do có yếu tố không rõ ràng trong quá trình thực thi pháp luật.

Chính bởi yếu tố không tuyệt đối nên trong khoa học pháp lý, quyền con người được phân thành quyền cá nhân, quyền nhóm và quyền tập thể. Theo đó, ba nhóm quyền này có mối quan hệ mật thiết với nhau.

Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân thuộc nhóm quyền cá nhân. Đây là quyền của mỗi cá nhân để bảo vệ sự riêng tư và toàn vẹn cá nhân trước sự xâm phạm từ bên ngoài. Mặc dù quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là quyền cá nhân, nhưng nó có mối quan hệ mật thiết với quyền nhóm và quyền tập thể. “Quyền cá nhân được bảo đảm khi quyền nhóm và quyền tập thể được bảo đảm” và ngược lại⁹⁷. Ba nhóm này có mối quan hệ mật thiết với nhau, và sự bảo vệ của một nhóm có thể ảnh hưởng đến những nhóm khác. Chẳng hạn, quyền bảo vệ đời sống riêng tư của một cá nhân trong một gia đình (quyền nhóm) cũng đồng thời bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của các thành viên khác trong gia đình. Tương tự, các chính sách

⁹⁷ Nguyễn Thị Thu Trang (2020), “Quyền con người trong đại dịch Covid-19”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 7, tr.53-54.

và luật pháp bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân (quyền tập thể) sẽ ảnh hưởng và đảm bảo quyền về đời sống riêng tư của từng cá nhân trong xã hội.

Quyền cá nhân là nền tảng của hệ thống quyền con người và đảm bảo rằng mỗi người có quyền tự quyết về cuộc sống và quyết định cá nhân của mình. Tuy nhiên, quyền cá nhân không tồn tại trong cách cô lập. Quyền nhóm là quyền của một nhóm người có liên quan đến nhau, như gia đình, cộng đồng, hoặc một tổ chức. Bảo vệ quyền nhóm cũng là cách để bảo vệ quyền cá nhân của các thành viên trong nhóm. Quyền tập thể liên quan đến quyền của một tập thể lớn hơn, thường là cộng đồng hoặc xã hội. Đây là quyền của những người cùng chung một lợi ích hoặc mục tiêu cụ thể, và bảo vệ quyền tập thể đôi khi có thể đảm bảo quyền cá nhân của từng cá nhân trong tập thể đó. Quyền cá nhân thường được bảo đảm khi quyền nhóm và quyền tập thể được bảo đảm, và ngược lại. Việc bảo vệ quyền của một người có thể dựa vào việc bảo vệ quyền của nhóm hoặc xã hội lớn hơn, và ngược lại. Do đó, khi xã hội cần được bảo vệ, các quyền cá nhân cần thiết phải “lùi lại” để bảo đảm cho quyền nhóm, quyền tập thể. Bởi khi đó, quyền của cá nhân mới có thể được bảo vệ trên nền tảng của xã hội.

Hiện nay chưa có văn bản pháp luật nào quy định chi tiết các trường hợp hạn chế quyền về đời sống riêng tư nói riêng hay bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong sinh hoạt đời sống xã hội nói chung và trong bối cảnh xã hội bất thường hay cụ thể áp dụng trong trường hợp dịch bệnh COVID-19. Tuy một số văn bản pháp luật vẫn có sự đề cập này nhưng tính bao quát các vấn đề thực tiễn chưa đủ giải quyết. Chẳng hạn, luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm 2007 quy định cơ quan có thẩm quyền được phép: *“1. Giám sát các trường hợp mắc bệnh, bị nghi ngờ mắc bệnh và mang mầm bệnh truyền nhiễm bao gồm thông tin về địa điểm, thời gian, các trường hợp mắc bệnh, tử vong; tình trạng bệnh; tình trạng miễn dịch; đặc điểm chủ yếu về dân số và các thông tin cần thiết khác. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan y tế có thẩm quyền được lấy mẫu xét nghiệm ở người bị nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm để giám sát. 2. Giám sát tác nhân gây bệnh truyền nhiễm bao gồm các thông tin liên quan về chủng loại, đặc tính sinh học và phương thức lây truyền từ nguồn truyền nhiễm. 3. Giám sát trung gian truyền bệnh bao gồm các thông tin liên quan đến số lượng, mật độ, thành phần và mức độ nhiễm tác nhân gây bệnh truyền nhiễm của trung gian truyền bệnh”*⁹⁸.

⁹⁸ Điều 21 Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm 2007.

Như vậy, trong tình trạng dịch COVID-19, thông tin cá nhân, tình trạng sức khỏe, đi lại hay thậm chí là đời sống sinh hoạt sinh học hằng ngày của con người cần thiết phải được giám sát, cập nhật để tránh ảnh hưởng đến cộng đồng. Trong trường hợp này, quyền cơ bản của cá nhân đã “lùi lại” để bảo vệ cho quyền được an toàn sức khỏe của cộng đồng.

Mặt khác, Nghị định 71/2002/NĐ-CP ngày 23/7/2002 quy định chi tiết việc tổ chức thi hành Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Lệnh của Chủ tịch nước ban bố tình trạng khẩn cấp khi có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm và áp dụng các biện pháp đặc biệt trong tình trạng khẩn cấp trở thành một “chìa khóa” quan trọng mở đường cho việc tổ chức quản lý xã hội khi các tình huống bất ổn xảy đến. Tình trạng khẩn cấp trong trường hợp có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm. Tình trạng khẩn cấp này được xem là yếu tố khiến xã hội rơi vào trạng thái bất ổn. Nghị định quy định các biện pháp ứng phó với tình trạng khẩn cấp cũng như chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của các cơ quan trong trường hợp này. Tuy nhiên, nghị định này không có những quy định cụ thể về những giới hạn của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân để các chủ thể liên quan có thể thực thi hiệu quả việc ứng phó với tình trạng khẩn cấp nhưng vẫn đảm bảo việc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong giới hạn luật định.

Tác giả cho rằng, những giải pháp được đặt ra trong bối cảnh đại dịch COVID-19 chưa được cụ thể hóa từ một văn bản luật nào mà chỉ xuất phát từ tính cấp thiết của hoạt động quản lý nhà nước. Có thể kể đến một số biểu hiện như sau:

Việc khai thông tin khai báo y tế, tiêm chủng, thông tin thu nhập, tình trạng việc làm, hỗ trợ an sinh là nội dung bắt buộc đối với các chính sách về ổn định dịch bệnh, an sinh xã hội thời kỳ dịch bệnh. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là ai sẽ là người thu nhập, quản lý và lưu trữ khối lượng thông tin khổng lồ này? Hay với thông tin tiêm chủng thì được xác nhận thông qua một tờ giấy chứng nhận, việc đến điểm tiêm phải có giấy mời hay điền khai báo vào giấy khám sàng lọc... Tất cả các giấy tờ đã thu thập, được phân công cho đội ngũ nhập liệu. Tuy nhiên, thực tế cho thấy rằng, việc nhập thông tin được thực hiện bởi rất nhiều người, thậm chí địa điểm nhập liệu là ở nhà của người nhập, vậy công tác kiểm soát, bảo mật các thông tin cá nhân của người khai báo có được đảm bảo hay không, trong khi giấy tờ họ khai, họ không hề biết nó sẽ đi về đâu? Bên cạnh đó, cơ chế chịu trách nhiệm trong trường hợp bị rò rỉ thông tin, hay ảnh hưởng đến đời sống cá nhân của người khai thông tin là như thế nào, ai sẽ đứng ra bồi thường hay phục hồi danh dự cho người bị thiệt hại.

Việc đánh giá mức độ của tình trạng xã hội để xác định khi nào xã hội rơi vào tình trạng khẩn cấp có tầm quan trọng lớn, đặc biệt khi liên quan đến việc hạn chế quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, một quyền mà thường được xem là bất khả xâm phạm, trừ trường hợp luật có quy định khác. Tình trạng khẩn cấp của xã hội có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân, bao gồm những nguyên nhân khách quan như thiên tai, dịch bệnh, nhưng cũng có thể do các nguyên nhân chủ quan như chiến tranh, hoạt động gây rối xâm phạm trật tự xã hội, hoặc tình trạng khẩn cấp khác. Do đó, việc xác định khi nào xã hội rơi vào tình trạng khẩn cấp và có thể hạn chế quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đòi hỏi định nghĩa rõ ràng và mức độ đánh giá cụ thể.

Việc xây dựng tiêu chuẩn để đánh giá tình trạng khẩn cấp và việc áp dụng các biện pháp hạn chế quyền về đời sống riêng tư trong tình trạng đó là một nhiệm vụ phức tạp. Cần phải xác định các chỉ số và tiêu chí cụ thể để đánh giá tình trạng xã hội, bao gồm những chỉ số định lượng, và đồng thời phải xem xét các yếu tố chủ quan mà có thể gây ra tình trạng bất thường. Các quy định pháp lý về việc áp dụng hạn chế quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong tình trạng này cũng cần được định rõ và tuân theo nguyên tắc tỷ lệ cân xứng và chính đáng. Nhìn chung, việc quy định rõ ràng về tình trạng khẩn cấp và quá trình xác định khi áp dụng hạn chế quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là quan trọng để đảm bảo tính công bằng và cân xứng.

Kiến nghị thứ ba:

Tác giả đề xuất Quốc hội nên sớm ban hành Luật Tình trạng khẩn cấp để thay thế Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp năm 2000. Trong đó, nêu rõ định nghĩa về tình trạng khẩn cấp để các chủ thể trong xã hội có thể nắm bắt và áp dụng pháp luật thống nhất, tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, theo đó: *Tình trạng khẩn cấp là tình huống đặc biệt, bất thường và bất ngờ xảy ra trong xã hội, mà đòi hỏi sự can thiệp hoặc hạn chế một số quyền của cá nhân và tổ chức. Tình trạng khẩn cấp được công nhận khi có các sự kiện hoặc tình huống cần phải được đối phó ngay lập tức để đảm bảo an toàn, trật tự, và phúc lợi của xã hội.*

Khác với trường hợp bất khả kháng chỉ áp dụng trong hợp đồng và không liên quan trực tiếp vào quyền cá nhân bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hơn nữa thế nào là sự kiện bất khả kháng do các bên thoả thuận trong hợp đồng hoặc trên cơ sở của luật và quyết định của Tòa án khi các bên có tranh chấp. Ngược lại, tình trạng khẩn cấp là kết quả của quyết định và hành động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác định có hay không có tình trạng khẩn cấp và có liên quan trực tiếp vào quyền cá nhân.

Do đó, luật này đề ra các thủ tục và quy trình để xử lý các tình huống khẩn cấp nhằm đặt ra các thủ tục theo đó các trường hợp khẩn cấp về phúc lợi công cộng, trường hợp khẩn cấp về trật tự công cộng, trường hợp khẩn cấp quốc tế và trường hợp khẩn cấp về chiến tranh được ban bố, tiếp tục và chấm dứt.

Tác giả đề xuất ban hành Luật Tình trạng khẩn cấp so với việc ghi nhận tình trạng khẩn cấp trong BLDS vì lĩnh vực dân sự thường bị giới hạn và chòng chéo trong các luật chuyên ngành khác, khiến cho việc xác định và xử lý các tình huống khẩn cấp trở nên mơ hồ và phức tạp. Hiện tại, các quy định về ngoại lệ của quyền thường không nằm hoàn toàn trong phạm vi điều chỉnh của BLDS 2015, mà thay vào đó, chúng được ghi nhận và điều chỉnh bởi các lĩnh vực luật chuyên ngành riêng biệt.

Chẳng hạn, lĩnh vực y tế có quy định về tình trạng khẩn cấp trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, trong khi lĩnh vực an ninh quốc gia có quy định về tình trạng khẩn cấp liên quan đến an ninh quốc gia. Sự phân chia này không chỉ tạo ra sự chòng chéo và rắc rối, mà còn có thể làm mất đi tính rõ ràng và hiệu quả trong việc xác định quyền và trách nhiệm trong các tình huống khẩn cấp.

Vì vậy, để đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả hơn trong xử lý các tình huống khẩn cấp, việc ban hành một Luật Tình trạng khẩn cấp riêng biệt trở nên cấp bách và cần thiết. Luật này sẽ giúp tạo ra một khung pháp lý chặt chẽ và rõ ràng, xác định nội dung và phạm vi của quyền về đời sống riêng tư trong các tình huống đặc biệt. Điều này đồng thời đảm bảo rằng mọi can thiệp là hợp pháp, tuân theo các tiêu chuẩn pháp lý và không gây hiểu lầm hoặc lạm dụng quyền lực. Do đó, tác giả xây dựng bổ sung kiến nghị thứ tư như sau:

Kiến nghị thứ tư:

Dựa trên quy định tại Chương 6 Cơ quan giám sát độc lập của GDPR, thì việc thành lập một cơ quan giám sát độc lập sẽ tập trung vào việc giám sát các ngoại lệ đối với quyền về đời sống riêng tư cá nhân ở Việt Nam là vô cùng quan trọng. Các ngoại lệ này thường được phép trong các tình huống cụ thể, chẳng hạn như lợi ích quốc gia, an ninh công cộng, hoặc các tình huống khẩn cấp y tế, như quy định trong các Điều 23 và 49 của GDPR. Điều 23 cho phép các quốc gia thành viên hạn chế một số quyền và nghĩa vụ được quy định trong GDPR khi cần thiết và tỷ lệ với mục tiêu chính đáng, như bảo vệ an ninh quốc gia hoặc trật tự công cộng. Điều 49 cũng đề cập đến các ngoại lệ cho việc chuyển dữ liệu ra nước ngoài trong trường

hợp không đảm bảo đủ điều kiện bảo vệ, nhưng cần thiết cho lợi ích quan trọng của Chính phủ hoặc cá nhân.

Trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm từ quy định của GDPR, Việt Nam cần xem xét việc thành lập một cơ quan giám sát độc lập để chuyên trách việc giám sát các ngoại lệ đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, đặc biệt trong các tình trạng khẩn cấp. Trong bối cảnh này, tác giả đề xuất cần mở rộng đối tượng, nội dung và phạm vi giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại Điều 26 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 2015 để nâng cao chất lượng trong vấn đề giám sát ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân nói riêng và các quyền khác nói chung. Bởi lẽ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với vai trò là một tổ chức chính trị - xã hội có mạng lưới rộng khắp, đại diện cho sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, có khả năng tuyên truyền và huy động sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân. Sự đa dạng và đại diện trong cấu trúc của Mặt trận giúp đảm bảo quan điểm toàn diện khi đánh giá và giám sát. Năng lực phối hợp và hợp tác cao với Chính phủ và các cơ quan nhà nước, cùng với uy tín và sự tin cậy từ phía người dân, làm cho Mặt trận trở thành lựa chọn lý tưởng để đảm bảo các biện pháp can thiệp vào quyền đời sống riêng tư của cá nhân được thực hiện một cách cân nhắc, tuân thủ quy định pháp luật và dưới sự giám sát chặt chẽ của cơ quan chuyên trách. Do đó, tác giả kiến nghị bổ sung nội dung giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam như sau:

“Nội dung giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là việc thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; bối cảnh xã hội rơi vào tình trạng khẩn cấp; quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”.

Với việc mở rộng này, sẽ nhấn mạnh rằng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đóng một vai trò quan trọng là cơ quan giám sát chuyên trách các vấn đề xảy ra khi xã hội rơi vào tình trạng khẩn cấp, trong đó có việc giám sát giới hạn của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và đảm bảo rằng các biện pháp can thiệp vào quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được thực hiện theo cách cân nhắc, tuân theo quy tắc pháp lý và có sự giám sát của cơ quan chuyên trách trong bối cảnh xã hội rơi vào tình trạng khẩn cấp.

Ngoài ra, sự mở rộng quyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại Điều 28: Quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong hoạt động giám sát cũng cần thiết được bổ sung, cụ thể là *hoạt động giám sát trong bối cảnh xã hội rơi vào tình trạng khẩn cấp*.

Như vậy, với sự bổ sung ba nội dung trên, tác giả cho rằng việc can thiệp quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong tình trạng khẩn cấp sẽ có cơ sở pháp lý cụ thể cho việc dẫn chiếu quy định để áp dụng. Bên cạnh đó, mở rộng quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc giám sát chính sách và pháp luật trong tình trạng khẩn cấp, tạo điều kiện cho tính minh bạch và hiệu quả trong việc can thiệp vào quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

3.3.1.3. An ninh dữ liệu cá nhân trong kỷ nguyên kỹ thuật số

Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đóng vai trò quan trọng trong công tác quản lý nhà nước, đáp ứng nhu cầu kế hoạch chính sách phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, cải cách thủ tục hành chính và bảo vệ quyền lợi của công dân. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là tập hợp thông tin cơ bản của tất cả công dân Việt Nam được chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ, quản lý bằng cơ sở hạ tầng thông tin để phục vụ quản lý nhà nước và giao dịch của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có vị trí, vai trò hết sức quan trọng trong mọi mặt của đời sống xã hội, cụ thể như sau:

Thứ nhất, thông qua công tác thu thập cập nhật sẽ tạo lập nên một hệ cơ sở dữ liệu về dân cư tập trung, thống nhất để phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoạch định chính sách phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an sinh xã hội.

Thứ hai, là căn cứ quan trọng để các cơ quan quản lý nhà nước nghiên cứu, đề xuất lộ trình đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm giấy tờ công dân thông qua việc tra cứu thông tin trong cơ sở dữ liệu khi giải quyết các thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý, giảm chi phí và thời gian đi lại của nhân dân, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân.

Thứ ba, thông tin về dân cư được thu thập, cập nhật thường xuyên sẽ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý dân cư, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm, đảm bảo an ninh, trật tự.

Thứ tư, kết nối, chia sẻ thông tin về dân cư với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các ngành, lĩnh vực trên toàn quốc, khắc phục tình trạng thu thập, cập nhật thông tin dân cư trùng lặp, gây lãng phí ngân sách nhà nước.

Tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 về phê duyệt đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 nhấn mạnh dữ liệu dân cư là tài nguyên quan trọng, được quản lý tập trung, thống nhất và chia sẻ trong toàn bộ hệ thống chính trị, phục vụ người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Dữ

liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử là cơ sở để chuyển đổi số trong cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số. Dữ liệu dân cư là dữ liệu gốc, các cơ sở dữ liệu khác liên quan đến công dân đã, đang và sẽ xây dựng phải căn cứ vào dữ liệu gốc và có sự kết nối, chia sẻ bảo đảm tiết kiệm, tránh lãng phí, tạo ra các giá trị mới; khuyến khích mọi nguồn lực xã hội để xây dựng, phát triển, thúc đẩy ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Việc tổ chức thu thập và cập nhật thông tin cơ bản của công dân giúp xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu hệ thống nhất về dân cư từ trung ương đến địa phương, cung cấp thông tin dân cư đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và hoạch định các chính sách phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an sinh xã hội. Đặc biệt, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được xây dựng để kết nối và chia sẻ thông tin dân cư với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các ngành, lĩnh vực trên toàn quốc. Điều này giúp tăng khả năng khai thác và cập nhật thông tin về dân cư, hạn chế tối đa sự trùng lặp thông tin, giảm thiểu những vấn đề vi phạm cơ sở dữ liệu. Tuy nhiên, việc đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư ở Việt Nam cũng đặt ra một số vấn đề pháp lý liên quan:

Một là, trong quá trình thu thập, quản lý và sử dụng thông tin cá nhân, các cơ quan chức năng phải tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ thông tin cá nhân của công dân.

Hai là, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan chức năng: Các cơ quan chức năng có trách nhiệm chia sẻ thông tin về dân cư với nhau để đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và nhanh chóng của thông tin. Tuy nhiên, việc chia sẻ thông tin này phải tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân và đảm bảo quyền lợi, quyền sở hữu của các tổ chức, cá nhân liên quan đến thông tin đó.

Ba là, quản lý và sử dụng thông tin dân cư: Việc quản lý và sử dụng thông tin dân cư phải tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý thông tin và đảm bảo quyền lợi, quyền sở hữu của các tổ chức, cá nhân liên quan đến thông tin đó.

Bốn là, quản lý và phát triển cơ sở dữ liệu: Pháp lý về quản lý và phát triển cơ sở dữ liệu về dân cư phải tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý thông tin, bảo vệ thông tin cá nhân, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, nhanh chóng của thông tin.

Năm là, trách nhiệm của các cơ quan chức năng: Các cơ quan chức năng có trách nhiệm quản lý và sử dụng thông tin về dân cư một cách hiệu quả, đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của thông tin, và phải chịu trách nhiệm về các hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình quản lý và sử dụng dữ liệu cá nhân.

Từ đó tác giả đề xuất kiến nghị thứ năm như sau:

Kiến nghị thứ năm:

Trước tiên bổ sung quy định tại Điều 5 về nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Nghị định 13/2023/NĐ-CP về Bảo vệ dữ liệu cá nhân, sau đó sẽ ban hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Nội dung bổ sung:

Nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân gồm: *Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách, đề án, dự án, chương trình, kế hoạch về bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu quốc gia về dân cư.*

Sự bổ sung này không chỉ đảm bảo việc thiết lập một hệ thống pháp lý mạnh mẽ, mà còn phản ánh xu hướng toàn cầu trong việc nâng cao nhận thức và hành động bảo vệ dữ liệu cá nhân. Việc xác định rõ ràng các nhiệm vụ và trách nhiệm trong từng lĩnh vực liên quan đến dữ liệu cá nhân giúp tạo lập một khuôn khổ toàn diện, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý và kiểm soát. Đặc biệt, các điều chỉnh và bổ sung còn ghi nhận và đề cập đến các ngoại lệ liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, thể hiện sự tôn trọng và bảo vệ quyền lợi tối thiểu của người dân trong không gian mạng. Qua đó, không chỉ là việc đặt ra các quy định pháp lý, mà còn là việc hướng dẫn và nâng cao nhận thức cho toàn xã hội về tầm quan trọng của việc bảo vệ thông tin cá nhân trong kỷ nguyên số.

3.3.2. Quyết định tư pháp khác

3.3.2.1. Pháp y kỹ thuật số

Trong môi quan hệ của pháp y kỹ thuật số và ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, người dùng, thiết bị của họ và cơ sở hạ tầng truyền thông có liên quan chặt chẽ với nhau, dẫn đến một hệ sinh thái cực kỳ phức tạp. Với rất nhiều thiết bị thuộc sở hữu của hầu hết mọi người và lượng thông tin được lưu trữ trong đó, các cuộc điều tra kỹ thuật số bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đã được công nhận là một trong những thách thức chính mà pháp y kỹ thuật số phải vượt qua trong tương lai gần.⁹⁹ Trong khi số lượng dữ liệu thu thập cho một cuộc điều tra ngày càng tăng, thì chỉ một phần nhỏ của dữ liệu này có liên quan đến cuộc điều tra. Hơn nữa, trong quá trình trích xuất dữ liệu để điều tra, một số dữ liệu cá

⁹⁹ Caviglione L, Wendzel S, and Mazurczyk W, “The future of digital forensics: Challenges and the road ahead”, *IEEE Security & Privacy*, 2017;15 (6):12–17. Available from: doi.ieeecomputersociety.org/10.1109/MSP.2017.4251117, (truy cập lần cuối: 01/06/2024).

nhân, không liên quan đến cuộc điều tra, có thể bị lộ ra ngoài; do đó sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến quyền về đời sống riêng tư của chính chủ thể dữ liệu và những bên thứ ba không liên quan đến vụ việc điều tra pháp y kỹ thuật số. Pháp y kỹ thuật số có thể được định nghĩa là các nhiệm vụ khoa học, kỹ thuật và thực hành được sử dụng trong việc điều tra thông tin hoặc dữ liệu nhị phân được lưu trữ hoặc truyền cho các mục đích pháp lý (ISO/IEC 27037: 2012)¹⁰⁰.

Có thể hiểu đơn giản, pháp y kỹ thuật số là một lĩnh vực trong giám định kỹ thuật hình sự, dùng kiến thức công nghệ và tin học để phục hồi và phân tích dữ liệu từ thiết bị điện tử trong việc điều tra tội phạm. Việc trích xuất và phân tích bằng chứng kỹ thuật số có thể phức tạp, nhưng việc thiếu các cơ chế bảo mật (ví dụ: xóa hoặc mã hóa dữ liệu an toàn) cho phép một lượng lớn thông tin được phục hồi và phân tích. Tuy nhiên, việc thu thập và phân tích dữ liệu không chỉ mang lại lợi ích trong việc truy tố tội phạm mà còn tiềm ẩn những rủi ro và thách thức về bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Trong thời đại số hóa, dữ liệu cá nhân dễ dàng bị truy cập và khai thác, đặt ra vấn đề giữa sự tiến bộ của pháp y kỹ thuật số và giới hạn của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Tại Việt Nam, trong xu thế của Cách mạng công nghệ 4.0, con người đang đứng trước hàng loạt những cơ hội vô tận được mở ra bởi các công nghệ tiên tiến. Tuy nhiên, cùng với đó là một loạt vấn đề mới đang được đặt ra, trong đó vấn đề bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân nổi lên như một thách thức mang tính toàn cầu. Công nghiệp 4.0, đây là thuật ngữ được sử dụng để chỉ quá trình cách mạng hóa trong ngành công nghiệp, với sự tận dụng công nghệ số hóa và tự động hóa. Cụ thể, Công nghiệp 4.0 (hay cách mạng công nghiệp lần thứ 4) bao gồm sự áp dụng các công nghệ như Internet of Things (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), học máy, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, và Robot vào sản xuất. Mục tiêu chính là tối ưu hóa quy trình sản xuất, cải thiện hiệu suất, giảm chi phí, và nâng cao chất lượng sản phẩm. Trong khi đó, Công nghệ 4.0 là một thuật ngữ rộng hơn, có thể áp dụng cho tất cả các lĩnh vực của xã hội, không chỉ riêng ngành công nghiệp. Công nghệ 4.0 bao gồm các công nghệ mà chúng ta thấy ở Công nghiệp 4.0, nhưng cũng bao gồm áp dụng chúng vào lĩnh vực như giáo dục, y tế, nông nghiệp, quản lý nhà nước và nhiều hoạt động khác của đời sống xã hội. Vì vậy, trong khi cả hai thuật ngữ đều liên quan đến việc áp dụng công nghệ mới, Công nghiệp 4.0 thường tập trung nhiều hơn vào ngành công nghiệp và sản xuất, trong khi Công

¹⁰⁰ Foreword, <https://www.iso.org/obp/ui/#iso:std:iso-iec:27037:ed-1:v1:en> (truy cập lần cuối: 01/06/2024).

nghe 4.0 có thể áp dụng rộng rãi hơn trong các lĩnh vực khác nhau của xã hội. Trong bối cảnh đó, tội phạm công nghệ cao ngày càng trở nên tinh vi, lợi dụng lợi ích của công nghệ để thực hiện và che giấu hành vi phạm tội. Pháp y kỹ thuật số đã trở thành một phương tiện hiệu quả để phát hiện và truy tố những tội phạm này, cũng như chứng minh của nguồn chứng cứ điện tử. Tuy nhiên, điều quan trọng cần nhận biết là quyền riêng tư cá nhân không phải lúc nào cũng tương thích với việc điều tra dựa trên dữ liệu số. Pháp y kỹ thuật số đã trở thành một phương tiện hiệu quả để phát hiện và truy tố những tội phạm này, đặc biệt là thông qua việc sử dụng chứng cứ điện tử.

Chứng cứ điện tử đang ngày càng trở thành một yếu tố không thể thiếu trong tố tụng dân sự và hình sự. Trong tố tụng dân sự, các hợp đồng kỹ thuật số, lịch sử truy cập, và truyền thông điện tử có thể giúp xác minh mối quan hệ, thỏa thuận, và sự tranh chấp giữa các bên. Trong tố tụng hình sự, dữ liệu về vị trí, hình ảnh, video, và dữ liệu thu thập từ các thiết bị khác có thể được sử dụng để xác minh hoặc bác bỏ một tội danh, giúp chứng minh hành vi phạm tội. Tuy nhiên, điều quan trọng cần nhận biết là quyền về đời sống riêng tư của cá nhân không phải lúc nào cũng tương thích với việc điều tra dựa trên dữ liệu số. Do đó, việc đặt ra ngoại lệ giữa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và pháp y kỹ thuật số là điều hết sức quan trọng.

Để chứng cứ điện tử được công nhận và sử dụng trong tố tụng, nó phải được thu thập và lưu trữ một cách hợp pháp, không bị tác động hoặc thay đổi, và phải có nguồn gốc rõ ràng. Điều này đòi hỏi sự kỹ thuật và chuyên môn cao, cùng với sự hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan pháp lý, chuyên gia pháp y kỹ thuật số, và các bên liên quan khác. Các công nghệ và mô hình mới đang được phát triển, chẳng hạn như IoT¹⁰¹, hứa hẹn mở rộng Internet đến thế giới vật lý bằng cách phù hợp với các vật thể hàng ngày với khả năng tính toán, cảm biến và giao tiếp. Dữ liệu cá nhân sẽ được phân phối nhiều hơn bao giờ hết, được lưu trữ trong tất cả các loại thiết bị, cục bộ và từ xa. Mọi người thậm chí có thể không nhận ra mình là đối tượng thu thập dữ liệu, ai đang thu thập dữ liệu và cho mục đích nào. Tất cả những điều này, cùng với sự gia tăng khả năng tính toán, những tiến bộ trong khai thác dữ liệu và thuật toán học máy mang đến những thách thức chưa từng có đối với việc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với dữ liệu.

¹⁰¹ Gubbi J, Buyya R, Marusic S, et al, "Internet of Things (IoT): A vision, architectural elements, and future directions", *Future Generation Computer Systems*, 2013;29(7):1645–1660. Available from: <http://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0167739X13000241>, (truy cập lần cuối: 01/06/2024).

3.3.2.2. *Quyết định của Tòa án*

Các quyết định của Tòa án liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của người thứ ba là một vấn đề phức tạp và quan trọng, đặc biệt khi liên quan đến ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, bên cạnh những vấn đề đặt ra quá trình chứng minh nguồn chứng cứ điện tử của nguyên đơn và bị đơn như đã phân tích tại mục pháp y kỹ thuật số, thì những vấn đề liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của người thứ ba trong các quyết định của Tòa án cần được đặt ra. Nó liên quan đến ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và sự cân bằng của quyền truy cập. Khi Tòa án giải quyết các vụ án dân sự, Tòa án thường phải đối mặt với một loạt các vấn đề, trong đó có việc xem xét quyền về đời sống riêng tư của người thứ ba. Đó là việc cân nhắc giữa tính công khai và riêng tư trong quá trình tố tụng. Tòa án phải tìm cách cân bằng giữa việc tiết lộ thông tin đời sống riêng tư để đảm bảo tính công khai của quy trình tố tụng và nhu cầu bảo vệ thông tin cá nhân, đặc biệt là thông tin cá nhân nhạy cảm. Mục tiêu cơ bản của việc cân bằng này là đảm bảo tính liêm chính của quá trình xét xử và sự khách quan, toàn diện. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng mà Tòa án phải đối mặt là khi nào và trong trường hợp nào Tòa án có thể ra các quyết định cá biệt để xâm phạm đời sống riêng tư của người thứ ba. Ngoài ra, cần xác định thông tin đời sống riêng tư nào được xem xét và xâm phạm, cũng như phạm vi nào.

Hiện nay, chưa có quy định chi tiết và cụ thể về các vấn đề này, điều này đặt ra một loạt câu hỏi về quyền và trách nhiệm của Tòa án trong việc xử lý các vụ án dân sự có liên quan đến đời sống riêng tư của người thứ ba. Vấn đề này đòi hỏi sự cân nhắc cẩn thận và khả năng đánh giá kỹ lưỡng của Tòa án. Tòa án cần xem xét mọi yếu tố liên quan và đảm bảo rằng quyết định cuối cùng là sự cân bằng tốt nhất giữa quyền lợi của các bên liên quan. Điều này đòi hỏi sự linh hoạt trong quyết định của Tòa án để đảm bảo rằng mọi quyền lợi được bảo vệ và không bị xâm phạm một cách không cần thiết.

Tuy nhiên, để giải quyết vấn đề này một cách hiệu quả, có thể cần tạo ra một khung pháp lý cụ thể hơn và rõ ràng hơn về việc đánh giá và xử lý các vụ án dân sự có liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của người thứ ba. Trong các quyết định cá biệt khi xâm phạm đời sống riêng tư của bên thứ ba, Tòa án cần nêu rõ lý do, nguyên tắc và phạm vi của việc đó. Điều này quan trọng để đảm bảo tính minh bạch, công bằng và hợp lý trong việc xác định tại sao quyết định đó được

đưa ra và những cơ sở pháp lý nào đã được áp dụng. Điều này giúp tạo ra một khung pháp lý rõ ràng và đảm bảo rằng việc xâm phạm đời sống riêng tư của bên thứ ba được thực hiện một cách hợp pháp và đúng nguyên tắc. Do đó, nguyên tắc giúp đặt ra một chuẩn mực để ngoại lệ của quyền truy cập vào đời sống riêng tư của người thứ ba, đảm bảo rằng Tòa án chỉ sử dụng thông tin đời sống riêng tư của người thứ ba là cần thiết, hợp lý, khách quan và toàn diện. Ngoài ra, việc nêu rõ lý do và nguyên tắc giúp tránh lạm dụng quyền lực và tạo sự hiểu biết cho người thứ ba và các bên liên quan. Điều này giúp họ hiểu tại sao thông tin đời sống riêng tư của họ bị xâm phạm và trong trường hợp nào. Cuối cùng, việc này còn tạo ra tiêu chuẩn rõ ràng cho các trường hợp tương lai, giúp đảm bảo tính dự đoán và đồng đều trong việc xử lý các vụ án dân sự có liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của bên thứ ba.

Như vậy, trong quá trình Tòa án ra quyết định liên quan đến việc truy cập đời sống riêng tư của bên thứ ba, việc nêu rõ lý do, nguyên tắc và phạm vi của việc đó là một yếu tố quan trọng để đảm bảo tính công bằng và khách quan của quá trình tố tụng. Mặc dù một hệ thống dựa vào quyền quyết định của các thẩm phán có thể đối mặt với nguy cơ đưa ra các quyết định không nhất quán, nhưng nhìn chung, các Tòa án đã cho thấy rằng họ có khả năng thực hiện quyền quyết định của mình để cân nhắc cẩn thận các lợi ích của các bên liên quan¹⁰². Các quyết định của Tòa án liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của người thứ ba là một vấn đề phức tạp và quan trọng, đặc biệt khi liên quan đến ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, bên cạnh những vấn đề đặt ra quá trình chứng minh chứng cứ của nguyên đơn và bị đơn như đã phân tích tại mục pháp y kỹ thuật số, thì những vấn đề liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của người thứ ba trong các quyết định của Tòa án cần được đặt ra. Điều này thể hiện khả năng của Tòa án kết hợp các yếu tố pháp lý và đạo đức xã hội để đưa ra quyết định công bằng và có lý.

¹⁰² Xem nội dung điều "Điều 4 BLTTDS 2015 Quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân do Bộ luật này quy định có quyền khởi kiện vụ án dân sự, yêu cầu giải quyết việc dân sự tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu Tòa án bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác.

2. Tòa án không được từ chối giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng. Vụ việc dân sự chưa có điều luật để áp dụng là vụ việc dân sự thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật dân sự nhưng tại thời điểm vụ việc dân sự đó phát sinh và cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu Tòa án giải quyết chưa có điều luật để áp dụng. Việc giải quyết vụ việc dân sự quy định tại khoản này được thực hiện theo các nguyên tắc do Bộ luật dân sự và Bộ luật này quy định."

Từ phân tích nội dung các ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, tác giả kiến nghị định nghĩa ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân như sau:

Kiến nghị thứ sáu:

Ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là các ngữ cảnh như an ninh quốc gia, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các trường hợp khác theo quy định của luật mà cá nhân, tổ chức được phép thu thập, lưu trữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư nhằm bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng và xã hội.

Ngoại lệ đề cập đến những trường hợp cụ thể mà tại đó, các yêu cầu bảo vệ thông tin liên quan đến đời sống riêng tư có thể được giảm nhẹ hoặc không áp dụng. Việc áp dụng ngoại lệ này không phải là không có thời hạn, mà đòi hỏi phải tuân theo nguyên tắc tỷ lệ cân xứng, nghĩa là chỉ được áp dụng trong phạm vi và thời gian cần thiết để đạt được mục đích hợp pháp cụ thể đã được xác định trước. Mỗi ngoại lệ cần được xem xét kỹ lưỡng dựa trên cơ sở pháp lý chắc chắn và lý do chính đáng, đồng thời phải đảm bảo rằng không gây ra tác động tiêu cực không cần thiết đối với quyền và lợi ích của cá nhân. Điều này đòi hỏi một quá trình đánh giá liên tục và chi tiết để đảm bảo rằng việc áp dụng ngoại lệ không chỉ đáp ứng được yêu cầu cụ thể mà còn tôn trọng tối đa quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Từ kiến nghị thứ hai và thứ sáu về giới hạn và ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, nghiên cứu sinh kiến nghị bổ sung Điều 38b như sau:

Kiến nghị thứ bảy:

Điều 38b. Giới hạn và ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình

1. Thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình phải được thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai trong phạm vi thoả thuận giữa các bên hoặc theo quy định của luật.

2. Thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật.

Trong trường hợp vì an ninh quốc gia, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các trường hợp khác theo quy định của luật thì cá nhân, tổ chức được phép thu thập, lưu trữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình nhằm bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng và xã hội.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương này, tác giả tập trung vào việc xác định giới hạn và ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Quyền này không phải lúc nào cũng được bảo vệ tối đa và có thể bị hạn chế hoặc loại trừ trong các ngữ cảnh cụ thể. Giới hạn của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đảm bảo rằng mọi hoạt động thu thập, lưu trữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư đều diễn ra một cách minh bạch, có trách nhiệm, và chỉ trong phạm vi các mục đích đã được xác định rõ ràng từ trước. Trong khi đó, ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là các ngữ cảnh mà tại đó, các yêu cầu bảo vệ thông tin liên quan đến đời sống riêng tư có thể được giảm nhẹ hoặc không áp dụng. Các ngoại lệ này thường liên quan đến các tình huống mà lợi ích chung hoặc mục tiêu quan trọng khác của xã hội được đánh giá cao hơn nhu cầu bảo vệ thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, chẳng hạn như trong các trường hợp về an ninh quốc gia, điều tra và tố tụng, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các trường hợp khác theo quy định của luật.

Tác giả đã phân tích chi tiết các giới hạn này, nhấn mạnh rằng việc thu thập và xử lý thông tin liên quan đến đời sống riêng tư phải tuân thủ các nguyên tắc minh bạch và có trách nhiệm dựa trên nguyên tắc tỷ lệ. Các mục đích thu thập thông tin phải được xác định rõ ràng từ trước và chỉ được sử dụng trong phạm vi các mục đích này. Việc này nhằm đảm bảo rằng thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân không bị lạm dụng hoặc sử dụng sai mục đích, từ đó bảo vệ quyền lợi của cá nhân.

Tác giả nhấn mạnh rằng việc quy định rõ các giới hạn và ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là cần thiết để đảm bảo rằng các giới hạn và ngoại lệ này được áp dụng cẩn thận, cân nhắc và có kiểm soát. Điều này giúp duy trì sự cân bằng giữa quyền lợi cá nhân và lợi ích chung của xã hội, đảm bảo rằng quyền về đời sống riêng tư không bị xâm phạm, đồng thời đáp ứng được các yêu cầu quan trọng khác của xã hội.

Thông qua chương 3, tác giả đề xuất các kiến nghị cụ thể như sau:

Kiến nghị thứ hai về giới hạn của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân

Giới hạn của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là các thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân phải được thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai trong phạm vi thoả thuận giữa các bên hoặc theo quy định của luật.

Kiến nghị thứ ba về tình trạng khẩn cấp

Tác giả đề xuất Quốc hội nên sớm ban hành Luật Tình trạng khẩn cấp để thay thế Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp năm 2000. Trong đó, nêu rõ định nghĩa về tình trạng khẩn cấp để các chủ thể trong xã hội có thể nắm bắt và áp dụng pháp luật thống nhất, tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, theo đó: *Tình trạng khẩn cấp là tình huống đặc biệt, bất thường và bất ngờ xảy ra trong xã hội, mà đòi hỏi sự can thiệp hoặc hạn chế một số quyền của cá nhân và tổ chức. Tình trạng khẩn cấp được công nhận khi có các sự kiện hoặc tình huống cần phải được đối phó ngay lập tức để đảm bảo an toàn, trật tự, và phúc lợi của xã hội.*

Kiến nghị thứ tư về nội dung giám sát

Tác giả kiến nghị bổ sung nội dung giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam như sau:

“Nội dung giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là việc thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; bối cảnh xã hội rơi vào tình trạng khẩn cấp; quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”

Kiến nghị thứ năm về nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân:

Trước tiên bổ sung quy định tại Điều 5 về nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Nghị định 13/2023/NĐ-CP về Bảo vệ dữ liệu cá nhân, sau đó sẽ ban hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Nội dung bổ sung:

Nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ dữ liệu cá nhân gồm: *Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách, đề án, dự án, chương trình, kế hoạch về bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu quốc gia về dân cư.*

Kiến nghị thứ sáu về ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân:

Ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là các ngữ cảnh như an ninh quốc gia, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm

quyền, các trường hợp khác theo quy định của luật mà cá nhân, tổ chức được phép thu thập, lưu trữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư nhằm bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng và xã hội.

Kiến nghị thứ bảy giới hạn và ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình:

Điều 38b. Giới hạn và ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình.

1. Thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình phải được thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai trong phạm vi thoả thuận giữa các bên hoặc theo quy định của luật.

2. Thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật.

Trong trường hợp vì an ninh quốc gia, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các trường hợp khác theo quy định của luật thì cá nhân, tổ chức được phép thu thập, lưu trữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình nhằm bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng và xã hội.

CHƯƠNG 4. BẢO VỆ QUYỀN VỀ ĐỜI SỐNG RIÊNG TƯ CỦA CÁ NHÂN BẰNG BIỆN PHÁP DÂN SỰ

Chương 4 tác giả sẽ tập trung vào việc phân tích khái niệm, đặc điểm bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân bằng biện pháp dân sự, trên cơ sở đó xác định hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Thông qua việc xác định và phân tích các đặc điểm của các hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, tác giả sẽ phân tích từng biện pháp dân sự cụ thể hướng đến bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

4.1. Khái niệm, đặc điểm bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân bằng biện pháp dân sự

4.1.1. Khái niệm bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân bằng biện pháp dân sự

Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là một trong những quyền nhân thân cơ bản, được Nhà nước tôn trọng, thừa nhận, quy định, bảo vệ và bảo đảm thực hiện bằng pháp luật và các thiết chế cụ thể. Điều này phản ánh sự tôn trọng và nhấn mạnh tầm quan trọng của sự riêng tư và bảo mật cá nhân trong một xã hội dân chủ và hiện đại.

Các biện pháp bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được thực hiện bởi nhiều ngành luật khác nhau, như Luật hiến pháp, Luật Dân sự, Luật Hành chính, Luật Hình sự... Mỗi ngành luật không chỉ hoạt động độc lập mà còn tương tác và bổ sung cho nhau, tạo nên một hệ thống pháp lý đa dạng và linh hoạt. Điều này giúp các cá nhân có thể lựa chọn phương thức pháp lý phù hợp nhất để bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của mình trong các sự kiện pháp lý.

Trong Luận án, nghiên cứu sinh tập trung phân tích việc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân bằng Luật Dân sự. Quyền được bảo hộ về mặt dân sự bao gồm một loạt các khả năng lựa chọn biện pháp mang tính bảo đảm pháp lý, tạo điều kiện cho việc thực hiện quyền dân sự trong mọi giai đoạn¹⁰³. Theo đó, BLDS 2015 quy định hai biện pháp bảo vệ khác nhau để chủ thể có thể lựa chọn: biện pháp tự bảo vệ và biện pháp yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ.¹⁰⁴ Về phương

¹⁰³ Bộ tư pháp - Viện nghiên cứu khoa học pháp lý (1997), *Bình luận khoa học một số vấn đề cơ bản của Bộ luật Dân sự*, Nxb. Chính trị quốc gia, tr.68.

¹⁰⁴ Điều 165 BLDS 2015.

thức, Luật Dân sự công nhận nhiều phương thức bảo vệ¹⁰⁵ để đảm bảo quyền và lợi ích của chủ thể ở nhiều phương diện khác nhau. Tuy từng biện pháp bảo vệ mà có các phương thức, nội dung bảo vệ thích hợp.¹⁰⁶ Việc tự bảo vệ cho phép chủ thể được tự mình chủ động áp dụng mọi cách thức không trái quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình một cách nhanh nhất có thể. Trong khi đó, việc bảo vệ bằng biện pháp yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định về nội dung, trình tự, thủ tục để chủ thể yêu cầu cơ quan hữu quan buộc người xâm phạm quyền về đời sống riêng tư chấm dứt hành vi xâm phạm, bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh theo quy định của pháp luật.¹⁰⁷

Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân không chỉ là một quyền cơ bản mà còn là nền tảng cho sự phát triển cá nhân và bảo vệ tự do. Sự bảo vệ mạnh mẽ và đa dạng qua hệ thống pháp luật không chỉ thể hiện sự tôn trọng của Nhà nước đối với cá nhân mà còn là yếu tố cốt lõi để cá nhân có thể tự do trong việc thực hiện quyền của mình.

Như vậy, bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân bằng Luật Dân sự là việc chủ thể tự mình hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp, phương thức luật định nhằm buộc người có hành vi xâm phạm phải chấm dứt việc xâm phạm, bồi thường thiệt hại phát sinh, qua đó làm cho quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được tôn trọng và bảo đảm thực hiện.

4.1.2. Đặc điểm của bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân bằng biện pháp dân sự

Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân có thể được bảo vệ bằng nhiều biện pháp trong nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau. Trong lĩnh vực pháp luật hành chính hay hình sự, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân chỉ được bảo vệ thông qua việc bên có quyền bị xâm phạm yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ. Việc yêu cầu này được thực hiện theo trình tự, thủ tục luật định, nhưng quyền lợi của chủ thể được bảo vệ đến mức độ nào hoàn toàn do cơ quan nhà nước thẩm quyền thực hiện theo pháp luật nội dung, pháp luật thủ tục có liên quan, mà không phụ thuộc vào ý chí của chủ thể quyền. Ngoài ra, biện pháp hình sự hay hành chính chủ yếu

¹⁰⁵ Các phương thức bảo vệ chung cho các quyền dân sự được quy định tại Điều 11 BLDS 2015.

¹⁰⁶ Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2023), *Giáo trình Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế (tái bản lần thứ 2, có sửa đổi, bổ sung)*, Nxb. Hồng Đức, tr.353.

¹⁰⁷ Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2023), *Sđd (106)*, tr.357.

tác động bất lợi đến chủ thể xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, còn quyền của chủ thể quyền cũng phải được giải quyết trên cơ sở quy định của pháp luật dân sự. Bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân bằng Luật Dân sự có những đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, các biện pháp, phương thức bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân bằng Luật Dân sự rất phong phú, đa dạng. Điều này không chỉ tăng cường sự tự chủ của chủ thể quyền mà còn đảm bảo rằng mỗi trường hợp được xem xét và giải quyết một cách công bằng và phù hợp. Sự lựa chọn này cũng phản ánh nguyên tắc của pháp luật dân sự, trong đó quyền lợi và sự tự do cá nhân được đặt lên hàng đầu. Thông qua đó, chủ thể quyền dễ dàng lựa chọn và áp dụng những biện pháp thích hợp trên cơ sở cân nhắc các biện pháp nào phù hợp với mức độ và hành vi xâm phạm quyền của mình.

Thứ hai, cơ chế bảo vệ và cách thức giải quyết hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân bằng Luật Dân sự rất đa dạng, linh hoạt, rộng mở. Theo đó, xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân có thể được giải quyết trên cơ sở hoà giải, hoặc thậm chí thực hiện các hành vi đơn phương trong khổ pháp luật hay khởi kiện. Các biện pháp bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân bằng Luật Dân sự đề cao quyền chủ động định đoạt của chủ thể thông qua việc chủ thể quyền yêu cầu và cũng chính chủ thể quyền phải tự xác định nội dung, phạm vi được bảo vệ trong yêu cầu của mình để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Thứ ba, nội dung và các phương thức giải quyết yêu cầu bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân bằng Luật Dân sự được tiếp cận theo hình thức đa dạng, linh hoạt và hướng đến việc bảo vệ cho chủ thể quyền. Điều này nhằm mục đích đảm bảo rằng mỗi trường hợp cụ thể của việc xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân có thể được giải quyết một cách hiệu quả và công bằng, phù hợp với từng hoàn cảnh và mục tiêu bảo vệ đặt ra. Chủ thể bị xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân có thể yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm, đồng thời có thể yêu cầu bồi thường mọi tổn thất thực tế do bên xâm phạm quyền gây ra.

Thứ tư, pháp luật dân sự quy định chủ thể quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được áp dụng mọi biện pháp bảo vệ để ngăn cản, loại trừ sự xâm phạm. Bên cạnh những biện pháp trực tiếp và cứng rắn, Luật Dân sự cũng mở ra khả năng giải quyết xung đột thông qua con đường hòa giải. Điều này đặc biệt quan trọng trong

việc xử lý các vấn đề nhạy cảm liên quan đến đời sống riêng tư, nơi mà sự hòa giải và hiểu biết lẫn nhau có thể mang lại kết quả tích cực, giảm thiểu mâu thuẫn và xây dựng sự tin tưởng.

4.2. Xác định hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân

Trên cơ sở phân tích đa chiều của lý thuyết quyền riêng tư từ cổ điển đến hiện đại tại mục 1.2.1, nghiên cứu sinh đã tiến hành phân loại các hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân thành bốn nhóm cụ thể: hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với cơ thể; hành vi; vị trí và không gian; dữ liệu cá nhân. Sự phân loại này không những phản ánh sự đa dạng và phức tạp của các hành vi xâm phạm quyền mà còn là sự thừa nhận rõ ràng về nhu cầu cấp thiết phải bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân tốt hơn và hiệu quả hơn trong các ngữ cảnh cụ thể. Mỗi nhóm hành vi xâm phạm được phân loại theo đặc điểm và hậu quả đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, từ đó định hình cách tiếp cận và biện pháp bảo vệ pháp lý phù hợp. Sự phân loại này không chỉ giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhận diện và xử lý hành vi xâm phạm quyền, mà còn giúp cá nhân nâng cao nhận thức và khả năng tự bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của mình.

4.2.1. Hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với cơ thể

Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với cơ thể giải quyết các vấn đề về giữ các chức năng cơ thể và đặc điểm cơ thể ở chế độ riêng tư. Điều này bao gồm quyền bảo vệ thông tin liên quan đến cơ thể và đặc điểm cơ thể, từ các khía cạnh nhạy cảm như mã di truyền đến thông tin sinh trắc học. Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với cơ thể là quyền quyết định về việc làm gì với cơ thể của mình, bao gồm quyết định về việc điều trị y tế, tham gia vào nghiên cứu y học, phẫu thuật thẩm mỹ, và các quyết định khác liên quan đến thông tin sức khỏe và cơ thể. Thông qua đó, giúp cá nhân kiểm soát việc thu thập và lưu trữ dữ liệu cơ thể, chẳng hạn như mẫu máu, dấu vết di truyền, và thông tin về cơ thể của họ trong ngữ cảnh y tế, sinh học và nghiên cứu khoa học.

Theo học giả Mordini cơ thể con người không chỉ đơn thuần là một thực thể vật lý mà còn được đầu tư với giá trị biểu tượng và văn hóa¹⁰⁸. Cơ thể con người đòi

¹⁰⁸ Mordini, E., & Massari, S. (2008), "Body, biometrics and identity", *Bioethics*, 22(9), tr.488-498.

hỏi sự tôn trọng và bảo vệ, không chỉ vì tính riêng tư mà còn để bảo vệ sự độc đáo và bản sắc giá trị của từng cá nhân. Khi cá nhân có sự tự do và riêng tư đối với cơ thể của mình, họ cảm thấy thoải mái hơn khi thực hiện các sinh hoạt hàng ngày của mình. Điều này đóng góp vào tính tự chủ, sự phát triển cá nhân nhằm thúc đẩy mỗi cá nhân tham gia tích cực vào các hoạt động của xã hội và đóng góp vào sự đa dạng của xã hội.

Điều đó có nghĩa rằng, cá nhân cần có không gian riêng và quyền kiểm soát cơ thể của mình để có thể thể hiện bản thân và phát triển theo nhu cầu, sở thích riêng mà không bị ai xâm phạm. Do đó, xác định hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với cơ thể sẽ dựa trên các đặc điểm sau:

Thứ nhất, đối tượng bị xâm phạm là các thông tin về chức năng cơ thể và đặc điểm cơ thể. Hành vi xâm phạm phải liên quan đến việc can thiệp hoặc tiết lộ thông tin liên quan đến nội dung này, xảy ra tại thời điểm can thiệp hoặc tiết lộ vào sự riêng tư cơ thể của một cá nhân thông qua các công cụ, phương tiện kỹ thuật bất kỳ.

Thứ hai, nhận thức của chủ thể có thông tin đó không muốn chia sẻ các vấn đề về cơ thể của mình. Điều này thể hiện rằng, mặc dù thông tin đặc điểm và chức năng cơ thể thuộc vào sự riêng tư của cá nhân và cá nhân không nhất thiết bắt buộc áp dụng các phương tiện kỹ thuật, hay biện pháp cụ thể để bảo vệ sự riêng tư đó, nhưng thông qua nhận thức của cá nhân, biểu hiện ra bên ngoài trong sinh hoạt hàng ngày và quá trình tương tác với người thứ ba có thể xác định được đó có phải là ranh giới sự riêng tư mà cá nhân đó mong muốn.

Thứ ba, chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm không được phép của chủ thể quyền hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật. Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân nói chung và quyền của cá nhân đối với cơ thể nói riêng là bất khả xâm phạm, quyền này có các giới hạn và ngoại lệ đã nêu ở trên. Nếu không rơi vào những trường hợp đó, mọi hành vi tiết lộ, sử dụng các thông tin về chức năng và đặc điểm cơ thể là hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Ngoài ra, với việc xác định thông tin liên quan đến đặc điểm cơ thể và chức năng cơ thể là một khía cạnh của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân không chỉ giúp cho việc đặt tên hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân một cách rõ ràng, chi tiết mà còn tạo ra một cơ sở vững chắc cho việc bảo vệ quyền đời sống riêng tư của mỗi cá nhân, đặc biệt là trong mối quan hệ với sự can thiệp trái với ý chí từ bên ngoài. Điều đó có nghĩa rằng, khi có hành vi xâm phạm thông tin

liên quan đến đặc điểm cơ thể và chức năng cơ thể của một cá nhân, không chỉ xác định rằng hành vi đó xâm phạm quyền đời sống riêng tư của cá nhân mà còn có thể được xác định cụ thể và rõ ràng tên gọi của hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo từng khía cạnh của quyền này.

Trong thực tiễn áp dụng pháp luật, các tranh chấp tại Tòa án cũng có thể hiện các yêu cầu trong việc giải quyết nội dung trên. **Xét bản án số 432/2021/DS-PT ngày 04-5-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc tranh chấp về bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm.** Nội dung vụ việc như sau: Vào sáng ngày 19/6/2018, bà Nguyễn Thị Mộng C đến Bệnh viện FV để thăm khám và xảy ra những vấn đề không mong muốn dẫn đến vào lúc 9h47 sáng ngày 23/6/2018, bà C đã đăng tải trên trang Facebook “Chau Nguyen” của bà một bài viết có tiêu đề “KHI BẠN CÓ THAI NHƯNG BỆNH VIỆN NÓI KHÔNG VÀ CHO THUỐC PHÁ THAI ĐỂ ĐÂY DỊCH Ú”. Các nhà báo liên tục gọi điện đến Bệnh viện FV để hỏi thông tin và yêu cầu một cuộc họp báo phải được tổ chức gấp rút để cung cấp cho họ thông tin chính xác vì đã có nhiều bài báo được đăng tải đã hủy hoại danh tiếng của Bệnh viện FV.

Bình luận vụ việc: tại đơn yêu cầu phản tố ngày 06/5/2019, bà C yêu cầu Tòa án xem xét sai phạm của Bệnh viện FV liên quan đến việc *xâm phạm Quyền được tôn trọng bí mật riêng tư*. Yêu cầu của bà C căn cứ vào hành vi của bệnh viện FV đã công khai toàn bộ hồ sơ bệnh án và thông tin cá nhân của bà C cho các cơ quan báo chí và phương tiện truyền thông mà chưa có bất kỳ sự đồng ý nào của bà C vào ngày 26/06/2018. Bà C cho rằng đây là hành vi xâm phạm quyền được tôn trọng bí mật riêng tư của mình và có đơn yêu cầu phản tố hành vi xâm phạm này.

Như vậy, đối chiếu tình tiết vụ việc với các yếu tố chứng minh tồn tại hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư đối với cơ thể nhận thấy: Thứ nhất, đối tượng bị xem xét là thông tin hồ sơ bệnh án và thông tin cá nhân của bà C, trong đó chứa đựng thông tin về tình trạng sức khỏe, liên hệ mật thiết các yếu tố cơ thể của bà C, đây là yếu tố được pháp luật bảo vệ dưới dạng quyền về đời sống riêng tư. Thứ hai, bà C là chủ thể quyền, mặc dù không chứng minh có bất kỳ biện pháp kỹ thuật nào để bảo vệ thông tin đó, nhưng bà C có hành vi không cho phép công khai các thông tin về sức khỏe của mình, bà C chỉ đến bệnh viện FV cung cấp thông tin để khám và điều trị, qua đó, hoàn toàn cho thấy bà C có nhận thức rằng thông tin thuộc về quyền về đời sống riêng tư của mình. Thứ ba, bệnh viện FV có hành vi bộc lộ các thông tin về cơ thể và thông tin cá nhân của bà C, đó là tình trạng bệnh lý, sức khỏe, cơ địa của bà

C mà chưa có sự đồng ý của bà C và bệnh viện đã thực hiện hành vi tiết lộ mà chưa được sự đồng ý của bà C. Mặc dù trước đó, bà C đăng tải lên mạng xã hội bức xúc của mình đối với bệnh viện FV nhưng điều này không có nghĩa là bà C chủ động từ bỏ quyền được bảo vệ đời sống riêng tư của mình. Bệnh viện FV có thể giải quyết và đính chính lại thông tin nếu có sai lệch theo cách thức khác chứ không thể thực hiện hành vi xâm phạm đến quyền về đời sống riêng tư của bà C.

Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm số 287/2019/DS-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh mặc dù có căn cứ vào Điều 38 BLDS 2015 về xem xét quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình để chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn. Tuy nhiên, Tòa lại không có sự phân tích, chứng minh nội dung này trong phần nhận định của Tòa, liệu rằng đây có phải là hành vi xâm quyền quyền về đời sống riêng tư của cá nhân hay không, từ đó giải quyết yêu cầu của bà C trong đơn phản tố.

Tác giả cho rằng, việc bệnh viện FV tự ý công bố hồ sơ bệnh án và thông tin cá nhân của bệnh nhân là hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Bởi lẽ, như tác giả đã phân tích, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với cơ thể là quyền quyết định về việc làm gì với cơ thể của mình, bao gồm quyết định về việc điều trị y tế, tham gia vào nghiên cứu y học, phẫu thuật thẩm mỹ, và các quyết định khác liên quan đến thông tin sức khỏe và cơ thể. Do đó, hành vi tiết lộ thông tin hồ sơ bệnh án và thông tin cá nhân của bà C của bệnh viện FV mà không được sự đồng ý của bà C là hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, mà trong trường hợp này cụ thể hơn là quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với cơ thể. Hành vi tác động trên hoàn toàn đáp ứng các yếu tố cấu thành hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với cơ thể. Do đó, khi giải quyết các vụ việc có liên quan tương tự, Tòa cần cân nhắc vấn đề này, chính việc xâm phạm quyền về đời sống riêng tư dẫn đến các hành vi xâm phạm các quyền khác như quyền đối với danh dự, nhân phẩm.

Như vậy, việc xác định hành vi xâm phạm thông tin đặc điểm cơ thể và chức năng cơ thể là một khía cạnh của hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, từ đó giúp cho việc áp dụng các biện pháp dân sự trong việc giải quyết quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong thực tế một cách dễ dàng và hiệu quả.

4.2.2. Hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với hành vi

Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với hành vi là khả năng cư xử ở nơi công cộng, bán công khai hoặc không gian riêng tư của một người mà không bị người khác giám sát hoặc kiểm soát các hành vi. Điều này đề cập đến quyền tự do của cá nhân trong việc quản lý và duy trì sự riêng tư đối với hành vi của mình trong nhiều tình huống khác nhau trong các sinh hoạt hàng ngày. Trong đó nhấn mạnh rằng việc thể hiện hành vi là yếu tố cốt lõi của loại quyền về đời sống riêng tư này trong mối quan hệ với các chủ thể khác. Loại quyền về đời sống riêng tư này bao gồm nhiều khía cạnh hành vi nhạy cảm trong các sinh hoạt hàng ngày của cá nhân, bao gồm:

- Sở thích và thói quen của hành vi tình dục: nhấn mạnh vào sự tự chủ của cá nhân trong việc duy trì sự riêng tư về sở thích và thói quen tình dục. Nó đảm bảo rằng cá nhân có quyền thực hiện các hành vi và tương tác hành vi tình dục mà họ cho là riêng tư và không bị người khác can thiệp.
- Hoạt động chính trị - xã hội: nhấn mạnh cá nhân có quyền tham gia vào hoạt động chính trị - xã hội, tham gia vào các nhóm hoặc tổ chức chính trị - xã hội mà họ ủng hộ, và bày tỏ các quan điểm cá nhân mà không bị theo dõi, hạn chế hoặc can thiệp.
- Thực hành tôn giáo: nhấn mạnh sự tự do lựa chọn và thực hành tôn giáo của cá nhân. Nó đảm bảo rằng mọi người có quyền thực hành tôn giáo mà không bị can thiệp trái phép hoặc theo dõi sự riêng tư trong quá trình thực hành tôn giáo.

Do đó, xác định hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với hành vi sẽ dựa trên các đặc điểm sau:

Thứ nhất, đối tượng được xem xét phải là hành vi của các khía cạnh nhạy cảm trong các sinh hoạt hàng ngày của cá nhân.

Thứ hai, nhận thức của chủ thể trong việc thực hiện hành vi là yếu tố quan trọng để xác định có hay không có hành vi xâm phạm loại quyền riêng tư này. Thông qua nhận thức của cá nhân đó biểu hiện ra bên ngoài trong sinh hoạt hàng ngày tương tác với người thứ ba có thể xác định được đó có phải là ranh giới sự riêng tư mà cá nhân đó mong muốn.

Thứ ba, biểu hiện của hành vi xâm phạm thể hiện ở việc can thiệp, giám sát, tiết lộ các vấn đề liên quan hành vi của cá nhân mà không được sự đồng ý của cá nhân đó.

Trong thực tiễn áp dụng pháp luật, các tranh chấp tại Tòa án cũng có thể hiện các yêu cầu trong việc giải quyết nội dung trên. **Xét bản án số 08/2023/DS-ST ngày 21-3-2023 của Tòa án nhân dân Thị xã Trảng, tỉnh Tây Ninh về yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm.** Nội dung vụ việc như sau: Nguyên nhân vào năm 2020, 2021 bà T sử dụng Facebook GN để đăng khoảng 8 ảnh của bà C, trong đó có 02 ảnh nhạy cảm chụp phần sinh dục không mặc quần, 01 ảnh chụp phần ngực không mặc áo với gương mặt của bà và 05 ảnh chụp hình chân dung. Do từ khi bà T đăng hình ảnh nhạy cảm của bà lên mạng xã hội thì tinh thần ba mẹ con bà C không ổn định, con trai nhỏ 18 tuổi bỏ học đại học, con trai lớn 25 tuổi thì không phụ làm mà bỏ đi ăn chơi lêu lổng, nói hai con không nghe, làm ăn nuôi bò sữa bị sa sút. Sau đó bà T bỏ nick “GN”, tạo nick khác là “TT” thì tải ảnh bà đi ăn tiệc kèm theo chữ mắng bà đăng lên mạng Facebook.

Bình luận vụ việc: Bà T sử dụng tài khoản Facebook “G” để đăng khoảng 08 ảnh của bà C, trong đó có 02 ảnh nhạy cảm thì bà T đã gỡ bỏ xong, còn 01 ảnh chụp phần ngực không mặc áo với gương mặt của bà và 05 ảnh chụp hình thì vẫn còn tại thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp. Bên cạnh đó, bà T cho rằng do bà C gửi ảnh nhạy cảm cho bà, còn chữ mắng bà mới đăng lên mạng xã hội kèm theo lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà C, cho rằng bà C có mối quan hệ bất chính với chồng bà. Do đó, việc bà C chụp hình, thể hiện những hành vi nhạy cảm trong bức hình và gửi cho bà T đã thể hiện tính chủ động và sự tự do cá nhân của bà C trong việc thể hiện tính nhạy cảm, riêng tư trong các sinh hoạt hàng ngày của mình cho người khác. Việc bà C cho rằng bà T đăng hình ảnh nhạy cảm của mình lên mạng xã hội mà chưa được sự đồng ý của bà C là xâm phạm quyền riêng tư của bà C. Trong vụ việc này, Tòa án đã nhận định rằng nếu như bà C không gửi hình ảnh này thì bà T cũng không có hình ảnh của bà C để đăng lên mạng xã hội, nên bà C là người có một phần lỗi trong việc bà T xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của bà. Tác giả cho rằng, Tòa án cần đánh giá nhận định của bà C về việc bà C cho rằng có hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của mình, thay vì chỉ xem xét yêu cầu về việc bồi thường thiệt hại liên quan đến xâm phạm danh dự nhân phẩm. Chính việc xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân mới dẫn đến hành vi xâm

phạm tiếp theo là xâm phạm đến danh dự uy tín của cá nhân đó. Do đó, cần đánh giá một cách toàn diện bản chất của vấn đề để đảm bảo tính thuyết phục. Ở đây, xét các yếu tố cấu thành một hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, nhận thấy: các hình ảnh thể hiện đời sống tình dục của một cá nhân là bà C hoàn toàn đáp ứng được yếu tố là một khía cạnh thông tin liên quan đến hành vi tình dục. Bên cạnh đó, mặc dù bà C có gửi ảnh cho bà T vì đây là cuộc trao đổi, nói chuyện về các vấn đề xảy ra trong cuộc sống của cả hai. Tuy nhiên bà C không mong muốn hình ảnh này được công khai mà chỉ gửi cho riêng bà T biết về nội dung này, bà T không có quyền cho rằng mình được toàn quyền công khai hình ảnh trên, đó là giới hạn của thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của bà C và bà T. Việc bà T công khai đăng tải trên mạng xã hội các hình ảnh về đời sống riêng tư của một cá nhân mà không có sự đồng ý của cá nhân đó tức là biểu hiện của việc tiết lộ đối tượng của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, đây là dấu hiệu cấu thành hành vi xâm phạm. Do đó, Tòa án cần dựa vào nguyên nhân chủ yếu này để xem xét đến việc xâm phạm đến danh dự uy tín của cá nhân khi đăng tải một cách công khai lên mạng xã hội kèm theo những lời xúc phạm cá nhân đó, từ đó đánh giá được toàn diện bản chất của vấn đề.

Như vậy, vụ việc trên thể hiện ở nội dung xâm phạm đến những hình ảnh, sinh hoạt nhạy cảm trong các sinh hoạt hàng ngày của cá nhân, trong việc nhận thức của chủ thể trong việc thực hiện hành vi liên quan đến các khía cạnh nhạy cảm trong các sinh hoạt hàng ngày của cá nhân.

Do đó, việc xác định hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với hành vi tập trung vào việc đánh giá tính riêng tư của các hành vi trong ngữ cảnh của sự tương tác với người thứ ba thông qua các công cụ, phương tiện, hoặc nền tảng cụ thể. Bởi lẽ, nội dung của quyền này đặc biệt quan tâm đến giá trị cốt lõi của việc bảo vệ tính riêng tư của các khía cạnh hành vi nhạy cảm trong cuộc sống hàng ngày của cá nhân, đặc biệt là trong các mối quan hệ và tương tác mà họ có với người khác.

4.2.3. Hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với vị trí và không gian

Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với vị trí và không gian đề cập đến khả năng di chuyển tự do của một cá nhân trong không gian công cộng hoặc bán công cộng mà không bị xác định, theo dõi hoặc giám sát. Quyền về đời sống

riêng tư của cá nhân trong khía cạnh này nhấn mạnh quyền được để một mình và quyền có sự riêng tư trong các không gian như nhà, xe hơi, văn phòng hoặc bất kỳ nơi nào cá nhân muốn duy trì tính riêng tư. Loại quyền về đời sống riêng tư này tập trung vào sự tự do di chuyển và tận hưởng không gian riêng tư trong các sinh hoạt hàng ngày của cá nhân. Hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với vị trí và không gian sẽ dựa vào các nội dung:

- Thứ nhất, đối tượng bị xem xét là sự tự quyết về việc chia sẻ thông tin về vị trí và không gian của cá nhân mà không bị theo dõi hoặc quấy rối.
- Thứ hai, biểu hiện của hành vi xâm phạm là can thiệp, theo dõi, quấy rối tính riêng tư khi các sinh hoạt hàng ngày của cá nhân trong vị trí và không gian đó.

Những nguyên tắc này không chỉ bảo vệ quyền cá nhân mà còn thể hiện sự tôn trọng và giá trị của tính riêng tư trong xã hội. Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với vị trí và không gian là quyền của cá nhân được bảo vệ trong việc không bị thu thập, sử dụng hoặc chia sẻ thông tin về vị trí và không gian của mình mà không được sự đồng ý. Ngoài ra, khác với không gian, vị trí vật lý như quan niệm truyền thống hiện nay thì trong bối cảnh công nghệ 4.0, quyền này đang gặp nhiều thách thức do sự phát triển của các công nghệ liên quan đến vị trí và không gian như GPS, các ứng dụng dẫn đường, định vị trong nhà, ngôi nhà thông minh... Một trong những thách thức đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân về vị trí và không gian là sự thu thập thông tin về vị trí của người dùng một cách trái phép qua các phương tiện kỹ thuật cao. Việc thu thập này có thể được thực hiện thông qua các ứng dụng trên điện thoại thông minh hoặc các thiết bị IoT, mà người dùng không biết rằng họ đang bị xâm nhập vào vị trí và không gian của họ. Việc xâm nhập này có thể làm lộ ra thông tin vị trí, không gian của người dùng và gây nguy hiểm cho sự riêng tư của họ. Ngoài ra, việc xâm nhập vào vị trí và không gian của người dùng cũng có thể gây ra các vấn đề liên quan sự an toàn của cá nhân.

Xét bản án số 130/2022/DS-PT ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định yêu cầu bồi thường thiệt hại về danh dự nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm. Nội dung vụ việc như sau: Nguyên đơn ông Tr, bà H có căn nhà liền kề với nhà bị đơn là bà T. Mái nhà hàng của bà Trang nghiêng về phần đất thuộc quyền sử dụng của ông bà, tuy có lắp đặt ống dẫn nước mưa nhưng ống đã bị đứt gãy, hư hỏng dẫn đến nước mưa chảy xuống đất của ông bà. Khoảng 18 giờ ngày 03/9/2020, bà H tưới cây trong vườn vô tình làm bắn nước sang nhà bà T, bị bà T

chửi. Từ đó, bà T dùng những lời lẽ thô tục, chửi bới vợ chồng ông bà. Bà Trang còn quay camera qua nhà vợ chồng Tr, bà H, nên bà H đã làm miếng che bằng các thanh gỗ, sắt giăng lưới che lan. Hành vi của bà T lắp camera quay sang nhà của ông bà, quay phim, chụp hình, đã xâm phạm đến đời sống riêng tư của vợ chồng ông bà.

Bình luận vụ việc: theo nội dung bản án, việc bà T lắp camera quay sang nhà của ông Tr và bà H để ghi hình đã xâm phạm đến đời sống riêng tư của họ. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà T trình bày rằng do camera của Nhà hàng An Trang lúc mới lắp chưa ổn định đang chỉnh sửa nên có quay sang nhà ông Tr, nhưng sau đó đã chỉnh lại. Bà T cũng khẳng định từ đó đến nay camera không quay qua nhà ông Tr và không xâm phạm gì đời tư của nhà ông. Việc ông Tr và bà H không yêu cầu bồi thường về hành vi này đã khiến Tòa án không xem xét thêm. Tuy nhiên, điều này không làm giảm đi tính chất nghiêm trọng của hành vi. Việc để camera quay các góc vào không gian, vị trí của nhà và nơi sinh hoạt của người khác mà không được sự cho phép là hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với vị trí và không gian. Điều này cho thấy, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân chỉ được bảo vệ khi có yêu cầu của chủ thể quyền. Sự bảo vệ các thông tin liên quan đến đời sống riêng tư chỉ được kích hoạt khi người có quyền đối với thông tin đó (chủ thể quyền) chủ động yêu cầu. Mặc dù ông Tr và bà H không có yêu cầu bồi thường về hành vi này, nhưng qua sự việc trên cho thấy rằng hành vi này được xem là vi phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Hành vi lắp camera quay sang nhà người khác mà không được sự cho phép rõ ràng đã xâm phạm không gian sống và quyền riêng tư của ông Tr và bà H. Đây là một ví dụ điển hình cho thấy sự cần thiết của việc bảo vệ quyền riêng tư và không gian sống của mỗi cá nhân khỏi sự xâm phạm trái phép. Sự bảo vệ này không chỉ là quyền mà còn là một yếu tố quan trọng trong việc duy trì sự an toàn và bình yên trong cuộc sống cá nhân.

Xét bản án số 07/2023/DS-ST ngày 07/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp về yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm. Nội dung vụ việc như sau: Do nhà anh Lê Hoàng T (anh T) với Dương Thị Huỳnh N (chị N) có chung một vách, nhà tắm. Ngày 07/7/2022, anh Lê Hoàng T đến gặp chị, đưa điện thoại di động cho xem thì phát hiện anh T đã nhiều lần quay lén chị N đang tắm. Anh T còn đe dọa, muốn quan hệ tình dục với chị, nếu không đồng ý thì anh T sẽ đăng video và hình ảnh lên

mạng xã hội, anh T còn kết bạn với chị trên Facebook và gửi nhiều hình ảnh, video cho chị và phát tán trên mạng xã hội. Gia đình chị N đã phát hiện bên vách tôn nhà anh T có khoét một lỗ nhỏ, dùng để quay lén chị khi tắm. Hành vi của anh T ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của chị N, làm cho chị N bị tổn thất về tinh thần.

Bình luận vụ việc: Việc anh T dùng điện thoại di động để lén lút chụp hình quay clip lúc chị N đang tắm (không mặc quần, áo), không được chị N đồng ý đã xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với vị trí và không gian. Tuy nhiên, trong vụ việc trên do Tòa án chỉ xem nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu anh T phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm với số tiền 14.900.000đồng; do đó, Tòa án nhận định anh T đã xâm phạm đến quyền nhân thân của chị N, đã xâm phạm trực tiếp đến danh dự, nhân phẩm của chị N theo Điều 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để buộc anh T phải bồi thường thiệt hại một khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần mà chị N gánh chịu. Theo quan điểm tác giả, việc Tòa án chỉ giải quyết theo đơn khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm của chị N là hoàn toàn đúng quy định tại Điều 5 BLTTDS 2015 về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Tuy nhiên, tác giả cho rằng sẽ thuyết phục hơn trong quyết định của Tòa án nếu Tòa án phân tích, đánh giá hành vi anh T khoét một lỗ nhỏ, dùng để quay lén chị N khi tắm đây mới là hành vi xâm phạm trực tiếp đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, dẫn đến hệ quả là xâm phạm gián tiếp đến danh dự, nhân phẩm của chị N. Thông qua sự phân tích và đánh giá này, Tòa án cũng đóng vai trò là nguồn giải thích và tuyên truyền pháp luật đến người dân. Bởi lẽ hiện nay các quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng vẫn chưa quy định đối với xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Do đó, việc Tòa án bình luận và đánh giá hành vi trên từ khía cạnh quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, và sau đó mới dẫn đến hệ quả của quyền đối với danh dự và nhân phẩm bị xâm phạm, sẽ giúp định rõ trách nhiệm và hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật. Điều này có thể cung cấp sự bảo vệ và công bằng hơn trong việc xử lý các vụ vi phạm tương tự trong tương lai. Bởi lẽ, đây là không gian riêng tư mà chị N có quyền thực hiện các hành vi sinh hoạt theo mong muốn của mình và, không có ý chí là cho ai biết, nên hành vi của anh T xâm phạm trực tiếp đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với vị trí và không gian của chị N hơn là xâm phạm trực tiếp đến danh dự, nhân phẩm của chị N như Tòa án đã nhận định.

4.2.4. Hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với dữ liệu cá nhân

Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với dữ liệu cá nhân là khả năng của cá nhân tự xác định thời điểm, cách thức và mức độ thông tin cá nhân về họ được chia sẻ hoặc truyền đạt cho người khác. Thông tin cá nhân này hình thành từ hoạt động của cá nhân mà khi kết hợp với các dữ liệu, thông tin lưu trữ khác có thể xác định một con người cụ thể. Thông tin cá nhân này thường xuất phát từ hoạt động và sự tương tác của cá nhân trên các nền tảng số hóa, bao gồm dữ liệu về hành vi trực tuyến, thông tin cá nhân, tài liệu hoặc hồ sơ trực tuyến, và nhiều loại dữ liệu khác. Sự xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong lĩnh vực dữ liệu cá nhân thường xảy ra khi thông tin này được thu thập, sử dụng hoặc tiết lộ mà không có sự đồng ý của người chủ sở hữu dữ liệu. Điều này có thể dẫn đến việc lạm dụng thông tin, theo dõi không đúng cách, hoặc việc sử dụng thông tin cá nhân một cách trái pháp luật.

Như vậy, hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với dữ liệu cá nhân thể hiện ở hai đặc điểm chính:

Một là, đối tượng bị xem xét là quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với dữ liệu cá nhân, đó là sự tự quyết định của cá nhân. Mỗi cá nhân có khả năng tự quyết định thời điểm, cách thức và mức độ thông tin cá nhân về họ được tiết lộ hoặc truyền đạt cho người khác.

Hai là, tính xác định của thông tin cá nhân. Ngay cả khi thông tin ban đầu có thể là một tập hợp các dữ liệu không liên quan, khi kết hợp với các dữ liệu và thông tin khác, nó có khả năng xác định một con người cụ thể. Do đó, hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với dữ liệu cá nhân không phải là việc tiết lộ thông tin cá nhân rời rạc mà phải liên quan đến thông tin có khả năng xác định danh tính của một người. Sự xâm phạm này phải ảnh hưởng đến sự riêng tư trong cuộc sống mà cá nhân không muốn cho người khác biết.

Xét bản án số 63/2022/HS-ST ngày 12/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương về tội sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông.
Nội dung vụ án: Từ khoảng tháng 4/2020 đến ngày 29/10/2021 Nguyễn Văn K đã thuê tài khoản Pega7 của Phan Thành S với số tiền là 64.670.000 đồng. Sau đó khai thác thông tin cá nhân, thông qua việc sử dụng tài khoản Zalo, tài khoản Viber, các tài khoản ví momo mang tên Lê Thanh V và Nguyễn Văn K, các tài khoản ngân

hàng tiến hành bán, trao đổi 3841 File dữ liệu có thông tin cá nhân khách hàng của Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam thịnh vượng SMBC (FE CREDIT) và 07 File dữ liệu có thông tin cá nhân khách hàng Công ty Tài chính MIRAE ASSET Việt Nam (bán 3.103 File, trao đổi với L và 15 Nhân 579 File, gửi để chào bán 166 File) cho tổng số 47 người. Số tiền thu được từ việc bán, trao đổi dữ liệu thông tin cá nhân qua sử dụng Zalo là 511.862.000 đồng (làm tròn), bán qua sử dụng Viber là 11.760.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Văn K thu lợi do bán thông tin cá nhân là 458.952.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn K đã đủ yếu tố cấu thành tội Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 288 của Bộ luật Hình sự.

Bình luận vụ án: Mặc dù hành vi của Nguyễn Văn K đã vi phạm tội sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông, tác giả cho rằng Tòa cần xem xét trách nhiệm dân sự liên quan đến việc xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với dữ liệu cá nhân trong vụ án này. Trong trường hợp này, Tòa nên thực hiện một thông báo công khai về việc xâm phạm thông tin cá nhân của khách hàng tại Công ty Tài chính MIRAE ASSET Việt Nam và Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam thịnh vượng SMBC (FE CREDIT) để các cá nhân có thể biết về sự việc, từ đó có thể thực hiện quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Trong vụ án này, quyền yêu cầu bồi thường do việc xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân sẽ được thể hiện thông qua quyền của các bên yêu cầu bồi thường do hành vi này. Điều này không chỉ giúp phòng ngừa những hậu quả tiềm ẩn khi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với dữ liệu cá nhân trên nền tảng Internet mà còn là một hình thức quan trọng để tuyên truyền về pháp luật, giúp mọi người hiểu rõ hơn về quyền và nghĩa vụ của họ trong tình huống tương tự.

4.3. Các biện pháp cụ thể trong việc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân

4.3.1. Tự bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân

Tuy pháp luật cho phép chủ thể quyền được tự bảo vệ quyền của mình nhưng đồng thời cũng quy định: “*Việc tự bảo vệ quyền dân sự phải phù hợp với tính chất, mức độ xâm phạm đến quyền dân sự đó và không được trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự*”¹⁰⁹.

¹⁰⁹ Điều 12 BLDS 2015.

Luật dân sự thừa nhận và bảo đảm cho chủ thể được tự do thực hiện các quyền và lợi ích chính đáng của mình trong khuôn khổ pháp luật cũng như được tự do hành xử hợp lý để bảo vệ các quyền dân sự của mình và loại trừ sự xâm phạm của người khác.¹¹⁰

Ngày nay, những hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân không chỉ dừng lại ở những phương thức truyền thống như lời nói, hành vi vật lý mà đã dần phổ biến trên các nền tảng Internet, đặc biệt là các ứng dụng điện thoại và các trang mạng xã hội, đặc biệt là các công cụ Livestream (phát trực tiếp) trên các nền tảng xã hội.

Qua đó, cho thấy rằng, hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân có thể diễn ra theo hai hướng:

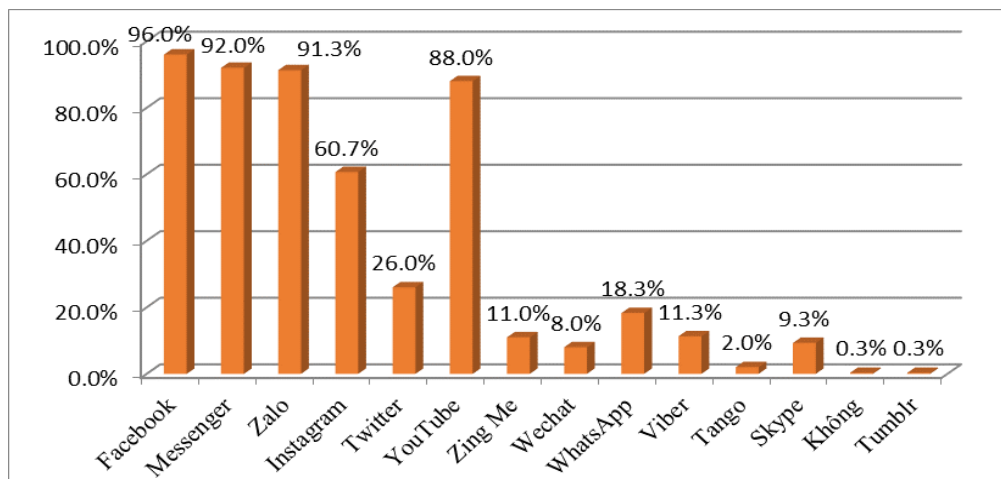
- Một là hầu hết các ứng dụng và mạng xã hội trên nền tảng mạng Internet hiện nay đều được sở hữu bởi các doanh nghiệp nước ngoài và các doanh nghiệp này kiếm lợi nhuận bằng cách thu thập thông tin dữ liệu của người dùng và bán các thông tin này cho các đơn vị quảng cáo, hoặc những mục đích khác so với những tuyên bố hoạt động của họ vì hầu như các ứng dụng trên nền tảng Internet hiện nay đều không thu bất kỳ một loại phí nào khi người dùng muốn đăng ký trở thành thành viên. Khi người dùng đăng ký một ứng dụng trên nền tảng Internet, người dùng phải chịu sự chi phối và điều khiển bởi tổ chức sở hữu ứng dụng trên nền tảng Internet này. Các thiết bị bảo mật thông tin riêng tư chỉ có nghĩa là sự riêng tư của người dùng được bảo vệ khỏi các thành viên khác thông qua biểu tượng cài đặt chế độ tùy chỉnh được quyền xem như: mọi người, bạn bè, bạn bè ngoại trừ ai đó, bạn bè cụ thể, chỉ mình tôi. Thông qua đó người dùng có thể kiểm soát các thông tin, bài viết, hình ảnh, hành vi của mình sẽ được chia sẻ đến từng đối tượng cụ thể. Tuy nhiên, vấn đề nổi bật đó chính là những thông tin, dữ liệu của người dùng sẽ được bảo mật và đảm bảo các giá trị của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân như thế nào khi hiện nay cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân người dùng nói chung và bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong không gian mạng vẫn còn nhiều khoảng trống pháp lý. Trong trường hợp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian, trong lĩnh vực luật sở hữu trí tuệ, trách nhiệm của doanh nghiệp được quy định rõ trong các quy định liên quan đến bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và xử lý các hành vi

¹¹⁰ Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2023), *Sđd*, tr.357.

xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ¹¹¹. Tuy nhiên, trong lĩnh vực dân sự và bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, việc quy định trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trong những trường hợp này vẫn còn chưa rõ ràng. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian có trách nhiệm đảm bảo rằng dịch vụ của họ không được sử dụng để xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người khác. Họ cũng có trách nhiệm thực hiện các biện pháp cần thiết để ngăn chặn các hành vi vi phạm như loại bỏ nội dung xâm phạm và/hoặc giới hạn khả năng truy cập đến các nội dung vi phạm đó. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng có trách nhiệm thông báo và cung cấp thông tin đầy đủ cho các bên liên quan về các vi phạm trên nền tảng của họ. Đó cũng là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (Corporate Social Responsibility - CSR) trong việc đáp ứng các yêu cầu xã hội, bảo vệ quyền lợi của khách hàng, nhân viên và cộng đồng trong quá trình kinh doanh của mình, nhưng những vấn đề liên quan đến quyền nhân thân, đặc biệt là quyền về đời sống riêng tư của cá nhân vẫn còn chung chung trong các quy định và tuyên bố của doanh nghiệp so với các quy định liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.

- Hai là hoạt động Livestream (phát trực tiếp) đã và đang xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong không gian mạng hiện nay khi mà cơ chế tự

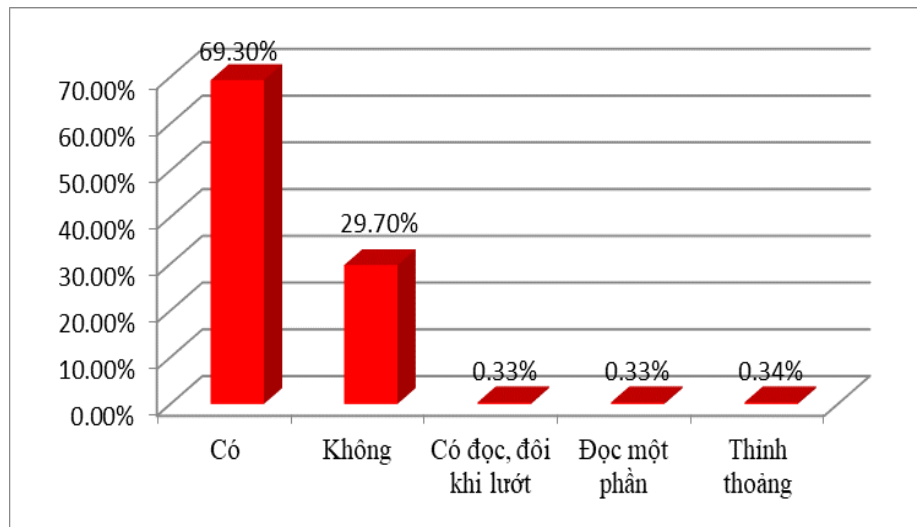
Bảo vệ quyền của cá nhân sẽ diễn ra bị động so với các phương thức bảo vệ khác khi tính lan truyền hệ quả của hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân diễn ra với tốc độ nhanh và lan rộng không chỉ trong nước mà có thể cả thế giới bởi sự hỗ trợ của các ứng dụng mạng xã hội hiện nay.



Biểu đồ 6: Sử dụng các trang mạng xã hội

Nguồn: kết quả khảo sát của đề tài

¹¹¹ Điều 198b Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019 và 2022.



Biểu đồ 7: Đọc nội dung trong các tuyên bố về quyền riêng tư trên ứng dụng

Nguồn: kết quả khảo sát của đề tài

Với số liệu khảo sát cho thấy, 96% người dùng Facebook, 92% người dùng Messenger, 91.3% người dùng Zalo và 88% người dùng Youtube, nhưng khi được hỏi có đọc nội dung trong các tuyên bố về quyền riêng tư trên các ứng dụng đang sử dụng hay không, thì có đến 69.3% người được khảo sát cho rằng họ đã đọc các chính sách về quyền riêng tư và chỉ có 27% là không đọc. Ngoài ra, người dùng còn chủ động thực hiện các hành vi khi sử dụng các ứng dụng trên thiết bị thông minh với 68% người được khảo sát chặn ứng dụng truy cập vào hình ảnh, danh bạ, tin nhắn, cuộc gọi... và hạn chế thông tin cá nhân được xử lý cho mục đích quảng cáo; 26% yêu cầu ứng dụng xóa dữ liệu cá nhân nhưng chỉ có 4,3% khiếu nại với ứng dụng về hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư cá nhân. Qua đó cho thấy nhận thức về sự tự bảo vệ quyền riêng tư của cá nhân khi sử dụng các ứng dụng trên nền tảng Internet của người dùng ngày càng được nâng cao và quan tâm.

Ngoài ra, không gian mạng tạo ra không gian mở cho phép người dùng được kết nối rộng rãi với mọi người mà không cần phải xác thực thông tin, điều này đã khiến cho nhiều người dùng vượt xa khỏi khái niệm về “tự do” và đôi lúc có sự cư xử thiếu văn minh trong môi trường “xã hội ảo”; đặc biệt là sự phổ biến mạng xã hội dẫn đến tình trạng nhiều người sử dụng hình thành nên sự “ảo tưởng” về sức mạnh của không gian mạng dẫn đến những hành vi tiêu cực, cư xử thiếu văn minh, xâm phạm đến quyền và lợi ích của cá nhân, tổ chức và nhà nước.

Biểu đồ 8: Những hành vi thực hiện khi sử dụng các ứng dụng trên thiết bị thông minh (apps)

| Hành vi trong ứng dụng | Phản hồi | | Phần trăm giá trị |
|-------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------|-------------------|
| | Tần số (N) | Phần trăm (%) | |
| Đọc toàn bộ chính sách quyền riêng tư | 76 | 10.6% | 25.3% |
| Đọc một phần chính sách quyền riêng tư | 140 | 19.5% | 46.7% |
| Chặn ứng dụng truy cập vào hình ảnh, danh bạ, tin nhắn, cuộc gọi... | 204 | 28.5% | 68.0% |
| Hạn chế thông tin cá nhân được xử lý cho mục đích quảng cáo | 204 | 28.5% | 68.0% |
| Yêu cầu ứng dụng xóa dữ liệu cá nhân | 79 | 11.0% | 26.3% |
| Khiếu nại với ứng dụng về hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư cá nhân | 13 | 1.8% | 4.3% |
| Không có | 1 | 0.1% | 0.3% |
| Tổng | 717 | 100.0% | 239.0% |

Nguồn: kết quả khảo sát của đề tài

Bên cạnh cơ chế bảo vệ theo luật định, thì khi tham gia các hoạt động trên nền tảng Internet, điều quan trọng đầu tiên là người dùng phải chủ động trong việc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư cá nhân của mình, và đặc biệt phải có phương thức tự bảo vệ chính bản thân mình, vì tính kết nối và tương tác mang tính toàn cầu của mạng Internet hiện nay người dùng phải chủ động trong việc kiểm soát những thông tin, hình ảnh, cảm xúc, hành vi của mình. Ngoài ra, hầu hết các ứng dụng trên nền tảng Internet đều có những điều khoản bắt buộc, mang tính nguyên tắc tự đặt ra và yêu cầu người tham gia chấp nhận để có thể kết nối các ứng dụng đó.

Qua khảo sát cho thấy, 25.3% người dùng đọc toàn bộ chính sách quyền riêng tư, trong khi có đến 46.7% chỉ đọc một phần chính sách quyền riêng tư. Điều này cho thấy rằng mặc dù người dùng có ý thức về quyền riêng tư, nhưng nhiều người không đọc hết các chính sách này, có thể do chúng quá dài dòng hoặc khó hiểu. Một tỷ lệ lớn người dùng (68.0%) đã chặn ứng dụng truy cập vào hình ảnh,

đánh bạ, tin nhắn, cuộc gọi... và cũng có cùng tỷ lệ này hạn chế thông tin cá nhân được xử lý cho mục đích quảng cáo. Điều này cho thấy người dùng ngày càng quan tâm hơn đến việc bảo vệ dữ liệu cá nhân và tránh sự xâm phạm từ các ứng dụng. 26.3% người dùng yêu cầu ứng dụng xóa dữ liệu cá nhân, và chỉ có 4.3% khiếu nại với ứng dụng về hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư cá nhân. Điều này có thể do người dùng không biết đến quyền này hoặc cảm thấy việc thực hiện các hành động này quá phức tạp.

Từ đó, cho thấy rằng mặc dù người dùng có ý thức về quyền riêng tư, nhưng nhiều người không đọc hết các chính sách này, có thể do chúng quá dài dòng hoặc khó hiểu. Đây là một bằng chứng rõ ràng cho thấy thực trạng người dùng thường không đọc kỹ các chính sách dài và phức tạp. Các hợp đồng sử dụng ứng dụng trên thiết bị thông minh có thể được coi là một loại hợp đồng mẫu theo quy định Điều 405 BLDS 2015¹¹², loại hợp đồng này được soạn sẵn bởi một bên (thường là nhà phát triển ứng dụng hoặc nhà cung cấp dịch vụ) và áp dụng cho nhiều người dùng mà không có sự đàm phán đáng kể về các điều khoản. Việc nhiều người không đọc hết các điều khoản trong hợp đồng bởi các thuật ngữ chuyên môn phức tạp cũng làm khó hiểu cho người dùng có thể dẫn đến việc không hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình, từ đó thực hiện không đúng nghĩa vụ hoặc không bảo vệ được quyền lợi của mình.

Mặc dù, qua khảo sát cho thấy người tham gia trên nền tảng Internet đã nhận thức và quan tâm về các vấn đề liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của mình nhưng khả năng tự bảo vệ của người dùng khi tham các ứng dụng trên nền tảng Internet đã đặt ở vị trí bị động với các điều khoản bắt buộc mà không có sự thỏa thuận, thương lượng giữa người muốn đăng ký tham gia và chủ sở hữu các ứng dụng trên nền tảng Internet. Việc tham gia vào các ứng dụng trên nền tảng Internet, người tham gia đã chấp nhận tức đi một phần khả năng chủ động

¹¹² Điều 405. Hợp đồng theo mẫu

1. Hợp đồng theo mẫu là hợp đồng gồm những điều khoản do một bên đưa ra theo mẫu để bên kia trả lời trong một thời gian hợp lý; nếu bên được đề nghị trả lời chấp nhận thì coi như chấp nhận toàn bộ nội dung hợp đồng theo mẫu mà bên đề nghị đã đưa ra.

Hợp đồng theo mẫu phải được công khai để bên được đề nghị biết hoặc phải biết về những nội dung của hợp đồng.

Trình tự, thể thức công khai hợp đồng theo mẫu thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp hợp đồng theo mẫu có điều khoản không rõ ràng thì bên đưa ra hợp đồng theo mẫu phải chịu bất lợi khi giải thích điều khoản đó.

3. Trường hợp hợp đồng theo mẫu có điều khoản miễn trách nhiệm của bên đưa ra hợp đồng theo mẫu, tăng trách nhiệm hoặc loại bỏ quyền lợi chính đáng của bên kia thì điều khoản này không có hiệu lực, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

để bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và các quyền liên quan khác của mình.

Các ứng dụng trên nền tảng Internet giúp các bên liên quan có được thông tin, dữ liệu cá nhân của người khác một cách dễ dàng và những thông tin, dữ liệu bất lợi có thể sẽ được phát tán một cách nhanh chóng, nó có thể đe dọa gây hại cho người dùng về mặt kinh tế hoặc tinh thần thậm chí có thể hủy hoại danh tiếng, sự nghiệp và cuộc sống thông thường.

Như vậy, vấn đề đặt ra là cần quy định rõ ràng và cụ thể hơn các biện pháp bảo vệ người dùng khỏi các điều khoản bất lợi và đảm bảo sự minh bạch, dễ hiểu trong các chính sách và điều khoản của ứng dụng. Điều này bao gồm việc đơn giản hóa ngôn ngữ, rút ngắn độ dài của các điều khoản và cung cấp các công cụ hỗ trợ người dùng hiểu rõ hơn về các quyền và nghĩa vụ của mình.

Kiến nghị thứ tám:

Kiến nghị bổ sung Điều 17a – Công cụ hỗ trợ người dùng trong Luật An toàn thông tin mạng 2015:

Điều 17a. Công cụ hỗ trợ người dùng

a. Nhà cung cấp dịch vụ phải cung cấp các công cụ hỗ trợ, hoặc các công nghệ khác để giải thích và giải đáp thắc mắc về các chính sách và điều khoản cho người dùng.

b. Các công cụ này phải được thiết kế để dễ sử dụng, dễ hiểu và có thể truy cập từ nhiều thiết bị khác nhau.

c. Nhà cung cấp dịch vụ phải đảm bảo rằng các công cụ hỗ trợ này hoạt động hiệu quả, cung cấp phản hồi kịp thời và chính xác cho người dùng.

Bên cạnh đó, các giải pháp về việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến người dân thì việc cảnh báo họ trước nguy cơ bị xâm phạm quyền về đời sống riêng tư là vô cùng cần thiết, để họ quyết định rằng họ có chấp nhận từ bỏ quyền về đời sống riêng tư hay không, hay chủ động bảo vệ quyền của mình bằng cách gán trách nhiệm cho các chủ thể cung ứng các nền tảng Internet, mạng viễn thông. Mô hình sau đây được tác giả nghiên cứu dựa vào ma trận rủi ro có thể là một giải pháp trong vấn đề nâng cao nhận thức về tự bảo vệ quyền của người dân.

Ma trận rủi ro quyền về đời sống riêng tư của cá nhân¹¹³:

| | | | | |
|-----------------|------------|--------------------|---------------------|---------------------------------|
| XÁC SUẤT | CAO | Quan tâm | Quan tâm và ưu tiên | Đặc biệt quan tâm và xử lý ngay |
| | TRUNG BÌNH | Không quan tâm | Quan tâm | Biện pháp dự phòng |
| | THẤP | Không cần quan tâm | Không quan tâm | Quan tâm |
| | | THẤP | TRUNG BÌNH | CAO |
| TÁC ĐỘNG | | | | |

Trong mô hình ma trận rủi ro, các cột biểu thị mức độ rủi ro của sự kiện liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân (từ cao đến thấp) và các hàng biểu thị mức độ quan tâm đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân (từ thấp đến cao). Mỗi phần tử trong bảng đại diện cho mức độ ảnh hưởng của mỗi sự kiện tương ứng đến mức độ quan tâm đến vấn đề riêng tư cá nhân. Trong trường hợp này, xác suất được đề cập trong ma trận rủi ro là xác suất của việc xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân xảy ra. Với mỗi phần tử trong ma trận, xác suất này sẽ được ước tính dựa trên mức độ rủi ro của sự kiện liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân (cột) và mức độ quan tâm đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân (hàng).

Thông qua mô hình ma trận rủi ro trên cho thấy rằng, giả sử các cột của ma trận biểu thị mức độ rủi ro của sự kiện liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, từ cao đến thấp, còn các hàng biểu thị mức độ quan tâm đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, từ thấp đến cao. Mỗi phần tử trong bảng đại diện cho mức độ ảnh hưởng của mỗi sự kiện tương ứng đến mức độ quan tâm đến vấn đề riêng tư của cá nhân. Khi xem xét ma trận rủi ro này, có thể rút ra một số kết luận như sau:

Nếu một sự kiện có mức độ rủi ro thấp (ở cột thấp) và liên quan đến vấn đề quan trọng về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân (ở hàng quan tâm), thì ta nên quan tâm đến vấn đề này. Nếu sự kiện liên quan đến vấn đề quan trọng hơn (ở hàng quan tâm và ưu tiên hoặc đặc biệt quan tâm và xử lý ngay), thì chúng ta cần đưa ra

¹¹³ Tác giả phát triển từ trình bày của diễn giả Nguyễn Quang Đông tại chương trình tập huấn “Tư chính sách bảo vệ quyền riêng tư đến thực hành an toàn số” ngày 19 và 20 tháng 05 năm 2022 do Viện Nghiên cứu Chính sách và Phát triển Truyền thông (IPS) và Tổ chức Oxfam tại Việt Nam phối hợp tổ chức tại Nhà khách Quốc hội, 165 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

biện pháp xử lý ngay lập tức. Ngược lại, nếu sự kiện có mức độ rủi ro thấp và không liên quan đến vấn đề quan trọng (ở hàng không cần quan tâm), thì ta có thể không cần quan tâm đến nó. Tuy nhiên, nếu sự kiện có mức độ rủi ro cao và liên quan đến vấn đề quan trọng (ở hàng quan tâm và ưu tiên hoặc đặc biệt quan tâm và xử lý ngay), chúng ta cần đưa ra biện pháp ưu tiên xử lý ngay lập tức. Ma trận rủi ro có thể được sử dụng để đánh giá và so sánh các loại rủi ro, giúp người dùng có cái nhìn tổng quan về các vấn đề liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và tiếp cận đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Nó cũng giúp định hướng các chiến lược và tài nguyên để đảm bảo rằng nguyên tắc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được tuân thủ hiệu quả.

Xác suất trong ma trận rủi ro biểu thị khả năng xảy ra của việc vi phạm quyền về đời sống riêng tư, dựa trên mức độ rủi ro của sự kiện liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và mức độ quan tâm đến quyền này. Ma trận rủi ro giúp cá nhân đánh giá và ưu tiên các vấn đề liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, đồng thời hỗ trợ trong việc đưa ra các giải pháp phù hợp để bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Điều quan trọng là phải đánh giá và quản lý các rủi ro liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân một cách cẩn thận và có hệ thống để đảm bảo sự bảo vệ tốt nhất cho các tình huống xảy ra trong các sinh hoạt hàng ngày.

Như vậy, trong ma trận rủi ro, việc liên kết với mức độ phản ứng về mặt pháp lý là rất quan trọng để xác định các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Cụ thể, các mức độ phản ứng có thể được xác định như sau:

- **Đặc biệt quan tâm và xử lý ngay:** Các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm nghiêm trọng, bao gồm các biện pháp pháp lý như khởi kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại, và áp dụng các biện pháp khẩn cấp để ngăn chặn hành vi xâm phạm.
- **Quan tâm và ưu tiên:** Các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm ở mức độ cao nhưng chưa đến mức nghiêm trọng nhất, bao gồm các biện pháp như cảnh cáo, yêu cầu ngừng vi phạm và giám sát chặt chẽ.
- **Biện pháp dự phòng:** Các biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro và ngăn ngừa hành vi xâm phạm xảy ra trong tương lai, chẳng hạn như tăng cường bảo mật thông tin và giáo dục người dùng đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.
- **Quan tâm:** Các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm ở mức độ thấp, bao gồm việc yêu cầu làm rõ và sửa đổi hành vi, cung cấp thông tin và hỗ trợ người dùng.

Thông qua việc kết nối ma trận rủi ro và mức độ phản ứng pháp lý, tác giả cung cấp một góc nhìn toàn diện và chi tiết hơn về cách xử lý các hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Điều này giúp đảm bảo tính hiệu quả và minh bạch trong việc bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, đồng thời áp dụng các biện pháp pháp lý phù hợp. Cách tiếp cận này dựa trên nguyên tắc tự chủ của cá nhân trong việc xác định mức độ và phạm vi thông tin thuộc về đời sống riêng tư của mình.

4.3.2. Bảo vệ quyền về đời sống riêng tư cá nhân thông qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Khoản 1, Điều 14 BLDS 2015 quy định: “*Tòa án, cơ quan có thẩm quyền khác có trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ quyền dân sự của cá nhân, pháp nhân.*

Trường hợp quyền dân sự bị xâm phạm hoặc có tranh chấp thì việc bảo vệ quyền được thực hiện theo pháp luật tố tụng tại Tòa án hoặc trọng tài.

Việc bảo vệ quyền dân sự theo thủ tục hành chính được thực hiện trong trường hợp luật quy định. Quyết định giải quyết vụ việc theo thủ tục hành chính có thể được xem xét lại tại Tòa án”.

Việc thực hiện quyền dân sự sẽ diễn ra khi hành vi xâm phạm quyền dân sự đã xảy ra và chủ thể có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp pháp lý để khôi phục hoặc bồi thường các lợi ích hợp pháp của mình đã bị xâm phạm. Điểm mới quan trọng trong việc bảo vệ quyền dân sự được BLDS 2015 quy định là Tòa án không được từ chối giải quyết vụ, việc dân sự vì lý do không có điều luật để áp dụng. Trong trường hợp Tòa án giải quyết vụ, việc dân sự mà chưa có điều luật áp dụng thì Tòa án áp dụng tập quán, áp dụng quy định của pháp luật điều chỉnh quan hệ dân sự tương tự.

Khi quyền dân sự của cá nhân bị xâm phạm nói chung và quyền về đời sống riêng tư của cá nhân nói riêng thì theo quy định tại Điều 11 BLDS 2015, chủ thể có quyền tự bảo vệ hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bảo vệ bằng các biện pháp sau đây:

- **Công nhận, tôn trọng, bảo vệ và quyền dân sự của mình (khoản 1 Điều 11 BLDS 2015)**

Trong trường hợp quyền về đời sống riêng tư của cá nhân bị xâm phạm hay có tranh chấp trên không gian mạng thì chủ thể có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức

có thẩm quyền công nhận và tôn trọng quyền về đời sống riêng tư của mình để từ đó làm căn cứ pháp lý nhằm mục đích xác nhận quyền của mình đối với lợi ích vật chất, lợi ích tinh thần đang bị xâm phạm hoặc thực hiện các yêu cầu khác.

• **Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm (khoản 2 Điều 11 BLDS 2015)**

Bằng các biện pháp pháp lý, chủ thể quyền có quyền tự mình hoặc được quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền buộc người có hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân gây ra thiệt hại hoặc đang có nguy cơ gây ra thiệt hại phải chấm dứt hành vi xâm phạm.

Các biện pháp pháp lý giúp chủ thể quyền bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân khi bị xâm phạm bao gồm:

- Yêu cầu xóa, sửa đổi thông tin: Chủ thể quyền có thể yêu cầu cá nhân, tổ chức tiết lộ thông tin cá nhân không chính xác hoặc xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân xóa hoặc sửa đổi thông tin đó.

- Yêu cầu dừng hành vi xâm phạm: Chủ thể quyền có thể yêu cầu người xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân chấm dứt hành vi đó, đồng thời yêu cầu ngăn ngừa hậu quả tiêu cực.

- Gửi đơn khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền: Nếu người xâm phạm không chấp hành yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm, chủ thể quyền có thể gửi đơn khiếu nại đến cơ quan chức năng như công an, viện kiểm sát, tòa án hoặc cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

Biện pháp này chỉ phát huy hiệu quả khi mà người thực hiện hành vi xâm phạm quyền nhận thức được hành vi trái pháp luật của mình. Trong trường hợp người thực hiện hành vi vi phạm không có những biện pháp chấm dứt ngay hành vi của mình và ngăn ngừa hậu quả xảy ra thì chủ thể có quyền đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân bị xâm phạm áp dụng các biện pháp khác để bảo vệ quyền của mình. Trong biện pháp này thì:

- Chủ thể xâm phạm: là cá nhân, tổ chức đã xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân của người khác. Họ có trách nhiệm ngay lập tức xóa hoặc sửa đổi thông tin vi phạm sau khi nhận được thông báo từ người bị vi phạm.

- Chủ thể yêu cầu: người bị xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Khi chủ thể này phát hiện ra hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân của mình, họ có quyền yêu cầu chủ thể xâm phạm và/hoặc chủ thể cung

cấp dịch vụ trung gian (nhà cung cấp mạng xã hội, lưu trữ dữ liệu, chuyển tiếp thông tin) chấm dứt hành vi xâm phạm quyền riêng tư bằng cách xóa, sửa đổi hoặc ngăn chặn thông tin vi phạm. Ngoài ra, chủ thể bị xâm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân cũng có thể yêu cầu các cơ quan chức năng can thiệp, giải quyết tranh chấp hoặc xử lý hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Theo Luật An ninh mạng 2018 thì với quy định những thông tin có nội dung xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác; thông tin bịa đặt, sai sự thật nhằm xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đó hay bí mật công tác, thông tin thuộc sở hữu của người khác hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác...thì doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng tại Việt Nam có trách nhiệm: cung cấp thông tin người dùng cho lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thuộc Bộ Công an khi có yêu cầu bằng văn bản để phục vụ điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng, ngăn chặn việc chia sẻ thông tin, xóa bỏ thông tin có nội dung này trên dịch vụ hoặc hệ thống thông tin do cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý chậm nhất là 24 giờ kể từ thời điểm có yêu cầu của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng và không cung cấp hoặc ngừng cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng cho tổ chức, cá nhân đăng tải trên không gian mạng có những hành vi xâm phạm lợi ích của nhà nước, xã hội, tổ chức và cá nhân¹¹⁴.

Do đó, tổ chức, cá nhân soạn thảo, đăng tải, phát tán thông tin trên không gian mạng có nội dung không đúng quy định của pháp luật phải gỡ bỏ thông tin khi có yêu cầu của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật sẽ giúp cho việc xác định được chủ thể vi phạm và xử lý theo đúng quy định của pháp luật một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên không gian mạng¹¹⁵.

Trong phạm vi đề tài này, vấn đề đặt ra, trong trường hợp có hành vi xâm phạm bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư của cá nhân trên mạng xã

¹¹⁴ Khoản 2 Điều 26 Luật An ninh mạng 2018.

¹¹⁵ Khoản 6 Điều 16 Luật An ninh mạng 2018.

hội nhưng không xác định được chủ thể thực hiện hành vi vi phạm thì trách nhiệm của chủ trang mạng xã hội chưa được luật điều chỉnh. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật An ninh mạng 2018 và Chương V Nghị định 53/2022/NĐ-CP hướng dẫn một số điều của Luật An ninh mạng thì việc xác định các chủ thể liên quan trong thực tế sẽ rất khó khăn, bởi lẽ chủ sở hữu platform¹¹⁶ có thể chỉ đóng vai trò kiểm soát dữ liệu cá nhân mà thôi, còn việc thu thập, xử lý, sử dụng dữ liệu cá nhân đó có thể sẽ được giao lại cho một chủ thể khác. Lúc này, trách nhiệm của mỗi bên phải có phạm vi hoàn toàn khác nhau tương ứng mới mức độ tác động lên dữ liệu cá nhân đang được bảo vệ đó.

Vì theo khoản 5 Điều 3 Luật ATTTM định nghĩa về “Chủ quản hệ thống thông tin là cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quản lý trực tiếp đối với hệ thống thông tin.”, sau đó tại khoản 3 điều này thì “Hệ thống thông tin là tập hợp phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu được thiết lập phục vụ mục đích tạo lập, cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin trên mạng.”. Nếu chỉ dựa vào khái niệm này thì dưới góc độ kỹ thuật thì một chủ thể quản lý nền tảng kỹ thuật số hoàn toàn có đủ các đặc điểm có thể được xem là Chủ quản hệ thống thông tin. Tuy nhiên, theo Điều 5 của Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ thì Chủ quản hệ thống thông tin có thể là cơ quan tổ chức nhà nước hoặc doanh nghiệp và tổ chức khác, nhưng phải là cấp thẩm quyền quyết định đầu tư dự án xây dựng, thiết lập, nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin. Bên cạnh đó, tại khoản 2 điều 25 Luật ATTTM lại quy định chủ quản hệ thống thông tin sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện trách nhiệm bảo vệ hệ thống thông tin, giám sát hệ thống thông tin. Lúc này, nếu cho rằng chủ thể quản lý nền tảng kỹ thuật số có sở hữu các cơ sở hạ tầng về xử lý dữ liệu cá nhân là “Chủ quản hệ thống thông tin”.

Hơn nữa, Bên kiểm soát dữ liệu và Bên xử lý dữ liệu được định nghĩa tại Nghị định 13/2023 và trách nhiệm của Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân và Bên xử lý dữ liệu cá nhân được quy định tại Điều 38, 39, 40 của Nghị định, nhưng nội dung quy định này chỉ là sự tổng hợp lại các nghĩa vụ của cả Bên kiểm soát dữ liệu và

¹¹⁶ Platform là thuật ngữ dùng để chỉ một nền tảng hoặc cơ sở kỹ thuật hỗ trợ cho việc phát triển và vận hành các ứng dụng công nghệ khác. Nó bao gồm một loạt các loại nền tảng khác nhau, từ phần cứng và hệ điều hành, ngôn ngữ lập trình và công cụ phát triển phần mềm, đến các dịch vụ dựa trên đám mây và nền tảng kinh tế chia sẻ. Mỗi loại platform đều đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện cho sự tương tác, phát triển, và giao dịch trong hệ sinh thái công nghệ.

Bên xử lý dữ liệu. Tuy nhiên, phạm vi trách nhiệm của Bên kiểm soát dữ liệu và Bên xử lý dữ liệu theo tác giả cần được quy định độc lập của từng giai đoạn của vòng đời dữ liệu. Bởi lẽ trong tình huống quản lý và vận hành platform, các mối quan hệ giữa các chủ thể như chủ thể dữ liệu, chủ thể quản lý nền tảng kỹ thuật số, chủ thể xử lý dữ liệu của nền tảng kỹ thuật số, chủ thể lưu trữ dữ liệu các nhân, chủ thể vận hành nền tảng... có thể là rất phức tạp, đặc biệt là trong bối cảnh mà có trên hai chủ thể cùng kết hợp quản lý vận hành nền tảng kỹ thuật số (joint controllers)¹¹⁷ hay việc dữ liệu cá nhân được xử lý bởi một bên thứ ba khác dựa trên uỷ quyền từ Bên xử lý dữ liệu¹¹⁸ thì theo quy định của Nghị định 13/2023 sẽ khó xác định trách nhiệm cụ thể của mỗi bên. Từ đó, tác giả đưa ra kiến nghị như sau:

Kiến nghị thứ chín:

Cần bổ sung nội dung “dừng thiệt hại” tại Khoản 2 Điều 11 BLDS 2015, bởi lẽ sau khi thực hiện hành vi vi phạm, chủ thể vi phạm nên ngay lập tức xóa hoặc sửa đổi quyền riêng tư trên mạng của người bị vi phạm khi nhận được thông báo từ người bị vi phạm, hoặc gây ra tác động xã hội tiêu cực sau khi thu thập và xử lý thông tin không đúng đắn bởi chủ thể vi phạm, và chủ thể vi phạm phải chủ động xóa và sửa đổi để ngăn chặn người vi phạm thứ cấp. Bởi lẽ, “buộc chấm dứt hành vi xâm phạm” và “dừng thiệt hại” là hai phương thức bảo vệ khác nhau. Trong khi “buộc chấm dứt hành vi xâm phạm” là biện pháp nhằm ngăn chặn ngay lập tức và hiệu quả các hành vi vi phạm tiếp tục gây ra hậu quả xấu, thì “dừng thiệt hại” lại là bước tiếp theo, đòi hỏi chủ thể vi phạm phải thực hiện các biện pháp khắc phục cụ thể để giảm thiểu và loại bỏ những hậu quả đã phát sinh, bao gồm cả việc xóa hoặc sửa đổi thông tin liên quan đến đời sống riêng tư cá nhân sau khi đã chấm dứt hành vi xâm phạm trên thực tế.

Sự bổ sung của “dừng thiệt hại” tại Điều 11 BLDS 2015 không chỉ nhấn mạnh trách nhiệm của chủ thể vi phạm sau khi hành vi xâm phạm đã xảy ra, mà còn tạo ra một cơ chế toàn diện hơn, nhằm không chỉ ngăn chặn mà còn khắc phục và phục hồi từ những thiệt hại gây ra. Điều này không chỉ giúp củng cố lòng tin và bảo vệ quyền lợi của cá nhân, mà còn góp phần vào việc tạo dựng một môi trường sống lành mạnh, nơi mọi hành vi xâm phạm quyền dân sự đều được xử lý nghiêm minh và có trách nhiệm.

¹¹⁷ Điều 26 GDPR.

¹¹⁸ Điều 29 GDPR.

Đó cũng là cơ sở quan trọng để xác định trách nhiệm liên đới trong việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng khi xác định được bất kỳ chủ thể nào liên quan đến việc xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của chủ thể có quyền. Với quy định này sẽ nâng cao trách nhiệm của người dùng và các chủ thể liên quan trên không gian mạng và giúp hạn chế các hệ quả của hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của chủ thể vi phạm đầu tiên.

Bằng cách bổ sung nội dung “dùng thiệt hại” tại Điều 11 BLDS 2015 sẽ giúp tăng cường trách nhiệm của chủ thể vi phạm, đảm bảo rằng các hậu quả do vi phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân không chỉ được ngăn chặn mà còn được khắc phục một cách thích đáng. Điều này không những giúp nâng cao ý thức pháp luật và trách nhiệm của các chủ thể trên không gian mạng mà còn là cơ sở quan trọng để xác định trách nhiệm liên đới trong việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, qua đó góp phần hạn chế và giảm nhẹ hậu quả của các hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong thực tế.

Buộc xin lỗi, cải chính công khai (khoản 3 Điều 11 BLDS 2015)

Các biện pháp xin lỗi và cải chính công khai không chỉ giúp bồi thường tinh thần cho người bị xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân mà còn góp phần khôi phục danh dự, nhân phẩm, uy tín bị tổn thương. Việc xin lỗi, cải chính công khai có thể được thực hiện dưới nhiều phương thức khác nhau như:

- Đăng tải thông báo xin lỗi trên trang mạng xã hội cá nhân của người vi phạm, đồng thời gỡ bỏ nội dung xâm phạm.
- Gửi thư xin lỗi trực tiếp đến người bị xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.
- Công bố lời xin lỗi và cải chính trên các kênh thông tin điện tử, website (trang mạng) chính thức của tổ chức liên quan (nếu có).

Theo quy định tại Điều 34 của Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 được sửa đổi, bổ sung một số điều Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2020 đưa ra quy định rằng mọi cá nhân hay tổ chức, khi vi phạm hành chính bằng cách công bố thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn, phải chịu trách nhiệm cải chính trên chính những phương tiện thông tin đại chúng hoặc trang thông tin điện tử mà họ đã sử dụng để đưa tin. Nếu không tự nguyện thực hiện, họ sẽ bị buộc phải tuân theo quy định. Về mặt lý thuyết, quy định này có thể được áp dụng trong trường hợp vi phạm quyền

về đời sống riêng tư của cá nhân trong lĩnh vực dân sự, trong đó người vi phạm phải cải chính những thông tin sai lệch hoặc gây nhầm lẫn liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Tuy nhiên, điểm khác biệt quan trọng là việc pháp luật dân sự hiện tại chưa có quy định cụ thể về việc xin lỗi sau khi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Điều này dẫn đến sự không thống nhất trong việc thực thi pháp luật, khi mà việc cải chính thông tin có thể được yêu cầu nhưng việc xin lỗi lại không được minh thị rõ ràng trong luật. Một quy định cụ thể về việc xin lỗi sau khi vi phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân cần được đưa vào pháp luật dân sự, để giúp bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và tạo nên một môi trường công bằng hơn trong việc giải quyết tranh chấp dân sự.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết tranh chấp, việc hòa giải và thỏa thuận giữa hai bên là một phương án tốt để giảm bớt tổn thất về thời gian, chi phí và mối quan hệ giữa các bên. Nếu hòa giải thành công, các bên có thể đạt được thỏa thuận về cách thức xin lỗi, cải chính công khai, và các biện pháp bồi thường khác mà không cần tiến hành xét xử tại Tòa án. Tuy nhiên, nếu không thể đạt được thỏa thuận giữa hai bên, chủ thể quyền vẫn có quyền áp dụng các biện pháp pháp lý khác như đã nêu trên để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Từ đó, tác giả xây dựng kiến nghị thứ bảy như sau:

Kiến nghị thứ mười:

Chế tài buộc xin lỗi đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân cần được bổ sung như sau: chủ thể vi phạm có thể xin lỗi người bị xâm phạm bằng hình thức website, thư điện tử hoặc xin lỗi trực tiếp để xin lỗi người bị xâm phạm. Hiện nay, trình tự, thủ tục tiến hành xin lỗi và cải chính công khai do hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân chưa được pháp luật quy định cụ thể. Pháp luật hiện nay chỉ quy định trình tự, thủ tục xin lỗi, cải chính công khai trong trường hợp người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng và thi hành án gây ra thiệt hại. Đối với trường hợp trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai, đăng báo xin lỗi và cải chính công khai lại đặt ra vấn đề đó là việc xin lỗi do hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trên không gian mạng cần có phương thức xin lỗi trên chính nền tảng không gian mạng mà chủ thể đã vi phạm.

Xét vụ việc xảy ra trong thực tiễn: xét bản án số 80/2019/DS-PT ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh về tranh chấp bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm. Nội dung như sau: Người khởi kiện anh N trình bày vào lúc 20 giờ, ngày 22-6-2018, chị O đăng tải hình ảnh của anh, gia đình anh cùng video quay cảnh mẹ anh là bà T1 đang nói chuyện điện thoại với vợ anh là chị Th kèm theo dòng trạng thái. Chị O đã đăng công khai dòng trạng thái trên facebook với tài khoản có tên Ngoan Do, đã có 19 lượt chia sẻ (share) 20 lượt thích (like) và nhiều bình luận (comment). Những thông tin chị O đã đăng tải trên mạng xã hội đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, uy tín của anh, anh N yêu cầu bà O xin lỗi công khai trên facebook và tại địa phương nơi cư trú của anh. Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 11 (Các phương pháp bảo vệ quyền dân sự); Điều 13 (Tự bảo vệ quyền dân sự); Điều 34 (Quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín); Điều 592 (Thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm); Điều 32 (Quyền của cá nhân đối với hình ảnh) Bộ luật dân sự 2015:

- Buộc chị Đỗ Thị O bồi thường thiệt hại cho anh N 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng) và xin lỗi công khai đối với anh Đỗ Thanh N, Bà Dương Thị T1 tại Văn phòng áp Ph, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh;

- Không chấp nhận yêu cầu của anh N và bà T1 về việc buộc chị O xin lỗi công khai đối với anh N và bà T1 trên trang mạng Facebook.

Trái ngược với bản án số 80/2019/DS-PT ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh không chấp nhận yêu cầu của anh N và bà T1 về việc buộc chị O xin lỗi công khai đối với anh N và bà T1 trên trang mạng Facebook thì bản án số 01/2023/DS-ST ngày 12/6/2023 của Tòa án huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn về tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm thì hội đồng xét xử chấp nhận xin lỗi công khai trên nền tảng Facebook. Nội dung vụ việc như sau: Khoảng 17 giờ ngày 28/9/2022 chị Lưu Thị P phát hiện trên mạng xã hội Facebook bằng trang Facebook cá nhân của chị Nguyễn Thị K là “K Nguyễn Thị” có nội dung: “Cả nhà mình ơi có ai biết người này k mấy tháng nay suốt ngày nt ho hện vào máy đt của chồng mình trác con này nó ngu k có thằng nào chọc hay sao .dung là cái loại gái kiếm tiền bo tay luôn”. Sau đó chị Lưu Thị P khởi kiện, yêu cầu chị Nguyễn Thị K bồi thường tổn thất tinh thần và phải công khai xin lỗi trên mạng xã hội Facebook bằng trang Facebook cá nhân của chị Nguyễn Thị K. Tòa án sơ thẩm nhận định: theo quy định tại Điều 34 Bộ luật dân sự thì danh dự, nhân

phẩm, uy tín của cá nhân là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Lưu Thị P, buộc chị Nguyễn Thị K phải công khai xin lỗi trên mạng xã hội Facebook bằng trang Facebook cá nhân của chị Nguyễn Thị K. Theo khoản 2 Điều 592, việc chị K đưa lên mạng xã hội Facebook với nội dung xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của chị P có thể dẫn đến sự hiểu lầm của anh em, bạn bè, hàng xóm. Sau đó, hội đồng xét xử tuyên:

- Buộc chị Nguyễn Thị K phải bồi thường khoản bù đắp tổn thất tinh thần cho chị Lưu Thị P;

- Buộc chị Nguyễn Thị K phải công khai xin lỗi chị Lưu Thị P trên mạng xã hội Facebook bằng trang Facebook cá nhân của chị Nguyễn Thị K. Nội dung xin lỗi: “Ngày 28/9/2022 tôi đã đăng một bài viết trên mạng xã hội Facebook có nội dung xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của chị Lưu Thị P, nay tôi Nguyễn Thị K xin lỗi chị Lưu Thị P”.

Bình luận vụ việc: Như vậy cũng tính chất là hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân trên Facebook và nguyên đơn có yêu cầu buộc bị đơn phải xin lỗi công khai trên chính nền tảng Facebook mà bị đơn thực hiện hành vi vi phạm, nhưng quan điểm của hai Tòa là trái ngược nhau, trong khi bản án số 80/2019/DS-PT ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh không chấp nhận yêu cầu của anh N và bà T1 về việc buộc chị O xin lỗi công khai đối với anh N và bà T1 trên trang mạng Facebook thì bản án số 01/2023/DS-ST ngày 12/6/2023 của Tòa án huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn lại chấp nhận việc chị Nguyễn Thị K phải công khai xin lỗi chị Lưu Thị P trên mạng xã hội Facebook bằng trang Facebook cá nhân của chị Nguyễn Thị K. Tác giả hoàn toàn ủng hộ quan điểm của Tòa án huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đối với việc yêu cầu người vi phạm phải công khai xin lỗi trên chính nền tảng mạng xã hội mà họ đã thực hành vi phạm nếu chủ thể quyền có yêu cầu. Trong vụ việc trên Tòa án huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn buộc chị Nguyễn Thị K xin lỗi công khai trên mạng xã hội Facebook với nội dung: “Ngày 28/9/2022 tôi đã đăng một bài viết trên mạng xã hội Facebook có nội dung xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của chị Lưu Thị P, nay tôi Nguyễn Thị K xin lỗi chị Lưu Thị P”. Tuy nhiên, sẽ thuyết phục hơn nếu phần chấp nhận của Tòa án huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn về yêu cầu xin lỗi công khai xin lỗi trên nền tảng Facebook ngoài nội dung xin lỗi công khai, cần có quy định về thời gian đăng công khai và thời hạn để gỡ bài đăng xin lỗi công khai đó. Việc xác định thời gian

đăng lời xin lỗi và thời hạn để gỡ bài đăng xin lỗi công khai trên nền tảng Facebook là một yếu tố quan trọng để bổ sung vào quyết định của Tòa án. Bằng cách này, việc xin lỗi công khai không chỉ đảm bảo tính công bằng và hợp lý, mà còn đặt ra một khung thời gian cụ thể để người bị hại có thể thấy rằng hành động xin lỗi là thành tâm và nghiêm túc.

Do đó, có thể áp dụng tương tự đối với hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Điều đó có nghĩa rằng, chủ thể vi phạm trên nền tảng nào, cần phải xin lỗi công khai trên nền tảng đó và phải đăng lời xin lỗi đó công khai trong thời hạn là 06 tháng, bởi lẽ mặc dù chủ thể vi phạm đã chấm dứt hành vi xâm phạm của mình nhưng hệ quả của hành vi xâm phạm vẫn còn có thể được lan truyền và lưu trữ trong một thời gian. Việc buộc chủ thể vi phạm phải đăng lời xin lỗi công khai và giữ 06 tháng trên chính nền tảng không gian mạng mà họ đã sử dụng để thực hiện hành vi xâm phạm theo tác giả sẽ giúp không chỉ là cơ sở để chủ thể vi phạm lan tỏa việc thông tin xin lỗi của họ đối với các chủ thể đã tiếp cận được hành vi xâm phạm của họ mà còn là cơ sở quan trọng để giáo dục, ngăn ngừa các hành vi xâm phạm tương tự xảy ra khi các chủ thể thứ cấp lan rộng hành vi xâm phạm.

Việc kiến nghị bổ sung phương thức xin lỗi công khai trên không gian mạng thể hiện sự tiếp nhận và phản ứng linh hoạt của pháp luật đối với những thay đổi trong xã hội số. Phương thức này không chỉ là biểu hiện của sự khắc phục thiệt hại mà còn mang tác động sâu rộng đến cả cộng đồng, khi mà hành vi vi phạm và sự sửa chữa được thực hiện ngay trên nền tảng đã phát sinh vấn đề. Sự lựa chọn của người bị hại trong việc quyết định phương thức xin lỗi nhấn mạnh quyền chủ động và tôn trọng đối với nguyện vọng và quyền lợi của họ. Tùy thuộc vào bối cảnh cụ thể và mức độ ảnh hưởng của hành vi vi phạm, chủ thể quyền có quyền yêu cầu một hình thức xin lỗi phù hợp, từ đó không chỉ khôi phục tinh thần mà còn thể hiện sự nhân văn của pháp luật.

Trên cơ sở lựa chọn phương thức xin lỗi của chủ thể quyền, Tòa án sẽ xem xét kỹ lưỡng, cân nhắc giữa quyền lợi và mong muốn của chủ thể quyền cùng với ngữ cảnh cụ thể của vụ việc để chấp nhận hay không chấp nhận phương thức xin lỗi mà chủ thể quyền yêu cầu. Việc bổ sung phương thức xin lỗi công khai trên nền tảng không gian mạng cần được hỗ trợ bằng các quy định pháp lý cụ thể, rõ ràng, cùng với sự giám sát và hỗ trợ từ các nền tảng không gian mạng, để đảm bảo quy

trình được thực hiện một cách hiệu quả và minh bạch, đồng thời tạo ra một tiền lệ pháp lý mạnh mẽ cho việc giải quyết các vấn đề tương tự trong tương lai. Tuy nhiên, việc lựa chọn thời gian đăng lời xin lỗi phù hợp là một vấn đề phức tạp và cần cân nhắc nhiều yếu tố. Ngoài ra, việc tác giả lựa chọn thời gian giữ công khai lời xin lỗi là 06 tháng, bởi các lý do sau:

Một là, tính hợp lý: Sáu tháng là một khoảng thời gian hợp lý để người vi phạm suy ngẫm và hiểu được sai lầm của mình, đồng thời cũng cho phép cộng đồng được thông báo về hành vi sai trái.

Hai là, tính giáo dục: Sáu tháng cũng là một khoảng thời gian đủ dài để có tác động giáo dục đối với cộng đồng, giúp người khác hiểu về hậu quả của hành vi xâm phạm và học hỏi từ những sai lầm của người vi phạm.

Ba là, mức độ xâm phạm và hậu quả: Sáu tháng có thể được xem xét dựa trên mức độ xâm phạm và hậu quả của hành vi sai trái. Tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể, thời gian có thể được điều chỉnh linh hoạt hơn, chẳng hạn như 01 hoặc 03 tháng.

Bốn là, khả năng thực thi và giám sát: Việc giữ lời xin lỗi trên không gian mạng trong một thời gian dài hơn có thể gây khó khăn trong việc thực thi và giám sát. Sáu tháng là một khoảng thời gian hợp lý để cơ quan chức năng theo dõi và đánh giá hiệu quả của biện pháp này.

Như vậy, bên cạnh các phương thức xin lỗi truyền thống như hiện nay, tác giả kiến nghị bổ sung phương thức xin lỗi công khai trên chính nền tảng không gian mạng mà chủ thể thực hiện hành vi vi phạm và việc lựa chọn phương thức xin lỗi như thế nào là yêu cầu của chủ thể bị vi phạm và trên cơ sở quyết định của Tòa án có thẩm quyền có như vậy mới đảm bảo được sự dung hòa quyền lợi của các chủ thể liên quan hơn là áp dụng phương thức bồi thường thiệt hại trừng phạt.

• Buộc thực hiện nghĩa vụ (khoản 4 Điều 11 BLDS 2015)

Buộc thực hiện nghĩa vụ là một trong những biện pháp pháp lý để đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong giao lưu dân sự. Khi người có nghĩa vụ không tự nguyện thực hiện đúng nghĩa vụ mà họ đã cam kết, các chủ thể có quyền hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể áp dụng nhằm tác động vào người có nghĩa vụ, cưỡng chế họ phải thực hiện đúng nghĩa vụ mà họ đã cam kết thỏa thuận.

• **Buộc bồi thường thiệt hại (khoản 5 Điều 11 BLDS 2015)**

Người có hành vi trái pháp luật xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân dù có lỗi cố ý hay vô ý, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể quyền mà gây thiệt hại thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do mình gây ra. Tùy theo từng mục đích của chủ thể quyền mà phát sinh những thủ tục và hệ quả khác nhau. Thủ tục yêu cầu Tòa án ra quyết định buộc người vi phạm, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thu hồi, tiêu hủy, chấm dứt việc xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân khi chủ quyền hoặc người đại diện hợp pháp có đơn yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc dân sự của mình và kết thúc bằng Quyết định giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 370 BLTTDS 2015 nếu Quyết định đó không bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của BLTTDS 2015.

Ngược lại, ở thủ tục khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu người có hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân bồi thường thiệt hại sẽ phức tạp và tốn nhiều thời gian, chi phí, đặc biệt là hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân diễn ra trong không gian mạng. Theo quy định của Điều 275 BLDS 2015, căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng gồm:

- Hành vi vi phạm: Hành vi vi phạm là hành vi trái pháp luật, gây thiệt hại cho quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể dân sự khác. Hành vi vi phạm có thể là hành động hoặc không hành động, cố ý hoặc vô ý.

- Thiệt hại: Thiệt hại là tổn thất về tài sản hoặc giảm giá trị tài sản, mất cơ hội kinh doanh, tổn thất về uy tín, danh dự, nhân phẩm, hoặc giảm chất lượng cuộc sống của chủ thể dân sự bị hành vi vi phạm ảnh hưởng.

- Mối liên hệ nhân quả: Để xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, phải có mối liên hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và thiệt hại. Nghĩa là, thiệt hại phải là kết quả trực tiếp của hành vi vi phạm.

Người gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm bồi thường khi họ thực hiện hành vi vi phạm và gây ra thiệt hại cho chủ thể dân sự khác. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại phải được xác định dựa trên mức độ gây thiệt hại và khả năng chịu trách nhiệm của người gây thiệt hại. Do đó, trong trường hợp phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, chủ thể dân sự có quyền yêu cầu người gây thiệt hại bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Nếu không đạt được thỏa thuận giữa các bên, chủ thể dân sự có quyền đưa vụ việc ra Tòa án để giải quyết.

Ngoài ra, tại Điều 592 BLDS 2015 chỉ quy định thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm, với mức bồi thường thiệt hại về tinh thần trước hết do các bên thỏa thuận, nếu các bên không thể thỏa thuận thì Tòa án sẽ xác định một mức hợp lý nhưng không vượt quá 10 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định. Như đã phân tích tại **bản án số 07/2023/DS-ST ngày 07/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp**, thì hành vi của anh Lê Hoàng T khoét một lỗ nhỏ, dùng để quay lén chị Dương Thị Huỳnh N khi tắm đây mới là hành vi xâm phạm trực tiếp đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, dẫn đến hệ quả là xâm phạm gián tiếp đến danh dự, nhân phẩm của chị Huỳnh N. T, do đó mức độ xâm phạm của hai hành vi có thể độc lập trong mối quan hệ thống nhất. Do đó, nếu áp dụng tương tự pháp luật với quy định mức bồi thường không vượt quá 10 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định thì không phản ánh hết được những thiệt hại do vi phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong bối cảnh khoa học, công nghệ phát triển như hiện nay. Do tính chất lan truyền thông tin nhanh chóng và mức độ tương tác của người dùng trên môi trường số cao nên hậu quả của hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân đối với tổn thất tinh thần của các chủ thể là khác nhau. Do đó, mức bù đắp tổn thất tinh thần đương nhiên cần được xác định một cách độc lập cho từng người với những mức yêu cầu khác nhau so với giới hạn của luật là không vượt quá 10 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định như đối với thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín.

Ngoài ra, việc xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong môi trường số sẽ gây thiệt hại về tinh thần cho người sử dụng mạng nên trách nhiệm bồi thường về tinh thần cần có sự thay đổi như hiện nay. Thiệt hại về tinh thần nên được bồi thường tùy theo mức độ thiệt hại gây ra. Việc bồi thường thiệt hại về tinh thần tương ứng với mức độ thiệt hại về tinh thần do hành vi xâm phạm mạng gây ra có thể chia thành 3 loại: bồi thường thiệt hại về tinh thần chung, bồi thường thiệt hại về tinh thần nghiêm trọng và bồi thường thiệt hại về tinh thần đặc biệt nghiêm trọng.

Trong đó, bồi thường thiệt hại về tinh thần chung đề cập đến sự khó chịu nghiêm trọng về tâm lý do người bị xâm phạm gây ra và phạm vi ảnh hưởng lớn. Bồi thường thiệt hại nghiêm trọng về tinh thần đề cập đến những thiệt hại nghiêm trọng đối với cuộc sống hàng ngày và trạng thái làm việc của người bị thiệt hại, suy nhược tinh thần, rối loạn tâm thần... Tác động được lan truyền nhanh chóng trên

Internet và nó không thể bù đắp được trạng thái tinh thần của người bị xâm phạm. Bồi thường thiệt hại về tinh thần đặc biệt nghiêm trọng là hành vi suy sụp tột độ, hành vi tự sát, tự gây ra của người bị xâm phạm. Như vậy, mức độ thiệt hại về tinh thần mà mức bù đắp tổn thất tinh thần đương nhiên cần được xác định một cách độc lập cho từng người với những mức yêu cầu khác nhau so với giới hạn của luật như hiện nay và sẽ do Hội đồng xét xử quyết định tùy từng vụ việc.

Do đó, việc tăng mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần cũng như theo quy định của BLDS 2015 và hướng dẫn của Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có thể tạo ra sự linh hoạt và công bằng hơn trong việc giải quyết các vụ kiện liên quan đến thiệt hại tinh thần. Khi tăng mức trần, các quyết định bồi thường có thể được xem xét và đưa ra dựa trên mức độ ảnh hưởng của mỗi cá nhân, cũng như từng vụ việc cụ thể. Sự linh hoạt này cho phép các bên bị thiệt hại đưa ra yêu cầu bồi thường phù hợp với mức độ tác động tới họ, trong khi vẫn đảm bảo công bằng cho các bên liên quan.

Hiện nay, bồi thường thiệt hại về tinh thần chỉ áp dụng đối với hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân¹¹⁹, đối với việc xâm phạm quyền về đời sống riêng tư cơ chế bồi thường tổn thất về tinh thần chưa được đặt ra, do đó, điều này gián tiếp dẫn các Tòa án hướng các quyết định của mình đối với yêu cầu bồi thường về danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm mà thay vì phân tích hành vi xâm phạm trực tiếp với đối tượng là quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Kiến nghị thứ mười một:

Tác giả đưa ra đề xuất mang tính xây dựng liên quan vấn đề bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền về đời sống riêng tư bên cạnh quy định chung như sau: *BLDS cần có sự bổ sung về bồi thường thiệt hại tinh thần đối với tổn thất do hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư gây ra bên cạnh Điều 592 BLDS 2015 với mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì mức tối đa cho một người có quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình bị xâm phạm không quá ba mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.*

¹¹⁹ Điều 592 BLDS năm 2015.

Như vậy, với việc tăng mức bù đắp tổn thất về tinh thần khi các bên không thoả thuận được với mức tối đa cho một người có quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình bị xâm phạm không qua ba mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định sẽ tương ứng với ba mức mức độ thiệt hại về tinh thần do hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình gây ra mà tác giả đã phân tích: bồi thường thiệt hại về tinh thần chung, bồi thường thiệt hại về tinh thần nghiêm trọng và bồi thường thiệt hại về tinh thần đặc biệt nghiêm trọng. Trong đó, mức bồi thường thiệt hại về tinh thần chung không quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định; mức bồi thường thiệt hại về tinh thần nghiêm trọng không quá hai mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định; mức bồi thường thiệt hại về tinh thần đặc biệt nghiêm trọng không quá ba mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Chương 4 của luận án tập trung vào việc xác định các hành vi xâm phạm quyền đời sống riêng tư của cá nhân và các đặc điểm nhằm xác định các hành vi này trong thực tiễn. Trong bối cảnh thế giới ngày càng số hóa, quyền đời sống riêng tư của cá nhân đang trở thành một vấn đề nổi bật. Việc tìm ra cách để hoàn thiện pháp luật và bảo vệ quyền đời sống riêng tư của cá nhân trở nên cực kỳ cần thiết.

Nội dung chương này đã phân tích các giải pháp cụ thể để hoàn thiện pháp luật về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Một trong những giải pháp đáng chú ý là xác định các hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân thành bốn nhóm hành vi chính. Điều này không chỉ giúp xác định rõ ràng từng loại hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân mà còn cung cấp một nền tảng pháp lý vững chắc cho việc bảo vệ quyền này. Việc phân loại này giúp xác định rõ ràng các hành vi xâm phạm và tạo điều kiện thuận lợi cho việc xử lý và bảo vệ quyền lợi của cá nhân.

Hơn nữa, tác giả đã phân tích và đề xuất các biện pháp dân sự để bảo vệ quyền đời sống riêng tư của cá nhân. Việc áp dụng các biện pháp dân sự này không chỉ giúp khắc phục hậu quả của các hành vi xâm phạm mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc ngăn chặn các hành vi vi phạm trong tương lai.

Tác giả cũng nhấn mạnh sự cần thiết của việc tăng cường nhận thức pháp lý và giáo dục về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Điều này giúp nâng cao hiểu biết của người dân về quyền của mình và cách thức tự bảo vệ quyền này.

Thông qua chương này, tác giả đề xuất các kiến nghị cụ thể như sau:

Kiến nghị thứ tám về công cụ hỗ trợ người dùng:

Kiến nghị bổ sung Điều 17a – Công cụ hỗ trợ người dùng trong Luật An toàn thông tin mạng 2015:

Điều 17a. Công cụ hỗ trợ người dùng

a. Nhà cung cấp dịch vụ phải cung cấp các công cụ hỗ trợ, hoặc các công nghệ khác để giải thích và giải đáp thắc mắc về các chính sách và điều khoản cho người dùng.

b. Các công cụ này phải được thiết kế để dễ sử dụng, dễ hiểu và có thể truy cập từ nhiều thiết bị khác nhau.

c. Nhà cung cấp dịch vụ phải đảm bảo rằng các công cụ hỗ trợ này hoạt động hiệu quả, cung cấp phản hồi kịp thời và chính xác cho người dùng.

Kiến nghị thứ chín về nội dung dừng thiệt hại:

Cần bổ sung nội dung “dừng thiệt hại” tại Khoản 2 Điều 11 BLDS 2015, bởi lẽ sau khi thực hiện hành vi vi phạm, chủ thể vi phạm nên ngay lập tức xóa hoặc sửa đổi quyền riêng tư trên mạng của người bị vi phạm khi nhận được thông báo từ người bị vi phạm, hoặc gây ra tác động xã hội tiêu cực sau khi thu thập và xử lý thông tin không đúng đắn bởi chủ thể vi phạm, và chủ thể vi phạm phải chủ động xóa và sửa đổi để ngăn chặn người vi phạm thứ cấp.

Kiến nghị thứ mười về chế tài xin lỗi:

Chế tài buộc xin lỗi đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân cần được bổ sung như sau: chủ thể vi phạm có thể xin lỗi người bị xâm phạm bằng hình thức website, thư điện tử hoặc xin lỗi trực tiếp để xin lỗi người bị xâm phạm.

Kiến nghị thứ mười một về bồi thường thiệt hại về tinh thần:

Tác giả đưa ra đề xuất mang tính xây dựng liên quan vấn đề bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền về đời sống riêng tư bên cạnh quy định chung như sau: *BLDS cần có sự bổ sung về bồi thường thiệt hại tinh thần đối với tổn thất do hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư gây ra bên cạnh Điều 592 BLDS 2015 với mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì mức tối đa cho một người có quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình bị xâm phạm không quá ba mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.*

KẾT LUẬN CHUNG

Ghi nhận quyền về đời sống riêng tư của cá nhân xuất phát từ nhu cầu về việc bảo vệ cuộc sống bình yên, quyền nhân thân của con người và cùng nhằm mục tiêu là hướng đến việc bảo toàn, phát triển giá trị của mỗi cá nhân trong một xã hội mà kinh tế, khoa học công nghệ phát triển vượt bậc. Hoàn thành luận án, nghiên cứu sinh đã tìm được câu trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu được thiết lập như sau:

Đối với câu hỏi nghiên cứu tổng quát: Với việc ghi nhận quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong BLDS 2015 thì pháp luật dân sự Việt Nam cần phải được hoàn thiện như thế nào để quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được bảo vệ một cách hiệu quả nhất cũng như đạt được sự hài hòa và tương thích với các tiêu chuẩn quốc tế.

Để quyền về đời sống riêng tư của cá nhân được bảo vệ tốt hơn và hiệu quả hơn theo Bộ luật Dân sự 2015 của Việt Nam, cần tiến hành hoàn thiện pháp luật dân sự từ nhiều phương diện. Đầu tiên, pháp luật cần cụ thể hóa và chi tiết hóa quy định quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, bao gồm khái niệm, đặc điểm, giới hạn, ngoại lệ và các hành vi xâm phạm, cung cấp một khung pháp lý rõ ràng và dễ hiểu. Thứ hai, thiết lập cơ chế giải quyết tranh chấp hiệu quả bằng biện pháp dân sự. Điều này đòi hỏi phải có các quy định pháp lý cụ thể, quy trình xác định và minh bạch để xử lý các trường hợp xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân. Cơ chế này không chỉ giúp giải quyết các vấn đề nhanh chóng và công bằng mà còn tạo ra một môi trường pháp lý ổn định, qua đó khuyến khích sự tôn trọng và tuân thủ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân từ các chủ thể liên quan.

Đối với câu hỏi nghiên cứu 1: Khái niệm, đặc điểm của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Tác giả đã đề xuất xây dựng khái niệm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân: Quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân là quyền bảo vệ thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân trên nguyên tắc tự chủ của cá nhân trong việc xác định mức độ và phạm vi thông tin. Mỗi cá nhân có quyền tự quyết định những thông tin nào thuộc về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của họ, trừ trường hợp luật có quy định khác.

Đặc điểm của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân gồm ba đặc điểm chính: một là sự tự chủ của cá nhân đối với thông tin liên quan đến đời sống riêng

tư; hai là hành vi xâm phạm tác động vào các nguồn thông tin mang nội dung về đời sống riêng tư; ba là chỉ được bảo vệ khi có yêu cầu.

Đối với câu hỏi nghiên cứu 2: Các yếu tố nào tác động tới việc pháp luật điều chỉnh quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân có ý nghĩa quan trọng từ cả hai khía cạnh về lý luận và thực tiễn. Do đó, nghiên cứu của nghiên cứu sinh đã tập trung vào việc phân tích và làm rõ vấn đề này dựa trên các yếu tố liên quan đến quan điểm chủ trương của Đảng và Nhà nước về quyền con người, về các giá trị đạo đức xã hội, và về nhu cầu dung hoà quyền của cá nhân, doanh nghiệp và quản lý nhà nước.

Đối với câu hỏi nghiên cứu 3: Lịch sử phát triển quyền về đời sống riêng tư của cá nhân ở Việt Nam nói riêng và trên thế giới như thế nào?

Nghiên cứu sinh đã nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trên thế giới nói chung và tại Việt Nam qua các thời kỳ để xác định cơ sở pháp lý cho việc ban hành và thực hiện những quy định của pháp luật liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Đối với câu hỏi nghiên cứu 4: Thực trạng pháp luật Việt Nam hiện hành quy định về giới hạn và ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân như thế nào? Để trả lời những câu hỏi này, Luận án đã trình bày cụ thể các vấn đề như sau:

Thứ nhất, nội hàm của quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình rộng hơn quyền riêng tư.

Thứ hai, giới hạn của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là các thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân phải được thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai trong phạm vi thoả thuận giữa các bên hoặc theo quy định của luật.

Thứ ba, ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là các ngữ cảnh như an ninh quốc gia, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các trường hợp khác theo quy định của luật mà cá nhân, tổ chức được phép thu thập, lưu trữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư nhằm bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng và xã hội.

Đối với câu hỏi nghiên cứu 5: Việc hoàn thiện pháp luật quyền về đời sống riêng tư của cá nhân cần đứng trên phương diện nào để một mặt đáp ứng được yêu

cầu bảo vệ các quyền dân sự cơ bản của công dân, mặt khác tạo ra hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch.

Bởi lẽ để đảm bảo được sự dung hòa quyền lợi của cá nhân, doanh nghiệp và quản lý nhà nước mà tác giả đã phân tích thì việc đặt ra các giới hạn của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân sẽ giúp cho việc xác định hành vi nào được xem là xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân và áp dụng các chế tài khi có hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân sẽ dễ dàng và mang tính thống nhất.

Câu hỏi nghiên cứu 6: Từ việc đánh giá các vấn đề về lý luận cũng như thực trạng thực hiện pháp luật quyền về đời sống riêng tư của cá nhân, giải pháp cụ thể nào được đặt ra nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong thực tiễn? Nghiên cứu sinh đề xuất các giải pháp hướng tới các kết quả được như sau:

Thứ nhất, NCS xác định 4 loại hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Thứ hai, NCS xây dựng các nội dung liên quan trong việc giới hạn và ngoại lệ của quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

Thứ ba, NCS kiến nghị các quy định nhằm đảm bảo hiệu của các biện pháp dân sự bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN

1. Trần Ngọc Tuấn (2021), “Mô hình quản lý quyền riêng tư trong thị trường dữ liệu và một vài gợi ý hoàn thiện quy định pháp luật Việt Nam”, *Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn*, số 48.
2. Trần Ngọc Tuấn (2021), “Bảo vệ người khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi khi tham gia hoạt động tố tụng dân sự”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 23 (447).
3. Tran Ngoc Tuan (2021), Issues of student privacy when bring technology into the classroom, PROCEEDINGS OF 1ST HANOI FORUM ON PEDAGOGICAL AND EDUCATIONAL SCIENCES, Vietnam National University Press, Ha Noi.
4. Trần Ngọc Tuấn (2022), “Lý thuyết về quyền riêng tư: Gợi mở đối với việc hoàn thiện quy định quyền riêng tư cá nhân tại Việt Nam”, *Tạp chí Pháp luật về Quyền con người*, số 1 (22).
5. Trần Ngọc Tuấn (2022), “Bảo vệ quyền riêng tư theo pháp luật quốc tế”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 2 (359).
6. Trần Ngọc Tuấn (2022), “Những ảnh hưởng của Quảng cáo hành vi trực tuyến đến người tiêu dùng và một số kiến nghị”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 12 (460).
7. Trần Ngọc Tuấn (2022), “Vấn đề nộp đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ liên quan đến bí mật cá nhân, bí mật gia đình bằng hình thức trực tuyến”, *Tạp chí Luật học*, số 5 (264).
8. Trần Ngọc Tuấn (2022), “Quyền riêng tư trong pháp y kỹ thuật số”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 18.
9. Trần Ngọc Tuấn (2022), “Bảo vệ quyền riêng tư của bệnh nhân đối với hình ảnh y tế thông qua công nghệ Blockchain”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 11.
10. Trần Ngọc Tuấn (2022), “Lý thuyết về quyền riêng tư - gợi mở cho những người hành nghề luật sư trong việc nhận diện hành vi xâm phạm quyền riêng tư”, *Tạp chí Nghề luật*, số 10.
11. Trần Ngọc Tuấn (2022), “Pháp luật về hợp đồng lưu trữ tế bào gốc”, *Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn*, số 53.

12. Trần Ngọc Tuấn (2023), “Nhận diện vấn đề bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong thời đại cách mạng công nghệ 4.0”, *Tạp chí Pháp luật về Quyền con người*, số 2 (30).

13. Tran Ngoc Tuan (2023), Corporate Social Responsibility in Protecting the Right to a Private Life, *Laws on Corporate Social Responsibility and the Developmental Trend in Vietnam*, Springer.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. VĂN BẢN PHÁP LUẬT

I. Văn bản pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1. Hiến pháp nước Cộng Hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1946.
2. Hiến pháp nước Cộng Hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1959.
3. Hiến pháp nước Cộng Hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980.
4. Hiến pháp nước Cộng Hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992, sửa đổi, bổ sung năm 2001.
5. Hiến pháp nước Cộng Hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
6. Bộ luật Dân sự (Luật số 91/2015/QH13) ngày 24 tháng 11 năm 2015.
7. Bộ luật Tố tụng Dân sự (Luật số 92/2015/QH13) ngày 25 tháng 11 năm 2015.
8. Luật An ninh mạng (Luật số 24/2018/QH14) ngày 12 tháng 6 năm 2018.
9. Luật An toàn thông tin mạng (Luật số 86/2015/QH13) ngày 19 tháng 11 năm 2015.
10. Luật Báo chí (Luật số 103/2016/QH13) ngày 05 tháng 4 năm 2016.
11. Luật Công nghệ thông tin (Luật số 67/2006/QH11) ngày 29 tháng 6 năm 2006.
12. Luật Giao dịch điện tử (Luật số 51/2005/QH11) ngày 29 tháng 11 năm 2005
13. Luật Khám bệnh, chữa bệnh (Luật số 40/2009/QH12) ngày 23 tháng 11 năm 2009.
14. Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm (Luật số 03/2007/QH12) ngày 21 tháng 11 năm 2007.
15. Luật Sở hữu trí tuệ (Luật số 50/2005/QH11) ngày 29 tháng 11 năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019 và 2022.
16. Luật Trẻ em (Luật số 102/2016/QH13) ngày 05 tháng 4 năm 2016.
17. Nghị định số 71/2002/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp trong trường hợp có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm.
18. Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính Trị ngày 27 tháng 9 năm 2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

19. Nghị định 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 04 năm 2023 về Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

20. Nghị định 53/2022/NĐ-CP ngày 15/8/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng.

21. Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 05 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em.

22. Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

23. Quyết định 06/QĐ-TTG ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến 2023.

II. Văn bản quy phạm pháp luật thời kỳ trước năm 1975

24. Bộ luật Dân sự Nam kỳ năm 1883.

25. Bộ luật Dân sự Bắc kỳ năm 1931.

26. Hoàng Việt Trung kỳ hộ luật năm 1936.

III. Văn bản pháp luật Quốc tế và một số quốc gia khác

27. Công ước Châu Âu về Nhân quyền 1950.

28. Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1976.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tiếng Việt

29. Nguyễn Hoàng Anh (2019), “Tự do thông tin, quyền riêng tư, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trên mạng Internet theo pháp luật của Cộng hòa Pháp”, *Tạp chí Luật Học*, số đặc biệt “25 năm Tạp chí Luật học”.

30. Thái Thị Tuyết Dung (2012), “Quyền riêng tư trong thời đại công nghệ thông tin”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 9 (217).

31. Nguyễn Đăng Dung, Nguyễn Đăng Duy (2017), “Quyền riêng tư trên thế giới và ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Luật học*, Tập 33, số 3.

32. Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Luật (2023), *Giáo trình Luật Dân sự 1 (phần chung)*, Ngô Huy Cương, Nguyễn Thị Phương Châu, Trần Kiên (chủ biên), NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.

33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

34. Đỗ Văn Đại (2016), *Bình luận khoa học – Những điểm mới của Bộ luật dân sự năm 2015*, NXB. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam.

35. Nguyễn Ngọc Điện (2018), “Quyền được tiếp cận thông tin và quyền bất khả xâm phạm về cuộc sống riêng tư”, *Tạp chí Nghiên cứu và lập pháp*, số 15 (367).

36. Lỗ Chí Anh Đức (2022), *Bảo vệ quyền riêng tư cá nhân trong môi trường mạng xã hội ở Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

37. Lê Thị Giang (2018), “Quyền riêng tư đối với thông tin cá nhân”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 17.

38. Đỗ Hải Hà (2009), “Quyền riêng tư của người lao động”, *Tạp chí khoa học pháp lý*, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, số 3 (52).

39. Đặng Thị Hà – Bùi Thị Thuận Ánh (2020), Bảo vệ quyền riêng tư của người chết trong thời đại công nghệ số”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 4 (337).

40. Lê Thị Hậu (2016), *Quyền riêng tư của công dân trong lĩnh vực báo chí*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.

41. Nguyễn Thị Hoà (2020), *Quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư trong pháp luật Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học quốc gia Hà Nội – Khoa luật.

42. Nguyễn Văn Hợi (2020), “Một số vấn đề về bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh”, *Tạp chí Khoa học kiểm sát*, số 1.

43. Nguyễn Thị Thu Hồng và Nguyễn Văn Phúc (2019), “Một số vấn đề pháp lý về bảo vệ quyền riêng tư trong quan hệ hôn nhân và gia đình”, *Tạp chí pháp luật và thực tiễn*, số 39.

44. Trương Thị Hương Mai (2019), *Quyền về sự riêng tư trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam*, Khóa luận tốt nghiệp đại học, Ngành: Luật học, Hà Nội.

45. Đặng Hồng Minh (2022), *Quyền riêng tư của cá nhân trong môi trường mạng xã hội ở Việt Nam và thực tiễn thực hiện tại mạng xã hội Facebook*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội.

46. Lê Thị Thúy Nga (2020), “Bảo vệ quyền đối với đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 3.

47. Lê Đình Nghi (2009), *Quyền bí mật đời tư theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội.

48. Nguyễn Lan Phương, Nguyễn Quang Đông (09/2022), “Bảo vệ dữ liệu cá nhân xuyên biên giới: Thực tiễn và kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế*, số 149.

49. Lê Văn Sua (2017), “Quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình”, *Tạp chí Luật sư Việt Nam*, số 61.

50. Phùng Trung Tập (2019), “Cơ sở pháp lý bảo đảm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 7 (328).

51. Phùng Trung Tập (2019), “Bí mật cá nhân và nhu cầu bảo vệ thông tin bí mật của cá nhân”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 12.

52. Thái Vĩnh Thắng (2017), “Bảo vệ quyền riêng tư ở Hoa Kỳ, Pháp và những kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 8.

53. Vương Thanh Thúy (2019), “Về vấn đề bảo vệ quyền riêng tư”, *Tạp chí quản lý nhà nước*, số 283.

54. Nguyễn Thị Thu Trang (2020), “Quyền con người trong đại dịch Covid-19”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 7.

55. Đỗ Thanh Trung – Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2013), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về quyền riêng tư ở Việt Nam hiện nay*, Triển khai thi hành chế định “quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân” trong Hiến pháp 2013, Kỷ yếu hội thảo, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.

56. Trần Ngọc Tuấn (2019), *Bảo vệ hình ảnh cá nhân trên các trang mạng xã hội theo pháp luật dân sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

57. Trường Đại học Luật Hà Nội (2009), *Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb. Công an nhân dân – Hà Nội.

58. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam (Tái bản có sửa đổi, bổ sung)*, Nxb. Công an nhân dân.

59. Trường Đại học Luật TP.HCM (2013), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức.

60. Trường Đại học Luật TP.HCM (2013), *Giáo trình Lịch sử Nhà nước và Pháp luật Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam.

61. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Những quy định chung về luật dân sự - Tái bản lần 1, có sửa đổi, bổ sung*, Nxb. Hồng Đức.

62. Trường Đại học Luật TP.HCM (2023), *Giáo trình Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế (Tái bản lần 2, có sửa đổi, bổ sung)*, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam.

63. Lê Trần Như Tuyên - Vũ Công Giao (2019), *Quyền riêng tư trong thời đại kỹ thuật số: Liên hệ với bối cảnh Việt Nam, Hội thảo khoa học quốc tế luật học trước biến đổi của thời đại (International Conference Laws in a Changing): Hanoi, Tập 1.*

64. Nguyễn Phương Vy (2019), “Xung đột pháp luật giữa công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình với quyền bí mật thông tin ở Việt Nam”, *Tạp chí thanh tra*, số 11.

65. Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý của Bộ Tư pháp (1997), *Bình luận khoa học một số vấn đề cơ bản của Bộ luật Dân sự*, Nxb. Chính trị quốc gia.

66. Viện Ngôn ngữ học (2006), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng.

II. Tài liệu tiếng Anh

67. Abraham L. Newman (2018), “Protectors of privacy – Regulating personal data in the Global Economy”, Cornell University Press

68. Ahmed Elngar, Ambika Pawar, and Prathamesh Churi (2021), *Data protection and privacy in healthcare: research and innovations*, Taylor & Francis Group, LLC.

69. Alan F. Westin (2018), *Privacy and Freedom*, Jurisprudence & Law, IG, 7.

70. Alan Charles Raul (2019), *The Privacy, Data Protection and Cybersecurity Law Review*, Law Business Research.

71. Altman I (1975), *The environment and social behavior: privacy, personal space, territory, crowding*, Brooks/Cole, Monterey, 83.

72. Altman I (1990), “Toward a transactional perspective: a personal journey”, In: *Altman I, Christensen K (eds) Environment and behavior studies: emergence of intellectual traditions*, Plenum, New York.

73. B. Schneier (2018), *Click Here to Kill Everybody: Security and Survival in a Hyper-connected World*, W.W. Norton & Company, New York. B.-J. Koops, B.C. Newell, T. Timan, I. Škorvánek, T. Chokrevski and M. Galič (2016), “A Typology of Privacy”, *SSRN*, <http://papers.ssrn.com/abstract=2754043>, (truy cập lần cuối: 10/12/2023).

74. Butler. Des (2005), “A Tort of Invasion of Privacy in Australia”, *Melbourne University Law Review*, Vol. 29, No.2.

75. Bühler, G. (Ed.) (1886), *The laws of Manu (Vol. 25)*, Clarendon Press.

76. Bygrave. Lee A (1998), “Data Protection Pursuant to the Right to Privacy in Human Rights Treaties”, *International Journal of Law and Information Technology*, Vol. 6, No.3.

77. Cao Jingchun (2015), “Protecting the Right to Privacy in China”, *Victoria University of Wellington Law Review*, No.645.

78. Chassen Palmer (2019), “Celebrity Privacy: How France Solves Privacy Problems Celebrities Face in the United States”, *California Western International Law Journal*, No.245.

79. Connelly, A. M. (1986), “Problems of interpretation of Article 8 of the European Convention on Human Rights”, *International & Comparative Law Quarterly*, 35(3).

80. D.J. Solove (2012), “Understanding Privacy”, *Harvard University Press*, Cambridge, MA 2008.

81. Dawn O. Braithwaite, Elizabeth A. Suter, Kory Floyd (2017), *Engaging Theories in Family Communication*, Routledge.

82. DeCew, Judith W (1997), *In Pursuit of Privacy: Law, Ethics, and the Rise of Technology*, Ithaca, N.Y.: Cornell University Press.

83. Finn, R. L., Wright, D., & Friedewald, M. (2013), Seven types of privacy, *European data protection: coming of age*.

84. Gavison, Ruth (1980), “Privacy and the Limits of the Law”, *Yale Law Journal*, No. 89, 480.

85. Gina L. Genova (2009), “No Place to Play: Current Employee Privacy Rights in Social Networking Sites”, *SAGE journals*.

86. Graham Greenleaf (2014), *Asian Data Privacy Laws: Trade & Human Rights Perspectives*, Oxford University Press.

87. Grégoire C. N. Webber, *The Negotiable Constitution: On The Limitation Of Rights*, Cambridge University Press.
88. Gubbi J, Buyya R, Marusic S, et al (2013), “Internet of Things (IoT): A vision, architectural elements, and future directions”, *Future Generation Computer Systems*, 29(7):1645–1660. Available from: <http://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0167739X13000241> (truy cập lần cuối: 10/12/2023)
89. Guillermo Owen (2013), *Game Theory (Fourth Edition)*, Emerald Group Publishing Limited.
90. H.T. Gomez-Arostegui (2005), “Defining Private Life under the European Convention on Human Rights by Referring to Reasonable Expectations”, *35 California Western International Law Journal*, 153.
91. Hao Wang (2011), *Protecting Privacy in China - A Research on China's Privacy Standards and the Possibility of Establishing the Right to Privacy and the Information Privacy Protection Legislation in Modern China*, Springer-Verlag Berlin Heidelberg.
92. Helen Nissenbaum (2010), *Privacy In Context: Technology, Policy, and the Integrity of Social Life*, Stanford University Press.
93. Herman T. Tavani (2007), *Philosophical Theories of Privacy: Implications for An Adequate Online Privacy Policy*, Metaphilosophy Llc And Blackwell, 3.
94. Hunter. Nan (1999), “Contemporary Challenges to Privacy Rights”, *New York Law School Law Review*, Vol. 43, No.1.
95. Institute of Medicine (2000), “Protecting Data Privacy in Health Services Research - Committee on the Role of Institutional Review Boards in Health Services Research Data Privacy Protection, Division of Health Care Services”, *National Academies Press*.
96. James B. Rule (2012), *Privacy in Peril: How We are Sacrificing a Fundamental Right in Exchange for Security and Convenience*, Oxford Scholarship Online.
97. John Finnis, *Natural Law and Natural Rights*, Oxford University Press.
98. John T. Soma (2014), *Privacy Law in A Nutshell*, West Academic Publishing.
99. Jowett, M. A. (1892), *Plato, The Dialogues of Plato, Translated into English with Analyses and Introductions. Five Volumes*.

100. Judith Rauhofer (2008), "Privacy is dead, get over it! 1 Information privacy and the dream of a risk-free society", *Journal Information & Communications Technology Law*.
101. Julie C. Inness (1992), *Privacy, intimacy and isolation*, Oxford University Press, USA.
102. Kovacs, M. G. (1989), *The epic of Gilgamesh*, Stanford University Press.
103. Krisana Kitiyadisai (2005), "Privacy Rights and Protection: Foreign Values in Modern Thai Context", *Ethics and Information Technology*.
104. Kurt Lewin (1948), *Resolving Social Conflicts*, New York, 18–33.
105. Leonardo Estevam de Assis Zanini (2018), "The Protection of the Image and Privacy in France 34", *Revista de Derecho Privado*, No.157.
106. Linnette Attai (2019), *Protecting Student Data Privacy - Classroom Fundamentals*, Rowman & Littlefield.
107. Littman M (1970), *A report by justice: privacy and the law*, The Eastern Press, London.
108. Macháčková, R. (2008), Impact of the Religious Attitudes of Sir Thomas More on the Humanistic Vision in his Utopia, Prague.
109. Marcin Betkier (2019), *Privacy Online, Law and The Effective Regulation of Online Services*, Intersentia.
110. Margulis ST (1977), "Conceptions of privacy: current status and next steps", *J Soc Issues*, No. 33(3).
111. Mark Burdon (2020), *Digital Data Collection and Information Privacy Law*, Cambridge University Press.
112. Mark D Robins (2016), *Rights of Privacy and Publicity under Massachusetts Law*, The Massachusetts Law Review.
113. Moore. Adam D (2007), "Toward Informational Privacy Rights", *San Diego Law Review*, Vol.44, No.4.
114. Moor, James H (1990), "The Ethics of Privacy Protection", *Library Trends*, No.39, nos.1 and 2 (Summer/Fall).
115. Mordini, E., & Massari, S. (2008), "Body, biometrics and identity", *Bioethics*, 22(9).
116. N.A. Moreham (2016), *The Nature of Privacy Interest' in N.A. Moreham and M. Warby (eds)*, *The Law of Privacy and the Media*, Oxford

University Press, Oxford, 42, 49–51; H.T. Gomez-Arostegui (2005), “Defining Private Life under the European Convention on Human Rights by Referring to Reasonable Expectations”, 35 *California Western International Law Journal*.

117. Paul Bernal (2014), *Internet Privacy rights - Rights to Protect autonomy*, Cambridge University Press.

118. Pierre Kayser (1995), La protection de la vie privée par le droit, *PU d’Aix-Marseille/Economica*.

119. Prince, J. D. (1904), The code of Hammurabi.

120. Rabi Mahmud Najeeb Alamuor (2018), “Right to Privacy in Law (Sanctity of Private Life)”, *Journal of Law, Policy and Globalization*.

121. Reynolds, E. E. (1964), The Trial of St. Thomas More.

122. Richard A. Posner (1978), “Economic Theory of Privacy”, *Regulation*, No. 19.

123. Robert Alexy, A Theory of Constitutional Rights, Oxford University Press.

124. Ronald Leenes (2017), *Data Protection and Privacy the Age of Intelligent Machines*, Hart Publishing.

125. Rogers, A. P. V. (2016), The principle of proportionality, In *The Legitimate Use of Military Force* (pp. 189-218), Routledge.

126. Ryan Henry (2018), Amir Herzberg, Aniket Kate, “Blockchain Access Privacy: Challenges and Directions”, *IEEE Computer and Reliability Societies*.

127. Sabine Trepte | Leonard Reinecke (2019), *Privacy Online Perspectives on Privacy and Self-Disclosure in the Social Web*, Springer Heidelberg Dordrecht London New York, 9.

128. Samuel D. Warren Louis D. Brandeis (1890), *The Right to Privacy*, Harvard Law Review, December 15.

129. Sometimes knowledge is enough, see OECD (2013), *Guidelines Governing the Protection of Privacy and Transborder Flows of Personal Data*.

130. Surjit Singh, Anca Delia Jurcut (2021), *Revolutionary Applications of Blockchain-Enabled Privacy and Access Control*, IGI Global.

131. Tamane (2017), *Privacy and Security Policies in Big Data*, IGI Global.

132. Wolf J. Schünemann, Max-Otto Baumann (2017), *Privacy, Data Protection and Cybersecurity in Europe*, Springer International Publishing.

133. Yassine Maleh (2020), Mohammad Shojafar, Mamoun Alazab, Imed Romdhani, *Blockchain for Cybersecurity and Privacy: Architectures, Challenges, and Applications*, Taylor & Francis Group, LLC. Estelle De Marco (2005), *L'anonymat sur Internet et le droit*, thesis, Montpellier.

III. Tài liệu trên Internet

134. A.F. Westin (2003), "Social and Political Dimensions of Privacy", 59 *Journal of Social Issues* 431, tr.445; see also the discussion in J.M. Urban and C.J. Hoofnagle (2014), "The Privacy Pragmatic as Privacy Vulnerable", *SSRN*, <http://papers.ssrn.com/abstract=2514381> (truy cập lần cuối: 01/06/2024).

135. Ahti Saarenpää, Perspectives on privacy, in Ahti Saarenpää, *Legal privacy*, LEFIS Series, 5, Prensas Universitarias de Zaragoza, p.27 (<http://puz.unizar.es/detalle/898/Legal+privacy-0.html>, truy cập lần cuối: 01/06/2024).

136. Caviglione L, Wendzel S, and Mazurczyk W. The future of digital forensics: Challenges and the road ahead. *IEEE Security & Privacy*. 2017;15 (6):12–17. Available from: doi.ieeecomputersociety.org/10.1109/MSP.2017.4251117, (truy cập lần cuối: 01/06/2024).

137. European Court of Human Rights, Factsheet, "Protection of personal data", Press Unit, April 2017, tr.1, http://www.echr.coe.int/Documents/FS_Data_ENG.pdf (truy cập lần cuối: 01/06/2024).

138. Estelle De Marco (2018), *Comparative study between Directive 95/46/EC & the GDPR including their relations to fundamental rights*, Deliverable D2.10, INFORM, project, https://www.inthemis.fr/ressources/INFORM_D2.10_Comparative_analysis_GDPR_Dir9546EC.pdf, Section 2.3.2, (truy cập lần cuối: 01/06/2024).

139. Foreword, <https://www.iso.org/obp/ui/#iso:std:iso-iec:27037:ed-1:v1:en> (truy cập lần cuối: 01/06/2024).

140. Gubbi J, Buyya R, Marusic S, et al. Internet of Things (IoT): A vision, architectural elements, and future directions. *Future Generation Computer Systems*.

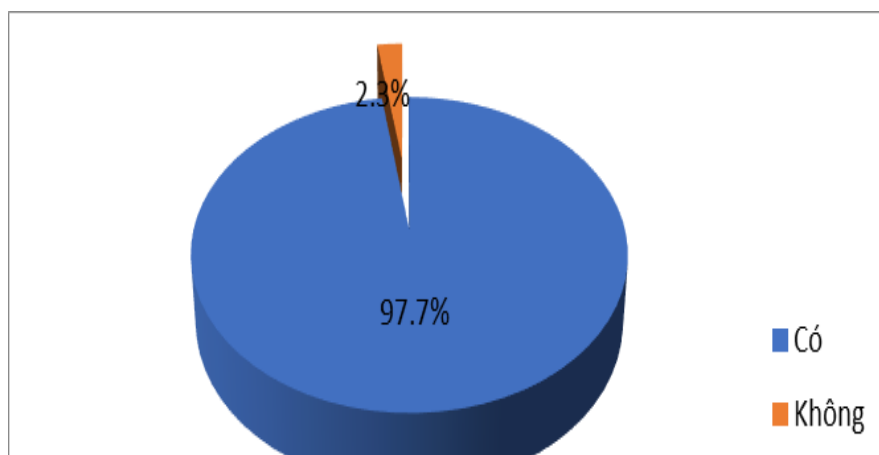
2013;29(7):1645–1660. Available from: <http://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0167739X13000241>, (truy cập lần cuối: 01/06/2024).

141. Internet Day 2022, <https://vtv.vn/cong-nghe/internet-day-2022-nguoi-dung-internet-viet-nam-dat-hon-70-dan-so-sau-25-nam-2022120411142802.htm> (truy cập lần cuối: 01/06/2024).

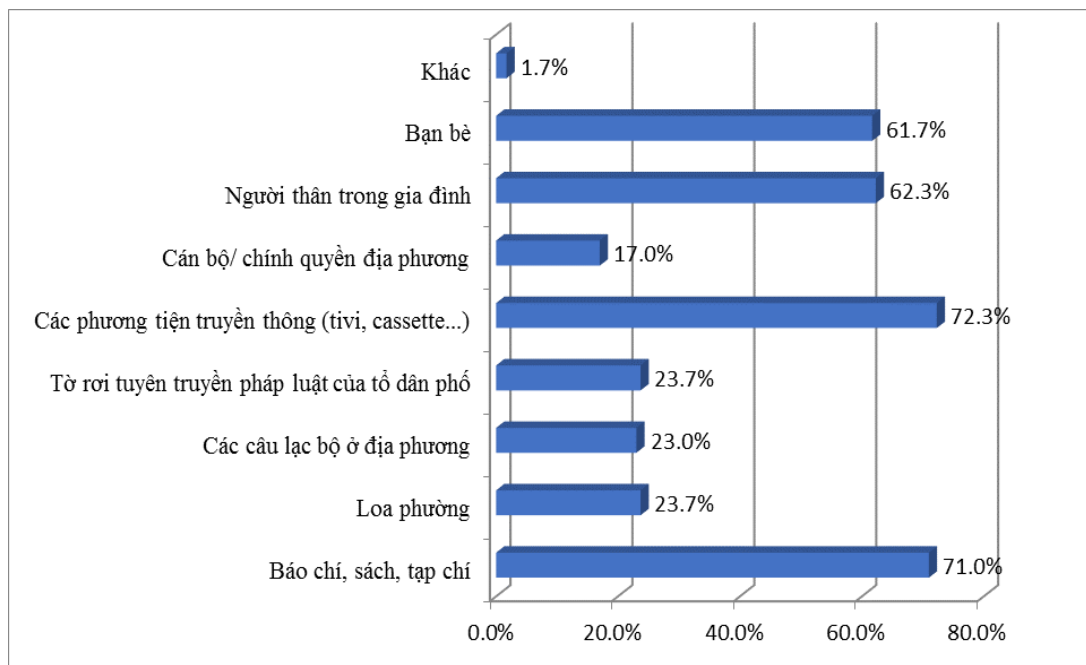
BẢNG VÀ PHỤ LỤC

1. BẢNG

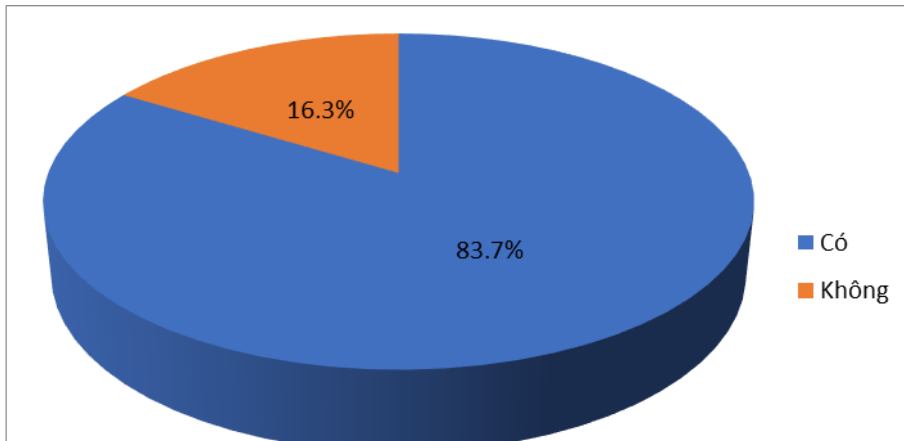
Bảng 1: Sử dụng thiết bị có kết nối Internet



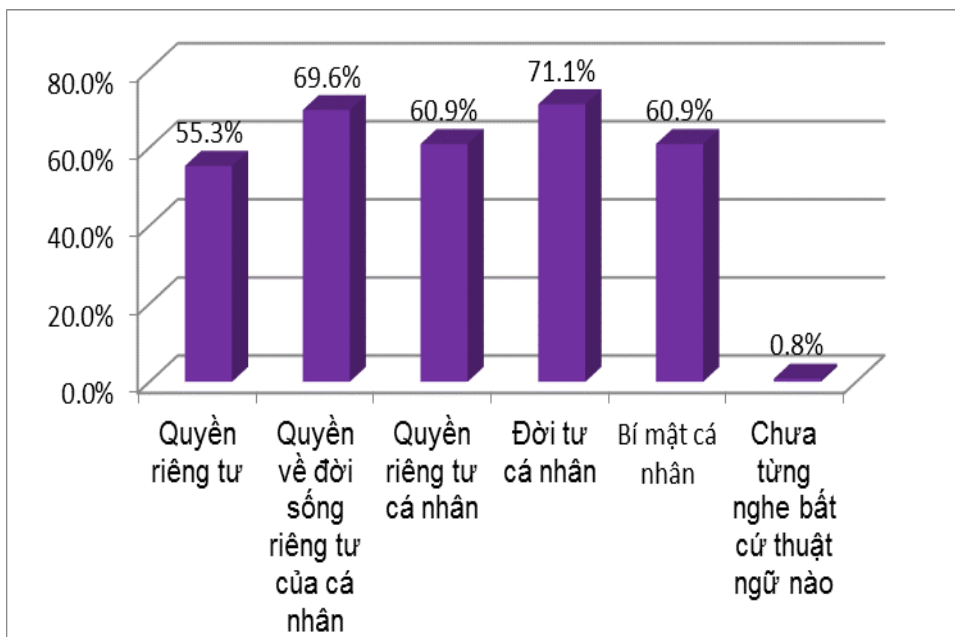
Bảng 2: Nguồn sử dụng để tiếp cận thông tin xã hội



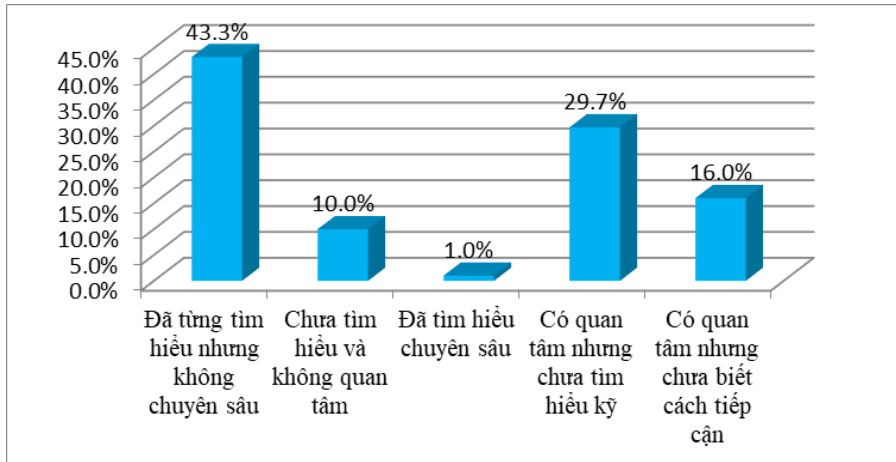
Bảng 3: Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân



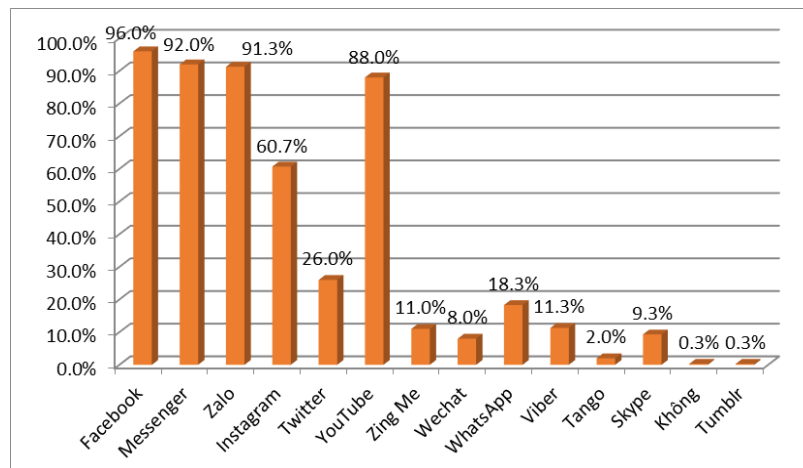
Bảng 4: Đã từng nghe thuật ngữ nào sau đây



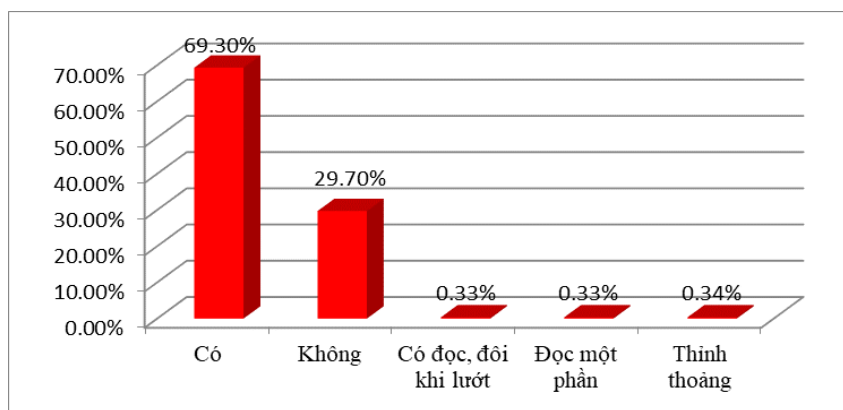
Bảng 5: Tìm hiểu chính sách pháp luật về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân



Biểu đồ 6: Sử dụng các trang mạng xã hội



Biểu đồ 7: Đọc nội dung trong các tuyên bố về quyền riêng tư trên ứng dụng



Biểu đồ 8: Những hành vi thực hiện khi sử dụng các ứng dụng trên thiết bị thông minh (apps)

| Hành vi trong ứng dụng | Phản hồi | | Phần trăm giá trị |
|-------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------|-------------------|
| | Tần số (N) | Phần trăm (%) | |
| Đọc toàn bộ chính sách quyền riêng tư | 76 | 10.6% | 25.3% |
| Đọc một phần chính sách quyền riêng tư | 140 | 19.5% | 46.7% |
| Chặn ứng dụng truy cập vào hình ảnh, danh bạ, tin nhắn, cuộc gọi... | 204 | 28.5% | 68.0% |
| Hạn chế thông tin cá nhân được xử lý cho mục đích quảng cáo | 204 | 28.5% | 68.0% |
| Yêu cầu ứng dụng xóa dữ liệu cá nhân | 79 | 11.0% | 26.3% |
| Khiếu nại với ứng dụng về hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư cá nhân | 13 | 1.8% | 4.3% |
| Không có | 1 | 0.1% | 0.3% |
| Tổng | 717 | 100.0% | 239.0% |

2. PHỤ LỤC

2.1. Tóm tắt phương pháp điều tra xã hội

2.2. Phụ lục các bản án

Bản án số 432/2021/DS-PT ngày 04 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm” của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án số 08/2023/DS-PT ngày 21 tháng 03 năm 2023 về “Yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm” của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh

Bản án số 07/2023/DS-PT ngày 07 tháng 03 năm 2023 về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm” của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Bản án số 130/2022/DS-PT ngày 14 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp về nghĩa vụ của chủ sở hữu trong việc thoát nước mưa, bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm” của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Bản án số 63/2022/HS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Bản án số 01/2023/DS-PT ngày 12 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm” của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Bản án số 80/2019/DS-PT ngày 11 tháng 04 năm 2019 về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm” của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

2.3. Phụ lục bảng khảo sát

TÓM TẮT

PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

1.1. Đối tượng nghiên cứu: Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo quy định pháp luật dân sự Việt Nam (trong bối cảnh không gian mạng).

1.2. Khách thể nghiên cứu: Đề tài này tập trung nghiên cứu người dân đang sinh sống, học tập và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Phạm vi nghiên cứu

• **Phạm vi không gian:** Dựa trên mục tiêu nghiên cứu, đề tài đã thu thập dữ liệu tại 2 quận nội thành (*quận 1 và quận 3*) và 2 huyện ngoại thành (*huyện Nhà Bè và huyện Hóc Môn*) tại Thành phố Hồ Chí Minh. Lý do lựa chọn địa bàn nghiên cứu này là vì: Thành phố Hồ Chí Minh là một thành phố lớn, là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội của Việt Nam. Sự phát triển của thành phố này đã tác động sâu sắc đến đời sống của người dân, trong đó có quyền về đời sống riêng tư. Bên cạnh đó, phạm vi nghiên cứu này bao gồm cả khu vực nội thành và ngoại thành, giúp phản ánh được thực trạng quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong bối cảnh không gian mạng ở cả hai khu vực này.

• **Phạm vi thời gian:** Đề tài được triển khai vào năm 2022, đây là năm mà không gian mạng ở Việt Nam đã có những bước phát triển vượt bậc, với sự ra đời của nhiều nền tảng, ứng dụng mới. Do đó, nghiên cứu về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong bối cảnh không gian mạng tại thời điểm này là cần thiết để có thể phản ánh được thực trạng một cách chính xác và toàn diện. Bên cạnh đó, pháp luật dân sự Việt Nam đã có nhiều thay đổi, đặc biệt là việc ban hành Luật Dân sự năm 2015 và sự phát triển của không gian mạng cũng đã tác động đáng kể đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân.

• **Phạm vi nội dung:** Điều tra xã hội học về nhận thức của người dân đối với quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo quy định pháp luật dân sự Việt Nam (trong bối cảnh không gian mạng).

2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài đã vận dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để thu thập dữ liệu thực chứng, tác giả lựa chọn phương pháp nghiên cứu này vì nó sử dụng các số liệu thống kê để đo lường và phân tích mục tiêu nghiên cứu của đề tài về, giúp tác giả có thể đưa ra kết luận một cách khách quan và chuẩn xác¹²⁰. Trong phần này, tác giả tập trung trình bày bốn nội dung chính về quá trình triển khai và xử lý dữ liệu định lượng cho luận án tiến sĩ này, bao gồm: 1) Phương pháp thu thập dữ liệu; 2) Quy trình đảm bảo tính giá trị và độ tin cậy của dữ liệu; 3) Phương pháp chọn mẫu; 4) Phương pháp xử lý dữ liệu.

2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Dựa trên phương pháp nghiên cứu định lượng, đề tài đã thiết kế bảng hỏi làm bộ công cụ khảo sát dữ liệu chính, tích hợp thang đo Likert vào kỹ thuật đo lường của các phương án trả lời. Bảng hỏi được phân thành 4 phần (*48 câu hỏi*), bao gồm: Thông tin chung (*9 câu hỏi*); Việc tiếp cận không gian mạng (*8 câu hỏi*); Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân (*27 câu hỏi*); Câu hỏi mở về đề xuất các hình thức xử lý đối với các trường hợp xâm phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân (*4 câu hỏi*). Tác giả tiến hành thu thập dữ liệu từ ngày 17/10/2022 đến ngày 08/11/2022 bằng cách gửi bảng hỏi trực tiếp đến khách thể nghiên cứu và nhờ họ chia sẻ quan điểm về vấn đề nghiên cứu của luận án. Bên cạnh những thành tựu trong quá trình tiếp cận đối tượng khảo sát, tác giả còn nhận thấy một số hạn chế trong quá trình thu thập dữ liệu. Theo đó, dung lượng câu hỏi trong bảng hỏi dài, ngôn ngữ sử dụng chưa phù hợp với đại đa số nghề nghiệp và trình độ học vấn khác nhau, một số từ ngữ thiên về thuật ngữ chuyên môn. Đối tượng khảo sát rộng nên cần phải khu biệt lại cho các định hướng nghiên cứu tiếp theo của đề tài. Dựa trên việc nhận định các thách thức nêu trên, tác giả đã cố gắng giải thích một cách chi tiết đối với những câu hỏi chưa rõ hàm ý để người trả lời có thể hiểu và bày tỏ quan điểm một cách chân thực nhất. Những phát hiện này được xem như bài học kinh nghiệm cho các nghiên cứu trong tương lai của tác giả.

2.2. Quy trình đảm bảo tính giá trị và độ tin cậy của dữ liệu

Trước khi tiến hành thu thập dữ liệu chính thức, đề tài đã triển khai một cuộc nghiên cứu thí điểm (pilot study) từ ngày 17/10/2022 đến ngày 20/10/2022 với mục đích: 1) kiểm tra tính khả thi của phương pháp nghiên cứu và các công cụ thu thập

¹²⁰ Martin, W. E., & Bridgmon, K. D. (2012), *Quantitative and statistical research methods: From hypothesis to results* (1st ed.), San Francisco: John Wiley & Sons, p. 446-488.

dữ liệu; 2) tìm hiểu mức độ đọc hiểu thông tin của người trả lời; 3) thu thập thông tin ban đầu liên quan đến quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong bối cảnh không gian mạng ở Việt Nam; 4) đánh giá những vấn đề cần nghiên cứu sâu hơn trong luận án. Tác giả đã thu thập 15 bảng khảo sát định lượng và tiếp nhận góp ý từ khách thể nghiên cứu về nội dung câu hỏi trong bộ công cụ thu thập dữ liệu này.

2.3. Phương pháp chọn mẫu

Luận án sử dụng kỹ thuật chọn mẫu có chủ đích và viên tuyết lăn. Kỹ thuật chọn mẫu có chủ đích được sử dụng để lựa chọn mẫu đại diện cho các tiêu chí nghiên cứu, trong đó tác giả lựa chọn 2 khu vực sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh (*nội thành: quận 1 và quận 3; và ngoại thành: huyện Nhà Bè và huyện Hóc Môn*) và 4 nhóm tuổi (*dưới 18 tuổi – học sinh cấp 2 và cấp 3; từ 18 tuổi đến 40 tuổi; từ 41 đến 70 tuổi; từ 71 tuổi trở lên*). Kỹ thuật viên tuyết lăn được sử dụng để mở rộng mẫu nghiên cứu từ các đơn vị mẫu ban đầu. Theo kỹ thuật này, tác giả đã bắt đầu với một số đơn vị mẫu ban đầu, sau đó sử dụng thông tin từ các đơn vị mẫu này để tiếp cận các đơn vị mẫu khác. Quá trình này được tiếp tục cho đến khi đạt được dung lượng mẫu mong muốn.

Dung lượng mẫu của luận án là 300 đơn vị mẫu, số lượng này được cân nhắc lựa chọn dựa trên nguyên tắc ngón tay cái (rule of thumb) của Orme¹²¹, cho rằng một cỡ mẫu được chấp nhận phải bao gồm ít nhất 150 người trả lời. Tác giả đã dựa trên tiêu chí này để xác định dung lượng mẫu sao cho phù hợp với mục tiêu nghiên cứu của đề tài.

2.4. Phương pháp xử lý dữ liệu

Dữ liệu của đề tài được xử lý trên phần mềm SPSS (phiên bản 20.0) bằng các phép toán thống kê mô tả (bảng đơn biến), bao gồm các phép tính về tần số và tần suất. Tác giả lựa chọn phép toán thống kê mô tả để xử lý dữ liệu vì sự phù hợp với mục tiêu nghiên cứu của đề tài, đó là mô tả thực trạng pháp luật về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân trong bối cảnh không gian mạng.

¹²¹ Orme, B. K. (2009), *Getting Started with Conjoint Analysis: Strategies for Product Design and Pricing Research* (2nd ed.), Madison: Research Publishers LLC, p.65.

2.3. Phụ lục bảng khảo sát

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA LUẬT DÂN SỰ

Mã phiếu:

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

Kính chào ông/bà,

Tôi là Trần Ngọc Tuấn, đang thực hiện cuộc khảo sát **“Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân theo quy định pháp luật dân sự Việt Nam (trong bối cảnh không gian mạng)”**.

Mong ông/bà vui lòng dành một ít thời gian để trả lời câu hỏi của tôi. Thông tin mà ông/bà cung cấp, tôi cam đoan sẽ tuyệt đối bảo mật và kết quả tổng hợp chỉ phục vụ cho nội dung nghiên cứu.

Cảm ơn sự hợp tác của ông/bà.

Địa chỉ:

.....

Họ tên phỏng vấn viên:

Họ tên người được phỏng vấn:

Thực hiện vào lúc giờ phút, ngày tháng năm 2022

Phần A: Thông tin chung

| | |
|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A1. Giới tính của người trả lời? | 1. Nam 2. Nữ 3. Khác |
| A2. Tuổi của người trả lời (ghi năm sinh)? | |
| A3. Nơi ở của người trả lời ở quận/huyện? | |
| A4. Nơi làm việc của người trả lời ở quận/huyện? | |
| A5. Tình trạng hôn nhân của người trả lời? | 1. Độc thân 2. Đã kết hôn 3. Ly hôn/góa 4. Khác (ghi rõ): |
| A6. Dân tộc của người trả lời? | 1. Kinh 2. Hoa 3. Chăm 4. Tày 5. Mường 6. H'Mông 7. Khmer 8. Khác (ghi rõ): |
| A7. Tôn giáo của người trả lời? | 1. Không tôn giáo 2. Phật giáo 3. Công giáo 4. Tin lành 5. Cao đài 6. Hòa hảo 7. Khác (ghi rõ): |
| A8. Nghề nghiệp chính của người trả lời? | 1. Nông dân 2. Công nhân 3. Thủ công nghiệp, dịch vụ 4. Buôn bán nhỏ |

| | |
|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | 5. Hành chính – văn phòng 6. Giáo viên, bác sĩ, luật sư 7. Công chức 8. Bộ đội, công an 9. Nội trợ, không làm việc 10. Nghi hưu/nghỉ chế độ 11. Khác (ghi rõ): |
| A9. Học vấn của người trả lời? | 1. (Ghi rõ hết lớp máy, quy hệ 12/12) 2. Trung cấp 3. Cao đẳng 4. Đại học 5. Sau đại học |

Phần B: Về việc tiếp cận không gian mạng

| | |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1. Hiện tại, ông/bà có sử dụng bất kỳ thiết bị nào có kết nối Internet hay không? | 1. Có 2. Không (Chuyển mục B2) |
| B2. Ông/bà tiếp cận thông tin xã hội bằng các nguồn nào? (<i> nhiều lựa chọn </i>) | 1. Báo chí, sách, tạp chí 2. Loa phường 3. Các câu lạc bộ ở địa phương 4. Tờ rơi tuyên truyền pháp luật của tổ dân phố 5. Các phương tiện truyền thông (tivi, cassette...) 6. Cán bộ/ chính quyền địa phương 7. Người thân trong gia đình 8. Bạn bè 9. Khác (ghi rõ): |

| | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>B3. Ông/bà tiếp cận các nguồn thông tin xã hội qua các thiết bị/ phương tiện nào? <i>(nhiều lựa chọn)</i></p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Smart phone (Điện thoại thông minh có kết nối internet) 2. Laptop (Máy tính xách tay) 3. Máy tính bảng 4. Máy tính để bàn 5. Tivi thông minh 6. Báo/ tạp chí/ sách điện tử |
| <p>B4. Tần suất sử dụng thiết bị có kết nối với Internet thường xuyên nhất của ông/bà được thể hiện như thế nào?</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Dưới 2 giờ/ngày 2. Từ 2 giờ – 5 giờ/ngày 3. Từ 5 giờ – 10 giờ/ngày 4. Khác (ghi rõ): |
| <p>B5. Ông/bà thường sử dụng các phương tiện có kết nối Internet này nhằm mục đích gì? <i>(nhiều lựa chọn)</i></p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Gọi điện thoại, video call miễn phí 2. Nhắn tin miễn phí 3. Email, gửi tài liệu, ảnh... 4. Đọc báo, tra cứu thông tin 5. Sử dụng các trang mạng xã hội (Facebook, Zalo, Instagram, Youtube...) 6. Lưu trữ dữ liệu cá nhân, công việc 7. Khác (ghi rõ): |

| | |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>B6. Ông/bà có sử dụng các trang mạng xã hội nào sau đây hay không? (<i> nhiều lựa chọn</i>)</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Facebook 2. Messenger 3. Zalo 4. Instagram 5. Twitter 6. Youtube 7. Zing Me 8. Wechat 9. WhatsApp 10. QQ 11. Viber 12. Tango 13. Skype 14. Khác (ghi rõ): |
| <p>B7. Tần suất ông/bà sử dụng các trang mạng xã hội này như thế nào?</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Dưới 2 giờ/ngày 2. Từ 2 giờ – 5 giờ/ngày 3. Từ 5 giờ – 10 giờ/ngày 4. Khác (ghi rõ): |
| <p>B8. Ông/bà sử dụng các trang mạng xã hội này với những mục đích gì? (<i> nhiều lựa chọn</i>)</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Đăng hình ảnh, cập nhật trạng thái của bản thân cho mọi người cùng biết 2. Xem hình ảnh, trạng thái của tất cả mọi người 3. Để theo dõi tin tức, sự kiện trong nước và thế giới 4. Để tìm kiếm, trao đổi thông tin 5. Theo dõi một vài trang cá nhân nào đó mà ông bà yêu thích 6. Để kinh doanh online 7. Chỉ để lưu giữ hình ảnh vì bộ nhớ điện thoại/ máy tính quá giới hạn 8. Khác (ghi rõ): |

Phần C: Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân

| | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>C1. Ông/bà có biết về quyền về đời sống riêng tư của cá nhân?</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Có 2. Không (Chuyển sang câu C6, 7) |
| <p>C2. Ông/bà đã từng nghe thuật ngữ nào sau đây? <i>(nhiều lựa chọn)</i></p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Quyền riêng tư 2. Quyền về đời sống riêng tư của cá nhân 3. Quyền riêng tư cá nhân 4. Đời tư cá nhân 5. Bí mật cá nhân 6. Chưa từng nghe bất cứ thuật ngữ nào |
| <p>C3. Ông/bà cho biết những nội dung nào sau đây mà ông/bà cho rằng là quyền mà ông/bà đề cập ở câu C1? <i>(nhiều lựa chọn)</i></p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Quyền được tôn trọng danh dự và nhân phẩm 2. Quyền được bảo vệ bởi các hành vi xâm phạm nhà ở, thư tín, điện tín.... 3. Quyền được tôn trọng đời sống riêng tư và gia đình 4. Quyền được bảo vệ danh tính, hình ảnh cá nhân 5. Quyền được bảo mật thông tin, dữ liệu cá nhân khỏi hành vi xâm phạm trái phép 6. Khác (ghi rõ): |
| <p>C4. Ông/bà có cho rằng quyền về đời sống riêng tư của cá nhân là quyền bất khả xâm phạm hay không?</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Có 2. Không (Chuyển qua C5) |
| <p>C5. Theo ông/bà, quyền về đời sống riêng tư của cá nhân sẽ bị hạn chế trong trường hợp nào?</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền 2. Phòng chống dịch bệnh, thiên tai 3. Yêu cầu của lãnh đạo đơn vị nơi Ông/bà công tác, học tập 4. Chỉ các trường hợp luật quy định mới được hạn chế 5. Khác (ghi rõ): |
| <p>C6. Ông/bà có những thông tin, tài liệu mà không muốn chia sẻ cho ai biết không?</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Có 2. Không |

| | |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>C7. Ông/bà có muốn người khác biết ông/bà sở hữu tài sản, các sinh hoạt trong gia đình mình không?</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Có 2. Không |
| <p>C8. Ông/bà đã tìm hiểu chính sách pháp luật về bảo vệ quyền về đời sống riêng tư của cá nhân chưa?</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Đã từng tìm hiểu nhưng không chuyên sâu 2. Chưa tìm hiểu và không quan tâm 3. Đã tìm hiểu chuyên sâu 4. Có quan tâm nhưng chưa tìm hiểu kỹ 5. Có quan tâm nhưng chưa biết cách tiếp cận 6. Khác (ghi rõ): |
| <p>C9. Ông/bà tìm hiểu các biện pháp bảo vệ quyền về đời sống riêng tư cá nhân từ nguồn nào?</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Tham gia các buổi tuyên truyền pháp luật ở khu phố 2. Trong các buổi sinh hoạt trong trường học 3. Từ các phương tiện thông tin đại chúng 4. Tự nghiên cứu, tìm hiểu 5. Khác (ghi rõ): |
| <p>C10. Ông/bà cho có thực hiện các hành vi sau đây không? (hiều lựa chọn)</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Chia sẻ lại hình ảnh, thông tin của người khác ngay khi người đó chia sẻ ở chế độ công khai trên các ứng dụng 2. Chụp ảnh chung với bạn bè, đăng ảnh đó công khai trên các ứng dụng 3. Xin phép, lấy ý kiến người chụp ảnh chung hoặc thông tin về họ trước khi chia sẻ công khai 4. Đăng tải, chia sẻ hình ảnh, thông tin nạn nhân trong dịch bệnh để cảnh báo mọi người 5. Chia sẻ hình ảnh, thông tin thân nhân của bị can, bị cáo trên không gian mạng |
| <p>C11. Ông/bà đã từng thực hiện hành vi nào sau đây khi sử dụng các ứng dụng trên thiết bị thông minh (apps)? (hiều lựa chọn)</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Đọc toàn bộ chính sách quyền riêng tư 2. Đọc một phần chính sách quyền riêng tư 3. Chặn ứng dụng truy cập vào hình ảnh, danh bạ, tin nhắn, cuộc gọi... 4. Hạn chế thông tin cá nhân được xử lý cho mục đích quảng cáo 5. Yêu cầu ứng dụng xoá dữ liệu cá nhân 6. Khiếu nại với ứng dụng về hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư cá nhân 7. Khác (ghi rõ): |

| | |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>C12. Ông/bà hoặc người thân của ông/bà có từng bị người khác công khai thông tin, hình ảnh riêng tư trên không gian mạng không?</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Có (Người đó chưa xin phép) 2. Có (Người đó đã xin phép) 3. Không 4. Không biết |
| <p>C13. Vì sao ông/bà hoặc người thân của ông/bà biết được người (nhóm) khác công khai thông tin, hình ảnh riêng tư trên không gian mạng?</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhìn thấy trực tiếp vì có hình ảnh hoặc tag tên của chính ông/bà hoặc người thân của ông/bà trên không gian mạng 2. Nghe người khác nói lại 3. Được chính người đăng hình ảnh hoặc status đó thông báo 4. Khác (ghi rõ): |
| <p>C14. Ông/bà hoặc người thân của mình có quen biết với người (nhóm) đã công khai thông tin, hình ảnh riêng tư trên không gian mạng không?</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Có 2. Không 3. Không biết |
| <p>C15. Ông/bà thực hiện hành vi nào sau đây khi quyền về đời sống riêng tư cá nhân của mình bị xâm phạm?</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Không vấn đề gì, cảm thấy bình thường 2. Không có phản ứng gì, im lặng, cho qua 3. Nhắn tin, gọi điện yêu cầu người thực hiện hành vi xâm phạm chấm dứt ngay tức khắc và cùng với xin lỗi, cải chính công khai 4. Gặp trực tiếp nói chuyện và yêu cầu người đó chấm dứt hành vi xâm phạm và khắc phục hậu quả 5. Chụp, sao lưu các thông tin, hình ảnh 6. Yêu cầu tổng đài hướng dẫn 7. Yêu cầu bộ phận hỗ trợ các ứng dụng xử lý 8. Yêu cầu Công an khu vực hỗ trợ và tư vấn thủ tục pháp lý 9. Yêu cầu thừa phát lại lập vi bằng 10. Yêu cầu Tòa án giải quyết 11. Tố cáo với cơ quan chức năng 12. Khác (ghi rõ): |
| <p>C16. Ông/bà vui lòng cho biết thái độ hỗ trợ của các cơ quan nhà nước khi ông/bà yêu cầu hướng dẫn các quy định, thủ tục để bảo vệ quyền về đời sống riêng tư cá</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Tích cực 2. Thờ ơ 3. Bình thường 4. Khác (ghi rõ): |

| | |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| nhân của mình bị xâm phạm? | |
| C17. Trường hợp ông/bà đã thực hiện việc khiếu nại đến các trung tâm ứng dụng, tổng đài chăm sóc khách hàng, tốc độ xử lý của các chủ thể này như thế nào? | <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhanh chóng, kịp thời, làm hài lòng 2. Còn chậm, không thoả đáng 3. Còn chậm, nhưng đáp ứng được yêu cầu 4. Nhanh nhưng không thoả đáng 5. Bình thường 6. Khác (ghi rõ): |
| C18. Ông/bà vui lòng cho biết, ông/bà có thường xuyên bị những quảng cáo trực tuyến sau khi mình tìm kiếm các thông tin, hàng hoá cho sinh hoạt bản thân trên Internet không? | <ol style="list-style-type: none"> 1. Có 2. Không 3. Không biết |
| C19. Ông/bà vui lòng cho biết, ông/bà có thường xuyên bị những cuộc gọi, tin nhắn quảng cáo cho vay tiền, giới thiệu đầu tư bất động sản...? | <ol style="list-style-type: none"> 1. Có 2. Không 3. Không biết |
| C20. Theo ông/bà, các tuyên bố quyền riêng tư trên các ứng dụng điện tử có dễ hiểu không? | <ol style="list-style-type: none"> 1. Có 2. Không 3. Quá dài nên không đọc (Bỏ qua câu 21) 4. Khác (ghi rõ): |
| C21. Ông/bà có đọc hết chi tiết nội dung trong các tuyên bố về quyền riêng tư trên các ứng dụng điện tử mà ông/bà đang sử dụng không? | <ol style="list-style-type: none"> 1. Có 2. Không 3. Khác (ghi rõ): |
| C22. Cho biết thái độ của ông/bà khi những thông tin, hình ảnh riêng tư của mình nếu bị công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng? | <ol style="list-style-type: none"> 1. Cảm thấy vui vì được chú ý 2. Bình thường 3. Thờ ơ 4. Lo sợ 5. Hoang mang 6. Khác (ghi rõ): |
| C23. Ông/bà cho biết những thiệt hại tinh thần đối với ông/bà như thế nào khi quyền về đời sống riêng tư của mình bị xâm phạm? | <ol style="list-style-type: none"> 1. Không ảnh hưởng gì 2. Không muốn gặp ai 3. Bé tắc 4. Trầm cảm |

| | |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | <p>5. Đau buồn</p> <p>6. Khác (ghi rõ):</p> |
| <p>C24. Ông/bà có biết những thiệt hại vật chất đối với hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư cá nhân dễ xác định không (doanh thu kinh doanh, mất việc, bị tấn công...)?</p> | <p>1. Không có ảnh hưởng gì</p> <p>2. Có, chi phí xác minh thấp</p> <p>3. Có, những chi phí xác minh thiệt hại rất cao</p> <p>4. Không</p> <p>5. Khác (ghi rõ):</p> |
| <p>C25. Ông/bà cho biết những chế tài về hành chính, dân sự, hình sự đối với hành vi vi phạm quyền về đời sống riêng tư của cá nhân hiện nay đã nghiêm khắc chưa?</p> | <p>1. Chưa nghiêm khắc</p> <p>2. Đã nghiêm khắc</p> <p>3. Cần tăng mức chế tài bồi thường về tinh thần</p> <p>4. Cần tăng mức chế tài phạt tiền</p> <p>5. Chưa rõ</p> <p>6. Khác (ghi rõ):</p> |
| <p>C26. Ông/bà có thường lưu trữ những thông tin, hình ảnh riêng tư của mình trên các ứng dụng thông minh không?</p> | <p>1. Có</p> <p>2. Không</p> <p>3. Lưu trữ theo hình thức bảo mật</p> <p>4. Khác (ghi rõ):</p> |
| <p>C27. Ông/bà hiểu thế nào về sử dụng pháp luật?</p> | <p>1. Sử dụng pháp luật có thể là hành vi hành động hoặc hành vi không hành động của cá nhân tùy vào quy định của pháp luật</p> <p>2. Sử dụng pháp luật và việc cá nhân sử dụng các quyền của mình, làm những gì mà pháp luật cho phép</p> <p>3. Sử dụng pháp luật là việc cá nhân lựa chọn cách xử sự mà mình mong muốn và phù hợp với đạo đức xã hội</p> <p>4. Sử dụng pháp luật là việc cá nhân bằng hành động của mình làm những gì mà pháp luật cho phép</p> <p>5. Sử dụng pháp luật là việc cá nhân lựa chọn cách xử sự mà mình mong muốn và phù hợp với quy định của pháp luật</p> <p>6. Khác (ghi rõ):</p> |

C28: Xin ông/bà cho biết ý kiến cá nhân về việc dùng không gian mạng để đăng hình ảnh/ status/ clip có nội dung bôi nhọ, hư cấu, tung tin đồn nhằm mục đích xâm phạm quyền về đời sống riêng tư cá nhân, xúc phạm danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác?

.....
.....

C29. Đề xuất của ông/bà khi xử lý những trường hợp này là như thế nào?

.....
.....

C30. Theo ông/bà, các mức chế tài về dân sự như yêu cầu thu hồi, tiêu hủy, chấm dứt việc sử dụng hình ảnh, thông tin, dữ liệu, cải chính thông tin, xin lỗi, bồi thường thiệt hại có dễ yêu cầu và đủ sức răn đe không?

.....
.....

C31. Ông/bà có bổ sung thêm các mức chế tài nào khác không?

.....
.....
.....

Chân thành cảm ơn ông/bà đã dành thời gian cho bảng khảo sát này.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 432/2021/DS-PT

Ngày: 04-5-2021

V/v “Tranh chấp bồi thường thiệt
hại do danh dự, nhân phẩm, uy
tín bị xâm phạm”.

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu

Bà Phạm Thị Thảo

Thư ký phiên tòa: Trương Nguyễn Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 4 và 04 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/DSPT ngày 13/01/2020 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 287/2019/DS-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1022/2021/QĐXXPT-DS ngày 15/3/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Y tế VĐ Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở: Số X Nguyễn Lương Bằng, (lô Md5-1, khu A Đô thị Phú Mỹ Hưng), Đô thị mới Nam thành phố, P. Tân P, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm xxxx và bà Nguyễn Ái N, sinh năm xxxx (Giấy ủy quyền ngày 06/01/2020).

Địa chỉ: Phòng xxxx, toà nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng C, sinh năm xxxx. (có mặt)

Địa chỉ: xxx Phu My Resident Community, Đường số x, Hoàng Quốc Việt, Phường Phú M, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trần K, sinh năm xxxx (Giấy ủy quyền ngày 08/01/2019). (có mặt)

Địa chỉ: xx Trần Khánh Dư, phường Tân Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Công ty TNHH Y tế VD Việt Nam có đại diện hợp pháp theo ủy quyền là bà Lê Thị Thanh T và bà Nguyễn Ái N trình bày:

Vào sáng ngày 19/6/2018, bà Nguyễn Thị Mộng C đến Bệnh viện FV để thăm khám. Thông tin bà C cung cấp cho các bác sĩ của Bệnh viện FV là: khoảng 3 đến 4 tuần trước khi đến Bệnh viện FV (cuối tháng 5 hoặc đầu tháng 6) bà C đã dùng hai lần thuốc ngừa thai khẩn cấp. Những tuần sau đó, bà C bị chảy máu bất thường nên bà quyết định đến Bệnh viện FV; trước đây, bà đã từng sinh mổ 2 lần. Các bác sĩ đã thực hiện hai khảo sát sau: Xét nghiệm thử thai nhanh bằng nước tiểu (que thử thai Quickstick), kết quả âm tính; Siêu âm được thực hiện bởi một chuyên gia siêu âm thai, kết quả siêu âm cho thấy không có túi thai và có túi dịch hỗn hợp, Nền khả năng là máu đông. Từ kết quả trên, bác sĩ Bệnh viện FV quyết định tháo lưu máu trong lòng tử cung bằng phương pháp hút hoặc bằng thuốc Misoprostol (phương pháp dùng thuốc Misoprostol là do bà C chọn vì bà lo ngại phương pháp hút sẽ gây đau). Sau đó bà C về nhà và được được bác sĩ dặn dò rằng nếu bà C bị chảy máu Nền thì bà phải quay lại bệnh viện.

Bà C bắt đầu bị chảy máu Nền vào tối muộn và trở lại Bệnh viện FV vào lúc 11h30 đêm cùng ngày (19/6/2018). Khi đó, xét nghiệm thử thai nhanh bằng nước tiểu có kết quả dương tính. Bà C được thăm khám bởi bác sĩ trực K sản và được thực hiện thủ thuật hút lòng tử cung cầm máu. Bà ngưng xuất huyết sau đó và nằm viện vài ngày trước khi xuất viện. Khi bà C xuất viện vào ngày 22/6/2018, bà khẳng định yêu cầu các bác sĩ điều trị phải xóa bỏ thông tin về việc bà đã dùng thuốc ngừa thai khẩn cấp trong tóm tắt xuất viện của bà, một tài liệu quan trọng trong hồ sơ bệnh án nên các bác sĩ của Bệnh viện FV đã từ chối sửa hồ sơ bệnh án theo yêu cầu của bà.

Vào lúc 9h47 sáng ngày 23/6/2018, bà C đã đăng tải trên trang Facebook “Chau Nguyen” của bà một bài viết có tiêu đề “KHI BẠN CÓ THAI NHƯNG BỆNH VIỆN NÓI KHÔNG VÀ CHO THUỐC PHÁ THAI ĐỀ ĐẦY DỊCH Ú”. Trong bài viết này, bà C đã nói rằng bà được cho thuốc phá thai trong khi bà đang có thai và kể lại một cách đầy kịch tính tình huống bà được cấp cứu tại Bệnh viện FV và chiến đấu giữa sự sống và cái chết, tự hỏi về đạo đức của các bác sĩ Bệnh viện FV và kết luận bằng cách yêu cầu mọi người chia sẻ bài viết của mình. Thực tế là

bà C đã đăng bài viết này sau khi đã được bác sĩ giải thích rõ ràng rằng bà đã bị sảy thai có thể do bà đã uống thuốc ngừa thai khẩn cấp vài tuần trước đó (điều mà bà không đề cập đến trong bài viết của mình), và đây cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng chảy máu kéo dài của bà và đó là lý do tại sao bà đến thăm khám tại Bệnh viện FV. Hơn nữa, hầu hết những gì bà mô tả đã xảy ra tại Bệnh viện FV vào tối hôm đó hoàn toàn đều là lời dựng chuyện của bà, bởi lẽ một số nhân chứng bao gồm người chăm sóc bà, y tá và bác sĩ đều chứng kiến sự thật diễn ra lúc đó không đúng như lời bà kể lại. Ví dụ như, bà C hoàn toàn tỉnh táo, bà không hề có phản ứng gì khi được thông báo rằng xét nghiệm thai kỳ dương tính và bà cũng chưa bao giờ "*khóc như một đứa trẻ*". Rất Nều chi tiết khác trong bài viết của bà hoàn toàn sai sự thật và được bà sáng tác nên. Cách câu chuyện được kể nhằm mục đích cố tình gây ấn tượng mạnh mẽ để thu hút cảm xúc của các bà mẹ và của tất cả mọi người nói chung. Bà đã kể lại sự việc như thể đây là một sự cố y K nghiêm trọng, là một tội ác và tóm tắt lại một cách đơn giản là các bác sĩ của Bệnh viện FV đã giết chết bào thai của bà.

Bài viết của bà đã thu hút sự quan T của công chúng với hơn 3000 lượt chia sẻ, 101 lời bình luận và hơn 4.500 người thích bài viết của bà. Ngay lập tức, bài viết đã được lan truyền trên mạng, đến với các nhà báo và sau đó tin tức được khuếch tán tràn lan và tạo nên một cuộc khủng hoảng truyền thông nhấn chìm FV. Gần 300 bài báo đã được đăng tải bằng hình thức báo giấy cũng như báo mạng. Rất Nều trong số đó có giọng điệu công kích và tiêu đề phản cảm chỉ đơn thuần kể lại những gì bà C đã viết, làm người đọc hiểu sai bản chất sự việc và phương pháp điều trị của Bệnh viện FV; khiến người đọc tin rằng Bệnh viện FV đã mắc phải một sai lầm y K tồ tệt.

Dưới áp lực truyền thông, Bác sĩ Guillon – Tổng Giám đốc bệnh viện đã triệu tập một cuộc họp khẩn cấp vào tối muộn thứ bảy ngày 23/6/2018; ông cùng với tất cả những người quản lý tại Bệnh viện FV đã phải dành toàn bộ ngày chủ nhật 24/6 và thứ hai 25/6 để xem xét toàn bộ sự việc đã xảy ra. Tất cả điều dưỡng, nữ hộ sinh và các bác sĩ có liên quan đều được phỏng vấn. Ban quản lý và các cán bộ y tế chủ chốt của Bệnh viện đã dành toàn bộ thời gian vào thứ hai (25/6) và thứ ba (26/6) để tham gia vào các cuộc họp và trả lời các câu hỏi của nhà báo. Các nhà báo liên tục gọi điện đến Bệnh viện FV để hỏi thông tin và yêu cầu một cuộc họp báo phải được tổ chức gấp rút để cung cấp cho họ thông tin chính xác vì đã có Nều bài báo được đăng tải đã hủy hoại danh tiếng của Bệnh viện FV. Vì lý do đó, Bệnh viện FV đã phải thuê một công ty truyền thông để giúp giải quyết cuộc khủng hoảng truyền thông.

Theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Bệnh viện FV đã thành lập một Hội đồng chuyên môn vào ngày 26/6/2016, bao gồm các chuyên gia nổi tiếng đầu ngành từ Bệnh viện Từ Dũ. Hội đồng chuyên môn đã xem xét kỹ hồ sơ bệnh án, chất vấn các bác sĩ và nhân viên có liên quan và đưa ra kết luận là các chẩn đoán, phương pháp điều trị và chăm sóc bệnh nhân của Bệnh viện FV là phù hợp. Hơn thế nữa, các nhà báo đã liên hệ Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh và Bộ Y tế, buộc các cơ quan này phải có phản ứng chính thức đối với sự việc. Vào ngày 26/6/2018, Sở

Y tế TP. Hồ Chí Minh và Bộ Y tế đã ban hành công văn yêu cầu Bệnh viện FV giải trình về trường hợp của bà C. Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh đã đến Bệnh viện FV và niêm phong toàn bộ hồ sơ bệnh án của bà C. Căn cứ vào diễn biến sự việc nêu trên, những thông tin sai lệch mà Bà C đã cung cấp, cách thức bà kêu gọi người đọc chia sẻ lan truyền thông tin, sau đó được các phương tiện truyền thông, cả báo giấy lẫn báo mạng, thậm chí là truyền hình đưa tin, rõ ràng là một sự phi báng vô căn cứ, làm tổn hại đến danh tiếng và uy tín của Bệnh viện FV và các bác sĩ. Sự việc buộc Bệnh viện FV phải tiến hành những biện pháp tốn kém nhằm ngăn chặn một cuộc khủng hoảng truyền thông và hạn chế thiệt hại cho uy tín của Bệnh viện FV do bài viết trên Facebook của bà C; buộc Bệnh viện FV cùng toàn thể đội ngũ y bác sĩ phải mất một khoảng thời gian và công sức đáng kể để truyền đạt sự thật đến công chúng.

Do bà C đã có hành vi vi phạm pháp luật như đã nêu ở trên, căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Bệnh viện FV khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà C: Xóa bỏ toàn bộ các bài viết trên trang Facebook của bà liên quan đến vụ việc này; Phải xin lỗi công khai Bệnh viện FV bằng cách gửi thư xin lỗi đến ít nhất 3 tờ báo theo chỉ định của Bệnh viện FV; Phải bồi thường cho Bệnh viện FV những thiệt hại sau: Chi phí lập vi bằng: 6.200.000 đồng; Chi phí thuê công ty truyền thông xử lý khủng hoảng truyền thông: 1.362.308.640 đồng; Bồi thường tổn thất về tinh thần do uy tín của Bệnh viện FV bị xâm phạm bằng số tiền là 13.900.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng C có đại diện hợp pháp theo uỷ quyền là ông Nguyễn Trần K trình bày:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn vì: Bác sĩ của Bệnh viện FV chủ quan, thiếu sót và có phần cầu thả trong việc áp dụng phương pháp lâm sàng, kiểm tra cận lâm sàng, không đánh giá tiền sử bệnh của bệnh nhân dẫn đến việc kết luận tình trạng bệnh của bệnh nhân không chính xác, gây hậu quả nghiêm trọng cho sức khoẻ của bà C, cụ thể: Que thử thai cho kết quả âm tính. Đối với trường hợp này, cần xác định rằng que thử thai không đảm bảo việc cho kết quả chính xác 100% là bệnh nhân có thai hay không có thai, do đó Bác sĩ không được căn cứ vào kết quả que thử thai âm tính để khẳng định một bệnh nhân không có thai; Chính vì việc này nên mới dẫn đến kết quả kiểm tra que thử thai lần 2 ngày 20/6/2018 cho kết quả dương tính (bệnh nhân có mang thai); Bác sĩ thực hiện siêu âm vùng chậu ngã âm đạo: kết quả siêu âm xác định không có thai nhưng có dịch ứ. Từ các kết quả trên, bác sĩ kết luận bà C không có thai, dẫn đến việc cho bà C sử dụng thuốc Misoprotol tab 200mcg.

Tuy Nên, việc căn cứ vào những kết quả kiểm tra nêu trên để kết luận và đưa ra phương án điều trị là chưa đầy đủ và thiếu cơ sở, bởi lẽ: Kết quả siêu âm chỉ xác định có dịch ứ mà không xem xét và đề cập đến vị trí vết mổ thai cũ, dẫn đến không phát hiện được nhau thai bám ở sẹo vết mổ cũ. Trong khi đó, việc này là bắt buộc

phải kiểm tra nếu không khi điều trị sẽ dẫn đến nguy hiểm chết người hoặc để lại hậu quả nghiêm trọng, khi điều trị dễ dẫn đến chảy máu nghiêm trọng chỗ thai bám, thậm chí có thể làm nứt vỡ sẹo mổ tử cung; Bác sĩ chưa thực hiện xét nghiệm chỉ số Beta HCG, trong khi đó việc thử chỉ tiêu này là cơ sở chính xác để xác định việc bệnh nhân có thai hay không, từ đó mới đưa ra kết quả chính xác làm cơ sở cho việc điều trị. Do bác sĩ không tiến hành xét nghiệm chỉ số Beta HCG nên việc đưa ra kết luận bà C không có thai là hoàn toàn không chính xác và không đảm bảo các trình tự về mặt y K. Sau khi cho bà C uống thuốc Misoprotol tab 200mcg và xảy ra tình trạng băng huyết nặng như bà C đã đề cập trong bản tự khai, bác sĩ Bệnh viện FV mới tiến hành xét nghiệm chỉ số Beta HCG và xác định bà C bị băng huyết là do sảy thai, đồng thời tiến hành phẫu thuật để nạo hút buồng tử cung và đặt bóng chèn.

Tuy Nên sau đó bệnh viện vẫn chưa xác định được có nhau thai bám ở sẹo vết mổ cũ, dẫn đến việc còn sót nhau thai ở sẹo và bà C tiếp tục bị ra máu, do đó bà C phải tiếp tục khám ở Bệnh viện Từ Dũ. Kết quả là bà C lại phải tiếp tục phẫu thuật lần thứ hai trong tình trạng rất nguy hiểm do lần phẫu thuật trước đó chỉ cách 07 ngày, rất nguy hiểm đến tính mạng và sức khỏe của bản thân bà C.

Bệnh viện Nều lần khẳng định việc bà C sử dụng thuốc tránh thai Postinor dẫn đến bị sảy thai. Tuy Nên, căn cứ theo Quyết định số 315/QĐ-BYT về việc ban hành tài liệu chuyên môn “hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh sản phụ K” của Bộ Y tế ngày 29 tháng 01 năm 2015 thì Cơ chế tác dụng của thuốc chủ yếu lên chất nhầy cổ tử cung, gây ức chế rụng trứng chỉ khoảng 57%. Bên cạnh đó, theo công dụng của thuốc được công bố tại trang web chính thức của Postinor: <https://postinor.com.vn/su-dung-postinor-nhu-the-nao/> cũng khẳng định “*Nếu bạn đã mang thai, bởi vì Postinor sẽ không có tác dụng ngừa thai mặc dù nó không gây hại cho bạn hoặc thai N.*” và “*Thuốc ngừa thai khẩn cấp không có tác dụng nếu bạn đã mang thai và cũng không ảnh hưởng đến việc thành lập bào thai hay em bé.*”

Như vậy, việc Bệnh viện FV cho rằng bà C bị sảy thai do uống thuốc ngừa thai khẩn cấp là không phù hợp về mặt chuyên môn cũng như trên thực tế. Do đó, bà C không loại trừ việc Bệnh viện FV khẳng định như vậy để lần tránh trách Nệm làm bà C bị sảy thai.

Từ đó, có thể kết luận rằng những sai sót chuyên môn của các bác sĩ mà bà C đã nêu trên đây thực tế gây những tổn thất không chỉ về mặt sức khỏe không gì có thể bù đắp được, mà còn gây cho gia đình bà C sự tổn kém về mặt chi phí khám bệnh, chữa bệnh, đồng thời mất cơ hội làm việc và thu nhập trong thời gian điều trị bệnh của bà C và của người thân.

Các chứng cứ do Bệnh viện FV cung cấp không có giá trị pháp lý, không đủ cơ sở chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Bệnh viện FV, cụ thể:

- Các hình ảnh được thừa phát lại ghi nhận trong Vi bằng không xác định được nguồn gốc xuất xứ của chứng cứ: Theo Vi bằng số 920 ngày 25/06/2018 của VPTPL Quận 8, Bệnh viện FV đã cung cấp 06 hình ảnh do bà Dương Thành Thúy Đ chụp

lại từ màn hình máy tính bàn hiệu LG làm chứng cứ trong vụ án này. 06 hình ảnh là tài liệu nhìn được là nguồn chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 94 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy Nền, Bệnh viện FV không chứng minh được xuất xứ của 06 hình ảnh trong vi bằng được chụp lại từ máy tính LG có Model là bao Nêu.

- Biên bản họp hội đồng chuyên môn không đảm bảo tính khách quan, không có giá trị pháp lý về hình thức và nội dung, cụ thể:

Thứ nhất, không đảm bảo tính khách quan: Bệnh viện FV là nơi gây ra tai biến cho bệnh nhân. Tuy Nền trong hội đồng chuyên môn lại có 3/6 thành viên là người của Bệnh viện FV, gồm ông Giám đốc bệnh viện FV, bác sỹ Nguyễn Thị H1 PGĐ y K Bệnh viện FV, cô Nguyễn Thị Thúy H2 là điều dưỡng viên của Bệnh viện FV.

Thứ hai, hình thức biên bản không đúng quy định pháp luật: Thành phần của hội đồng chuyên môn không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật khám, chữa bệnh năm 2009, Cụ thể: Ông Giám đốc Bệnh viện FV, bác sỹ Nguyễn Thị H1 PGĐ y K Bệnh viện FV, cô Nguyễn Thị Thúy H2 đều không phải là chuyên gia theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật khám, chữa bệnh năm 2009.

Thứ ba, nội dung biên bản không phù hợp với nguyên tắc theo quy định, đánh giá không chính xác, không đánh giá đầy đủ và toàn diện các phương pháp lâm sàng, cụ thể:

Trong biên bản họp chỉ có 2 ý kiến chuyên môn của bác sỹ Hà Tố Nguyên và bác sỹ Mỹ N (của Bệnh viện Từ Dũ) chỉ dựa trên kết quả siêu âm và thông tin không đầy đủ do chính Bệnh viện FV đưa ra. Không có sự thảo luận giữa các thành viên hội đồng là trái với nguyên tắc tại khoản 2 Điều 75 Luật khám, chữa bệnh năm 2009 “Hội đồng hoạt động theo nguyên tắc thảo luận tập thể”. Không có sự tham gia của các bên liên quan có tranh chấp là bà C. Do đó, không hợp pháp về hình thức, cũng như nội dung để làm cơ sở giải quyết vụ án.

- Bệnh viện FV không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bài viết trên trang cá nhân của bà C gây ảnh tiêu cực từ truyền thông.

Thứ nhất, Facebook là trang cá nhân, do đó bà C được toàn quyền thể hiện T tư, cảm xúc của chính mình. Hơn nữa, những nội dung trong trang cá nhân *bà C thể hiện đều là sự thật*, cụ thể: Bệnh viện FV khẳng định bà C không có thai tại buổi thăm khám sáng ngày 19/06/2019 *đó là sự thật*. Toàn bộ sự việc từ lúc bà C sau khi sử dụng thuốc theo đơn của bác sỹ bệnh viện FV kê toa thì bị băng huyết phải quay lại FV để cấp cứu *đó cũng là sự thật*. Tối ngày 19/06/2019, bà C được bệnh viện FV thông báo là có thai và thai đã hư *đó là sự thật*. Bà C không có nghĩa vụ phải chứng minh có hay không có việc bà C khóc như một đứa trẻ, cảm xúc đó thuộc quyền cá nhân bà C. Bệnh viện FV đã lấy ý kiến của nhân viên, bác sỹ đang làm việc tại bệnh viện FV để khẳng định rằng “Bà C hoàn toàn tỉnh táo, không khóc như một đứa trẻ” là bao biện và không đủ độ tin cậy, bên cạnh đó cũng không loại trừ khả năng chính bệnh viện FV đã áp đặt ý chí lên nhân viên, bác sỹ để họ phải đưa ra

ý kiến “Bà C hoàn toàn tinh táo, không khóc như một đứa trẻ”. Qua đó có thể nhận thấy rằng, Bệnh viện FV đang có một *hành động vô T, Bệnh viện FV đang vô T trước nỗi đau của bệnh nhân*. Bệnh viện FV cho rằng, bà C không ghi nhận nội dung “*bà C đã dùng viên thuốc tránh thai khẩn cấp trước đó dẫn đến hư thai*”, quan điểm này hoàn toàn không phù hợp, bởi lẽ: Tại thời điểm xuất viện ngày 22/06/2018, chính Bệnh viện FV cũng không xác định được nguyên nhân của sự việc, chỉ nói là có thể thì làm sao có thể yêu cầu bà C đưa ra những nội dung không thuộc chuyên môn của bà C, những nội dung đó không phải là sự thật. Do đó, bà C không có nghĩa vụ phải thể hiện những điều không đúng với sự thật đó trong bài viết.

Thứ hai, Bệnh viện FV không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh có sự khủng hoảng truyền thông từ bài viết của Bà C, cụ thể: Tại mục 6 đơn khởi kiện, bản tự khai, bản ý kiến ngày 02/08/2019, Bệnh viện FV khẳng định các số liệu “*bài viết thu hút sự quan T của công chúng với hơn 3000 lượt chia sẻ, 101 lời bình luận và hơn 4500 thích; gần 300 bài báo được đăng tải với hình thức báo giấy cũng như báo mạng, rất Nền trong số đó có giọng điệu công kích và tiêu đề phản cảm*” làm cơ sở xác định mức ảnh hưởng, sự khủng hoảng truyền thông từ bài viết của bà C. Tuy Nền, đến thời điểm kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/08/2019, Bệnh viện FV không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho số liệu được bệnh viện FV đã đưa ra tại mục 6 đơn khởi kiện là “*bài viết thu hút sự quan T của công chúng với hơn 3000 lượt chia sẻ, 101 lời bình luận và hơn 4500; gần 300 bài báo được đăng tải với hình thức báo giấy cũng như báo mạng, rất Nền trong số đó có giọng điệu công kích và tiêu đề phản cảm*” để chứng minh có sự khủng hoảng truyền thông từ bài viết của bà C. Bệnh viện FV cho rằng sau bài viết ngày 23/06/2018, bà C đã đăng thêm những bài viết khác liên quan đến vụ việc. Tuy Nền, Bệnh viện FV không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh có tồn tại những bài viết khác có liên quan vụ việc.

Thứ ba, chính những hành động không đúng đắn, phát ngôn thiếu chuyên môn của lãnh đạo Bệnh viện FV đã gây ra làn sóng dư luận trong giới y bác sĩ, cộng đồng và dư luận, cụ thể: Bệnh viện FV đã tổ chức họp báo và phát biểu trên các kênh truyền thông “*khẳng định dù ngày 19/06/2018 có kiểm tra Beta HCG xác định bà C có thai hay không thì vẫn sử dụng thuốc Misoprotol là phù hợp, chính phát biểu sai lầm và thiếu chuyên môn đó của những người đứng đầu Bệnh viện FV đã tạo ra làn sóng phản ứng từ chính giới y, bác sĩ trong ngành và cả cộng đồng truyền thông*. Theo mục III phụ lục 1 hợp đồng ứng phó đã thể hiện, Bệnh viên FV đã YÊU CẦU công ty TRUYỀN THÔNG sử dụng những thủ thuật như nâng đỡ viral, seeding comment và mua lượt share về nội dung “*câu chuyện y đức*” để tạo sự lan truyền sự việc cho giới truyền thông và cộng đồng. Chính hành động sử dụng các thủ thuật trên của Bệnh viên FV là nguyên nhân khơi dậy, lan truyền sự việc trong từ giới truyền thông. Do đó, bà C không có lỗi trong cuộc khủng hoảng truyền thông của Bệnh viện FV. Bệnh viên FV phải tự chịu đối với sai sót về chuyên môn, về những hành động thiếu chuẩn mực, y đức, thiếu trách Nệm và vô T đối với bệnh nhân.

Tại Đơn yêu cầu phản tố ngày 06/5/2019, bà C yêu cầu Tòa án xem xét các sai phạm của Bệnh viện FV cụ thể như sau:

1/ *Xâm phạm Quyền được khám bệnh, chữa bệnh*: Ngày 25/06/2018, bà C trở lại Bệnh viện FV tái khám theo đúng lịch hẹn, khi đang được thăm khám trong Phòng khám sản cùng bác sĩ Vĩnh Thành thì Ban giám đốc bệnh viện FV (gồm Giám đốc điều hành và Giám đốc truyền thông) đã đột ngột vào trong phòng khám, cắt ngang buổi thăm khám của bà C và buộc bà C phải ra về. Bà C đã ngắt xiu khi đang đợi thang máy và được nhân viên y tế tại đây đưa ngược trở lại K sản. Như vậy, hành vi ngăn cản không cho bà C được tái khám của Giám đốc Bệnh viện FV trước hết đã vi phạm đạo đức nghề y, đồng thời còn vi phạm quyền của người bệnh quy định tại Điều 7 Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2009.

Không những thế, đối với trường hợp của bà C, việc bà C đang trong tình trạng cần phải được theo dõi chặt chẽ sau khi phẫu thuật nhưng lại bị ngăn cản là nguy cơ tiềm tàng dẫn đến các tình trạng nguy hiểm đối với bản thân bà C do không được kiểm tra thăm khám kịp thời. Thực tế là ngay sau khi bị ngăn cản không được tiếp tục khám chữa bệnh bà C đã bị ngắt xiu, sau đó khi kiểm tra tại Bệnh viện Từ Dũ cũng xác định bà C vẫn còn bị sót khối nhau ở sẹo MLT (O00.8.0) như kết luận tại hồ sơ bệnh án của bà C tại Bệnh viện này.

2/ *Xâm phạm Quyền được tôn trọng bí mật riêng tư*: Ngày 26/06/2018, Bệnh viện FV tổ chức họp báo vào lúc 15:00 công bố toàn bộ hồ sơ bệnh án và thông tin cá nhân của bà C cho các cơ quan báo chí và phương tiện truyền thông mà chưa có bất kỳ sự đồng ý nào của bà C. Việc Bệnh viện FV tự ý công bố hồ sơ bệnh án và thông tin cá nhân của Bệnh nhân đã vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc khám bệnh, chữa bệnh tại khoản 2 Điều 3 và Quyền được tôn trọng bí mật riêng tư quy định tại Điều 8 Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2009.

Hồ sơ bệnh án là thông tin cực kỳ bí mật và nhạy cảm của mỗi cá nhân, do đó, việc cung cấp thông tin bệnh án của bà C trên báo chí mà không được sự đồng ý của bà C là vi phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của bà C.

3/ *Xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của bà C*: Ngày 29/06/2018, Công ty TNHH Y tế VD Việt Nam có công văn số 532-2018/FVH-CEO báo cáo Bộ y tế về vụ việc. Trong đó, tại kết luận Công ty TNHH Y tế VD Việt Nam có khẳng định nội dung “*Không biết vì lý do gì, mặc dù chúng tôi nghi ngờ rằng bệnh nhân đã không nói cho chồng cô ấy biết về việc cô ấy đã dùng thuốc tránh thai khẩn cấp và có lẽ thấy có lỗi về điều đó nên quyết định viết nên một câu chuyện kết tội các bác sĩ của chúng tôi đã giết thai N của cô ấy bằng cách cho uống thuốc phá thai trong khi cô ấy đang mang thai*”. Kết luận trên đây được Công ty TNHH Y tế VD Việt Nam công khai gửi trực tiếp cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, Sở Y tế Tp.HCM, Phòng thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh.

Đây là một kết luận hoàn toàn bịa đặt, suy diễn và là sự vu khống trắng trợn mà hậu quả của nó là gây ra sự hiểu nhầm nghiêm trọng dẫn đến ảnh hưởng nghiêm

trọng đến hạnh phúc của gia đình bà C; tác động đến T lý nặng nề, cũng như làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của cá nhân bà C.

Do đó, bà C yêu cầu phản tố:

1/ Buộc người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Y tế VĐ Việt Nam phải xin lỗi bà C trước tòa và tiến hành cải chính thông tin, xin lỗi công khai bằng cách gửi văn bản với nội dung được bà C đồng ý đăng trên ít nhất 03 (ba) tờ báo theo chỉ định của bà C.

2/ Buộc Công ty TNHH Y tế VĐ Việt Nam đính chính kết luận tại công văn số 532-2018/FVH-CEO do Công ty TNHH Y tế VĐ Việt Nam gửi Bộ Y tế ngày 29/06/2018 và xóa bỏ “Bản tin đính chính trên trang Fanpage FV”.

3/ Tuyên phạt Công ty TNHH Y tế VĐ Việt Nam theo quy định của pháp luật về các hành vi vi phạm nguyên tắc hành nghề khám chữa bệnh của Luật khám bệnh, chữa bệnh như bà C trình bày trên đây.

4/ Buộc Công ty TNHH Y tế VĐ Việt Nam bồi thường một lần cho bà C các khoản thiệt hại với tổng số tiền là 143.212.310 đồng (bằng chữ: Một trăm bốn mươi ba triệu hai trăm mười hai ngàn ba trăm mười đồng), bao gồm các thiệt hại sau:

Tổn thất về chi phí điều trị, chăm sóc và mất thu nhập trong thời gian điều trị bệnh với số tiền là 45.912.310 đồng, gồm các chi phí: Chi phí điều trị tại bệnh viện FV là 35.656.321 đồng; Chi phí điều trị tại Bệnh viện Từ Dũ là 9.253.189 đồng; Chi phí điều trị tại Bệnh viện Chợ Rẫy (Xét nghiệm, thuốc Rối loạn lo âu khác F41 là 1.002.800 đồng; Thiệt hại về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm (50 lần mức lương cơ sở) với số tiền là 69.500.000 đồng; Thiệt hại về tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm (10 lần mức lương cơ sở) với số tiền là 13.900.000 đồng; Thiệt hại về tinh thần do công bố và sử dụng thông tin cá nhân trái phép (10 lần mức lương cơ sở) với số tiền là 13.900.000 đồng.

Bản án sơ thẩm số 287/2019/DS-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

- Căn cứ khoản 6 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 Bộ luật TTTDS;

- Căn cứ Điều 34, 38 và 592 BLDS 2015;

- Căn cứ Nghị định 72/2013/NĐ-CP, ngày 15/7/2013 của Chính phủ hướng dẫn về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự. Xử:

1. Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn
 - 1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Mộng C xóa bỏ toàn bộ các bài viết trên trang cá nhân Facebook của bà C liên quan đến vụ việc này;
 - 1.2. Buộc Bà C phải xin lỗi công khai Công ty TNHH Y tế VĐ Việt Nam bằng cách gửi thư xin lỗi đến ít nhất 3 tờ báo theo chỉ định của Công ty TNHH Y tế VĐ Việt Nam;
 - 1.3. Buộc bà Nguyễn Thị Mộng C phải bồi thường cho tổn thất về tinh thần do uy tín của Bệnh Viện FV bị xâm phạm là 13.900.000đ (Mười ba triệu chín trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn chi phí thuê Công ty truyền thông xử lý khủng hoảng truyền thông: 1.362.308.640 đồng và chi phí lập vi bằng 6.200.000 đồng.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 53.055.259 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn đã nộp là 26.641.480 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0026390 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, nguyên đơn còn phải nộp 26.413.779 đồng (Hai mươi sáu triệu bốn trăm mười ba ngàn bảy trăm bảy mươi chín) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.170.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn đã nộp là 3.880.308 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0031034 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, nguyên đơn còn phải nộp 289.692 đồng (Hai trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm chín mươi hai) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Ngày 30/10/2019, nguyên đơn có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 287/2019/DS-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận 7. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do kháng cáo: Không đồng ý về việc Tòa sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bị đơn bồi thường chi phí khắc phục thiệt hại là chi phí lập vi bằng và thuê công ty truyền thông xử lý khủng hoảng truyền thông.

Ngày 01/11/2019, bị đơn có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 287/2019/DS-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận 7. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Lý do kháng cáo: Tòa án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở, không phù hợp với quy định pháp luật; Tòa án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu phản tố, các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Giai đoạn phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã bổ sung xác định cụ thể nội dung yêu cầu. Tòa án đã trưng cầu và thu thập thêm tài liệu chứng cứ là Kết luận của Hội đồng chuyên môn thuộc Bộ Y tế.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, phân tích nhận định về nội dung kháng cáo của đương sự, đã có ý kiến nhận xét và đề nghị như sau:

- Về tố tụng:

Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Tại giai đoạn phúc thẩm, Tòa án có thu thập bổ sung kết luận của Hội đồng chuyên môn thuộc Bộ Y tế. Từ kết luận này có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe. Tuy Nên, do vấn đề này chưa được giải quyết tại cấp sơ thẩm nên căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn và của bị đơn đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm đã xác định đúng. Về người tham gia tố tụng trong vụ án, cấp sơ thẩm đã đưa tham gia đủ và tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với nội dung tranh chấp về khám bệnh, chữa bệnh tại vụ án, căn cứ khoản 2 Điều 80 Luật Khám bệnh, Chữa bệnh quy định các bên tranh chấp có trách Nệm tự hòa giải, trường hợp hòa giải không thành thì các bên có quyền khởi kiện

tại Tòa án theo quy định của pháp luật. Đây là quy định về điều kiện khởi kiện theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét tại “Biên bản họp” ngày 22/6/2018 và Văn bản số 523-2018/FVH-CEO ngày 26/6/2018 của Bệnh viện FV thì có thể xác định đây là trường hợp các bên đã hòa giải tranh chấp không thành nên có đủ điều kiện khởi kiện.

[3] Căn cứ hồ sơ vụ án giai đoạn sơ thẩm và tài liệu chứng cứ thu thập bổ sung tại giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét thấy:

Căn cứ Hồ sơ bệnh án và theo kết luận của Hội đồng chuyên môn thuộc Bộ Y tế (tại Văn bản số 946/BYT-BMTE ngày 09/02/2021 của Bộ Y tế), có cơ sở xác định trước khi khám tại Bệnh viện FV vào ngày 19/6/2018, bà Nguyễn Thị Mộng C có tiền sử mổ lấy thai 02 lần, trước khi khám tại Bệnh viện FV trong khoảng 1 tháng bà C có sử dụng thuốc tránh thai khẩn cấp 02 lần. Trong lần mang thai này, bà C có tình trạng thai làm tổ ở sẹo mổ cũ, gai rau phát triển vào lớp cơ tử cung, đây là một tình trạng bệnh lý nguy hiểm.

Đối chiếu với toàn bộ nội dung bài viết của bà C đăng trên trang mạng Facebook “Chau Nguyen” vào ngày 23/6/2018, thấy các tình tiết nêu trên hoàn toàn không được bà C đề cập tại bài viết.

Bài viết của bà C thể hiện nội dung một bà mẹ mang thai khoẻ mạnh bình thường đã gặp sự cố y K khi khám, chữa bệnh.

Như vậy, từ việc bài viết không thể hiện đầy đủ toàn bộ các dữ liệu thông tin, các tình tiết nội dung sự việc đã làm cho người đọc hiểu không đúng bản chất toàn bộ sự việc. Từ bài viết đăng của bà C dẫn đến hiệu ứng lan truyền trên mạng xã hội và cả các phương tiện thông tin truyền thông đã ảnh hưởng xấu đến uy tín của Bệnh viện FV. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn gỡ bỏ bài đăng, xin lỗi công khai và bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do uy tín bị xâm phạm là có căn cứ, theo quy định tại Điều 34, khoản 2 Điều 592 Bộ luật dân sự. Tuy Nên xét về nội dung, phạm vi việc xin lỗi cần được phúc thẩm sửa án sơ thẩm cho phù hợp với tính chất, mức độ lỗi và phương thức thực hiện phải cụ thể để đảm bảo cho việc thi hành án.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn đối với yêu cầu bồi thường chi phí lập vi bằng và thuê công ty truyền thông xử lý khủng hoảng truyền thông: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là “Hợp đồng ứng phó và xử lý khủng hoảng truyền thông” số 014/2018/HĐCOM/SPL-FVH ngày 26/6/2018. Xét thấy: Bài viết của bị đơn đăng vào ngày 23/6/2018 nhưng nguyên đơn ký hợp đồng xử lý truyền thông thời gian từ ngày 20/6/2018, như vậy khoản chi phí này là không hợp lý và việc lập vi bằng là chi phí thu thập chứng cứ, như án sơ thẩm đã nhận định, vì vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[5] Căn cứ kết luận của Hội đồng chuyên môn thuộc Bộ Y tế (Tại Văn bản số 946/BYT-BMTE ngày 09/02/2021 của Bộ Y tế) đã xác định: Bệnh viện FV trong

lần khám đầu ngày 19/6/2018: “không phát hiện được người bệnh có thai tại sọ mố cũ”; “không chẩn đoán được tình trạng có thai của người bệnh, từ đó dẫn đến xử trí không phù hợp”; trong lần nhập viện ngày 20/6/2018: “chưa chẩn đoán chính xác bệnh lý của người bệnh là “chửa tại sọ mố lấy thai” nên xử lý chưa triệt để. Người bệnh sau đó đã được Bệnh viện Từ Dũ điều trị triệt để”.

Hội đồng xét thấy có cơ sở xác định Bệnh viện FV cũng đã có sai sót trong khám, chữa bệnh cho bà Nguyễn Thị Mộng C, sai sót này đã ảnh hưởng đến sức khỏe của bà C nên buộc nguyên đơn phải có trách Nệm bồi thường. Thiệt hại trong trường hợp này là khoản chi phí điều trị của bị đơn tại Bệnh viện Từ Dũ và khoản bù đắp tổn thất về tinh thần, theo quy định tại Điều 73, 76 Luật Khám bệnh, Chữa bệnh và Điều 590 Bộ luật dân sự. Nội dung kháng cáo này của bị đơn là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về kháng cáo của bị đơn đối với yêu cầu phản tố về việc nguyên đơn xâm phạm quyền được khám bệnh, chữa bệnh: Bị đơn cho rằng nguyên đơn, cụ thể là giám đốc điều hành và giám đốc truyền thông của Bệnh viện FV, đã có hành vi ngăn cản, không cho bị đơn được tái khám tại Bệnh viện FV vào ngày 25/6/2018, đồng thời bị đơn cung cấp bản dịch “File ghi âm số 003” nội dung các cuộc nói chuyện để chứng minh. Hội đồng xét thấy nội dung tài liệu của bị đơn cung cấp không chứng minh được có hành vi xâm phạm quyền được khám bệnh, chữa bệnh như án sơ thẩm đã nhận định.

[7] Về “Thông cáo báo chí” lúc 22^h45 ngày 23/6/2018 của Bệnh viện FV, được công khai tại buổi họp báo ngày 26/6/2018: Xuất phát từ bài đăng không thể hiện đầy đủ toàn bộ các dữ liệu thông tin, các tình tiết nội dung sự việc của bị đơn (như nhận định tại mục [3]), sự việc này chắc chắn sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín và hoạt động bình thường của Bệnh viện FV nên Bệnh viện FV phải có thông tin phản hồi về bài viết của bị đơn. Những thông tin cần thiết có liên quan đến bệnh án cần thiết phải đưa ra là cơ sở để phản hồi đối với các thông tin tại bài đăng của bị đơn. Đây là các biện pháp cần thiết, hợp lý để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 584, khoản 4 và 5 Điều 585 Bộ luật dân sự.

Về Công văn số 532-2018/FVH-CEO ngày 29/06/2018 của Công ty TNHH Y tế VD Việt Nam gửi Bộ Y tế, đây là văn bản nội bộ nguyên đơn báo cáo theo yêu cầu của cơ quan chủ quản trước thông tin và dư luận từ bài viết của bị đơn. Nội dung phần trích dẫn của bị đơn cũng là ý kiến báo cáo của nguyên đơn về lý do bị đơn yêu cầu Bệnh viện phải xóa bỏ thông tin có sử dụng thuốc ngừa thai khẩn cấp khi lập hồ sơ bệnh án. Cách thức trình bày ý kiến tại công văn của nguyên đơn là chưa phù hợp nhưng đây là đoạn trích trong một văn bản mang tính chất báo cáo nội bộ, chưa đủ cơ sở chứng minh hậu quả xâm phạm danh dự, nhân phẩm của bị đơn, như án sơ thẩm đã nhận định.

[8] Từ những căn cứ nhận định trên, có cơ sở xác định việc bị đơn đăng tải công khai trên trang mạng xã hội bài viết không đầy đủ thông tin sự việc, theo hướng một chiều, thu hút đông đảo số lượng người đọc và truyền thông dư luận đã ảnh hưởng xấu đến uy tín của Bệnh viện FV; đồng thời cũng có cơ sở xác định Bệnh viện FV có phần sai sót trong việc khám, điều trị cho bị đơn đã ảnh hưởng đến sức khỏe của bị đơn. Mỗi bên phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình tương ứng với đối tượng bị xâm phạm và mức độ lỗi theo quy định pháp luật như đã viện dẫn. Vì vậy, có căn cứ sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và không chấp nhận các nội dung kháng cáo về yêu cầu nguyên đơn xin lỗi, đính chính, xử phạt và các khoản bồi thường số tiền 110.371.431 đồng. Các chứng cứ vụ án đã được thu thập đầy đủ và không có sự vi phạm nghiêm trọng tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, do đó không có căn cứ hủy án như đề nghị của Viện kiểm sát.

[9] Án phí sơ thẩm: Các đương sự không có hồ sơ xin miễn, giảm án phí nên phải chịu theo quy định. Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu và được trả lại tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 34, 38, 584, 590 và 592 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 73, 76 Luật Khám bệnh, Chữa bệnh.

Căn cứ Nghị định 72/2013/NĐ-CP, ngày 15/7/2013 của Chính phủ hướng dẫn về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; Sửa Bản án sơ thẩm số 287/2019/DS-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Mộng C xóa bỏ toàn bộ bài viết “*KHI BẠN CÓ THAI NHƯNG BỆNH VIỆN NÓI KHÔNG VÀ CHO THUỐC PHÁ THAI ĐỂ ĐÁY DỊCH Ú*” đăng ngày 23/6/2018, cả các bài bằng tiếng Việt và tiếng Anh đăng sau đó, trên trang Facebook cá nhân “Chau Nguyen” của bà C.

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị Mộng C phải xin lỗi công khai Bệnh viện FV bằng cách đăng lên 3 tờ báo là Báo Thanh niên, Báo Tuổi trẻ và Báo Phụ nữ, mỗi bài đăng một kỳ (một số), nội dung như sau:

“XIN LỖI CÔNG KHAI

Tôi Nguyễn Thị Mộng C, tài khoản trang Facebook là “Chau Nguyen”, vào ngày 23/6/2018 tôi có đăng trên trang Facebook “Chau Nguyen” bài viết tựa đề “KHI BẠN CÓ THAI NHƯNG BỆNH VIỆN NÓI KHÔNG VÀ CHO THUỐC PHÁ THAI ĐỂ ĐẨY DỊCH Ứ”.

Bài viết đã không thể hiện đầy đủ các thông tin của sự việc, từ đó người đọc hiểu không chính xác nội dung toàn bộ sự việc, làm ảnh hưởng đến uy tín của Bệnh viện FV.

Tôi Nguyễn Thị Mộng C công khai xin lỗi Bệnh viện FV”.

Chi phí đăng báo do bà Nguyễn Thị Mộng C phải chịu.

1.3. Buộc bà Nguyễn Thị Mộng C phải bồi thường tổn thất về tinh thần do uy tín của Bệnh viện FV bị xâm phạm là 13.900.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải bồi thường chi phí thuê công ty truyền thông xử lý khủng hoảng truyền thông là 1.362.308.640 đồng và chi phí lập vi bằng là 6.200.000 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn:

Buộc Công ty TNHH Y tế VD Việt Nam phải bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Mộng C số tiền là 9.253.189 đồng và bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm là 69.500.000 đồng.

4. Không chấp nhận các yêu cầu phản tố khác còn lại của bị đơn về yêu cầu nguyên đơn xin lỗi, đính chính, xử phạt và các khoản bồi thường với số tiền là 110.371.431 đồng.

5. Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu là 55.417.854 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp là 26.641.480 đồng (theo biên lai thu số AA/2017/0026390 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7). Nguyên đơn phải nộp thêm 26.691.374 đồng.

Bị đơn phải chịu là 6.213.571 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp là 3.880.308 đồng (theo biên lai thu số AA/2018/0031034 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7). Bị đơn còn phải nộp thêm 2.333.263 đồng.

Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu. Trả lại cho Công ty TNHH Y tế VD Việt Nam tiền tạm ứng 300.000 đồng (theo biên lai thu số AA/2018/0031790 ngày 04/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7); Trả

lại cho bà Nguyễn Thị Mộng C tiền tạm ứng 300.000 đồng (theo biên lai thu tiền số AA/2018/0031788 ngày 01/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- TAND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TPHCM;
- TAND Quận 7, TPHCM;
- Chi cục THADS Quận 7, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS; (T.20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Giảng



**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST

Ngày 21-3-2023.

V/v “ Yêu cầu bồi thường thiệt hại
do danh dự, nhân phẩm, uy tín
bị xâm phạm”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Mỹ Liên

Bà Nguyễn Thị Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị C (M), sinh năm: 1975; địa chỉ: khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C là ông Phạm Thanh Đ - Luật sư Chi nhánh Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, (có mặt).

- *Bị đơn:* 1. Bà Trần Thị T, sinh năm: 1974; địa chỉ: khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm: 1984; địa chỉ: khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-3-2022, qua làm việc cũng như tại phiên toà nguyên đơn bà Võ Thị C trình bày: Bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Trần Thị T phải gỡ bỏ hình ảnh của bà đăng trên mạng xã hội facebook vào năm 2020, 2021 không nhớ ngày tháng và yêu cầu bồi thường tổn thất về danh dự, nhân phẩm, uy tín với số tiền là 10.000.000 đồng, do thiệt hại về thu nhập bị mất 40 ngày từ ngày 08-10-2020 đến ngày 16-11-2020; yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim C1 phải công khai xin lỗi bà, do bà C1 gửi hình ảnh nhạy cảm của bà cho nhiều người xem.

Nguyên nhân vào năm 2020, 2021 bà T sử dụng facebook G để đăng khoảng 8 ảnh của bà, trong đó có 02 ảnh nhạy cảm chụp phần sinh dục không mặc quần, thì bà T đã gỡ bỏ xong, còn 01 ảnh chụp phần ngực không mặc áo với gương mặt của bà và 05 ảnh chụp hình bà thì vẫn còn. Do từ khi bà T đăng hình ảnh nhạy cảm của bà lên mạng xã hội thì tinh thần ba mẹ con bà không ổn định, con trai nhỏ 18 tuổi bỏ học đại học, con trai lớn 25 tuổi thì không phụ làm mà bỏ đi ăn chơi lêu lổng, nói hai con không nghe, làm ăn nuôi bò sữa bị sa sút. Sau đó bà T bỏ nick “GN”, tạo nick khác là “TT” thì tải ảnh bà đi ăn tiệc kèm theo chữ mắng bà đăng lên mạng facebook. Nay bà chỉ kiện đến Toà án để yêu cầu bồi thường về dân sự, không kiện hay khiếu tố cơ quan nào khác. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Thanh Đ trình bày: Ông đồng ý theo lời trình bày và yêu cầu của bà C. Tại phiên toà ông bổ sung thêm là bà T phải công khai xin lỗi bà C trên mạng xã hội. Ngoài ra không bổ sung gì thêm.

- Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 22-6-2022 và ngày 07-12-2022, bị đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà C, lý do bà không nhớ có đăng hình ảnh của bà C lên mạng xã hội hay không. Bà thừa nhận tài khoản đăng ký tên “NG” và “TT” là của bà. Bà yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà bà thừa nhận có đăng lên mạng xã hội 03 hình ảnh nhạy cảm của bà C, do bà C gửi 03 hình ảnh đó cho bà và còn khiêu khích bà nên tức quá bà mới đăng lên mạng facebook. Từ khi Công an phường A mời làm việc thì bà đã gỡ bỏ xong và điện thoại đó chồng bà đã đập bể hư hỏng nên bà không còn sử dụng nữa.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02-10-2022 bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C1 trình bày: Bà không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà C, lý do bà không có đăng hay chuyển tải hình ảnh của bà C (M) cho ai. Bà và bà C là chị em bạn dâu, còn bà T chỉ biết nhau qua điện thoại, nhắn tin trên mạng. Vào năm 2020 bà T có gửi hình nhạy cảm của bà C (M) cho bà và hỏi có phải hình của bà C không, thì bà nói ảnh có mặt là bà C, còn ảnh phần phụ là không biết của ai. Bà có hỏi hình ảnh này ở đâu chị có thì bà T nói do bà C gửi. Việc này Công an phường A có mời bà làm việc thì bà cũng trình bày như vậy, sau đó thì bà xoá bỏ hết các hình ảnh của bà C. Ngày 12-10-2022 bà có đơn xin vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 11, 34, 584, 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C “Yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm” đối với bà Trần Thị T. Buộc bà T phải bồi thường thiệt hại cho bà C theo quy định của pháp luật; không chấp nhận yêu cầu của bà C yêu cầu bà T gỡ bỏ hình ảnh nhạy cảm, lời lẽ xúc phạm và công khai xin lỗi bà C trên mạng xã hội facebook.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim C1 phải công khai xin lỗi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng:* Bà Nguyễn Thị Kim C1 có đơn xin vắng mặt có lý do, nên Hội đồng xét xử đưa ra xét xử vắng mặt bà C1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Bà C yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm, nên Tòa án thụ lý xác định quan hệ tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại là phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung:* Bà C yêu cầu bà Trần Thị T phải gỡ bỏ hình ảnh của bà đăng trên mạng xã hội facebook vào năm 2020, 2021, công khai xin lỗi bà và yêu cầu bồi thường tổn thất về danh dự, nhân phẩm, uy tín với số tiền là 10.000.000 đồng; yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim C1 phải gỡ bỏ hình ảnh và công khai xin lỗi bà, do bà C1 gửi hình ảnh nhạy cảm của bà cho nhiều người xem.

[4] *Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:* Bà C cho rằng năm 2020, 2021 bà T sử dụng tài khoản facebook “G” để đăng khoảng 08 ảnh của bà, trong đó có 02 ảnh nhạy cảm thì bà T đã gỡ bỏ xong, còn 01 ảnh chụp phần ngực không mặc áo với gương mặt của bà và 05 ảnh chụp hình thì vẫn còn. Do bà T đăng hình ảnh nhạy cảm của bà lên mạng xã hội thì tinh thần ba mẹ con bà không ổn định, con bỏ học và không phụ làm với bà, việc nuôi bò sữa bị giảm sút. Tài liệu chứng cứ là 09 tờ

giấy in hình ảnh chụp qua điện thoại và chụp tin nhắn, trong đó có 03 ảnh nhạy cảm.

[4.1] *Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C cho rằng:* Việc bà T sử dụng tài khoản facebook “G” để đăng khoảng 08 ảnh của bà C, trong đó có 03 hình ảnh nhạy cảm, tại phiên tòa bà T là thừa nhận là sự kiện không phải chứng minh. Nguồn gốc hình ảnh đó bà T đăng không có sự đồng ý của bà C là vi phạm, việc bà C có chụp ảnh đi nữa thì người khác không có quyền đăng tải lên mạng xã hội, làm ảnh hưởng tinh thần của bà C và các con, làm bà C bị ảnh hưởng danh dự, nhân phẩm, uy tín với mọi người và việc làm ăn của bà bị giám sát..., nên bà C yêu cầu bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm với số tiền 10.000.000 đồng, công khai xin lỗi và gỡ bỏ hình ảnh của bà C trên mạng xã hội. Và yêu cầu bà C1 phải công khai xin lỗi bà C, gỡ bỏ hình ảnh của bà C trên mạng, do bà C1 chia sẻ ảnh nhạy cảm của bà C cho nhiều người xem làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm, uy tín nên yêu cầu của bà C là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Xét thấy, Q làm việc bà C cho rằng bà không biết ảnh của bà do ai chụp, từ đâu bà T có để đăng lên mạng. Bà T cho rằng do bà C gửi ảnh nhạy cảm của bà C cho bà, bà không nhớ có đăng ảnh của bà C lên mạng xã hội hay không, nhưng bà xác nhận tài khoản đăng ký sử dụng “ NG” và “TT” là của bà. Tại phiên tòa bà T thừa nhận bà có đăng lên mạng xã hội 03 hình ảnh nhạy cảm do bà C gửi cho bà, nhưng điện thoại đó bà đưa cho chồng bà xem thì chồng bà đã đập bể hư hỏng, nên bà không còn sử dụng.

[4.3] Qua thu thập hồ sơ làm việc tại Công an phường A, thị xã T thì thấy: Bà C thừa nhận 03 tấm ảnh nhạy cảm (khoả thân) là do bà C tự chụp trong điện thoại của bà để làm kỷ niệm, không gửi cho ai. Bà T thừa nhận do bà C gửi ảnh nhạy cảm cho bà, còn chửi mắng bà mới đăng lên mạng xã hội kèm theo lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà C, cho rằng bà C có mối quan hệ bất chính với chồng bà T. Và bà cũng đã cam kết không đăng hình ảnh nhạy cảm, chia sẻ lên mạng xã hội với mọi hình thức. Từ đó có cơ sở xác định các ảnh nhạy cảm (khoả thân) của bà C là do bà C chụp trong điện thoại của bà và gửi bằng Messenger cho bà T, mục đích là khiêu khích bà T, do bà T có ghen tuông giữa chồng bà với bà C có mối quan hệ không rõ ràng, từ đó bà T mới gửi tin nhắn ngày 09-3-2021 là chứng cứ do bà C cung cấp. Và nội dung tin nhắn này thể hiện bà C gửi ảnh nhạy cảm của bà cho bà T. Việc bà T đăng hình ảnh nhạy cảm của bà C lên mạng xã hội mà chưa được sự đồng ý của bà C là xâm phạm quyền riêng tư của bà C, nên bà T phải có trách nhiệm bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm cho bà C. Tuy nhiên, các hình ảnh bà T đăng là do bà C tự chụp trong điện thoại của bà gửi cho bà T qua mạng xã hội, nếu như bà C không gửi hình ảnh này thì bà T cũng không có hình ảnh của bà C để đăng lên mạng xã hội, nên bà C là người có một phần lỗi trong việc này. Do đó, buộc bà T có trách nhiệm bồi thường tổn thất về danh dự,

nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm cho bà C bằng 02 tháng lương cơ sở là 1.490.000 đồng x 02 = 2.980.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 584, 585, 592 của Bộ luật Dân sự.

[4.4] Về yêu cầu bà T công khai xin lỗi và gỡ bỏ hình ảnh của bà C trên mạng xã hội, việc này bà C đã xác định bà T đã gỡ bỏ hình ảnh nhạy cảm xong, hiện tại không có chứng cứ bà T tiếp tục đăng hình ảnh, lời lẽ xúc phạm bà C trên mạng xã hội, nên không có căn cứ chấp nhận.

[4.5] Xét yêu cầu đối với bà C1 thấy rằng: Qua thu thập hồ sơ làm việc tại Công an phường A và qua làm việc tại Tòa án thì bà C1 thừa nhận hình ảnh nhạy cảm của bà C là do bà T gửi cho bà, bà không có đăng hay gửi hình ảnh của bà C cho ai cả, bà chỉ đưa điện thoại cho bà H xem thôi. Từ khi Công an phường A mời làm việc thì bà đã xóa bỏ hết hình ảnh của bà C. Bà C cung cấp người làm chứng là bà Cao Thị Thanh Kim H1 và bà Trần Thị Bé B. Qua làm việc thì bà H1 và bà B đều xác nhận: hai bà là hàng xóm với bà C, bà C1, còn không quen biết với bà T. Bà C1 không có gửi hình ảnh nhạy cảm của bà C cho hai bà. Qua biên bản kiểm tra chi tiết điện thoại của bà C1 tại Công an phường A thì “ứng dụng Messenger tài khoản “Chi Nguyễn” thể hiện lúc 24 giờ 43 phút ngày 04-3-2021 có nhận 03 (ba) hình ảnh nhạy cảm từ tài khoản “TT”. Từ ngày 01-3-2021 đến nay thì tài khoản Messenger “Chi N” không có chia sẻ hình ảnh nhạy cảm cho tài khoản nào khác”. Từ đó có căn cứ xác định bà C1 nhận hình ảnh nhạy cảm của bà C từ bà T và bà C1 không chia sẻ cho ai, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C đối với bà C1.

[5] Xét lời trình bày của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có phần phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn yêu cầu bồi thường về danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm và có đơn xin được miễn tiền án phí, nên được miễn tiền án phí. Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 11, 34, 584, 585, 592 của Bộ luật Dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp “*Bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm*” của nguyên đơn bà Võ Thị C đối với bị đơn bà Trần Thị T.

Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ bồi thường cho bà Võ Thị C số tiền 2.980.000 (*Hai triệu chín trăm tám mươi nghìn*) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị C đối với bà Trần Thị T về gỡ bỏ hình ảnh nhạy cảm, công khai xin lỗi bà C trên mạng xã hội facebook.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C đối với bà Nguyễn Thị Kim C1 về yêu cầu công khai xin lỗi và gỡ bỏ hình ảnh của bà C trên mạng xã hội.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí: Bà C được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà T chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Nguyễn Thị An

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/DS-ST
Ngày: 07 - 3 - 2023
V/v Tranh chấp về Bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng do danh
dự, nhân phẩm bị xâm phạm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Oanh Kiều;

2. Ông Bùi Minh Châu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Sóc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2022/TLST-DS, ngày 14 tháng 10 năm 2022, về việc tranh chấp về Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do danh dự, nhân phẩm theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Dương Thị Huỳnh N, sinh năm 2002 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Lê Hoàng T, sinh năm 1990;

Địa chỉ cư trú: Khóm C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị Lê Thị Mỹ N, sinh ngày 01/01/1985; cư trú Khóm C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền, ngày 06/3/2023), (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Dương Thị Huỳnh N trình bày: Do

chị làm công nhân may trong Công ty may mặc Thái Dương tại thành phố H, thường xuyên tăng ca đêm, khoảng 21 giờ mới về nhà. Những ngày tăng ca, chị thường xuyên về ngủ lại tại nhà bà ngoại tên Huỳnh Thị M (cách nhà của chị khoảng 4-5 căn nhà). Nhà ngoại giáp vách tôn nhà của anh Lê Hoàng T (anh em chú bác ruột với chị), bà ngoại chị dùng màn vải che đỡ thành nhà tắm, khi chị đi làm về thì tắm và ngủ lại tại nhà ngoại.

Sáng ngày 07/7/2022, anh Lê Hoàng T đến gặp chị, đưa điện thoại di động cho xem thì phát hiện anh Lê Hoàng T đã nhiều lần quay lén chị và Dương Thị N đang tắm, ban đầu anh Lê Hoàng T chỉ thừa nhận quay lén một mình chị, nhưng sau này, chị phát hiện anh Lê Hoàng T còn quay lén chị Dương Thị N. Anh Lê Hoàng T còn đe dọa, muốn quan hệ tình dục với chị, nếu không đồng ý thì anh Lê Hoàng T sẽ đăng video và hình ảnh lên mạng xã hội, anh Lê Hoàng T còn kết bạn với chị trên facebook và gửi nhiều hình ảnh, video cho chị và phát tán trên mạng xã hội.

Chiều ngày 15/7/2022, hai chị em và gia đình có kêu anh Lê Hoàng T qua nói chuyện và kêu xóa hết những gì đã chụp được, anh Lê Hoàng T cầm một chiếc điện thoại đem qua có chụp hình chị không mặc đồ và video Dương Thị N đang tắm. Khi gia đình hỏi anh Lê Hoàng T chụp hình chị và đem lại cho xem, đang ở một mình để làm gì, muốn đe dọa ăn ở đúng không, anh Lê Hoàng T trả lời có nên hai người bạn trai mới nhào lại nhưng không đánh anh Lê Hoàng T, còn nói về bệnh tâm thần thì gia đình chị không chấp nhận. Sau đó, gia đình chị đã phát hiện bên vách tôn nhà anh Lê Hoàng T có khoét một lỗ nhỏ, dùng để quay lén chị khi tắm.

Khi phát hiện được sự việc, mẹ chị đã trình báo đến Công an phường An Lạc. Tại đây, anh Lê Hoàng T cũng thừa nhận hành vi của mình, mẹ chị đã giao nộp cho Công an 02 chiếc điện thoại có chứa hình ảnh, video của chị. Công an có đến nhà bà ngoại chị và có thấy toàn cảnh nhà tắm bị khoét vách.

Ngày 03/8/2022, Công an phường An Lạc có mời hai bên đến giải quyết. Sau đó, vụ việc còn được Công an thành phố H giải quyết bằng cách xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của anh Lê Hoàng T. Do nghĩ tình nghĩa bà con nên chị không yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi của anh Lê Hoàng T. Tuy nhiên, hành vi vi phạm này đã gây thiệt hại, tổn thất về tinh thần và danh dự, nhân phẩm của chị.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Dương Thị Huỳnh N yêu cầu giải quyết buộc anh Lê Hoàng T phải bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm với số tiền 14.900.000đồng. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Trong Tờ tường trình đề ngày 28/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn là anh Lê Hoàng T, cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của bị đơn bị đơn trình bày: Do nhà anh Lê Hoàng T với Dương Thị Huỳnh N có chung một vách, nhà tắm bên nhà Dương Thị Huỳnh N sử dụng vách của nhà anh Lê Hoàng T, do vật liệu bằng thiếc, lâu ngày bị sét, lủng lỗ. Do tính hiếu kỳ, anh Lê Hoàng T có xem hai chị em Dương Thị

Huỳnh N và Dương Thị N tắm. Bản thân anh Lê Hoàng T cũng bị tai nạn giao thông ảnh hưởng đến tinh thần không ổn định về nhận thức, rối loạn hành vi, rối loạn nhân cách sống (có bệnh án của bác sĩ), nên anh Lê Hoàng T có chụp hình Dương Thị Huỳnh N và Dương Thị N tắm không mặc quần áo. Anh Lê Hoàng T thừa nhận có quay lén Dương Thị Huỳnh N và Dương Thị N là vì thỏa mãn cá nhân, anh Lê Hoàng T không có đe dọa và muốn quan hệ với Dương Thị Huỳnh N và không có đăng hình ảnh lên mạng xã hội.

Không nhận thức được đầy đủ hành vi nên sáng ngày 07/7/2022, anh Lê Hoàng T có mang hình chụp đến nhà cho Dương Thị Huỳnh N xem rồi về. Đến chiều cùng ngày, gia đình hai bên có gặp nhau để trao đổi sự việc, anh Lê Hoàng T thừa nhận hành vi sai trái và có xin lỗi hai chị em cùng tất cả những người có mặt trong gia đình. Tuy nhiên, gia đình Dương Thị Huỳnh N không chấp nhận mà có hai người gọi là Bamo và Khang nhào đến đánh anh Lê Hoàng T, còn Dương Thị N thì giật lấy điện thoại và giữ luôn.

Khoảng 00 giờ 34 phút, ngày 08/7/2022, gia đình Dương Thị Huỳnh N chọi đá, đập phá nhà cửa, đòi đốt nhà và có những lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm gia đình anh Lê Hoàng T. Khoảng 08 giờ, ngày 08/7/2022 gia đình Dương Thị Huỳnh N tiếp tục kéo đến nhà, dùng lời lẽ thô tục chửi mắng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm gia đình anh Lê Hoàng T. Gia đình anh Lê Hoàng T tiếp tục đến nhà xin lỗi, nhưng một lần nữa gia đình Dương Thị Huỳnh N khẳng định không chấp nhận bồi thường, mà muốn đưa ra pháp luật. Sau khi ra pháp luật, anh Lê Hoàng T đã bị xử phạt vi phạm hành chính số tiền 6.500.000đồng và đã nộp phạt.

Qua yêu cầu của chị Dương Thị Huỳnh N, anh Lê Hoàng T không thống nhất bồi thường thiệt hại với số tiền 14.900.000đồng. Anh Lê Hoàng T thống nhất bồi thường số tiền 7.450.000đồng. Vì tuy anh Lê Hoàng T có lỗi nhưng thiệt hại không lớn, Dương Thị Huỳnh N không ảnh hưởng nhiều đến tinh thần, vẫn đi làm, vẫn giao tiếp xã hội bình thường. Ngược lại còn có hành vi liên tục xâm phạm về nhân phẩm và danh dự cho bản thân và gia đình anh Lê Hoàng T; anh Lê Hoàng T cũng là người bị bệnh, tinh thần không ổn định, không kiểm soát được hành vi của bản thân. Anh Lê Hoàng T không yêu cầu Dương Thị Huỳnh N bồi thường thiệt hại về các hành vi nêu trên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Lê Hoàng T bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm với số tiền 7.450.000đồng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh Lê Hoàng T phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm với số tiền 14.900.000đồng theo quy định của pháp luật được quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh Lê Hoàng T không yêu cầu chị Dương Thị N bồi thường thiệt hại về tài sản, danh dự nhân phẩm; còn chị Dương Thị N không yêu cầu bồi thường các chi phí hợp lý để hạn chế, khắc phục thiệt hại, thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn, xét thấy các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được Tòa án thu thập tại Công an phường An Lạc và anh Lê Hoàng T đã thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm pháp luật cụ thể là anh Lê Hoàng T đã có hành vi dùng điện thoại di động chụp hình và quay video cảnh khỏa thân của chị Dương Thị Huỳnh N; đồng thời, anh Lê Hoàng T bị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 6.500.000đồng, vì đã có thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Quấy rối tình dục theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 7 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP, ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội.

[4] Xét thấy việc anh Lê Hoàng T đã có hành vi dùng điện thoại di động để chụp hình lúc chị Dương Thị Huỳnh N đang tắm (không mặc quần, áo), không được chị Dương Thị Huỳnh N đồng ý. Do đó, anh Lê Hoàng T đã xâm phạm đến quyền nhân thân của chị Dương Thị Huỳnh N, đã xâm phạm trực tiếp đến danh dự, nhân phẩm của chị Dương Thị Huỳnh N. Căn cứ vào Điều 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định, để buộc anh Lê Hoàng T phải bồi thường thiệt hại một khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần mà chị Dương Thị Huỳnh N gánh chịu. Tuy nhiên, chị Dương Thị Huỳnh N yêu cầu anh Lê Hoàng T phải bồi thường số tiền 14.900.000đồng (tương đương 10 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định) là quá cao so với tổn thất về tinh thần của chị Dương Thị Huỳnh N nên cần phải điều chỉnh lại số tiền bồi thường thiệt hại cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Anh Lê Hoàng T đồng ý bồi thường thiệt hại cho chị Dương Thị Huỳnh N số tiền 7.450.000đồng, xét thấy: Cũng như phân tích nêu trên, anh Lê Hoàng T đã có hành vi dùng điện thoại di động để chụp hình lúc chị Dương Thị Huỳnh N đang tắm (không mặc quần, áo) là sai với quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của chị Dương Thị Huỳnh N, làm cho chị Dương Thị Huỳnh N bị tổn thất về tinh thần nên anh Lê Hoàng T đồng ý bồi thường thiệt hại cho chị Dương Thị Huỳnh N số tiền 7.450.000đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có một phần chứng cứ, nên chấp nhận một phần.

[7] Để đảm bảo quyền lợi cho chị Dương Thị Huỳnh N trong quá trình thi hành án. Kể từ ngày chị Dương Thị Huỳnh N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh Lê Hoàng T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Lê Hoàng T phải bồi thường thiệt hại với số tiền 7.450.000đồng là có chứng cứ, nên chấp nhận.

[9] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 12, 14, 15 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9.1] Chị Dương Thị Huỳnh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, nhưng chị Dương Thị Huỳnh N thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí.

[9.2] Anh Lê Hoàng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $7.450.000\text{đồng} \times 5\% = 372.500\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 584, 585, 592 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 12, 14, 15 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Lê Hoàng T phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm cho chị Dương Thị Huỳnh N với số tiền 7.450.000đồng (Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Dương Thị Huỳnh N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh Lê Hoàng T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

(Bản án này được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị)

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Dương Thị Huỳnh N thuộc trường hợp được miễn tiền án phí.

Anh Lê Hoàng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 372.500đồng (Ba trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Chị Dương Thị Huỳnh N và anh Lê Hoàng T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 07 tháng 3 năm 2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Trung

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2022/ DS-PT
Ngày: 14-7-2022
V/v tranh chấp về nghĩa vụ của
chủ sở hữu trong việc thoát nước mưa,
bồi thường thiệt hại do danh dự,
nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán:

Ông Võ Công Phương

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Lệ Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp về nghĩa vụ của chủ sở hữu trong việc thoát nước mưa, bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2022/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 119/2022/QĐXXPT-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Vợ chồng ông Nguyễn Công Tráng, bà Nguyễn Thị Minh Hiếu (có mặt)

Cư trú tại: Xóm 3, thôn Gia An Đông, xã Hoài Châu Bắc, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- **Bị đơn:**

1. Bà Lê Thị Thanh Trang, sinh năm 1977 (có mặt)

2. Chị Trần Thị Bích Trâm, sinh năm 1998 (có mặt)

Cùng cư trú tại: Xóm 3, thôn Gia An Đông, xã Hoài Châu Bắc, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Hồng An, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cư trú tại: Xóm 3, thôn Gia An Đông, xã Hoài Châu Bắc, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Bà Lê Thị Mai, sinh năm 1959 (có mặt)

Cư trú tại: Xóm 1, thôn An Quý Bắc, xã Hoài Châu, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Thanh Trang, chị Trần Thị Bích Trâm – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Công Tráng, bà Nguyễn Thị Minh Hiếu thống nhất trình bày:

Thửa đất số 1054 tờ bản đồ số 16 tại thôn Gia An Đông xã Hoài Châu Bắc thuộc quyền sử dụng của ông bà theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02197 do Ủy ban nhân dân thị xã Hoài Nhơn cấp ngày 25/9/2007. Liên kê là thửa đất của bà Lê Thị Mai ở thôn An Quý Bắc, xã Hoài Châu đã cho bà Trang thuê, Nhà hàng An Trang có trên đất là của bà Trang. Mái nhà hàng của bà Trang nghiêng về phần đất thuộc quyền sử dụng của ông bà, tuy có lắp đặt ống dẫn nước mưa nhưng ống đã bị đứt gãy, hư hỏng dẫn đến nước mưa chảy xuống đất của ông bà. Ông bà đã có ý kiến nhưng bà Trang không khắc phục. Ông bà yêu cầu bà Trang phải lắp đặt, sửa chữa đường dẫn nước, không để nước mưa từ mái Nhà hàng An Trang chảy sang đất của ông bà.

Khoảng 18 giờ ngày 03/9/2020, bà Hiếu tưới cây trong vườn vô tình làm bắn nước sang Nhà hàng An Trang, bị bà Trang chửi. Từ đó, bà Trang dùng những lời lẽ thô tục, chửi bới, đưa ra những thông tin sai sự thật xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, hăm dọa vợ chồng ông bà như: Nói bà Hiếu là có chồng mà theo trai, chửi ông Tráng là bác sĩ ngu, vợ mày (tức bà Hiếu) đã ngu mày (tức ông Tráng) còn ngu hơn.... Bà Trang còn quay camera qua nhà nên bà Hiếu đã làm miếng che bằng các thanh gỗ, sắt giăng lưới che lan và treo một mảnh vải màu trắng cắt ra từ áo thun của ông Tráng. Bà Trang đã làm đơn đề ngày 03/10/2020 gửi đến Đảng bộ Trung tâm Y tế Hoài Nhơn là nơi ông Tráng bà Hiếu công tác, Đảng ủy - Ủy ban nhân dân thị xã Hoài Nhơn với những thông tin vu khống, sai sự thật làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của vợ chồng ông Tráng bà Hiếu như: Nói bà Hiếu chửi bới nhiều lần; xịt nước qua nhà hàng làm ướt sơn tường; ông Tráng hăm dọa, chửi bới; bà Hiếu xịt nước làm ướt rèm, bàn ghế nhà hàng và ướt khách; bà Hiếu kêu khách đang ăn trong nhà hàng ra bảo đừng ăn rồi phun nước bọt; nói bà Hiếu và ông Tráng gây chuyện, chửi bới, xúc phạm, điện thoại đường dây nóng phá kính tế, tinh thần nhà hàng An Trang; ông Tráng treo quần lót cách tường nhà hàng 1,5m; cho rằng gia đình ông Tráng bà Hiếu gây ảnh hưởng xấu đến gia đình An Trang, không đúng với bản chất cán bộ, mất tình làng nghĩa xóm, gây mất không khí yên ổn khu dân cư.

Ngày 07/10/2020, Trần Thị Bích Trâm (là con bà Trang) chụp ảnh tấm che có miếng vải của nhà ông bà và đăng công khai lên facebook “Bích Trâm” có nội dung không đúng rằng “Nhà bác sĩ gần nhà tôi (ám chỉ ông Tráng bà Hiếu) lấy quần lót treo sát bàn ăn nhà hàng tôi gây phản cảm trước mặt khách”. Ngày 08/10/2020, chị Trâm tiếp tục livestream lên facebook với nội dung bôi nhọ, nhân phẩm, danh dự, uy tín của vợ chồng ông bà (như cho rằng bà Hiếu phá hoại việc kinh doanh, nói ông Tráng treo quần lót, gây ô nhiễm môi trường, cho rằng ông bà không cho khách vào ăn, không có đạo đức... trong khi ông bà không làm). Chị Trâm còn có lời lẽ lôi kéo, kích động cộng đồng mạng chửi rửa, buông lời ác ý, thậm tệ đến gia đình ông bà. Các ngày 9, 11, 12, 13, 15, 17, 18, 24/10/2020, chị Trâm tiếp tục chia sẻ lại nội dung đã livestream ngày 08/10/2020 và đăng nội dung xúc phạm ông Tráng bà Hiếu trên facebook. Chị Trâm chia sẻ lên các facebook khác là “Mua bán nhà đất thị xã Hoài Nhơn”, “Chợ sinh viên ĐH Qui Nhơn”. Việc đăng facebook của chị Trâm nhận được nhiều bình luận phê phán, chê bai, chửi bới, đe dọa ông bà như: “Bs đảng viên mà cư xử như bụi đời...” của nickname Thienly Thienly, “Một gia đình bác sĩ cấp trưởng phòng trung tâm y tế mà xử lý với hàng xóm thiếu văn hóa vậy?” của nickname Hoàng Võ Thái, “Bác sĩ quá tồi tệ” của nickname Đoàn Võ, “Em quăng quả bom vô nhà cho chị” của nickname Đồng Niên, “Bác sĩ Tráng ah. Nghe tên đã muốn ứa gan. Đốt nhà nó đi” của Phu Trương Minh, bà Trang bình luận “Đảng viên cán bộ mà làm chuyện ô uế xã hội đáng lên án”, chị Trâm bình luận “Chia sẻ mạnh cho ông rút đảng a, cán bộ ai làm chuyện ô uế zậy”... Nhiều bình luận hiện nay đã bị xóa không còn trên facebook của chị Trâm nữa. Ngày 15/11/2021 chị Trâm chia sẻ livestream của bà Trang tại facebook “An Trang” có nội dung không đúng về ông bà. Những điều bà Trang, chị Trâm nói, chia sẻ là ý kiến cá nhân và sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của ông bà. Sự việc đã được Ủy ban nhân dân xã Hoài Châu Bắc hòa giải nhưng bà Trang, Trâm không nhìn nhận lỗi của mình.

Nay vợ chồng ông Tráng bà Hiếu yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Trang phải lắp đặt đường dẫn nước không để nước mưa từ mái nhà hàng chảy sang đất của ông bà.

- Bác bỏ những thông tin sai sự thật mà bà Trang và chị Trâm đã đưa ra gây ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông bà trên facebook và tại đơn đề ngày 03/10/2020 gửi Đảng bộ Trung tâm Y tế Hoài Nhơn.

- Buộc chị Trâm gỡ bỏ livestream và những bài đăng, chia sẻ trên trang facebook “Bích Trâm” các ngày 7, 8, 9, 11, 12, 13, 15, 17, 18, 24/10/2020, 15/11/2021 và chia sẻ trên các trang facebook “Mua bán nhà đất thị xã Hoài Nhơn”, “Chợ sinh viên ĐH Qui Nhơn”, có nội dung chửi bới, xúc phạm, đưa thông tin không có thật gây ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông bà.

- Buộc bà Trang và chị Trâm phải xin lỗi, cải chính công khai tại trụ sở thôn Gia An Đông, xã Hoài Châu Bắc, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Buộc bà Trang và chị Trâm bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông bà bị xâm phạm, ông bà chỉ yêu cầu bù đắp tổn thất về tinh thần cho mỗi người bằng hai lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

Trước đây, bà Trang lắp camera quay sang nhà của ông bà, quay phim, chụp hình, xâm phạm đến đời sống riêng tư. Vì vậy, ông bà có yêu cầu bà Trang không

được quay camera sang nhà ông bà. Nhưng sau đó đến nay, bà Trang không để camera quay sang nữa nên ông bà rút yêu cầu này. Ông bà yêu cầu bà Trang, chị Trâm bồi thường thu nhập bị mất là 2.400.000 đồng nhằm để bà Trang, chị Trâm thấy được cái sai và phải chịu trách nhiệm cho hành vi sai trái của mình chứ không cần số tiền bồi thường này. Ông bà cũng yêu cầu chị Trâm phải cải chính thông tin trên facebook “Bích Trâm” nhưng thấy rằng chỉ cần bà Trang, chị Trâm xin lỗi, cải chính công khai tại nơi cư trú là đủ. Vì vậy, ông bà xin rút các yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Bị đơn bà Lê Thị Thanh Trang trình bày:

Giữa gia đình bà và nhà ông Tráng đã có mâu thuẫn từ năm 2019 đến năm 2021. Nhà hàng An Trang thuộc sở hữu của bà và chồng là ông Nguyễn Hồng An. Vợ chồng bà thuê đất của vợ chồng ông Mỹ bà Mai ở thôn An Quý Bắc xã Hoài Châu để xây dựng nhà hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống. Mái nhà hàng có máng và đường ống thoát nước mưa xuống đất được làm từ khi mới xây dựng nhà hàng năm 2016, hiện vẫn hoạt động tốt. Những cơn mưa bình thường thì không có nước mưa chảy qua đất của ông Tráng. Còn lúc mưa bão, gió lớn thì có thể có nước tạt qua đất ông Tráng do gió quá lớn. Khi mưa to bà có kiểm tra nhưng không thấy nước chảy qua nhà ông Tráng. Nước mưa chảy qua là do hàng rào nhà ông Tráng nghiêng về phía nhà hàng của bà, khiến nước mưa không chảy trên phần đất của nhà hàng được. Đường ống nước có nứt nhưng nước không chảy sang, vì thời gian thuê chỉ còn vài năm, việc sửa chữa cần phải nhờ qua đất của ông Tráng nên bà không sửa được. Ông Tráng bà Hiếu cho rằng nước chảy qua đất là không đúng, bà không chấp nhận yêu cầu của ông Tráng bà Hiếu. Còn các video nước mưa chảy là do ông Tráng bà Hiếu tự quay nên bà không xác định được đúng sai.

Camera của Nhà hàng An Trang lúc mới lắp chưa ổn định đang chỉnh sửa nên có quay sang nhà ông Tráng nhưng sau đó đã chỉnh lại. Từ đó đến nay không quay qua nhà ông Tráng, không xâm phạm gì đời tư của nhà ông Tráng.

Bà có làm đơn đề ngày 03/10/2020 gửi Trung tâm Y tế Hoài Nhơn, Thị ủy Hoài Nhơn để phản ánh những việc làm không đúng của ông Tráng bà Hiếu. Những thông tin bà phản ánh là đúng sự thật. Ông Tráng treo quần lót của vợ gây phản cảm cho khách ăn tại nhà hàng nên bà phản ánh. Bà không làm gì sai, không xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông Tráng bà Hiếu nên không chấp nhận các yêu cầu của ông Tráng bà Hiếu. Ông bà bị stress là bịạ đặt chứ không ảnh hưởng gì từ bà. Bà Trang không chấp nhận yêu cầu bồi thường của ông Tráng bà Hiếu.

Bị đơn chị Trần Thị Bích Trâm trình bày:

Facebook “Bích Trâm” là trang facebook cá nhân của chị do chị lập nên, quản lý, sử dụng. Từ ngày 07/10/2020, chị có chụp hình đăng công khai và ngày 08/10/2020 livestream thực tế hình ảnh ông Tráng bà Hiếu treo quần lót gây phản cảm cho hoạt động kinh doanh tại Nhà hàng An Trang của mẹ chị. Trước khi livestream có gọi điện thoại báo cho Công an thôn, trưởng thôn Gia An Đông và Công an xã Hoài Châu Bắc. Sau khi livestream xong thì khoảng 15h chiều cùng ngày có công an xã và bí thư thôn đến kiểm tra, chứng kiến. Qua ngày hôm sau có bí thư xã đến chứng kiến việc treo quần lót gây phản cảm này. Ngoài ra, chị còn

chia sẻ lên các trang facebook “Mua bán nhà đất thị xã Hoài Nhơn”, “Chợ sinh viên ĐH Qui Nhơn”. Các ngày 11, 12, 13, 15, 17, 18, 24/10/2020, 15/11/2021 chị tiếp tục đăng bài, chia sẻ lại livestream ngày 08/10/2020 và livestream của bà Trang để phản ánh cho mọi người biết việc làm thiếu ý thức, sai trái, phản cảm của ông Tráng bà Hiếu. Hiện nay, những bài đăng này vẫn còn trên facebook, các bình luận như ông Tráng bà Hiếu nói là đúng, những bình luận này hiện còn hay không chị không rõ vì đã lâu không xem. Chị khẳng định ông Tráng bà Hiếu treo quần lót cũ gây phản cảm, có khách ăn tại nhà hàng chứng kiến, chị chỉ đăng facebook phản ánh đúng sự thật nên không đồng ý gỡ bỏ. Việc livestream, đăng bài với nội dung ông Tráng bà Hiếu treo quần lót gây phản cảm là để chia sẻ, phản ánh sự thật việc ông Tráng bà Hiếu làm cho mọi người biết và đánh giá chứ không xúc phạm gì ông Tráng bà Hiếu. Chị Trâm không đồng ý với yêu cầu của ông Tráng bà Hiếu bắt chị phải gỡ bài, xin lỗi, cải chính và bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hồng An trình bày: Ông là chồng của bà Trang, đồng sở hữu Nhà hàng An Trang với bà Trang. Mái của nhà hàng được lợp bằng tôle. Khi làm mái nhà hàng đã làm hệ thống hứng và dẫn xuống đất bằng ống nhựa PVC phi 110 vào năm 2016, có 4 đường ống dẫn xuống đất. Hệ thống thoát nước mưa của nhà hàng hoạt động tốt nên nước không chảy qua đất của ông Tráng, chỉ khi mưa to gió lớn, nước mới văng qua. Hàng rào của ông Tráng đang nghiêng qua nhà hàng nên nước mưa không chảy toàn bộ trên đất của nhà hàng được. Camera nhà hàng của ông dùng để quay an ninh trong nhà hàng, không quay sang nhà ông Tráng. Hệ thống thoát nước mưa có chỗ bị xệ, đầu nối bị hở chứ không phải bị nứt như bà Trang khai và đã được sửa chữa. Ông đề nghị Tòa án giải quyết công tâm, đúng pháp luật.

2. Bà Lê Thị Mai trình bày: Thửa đất số 272A tờ bản đồ số 13 tại thôn Gia An Đông xã Hoài Châu Bắc thuộc quyền sử dụng của bà. Bà cho bà Trang thuê từ năm 2016 thời hạn thuê là 07 năm. Tài sản là nhà hàng có trên đất là của bà Trang xây dựng sau khi thuê đất của bà. Bà chỉ cho bà Trang thuê đất, ngoài ra không có liên quan gì khác. Bà đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2022/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Công Tráng bà Nguyễn Thị Minh Hiếu.

1.1. Buộc bà Lê Thị Thanh Trang là chủ sở hữu Nhà hàng An Trang tại thôn Gia An Đông xã Hoài Châu Bắc, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định phải lắp đặt đường dẫn nước sao cho nước mưa từ mái nhà hàng của mình không được chảy xuống thửa đất số 1054 tờ bản đồ số 16 xã Hoài Châu Bắc của ông Nguyễn Công Tráng bà Nguyễn Thị Minh Hiếu.

1.2. Bác bỏ thông tin sai sự thật “ông Tráng bà Hiếu treo quần lót gây phản cảm, hành xử thiếu ý thức” của chị Trần Thị Bích Trâm đối với ông Nguyễn Công Tráng bà Nguyễn Thị Minh Hiếu được đăng trên các trang facebook “Bích Trâm” (địa chỉ: <https://www.facebook.com/tram.hams.98>), “Mua bán nhà đất thị xã Hoài Nhơn” (địa chỉ: <https://www.facebook.com/groups/1373216206107280>) và “Chợ

sinh viên ĐH Qui Nhơn” (địa chỉ: <https://www.facebook.com/groups/chosvdhquynhon>). Bác bỏ thông tin sai sự thật về ông Nguyễn Công Tráng bà Nguyễn Thị Minh Hiếu được bà Lê Thị Thanh Trang thể hiện tại Đơn phản ánh và kiến nghị xử lý đề ngày 03/10/2020 gửi Đảng ủy Trung tâm Y tế Hoài Nhơn.

1.3. Buộc bà Lê Thị Thanh Trang và chị Trần Thị Bích Trâm xin lỗi công khai ông Nguyễn Công Tráng bà Nguyễn Thị Minh Hiếu và cải chính công khai thông tin sai sự thật về ông Nguyễn Công Tráng bà Nguyễn Thị Minh Hiếu, tại trụ sở thôn Gia An Đông, xã Hoài Châu Bắc, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.4. Buộc bà Trần Thị Bích Trâm phải gỡ bỏ livestream và các bài đăng sau, trên facebook “Bích Trâm” (địa chỉ: <https://www.facebook.com/tram.hams.98>):

- Ngày 07/10/2020, ảnh và bài viết trên facebook “Bích Trâm” có nội dung “Nhà bác sĩ gần nhà tôi lấy quần lót treo sát bàn ăn nhà hàng tôi gây phản cảm trước mặt khách”

- Ngày 08/10/2020, trên facebook “Bích Trâm”, phát trực tiếp với Lên Dang và 7 người khác, có nội dung “Mọi người ơi xóm 3, thôn gia an đông, xã hoài châu bắc, thị xã hoài Nhơn, tỉnh bình định.... có Một bác sĩ-một trưởng phòng hồi sức hoài nhơn lấy quần lót vợ treo lên sát....” và bài viết có nội dung “Vợ chồng bác sĩ – trưởng phòng hồi sức ở sát nhà hàng an trang làm tại trung tâm y tế hoài nhơn tam quan TREO QUẦN LÓT gây phản cảm” cùng nội dung chia sẻ lại livestream ngày 08/10/2020.

- Ngày 09/10/2020, trên facebook “Bích Trâm”, bài viết có nội dung “Thienly Thienly” cùng nội dung chia sẻ lại livestream ngày 08/10/2020.

- Ngày 11/10/2020, trên facebook “Bích Trâm”, bài viết có nội dung “Phải nghiêm chỉnh điều chỉnh thái độ đạo đức lấy lại lẽ phải công lý cho nhân dân” cùng nội dung chia sẻ lại livestream ngày 08/10/2020.

- Ngày 12/10/2020, trên facebook “Bích Trâm”, nội dung chia sẻ lại livestream ngày 08/10/2020.

- Ngày 13/10/2020, trên facebook “Bích Trâm”, bài viết và ảnh có nội dung “Có học thức địa vị trong xã hội lại hành xử thiếu ý thức của một bác sĩ-một trưởng phòng hồi sức trung tâm y tế hoài nhơn...”

- Ngày 15/10/2020 và ngày 17/10/2020, trên facebook “Bích Trâm”, nội dung chia sẻ lại livestream ngày 08/10/2020.

- Ngày 18/10/2020, trên facebook “Bích Trâm”, bài viết có nội dung “Cần phải thay đổi điều chỉnh cách sống với những người xung quang” cùng nội dung chia sẻ lại livestream ngày 08/10/2020.

- Cùng ngày 24/10/2020, trên facebook “Bích Trâm”, nội dung chia sẻ lại livestream ngày 08/10/2020, bài viết có nội dung “Những hành động gây bức xúc cần phải phản ánh” cùng nội dung chia sẻ lại livestream ngày 08/10/2020 và bài viết có nội dung “Những hành động thiếu ý thức của những người gương mẫu cần phải phản ánh lên các cơ quan có thẩm quyền” cùng nội dung chia sẻ lại bài viết và ảnh đã đăng ngày 07/10/2020

- Ngày 15/11/2021, trên facebook “Bích Trâm”, nội dung chia sẻ livestream của facebook “An Trang” phát trực tiếp ngày 15/11/2021.

Và gỡ bỏ các bài viết chia sẻ tại trang facebook “Mua bán nhà đất thị xã Hoài Nhơn” (địa chỉ: <https://www.facebook.com/groups/1373216206107280/search/?q=b%C3%ADch%20tr%C3%A2m>) vào các ngày 06/10/2020, 07/5/2021, 08/5/2021, 15/11/2021; tại trang facebook “Chợ Sinh Viên ĐH Quy Nhơn” (địa chỉ: <https://www.facebook.com/groups/277799995696923/search?q=b%C3%ADch%20tr%C3%A2m>) vào các ngày 06/10/2020, 07/10/2020, 11/10/2020, 12/10/2020, 13/10/2020, 08/5/2021.

Thời gian chị Trần Thị Bích Trâm phải gỡ bỏ là khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.5. Buộc bà Lê Thị Thanh Trang và chị Trần Thị Bích Trâm phải liên đới bồi thường theo phần bằng nhau khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần, mỗi người phải bồi thường cho ông Nguyễn Công Tráng số tiền 1.490.000 đồng (Một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) và cho bà Nguyễn Thị Minh Hiếu số tiền 1.490.000 đồng (Một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

1.6. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bảo vệ quyền về đời sống riêng tư, yêu cầu chị Trần Thị Bích Trâm phải cải chính thông tin trên facebook “Bích Trâm” và yêu cầu bồi thường thiệt hại về thu nhập thực tế bị mất của ông Nguyễn Công Tráng bà Nguyễn Thị Minh Hiếu.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm chậm thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 22/02/2022, bị đơn bà Lê Thị Thanh Trang và chị Trần Thị Bích Trâm kháng cáo, cụ thể: Bà Trang kháng cáo yêu cầu xem xét, giải quyết lại về việc thoát nước mưa, việc buộc xin lỗi công khai ông Trang bà Hiếu và buộc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật; Chị Trâm kháng cáo yêu cầu xem xét, giải quyết lại theo đúng pháp luật về việc gỡ bỏ livestream, xin lỗi công khai và bồi thường thiệt hại.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt ông Nguyễn Hồng An là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Trang, chị Trâm, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Qua xem xét thẩm định tại chỗ và nội dung các video ghi lại cảnh nước mưa chảy qua đất do ông Tráng bà Hiếu cung cấp, thấy rằng: Hệ thống thoát nước mưa bằng ống nhựa PVC đường kính 11cm của mái Nhà hàng An Trang tại vị trí giữa và phía Nam không được nối ống dẫn xuống đất, ống dẫn nằm trên tường rào

của ông Tráng, một số vị trí kết nối đã bị cong vênh, hở, ống nhựa không đủ lớn để gom hết lượng nước mưa từ mái đổ xuống và dẫn nước thoát đúng vị trí. Nước mưa từ hệ thống thoát nước này chảy trên phần đất thuộc quyền sử dụng của ông Tráng bà Hiếu. Bà Trang cũng thừa nhận, lúc mưa bão có gió lớn thì có thể có nước mưa tạt qua đất nhà ông Tráng. Như vậy, hệ thống thoát nước mưa của mái Nhà hàng An Trang không hoạt động tốt, không đảm bảo việc dẫn và thoát nước, dẫn đến nước mưa chảy xuống đất của ông Tráng bà Hiếu là có cơ sở.

[2.2] Bà Trang thừa nhận nội dung “Đơn phản ánh và kiến nghị xử lý những việc làm gây bức xúc tại nơi cư trú của ông Nguyễn Công Tráng và bà Nguyễn Thị Minh Hiếu” đề ngày 03/10/2020 là do bà làm và gửi đến Thị ủy Hoài Nhơn, Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn. Bà Trang cho rằng nội dung trong đơn bà phản ánh là đúng những việc làm của ông Tráng bà Hiếu nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đây là sự thật. Mặt khác, qua kết quả kiểm tra, xác minh đơn Đảng ủy Trung tâm Y tế Hoài Nhơn cũng không kết luận vợ chồng ông Tráng bà Hiếu có những hành vi như nội dung như bà Trang phản ánh. Do đó, không có căn cứ để xác định những điều bà Trang phản ánh về ông Tráng bà Hiếu là đúng sự thật.

Chị Trâm và bà Trang khẳng định vật màu trắng mà ông Tráng bà Hiếu treo là quần lót cũ, treo gây phản cảm nhưng lại không chứng minh được đây đúng là quần lót. Những người làm chứng mà bà Trang yêu cầu, đều khai rằng chỉ thấy một mảnh vải màu trắng và không xác định được đó là vật gì. Theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài sản do Công an xã Hoài Châu Bắc lập ngày 09/10/2020 đã ghi nhận: “01 miếng vải màu trắng có đặc điểm như sau: miếng vải có chất liệu vải thun, màu trắng hồng nhạt kích thước (47x37)cm, có hai vết cắt kích thước (49x37) cm, có ba đường viền khâu gấp ở mép miếng vải”. Vì vậy, không có căn cứ để xác định vật ông Tráng bà Hiếu đã treo là quần lót, mà đây là mảnh vải được cắt ra từ áo thun như bà Hiếu khai là đúng. Việc bà Trang, chị Trâm cho rằng ông Tráng bà Hiếu treo quần lót gây phản cảm, hành xử thiếu ý thức... là không đúng sự thật. Bà Trang phản ánh trong đơn gửi nơi ông Tráng bà Hiếu công tác, còn chị Trâm chia sẻ nhiều lần nội dung không đúng sự thật này trên facebook đã gây hiểu nhầm, đánh giá không tốt của người xem facebook đối với ông Tráng bà Hiếu. Thực tế, các bài đăng của chị Trâm đã nhận được những bình luận không tốt về ông Tráng bà Hiếu như: “Bs đảng viên mà cư xử như bụi đời...”, “Một gia đình bác sĩ cấp trưởng phòng trung tâm y tế mà xử lý với hàng xóm thiếu văn hóa vậy?” “Bác sĩ quá tồi tệ” “Bác sĩ Tráng ah. Nghe tên đã muốn ứa gan. Đốt nhà nó đi”... Mặt khác, ông Tráng bà Hiếu dựng tấm che, treo mảnh vải trên không gian phần đất thuộc quyền sử dụng của mình. Đây là những việc làm thuộc sinh hoạt cá nhân thường ngày của gia đình ông Tráng bà Hiếu, không vi phạm pháp luật. Những vật mà ông Tráng bà Hiếu treo không phải là vật cấm theo qui định của pháp luật. Trường hợp ông Tráng bà Hiếu có treo vật gây phản cảm, trái thuần phong, mỹ tục ... thì bà Trang, chị Trâm có thể góp ý, nhắc nhở hoặc phải do cơ quan có thẩm quyền xử lý. Nhà hàng An Trang có rèm che nên bà Trang chỉ cần che rèm là đảm bảo tính thẩm mỹ cho nhà hàng của mình.

Hành vi phản ánh thông tin sai sự thật của bà Trang tại đơn gửi cơ quan chức năng và hành vi đăng tải, chia sẻ thông tin sai sự thật của chị Trâm trên

facebook, làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông Tráng bà Hiếu. Vì vậy, căn cứ theo Điều 34 Bộ luật dân sự năm 2015 Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Tráng bà Hiếu, bác bỏ những thông tin sai sự thật mà bà Trang, chị Trâm đã đưa ra, buộc chị Trâm phải gỡ bỏ livestream và các bài đăng trên facebook sai sự thật về ông Tráng bà Hiếu và buộc bà Trang chị Trâm xin lỗi công khai và cải chính công khai thông tin sai sự thật về ông Nguyễn Công Tráng bà Nguyễn Thị Minh Hiếu tại trụ sở thôn Gia An Đông, xã Hoài Châu Bắc, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định là phù hợp với quy định pháp luật.

Những thông tin sai sự thật của bà Trang, chị Trâm đã làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông Tráng bà Hiếu. Tùy theo tính chất mức độ và hậu quả xảy ra hành vi đó có thể bị bồi thường thiệt hại, xin lỗi công khai, bị xử phạt hành chính hay bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Bị đơn cho rằng văn bản số 69/CATX-AN ngày 21/01/2021 của Công an thị xã Hoài Nhơn đã giải quyết bà Trang, chị Trâm không xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông Tráng bà Hiếu là không có cơ sở, vì Công an thị xã Hoài Nhơn trả lời không đủ cơ sở xử phạt vi phạm hành chính theo điểm a khoản 1 Điều 101 của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và hướng dẫn các bên khởi kiện ra tòa giải quyết tranh chấp dân sự. Nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân được cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành.

[2.3] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm: Bà Trang gửi đơn đến Đảng ủy Trung tâm Y tế Hoài Nhơn là nơi ông Tráng bà Hiếu công tác nên đã làm xấu đi sự tôn trọng cũng như hình ảnh của ông Tráng bà Hiếu. Chị Trâm livestream, đăng facebook đã được nhiều người xem, bình luận, có những bình luận phê phán, ác ý dành cho ông Tráng bà Hiếu. Những điều này đã gây ra tổn thất về tinh thần cho ông Tráng bà Hiếu nên bà Trang, chị Trâm phải bồi thường tổn thất tinh thần cho ông Tráng bà Hiếu. Xét thấy yêu cầu bồi thường cho mỗi người bằng hai lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận. Số tiền phải bồi thường là 1.490.000 đồng x 2 lần x 2 người = 5.960.000 đồng. Bà Trang, chị Trâm cùng gây ra thiệt hại và không xác định được mức độ lỗi của mỗi người nên phải liên đới bồi thường theo phần bằng nhau cho ông Tráng bà Hiếu.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy bà Trang kháng cáo yêu cầu xem xét, giải quyết lại về việc thoát nước mưa, việc buộc xin lỗi công khai ông Tráng bà Hiếu và buộc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật; Chị Trâm kháng cáo yêu cầu xem xét, giải quyết lại theo đúng pháp luật về việc gỡ bỏ livestream, xin lỗi công khai và bồi thường thiệt hại là không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì bà Lê Thị Thanh Trang, chị Trần Thị Bích Trâm mỗi người phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Trang đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001869 ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Trâm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001868 ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn.

[6] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Thanh Trang, chị Trần Thị Bích Trâm giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 11, 34, 159, 164, 245, 250, 584, 585, 586, 587, 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Thanh Trang, chị Trần Thị Bích Trâm. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2022/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Buộc bà Lê Thị Thanh Trang là chủ sở hữu Nhà hàng An Trang tại thôn Gia An Đông xã Hoài Châu Bắc, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định phải lắp đặt đường dẫn nước sao cho nước mưa từ mái nhà hàng của mình không được chảy xuống thửa đất số 1054 tờ bản đồ số 16 xã Hoài Châu Bắc của ông Nguyễn Công Tráng bà Nguyễn Thị Minh Hiếu.

3. Bác bỏ thông tin sai sự thật “ông Tráng bà Hiếu treo quần lót gây phản cảm, hành xử thiếu ý thức” của chị Trần Thị Bích Trâm đối với ông Nguyễn Công Tráng bà Nguyễn Thị Minh Hiếu được đăng trên các trang facebook “Bích Trâm” (địa chỉ: <https://www.facebook.com/tram.hams.98>), “Mua bán nhà đất thị xã Hoài Nhơn” (địa chỉ: <https://www.facebook.com/groups/1373216206107280>) và “Chợ sinh viên ĐH Qui Nhơn” (địa chỉ: <https://www.facebook.com/groups/chosvdhquynhon>).

Bác bỏ thông tin sai sự thật về ông Nguyễn Công Tráng bà Nguyễn Thị Minh Hiếu được bà Lê Thị Thanh Trang thể hiện tại Đơn phản ánh và kiến nghị xử lý đề ngày 03/10/2020 gửi Đảng ủy Trung tâm Y tế Hoài Nhơn.

4. Buộc bà Lê Thị Thanh Trang và chị Trần Thị Bích Trâm xin lỗi công khai ông Nguyễn Công Tráng, bà Nguyễn Thị Minh Hiếu và cải chính công khai thông

tin sai sự thật về ông Nguyễn Công Tráng, bà Nguyễn Thị Minh Hiếu tại trụ sở thôn Gia An Đông, xã Hoài Châu Bắc, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

5. Buộc bà Trần Thị Bích Trâm phải gỡ bỏ livestream và các bài đăng sau, trên facebook “Bích Trâm” (địa chỉ: <https://www.facebook.com/tram.hams.98>):

- Ngày 07/10/2020, ảnh và bài viết trên facebook “Bích Trâm” có nội dung “Nhà bác sĩ gần nhà tôi lấy quần lót treo sát bàn ăn nhà hàng tôi gây phản cảm trước mặt khách”

- Ngày 08/10/2020, trên facebook “Bích Trâm”, phát trực tiếp với Lê Đăng và 7 người khác, có nội dung “Mọi người ơi xóm 3, thôn gia an đông, xã hoài châu bắc, thị xã hoài Nhơn, tỉnh bình định... có Một bác sĩ-một trưởng phòng hồi sức hoài nhơn lấy quần lót vợ treo lên sát...” và bài viết có nội dung “Vợ chồng bác sĩ – trưởng phòng hồi sức ở sát nhà hàng an trang làm tại trung tâm y tế hoài nhơn tam quan TREO QUẦN LÓT gây phản cảm” cùng nội dung chia sẻ lại livestream ngày 08/10/2020.

- Ngày 09/10/2020, trên facebook “Bích Trâm”, bài viết có nội dung “Thienly Thienly” cùng nội dung chia sẻ lại livestream ngày 08/10/2020.

- Ngày 11/10/2020, trên facebook “Bích Trâm”, bài viết có nội dung “Phải nghiêm chỉnh điều chỉnh thái độ đạo đức lấy lại lẽ phải công lý cho nhân dân” cùng nội dung chia sẻ lại livestream ngày 08/10/2020.

- Ngày 12/10/2020, trên facebook “Bích Trâm”, nội dung chia sẻ lại livestream ngày 08/10/2020.

- Ngày 13/10/2020, trên facebook “Bích Trâm”, bài viết và ảnh có nội dung “Có học thức địa vị trong xã hội lại hành xử thiếu ý thức của một bác sĩ-một trưởng phòng hồi sức trung tâm y tế hoài nhơn...”

- Ngày 15/10/2020 và ngày 17/10/2020, trên facebook “Bích Trâm”, nội dung chia sẻ lại livestream ngày 08/10/2020.

- Ngày 18/10/2020, trên facebook “Bích Trâm”, bài viết có nội dung “Cần phải thay đổi điều chỉnh cách sống với những người xung quang” cùng nội dung chia sẻ lại livestream ngày 08/10/2020.

- Cùng ngày 24/10/2020, trên facebook “Bích Trâm”, nội dung chia sẻ lại livestream ngày 08/10/2020, bài viết có nội dung “Những hành động gây bức xúc cần phải phản ánh” cùng nội dung chia sẻ lại livestream ngày 08/10/2020 và bài viết có nội dung “Những hành động thiếu ý thức của những người gương mẫu cần phải phản ánh lên các cơ quan có thẩm quyền” cùng nội dung chia sẻ lại bài viết và ảnh đã đăng ngày 07/10/2020

- Ngày 15/11/2021, trên facebook “Bích Trâm”, nội dung chia sẻ livestream của facebook “An Trang” phát trực tiếp ngày 15/11/2021.

Và gỡ bỏ các bài viết chia sẻ tại trang facebook “Mua bán nhà đất thị xã Hoài Nhơn” (địa chỉ: <https://www.facebook.com/groups/1373216206107280/search/?q=b%C3%ADch%20tr%C3%A2m>) vào các ngày 06/10/2020, 07/5/2021, 08/5/2021, 15/11/2021; tại trang facebook “Chợ Sinh Viên ĐH Quy Nhơn” (địa chỉ: <https://www.facebook.com/groups/277799995696923/search?q=b%C3%ADch%20tr%C3%A2m>)

[0tr%C3%A2m](#)) vào các ngày 06/10/2020, 07/10/2020, 11/10/2020, 12/10/2020, 13/10/2020, 08/5/2021.

Thời gian chỉ Trần Thị Bích Trâm phải gỡ bỏ là khi bản án có hiệu lực pháp luật.

6. Buộc bà Lê Thị Thanh Trang và chị Trần Thị Bích Trâm phải liên đới bồi thường theo phần bằng nhau khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần, mỗi người phải bồi thường cho ông Nguyễn Công Tráng số tiền 1.490.000 đồng (Một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) và cho bà Nguyễn Thị Minh Hiếu số tiền 1.490.000 đồng (Một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng)

7. Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Thanh Trang, chị Trần Thị Bích Trâm mỗi người phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Trang đã nộp theo biên lai thu số 0001869 ngày 24/02/2022 và 300.000 đồng chị Trâm đã nộp theo biên lai thu số 0001868 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, bà Trang và chị Trâm đã nộp xong.

9. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

9.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

9.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã Hoài Nhơn;
- CCTHADS thị xã Hoài Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Minh Dũng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HS-ST

Ngày 12/12/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Ông Vũ Nguyên Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân
tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xuân Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/HSST-QĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo: **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1987 tại G, Hải Dương; tên gọi khác: Không; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn C, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị S; có vợ là chị Vũ Thị H và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người làm chứng: Anh Lê Công A1; chị Nguyễn Thị Minh A2; chị Hồ Thị Minh A3; chị Trương Quang A4; anh Lê Như A5; anh Đỗ Văn A6; anh Võ Văn A7; chị Lâm Gia A8; anh Phạm Minh A9; anh Nguyễn Quang A10; anh Lê Văn A11; chị Dương Thị Hồng A12; chị Đỗ Kim A13; chị Bùi Thị Thúy A14; chị Lê Thị Tuyết A15; anh Vũ Thế A16; chị Nguyễn Thị Huỳnh A17; anh Nguyễn Đình Phương A18; chị Nguyễn Thị Phương A19; chị Nguyễn Thị A20; chị Phan Thị Thúy A21 (D); anh Trần Minh A22; anh Nguyễn Văn A23; chị Phạm Thị Thu A24; chị Đinh Thị A25; chị Trần Thị Thùy A26; anh Phan Thanh A27; chị Phạm Thị Thúy A28; anh Trương Thành A29; anh Phạm Quốc A30;

anh Nguyễn Ngọc Huỳnh A31; anh Phạm Quốc A32; anh Trần Văn A33; anh Lý Văn A34; anh Nguyễn Đức A35; chị Huỳnh Thị Thu A36; chị Nguyễn Ngọc A37; anh Ko Can A38; anh Nguyễn Quốc A39; anh Nguyễn Minh A40; chị Trần Thị Diễm A41; anh Nguyễn Vũ Duy A42; chị Nguyễn Thị Thùy A43; anh Đỗ Văn A44; anh Võ Kim A45; anh Dương Tùng L; chị Vũ Thị H; anh Lê Thanh V; chị Đinh Thị T. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4/2020 tại thôn Côi Hạ, xã Phạm Trán, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương Nguyễn Văn K truy cập mạng xã hội Facebook, thấy một số bài đăng trên các nhóm quảng cáo về việc mua bán data tài chính (dữ liệu thông tin cá nhân của khách hàng vay tiền của các Công ty tài chính). Thấy việc mua bán thông tin cá nhân có thể kiếm lợi nhuận, K tìm hiểu, mua dữ liệu thông tin cá nhân qua mạng internet, rồi sử dụng trang Facebook do K làm quản trị có tên “Data chất lượng”, đăng bài quảng cáo bán thông tin cá nhân kèm thông tin để khách hàng liên hệ với K gồm: tài khoản Zalo tên “Dịch Vụ Abc” và tài khoản Viber tên “Nguyễn A”, cùng đăng ký bằng số điện thoại 0971.952.169. Khách hàng có nhu cầu mua, bán sẽ nhắn tin trực tiếp với K qua ứng dụng Zalo, Viber để trao đổi. Sau đó K chuyển File dữ liệu thông tin cá nhân cho khách hàng qua ứng dụng Zalo, Viber và khách hàng chuyển tiền thanh toán cho K vào tài khoản ngân hàng hoặc ví điện tử Momo mà K gửi, gồm: Tài khoản VPBank số 197334762, tài khoản BIDV số 46010003459905 và tài khoản ví momo số 0945.022.425 đều đứng tên Nguyễn Văn K; tài khoản Agribank số 2310205324650 và tài khoản BIDV số 46010003925770, đứng tên Vũ Thị H (vợ K); tài khoản Vietcombank số 9966066326, đứng tên Đinh Thị T, sinh năm 1999, trú tại: thôn 7, xã N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh và tài khoản ví momo số 0567384816, đứng tên Lê Thanh V, sinh năm 1993, trú tại số 122/28, Đ, phường X, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh (các tài khoản này K mua trên mạng). Khoảng tháng 7/2021 khi truy cập Facebook, thấy bài đăng quảng cáo cho thuê tài khoản Pega7, là tài khoản dùng để đăng nhập vào hệ thống cho vay của Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam thịnh vượng SMBC (FE CREDIT), kiểm tra thông tin khách hàng vay tiền, K đã thuê các tài khoản này, mục đích để kiểm tra thông tin khách hàng vay tiền của FE CREDIT, phục vụ cho việc mua bán thông tin cá nhân. Trong thời gian từ ngày 17/7/2021 đến 17/10/2021, K chuyển tiền 10 lần, với tổng số tiền 31.870.000 đồng, từ tài khoản ví momo số 0567384816 tên Lê Thanh V, đến tài khoản ví momo số

0911597342 tên Phan Thanh S; từ 02/9/2021 đến 23/10/2021, chuyển tiền 08 lần, với tổng số tiền 27.800.000 đồng, từ tài khoản Vietcombank 966066326 tên Đinh Thị T đến tài khoản Vietinbank số 108872655219, đứng tên Phan Thanh Sơn, sinh năm 1977, trú tại số 194/2 Linh Đông, phường Linh Đông, Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh; ngày 11/8/2021, chuyển tiền 02 lần, với tổng số tiền 5.000.000 đồng từ tài khoản ví momo số 0567384816 tên Lê Thanh V, đến tài khoản ví momo số 01247002700, đứng tên Đinh Thị Mai C, sinh năm 1993, trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai để thuê tài khoản Pega7. Tổng số tiền K đã thanh toán để thuê tài khoản Pega7 là 64.670.000 đồng.

Khoảng tháng 7/2021, K quen với một người tên Đoàn Phạm Thanh Nhân, sinh năm 1995, nơi ĐKKHKT: thôn Đức Lập, Phú Nghĩa, Bù Gia Mập, Bình Phước (nơi cư trú số 471, Phạm Văn Bạch, phường 01, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh) và tài khoản Zalo “Xoa Tai Khoang Roi Nha” và “Nhân Nè”. N cho biết có thể sử dụng tài khoản Pega7 lấy được thông tin khách hàng vay tiền của FE CREDIT. K đã giao tài khoản Pega7 mà K thuê, cho N để N lấy dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng vay tiền của FE CREDIT gửi lại cho K bán. Sau đó, K và N thường xuyên trao đổi dữ liệu thông tin cá nhân với nhau. Khi N gửi dữ liệu thông tin cá nhân cho K thì K chỉnh sửa, đăng bán, K cũng gửi lại cho N để N bán. Tổng cộng, K và N trao đổi với nhau 657 File dữ liệu (518 File có dữ liệu thông tin cá nhân và 159 File không có dữ liệu thông tin cá nhân. Trong đó, K gửi cho N 359 File và N gửi cho K 159 File). Dữ liệu thông tin cá nhân trong 518 File có thông tin cá nhân mà K và N gửi cho nhau đều là thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT. Ngoài ra đầu tháng 07/2021 K còn quen biết với Dương Tùng L, sinh năm 1985, trú tại tổ 10, phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên có tài khoản Zalo “Jrang Ling”. Khi K và L nói chuyện qua Zalo, L nói làm dịch vụ tư vấn giúp khách hàng mở hồ sơ vay tiền của các tổ chức tài chính. Nghe L nói vậy, K nói làm cho FE CREDIT, có tài khoản Pega7 (tài khoản nhân viên FE CREDIT để tra cứu thông tin khách hàng). Nếu cần thông tin khách hàng FE CREDIT thì K sẽ giao tài khoản Pega7 cho L để L lấy thông tin khách hàng sử dụng. Đổi lại, L gửi thông tin khách hàng lấy về cho K và nếu K có các File dữ liệu thông tin cá nhân thì K cũng gửi cho L. K không nói với L mục đích K lấy dữ liệu thông tin cá nhân để bán. Các tài khoản Pega 7 K đã gửi cho L gồm: caothihaiyen Password1; uyen.vu.2 Vttu@2501; nguyet.nguyen.1 Password@1; dung.pham.3 qwert@12345; my.le.9 Quangngai@123; truc.vo Thamdinh@123; phuong.tran.51 Thamdinh@123; hai.phan.2 Homecredit@123; van.dao.1 Password1. L cho rằng tài khoản Pega 7 mà K có là do K được FE CREDIT giao, K đồng ý cho sử dụng nên L đã sử dụng tra cứu, lấy thông tin khách hàng của FE CREDIT gửi cho K. K cũng gửi

một số File dữ liệu thông tin cá nhân mà K có cho L. Tổng cộng, K và L trao đổi với nhau 142 File dữ liệu (61 File có dữ liệu thông tin cá nhân, 81 File không có dữ liệu thông tin cá nhân). Trong 61 File có dữ liệu thông tin cá nhân thì K gửi cho L 18 File và L gửi cho K 43 File, đều là File có thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT. Cơ quan điều tra cho L thực hiện thao tác truy cập đường link đã sử dụng để đăng nhập tài khoản Pega 7 với sự chứng kiến của ông Dương Lê H - đại diện theo ủy quyền của Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (FE CREDIT) nhưng không đăng nhập được.

Từ khoảng tháng 4/2020 đến ngày 29/10/2021, K đã thông qua việc sử dụng tài khoản Zalo “Dịch vụ Abc” và tài khoản Viber “Nguyễn A”, bán, trao đổi 3848 File gồm 3841 File dữ liệu có thông tin cá nhân khách hàng Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam thịnh vượng SMBC (FE CREDIT) và 07 File dữ liệu có thông tin cá nhân khách hàng Công ty Tài chính MIRAE ASSET Việt Nam (bán 3.103 File, trao đổi với Dương Tùng L và Đoàn Phạm Thanh N 579 File, gửi để chào bán 166 File). Số tiền thu được từ việc bán, trao đổi dữ liệu thông tin cá nhân qua tài khoản Zalo là 511.862.000 đồng (làm tròn), bán qua tài khoản Viber là 11.760.000 đồng. Tổng số tiền thu được do bán thông tin cá nhân là 523.622.000 đồng. Cụ thể như sau:

1. Từ 31/5/2021 đến 29/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “Lê Công A1” là Lê Công A1, sinh năm 1993, trú tại: Đông Khê, Đông Sơn, Thanh Hóa tổng số 63 File excel có thông tin cá nhân khách hàng Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam thịnh vượng SMBC (FE CREDIT) với số tiền là 58.190.000 đồng và gửi cho A1 03 File PDF có thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT. A1 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn dịch vụ vay tiêu dùng và chuyển tiền từ các tài khoản Techcombank số 19036363075016, 19036487274025 và 19035859609014 mang tên Lê Công A1, đến các tài khoản VPBank số 197334762 mang tên Nguyễn Văn K và Vietcombank số 9966066326 mang tên Đinh Thị T, do K sử dụng.

2. Từ 20/6/2021 đến 05/8/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “Minh A2” là Nguyễn Thị Minh A2, sinh năm 2000, trú tại: tổ 4 La Bông, Hòa Tiến, Hòa Vang, Đà Nẵng tổng số 76 File excel có thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT với số tiền 1.020.000 đồng. A2 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn dịch vụ vay tiêu dùng và sử dụng tài khoản TPBank số 03913440901 mang tên A2, chuyển tiền vào tài khoản VPBank số 197334762 mang tên Nguyễn Văn K.

3. Từ ngày 09/9/2021 đến 04/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “Minh A3” là Hồ Thị Minh A3, sinh năm 2003, trú tại: 107 Phạm Thị Đào,

P. Ghềnh Ráng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tổng số 10 File excel có thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT với số tiền 900.000 đồng. A3 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn dịch vụ vay tiêu dùng và sử dụng các tài khoản Techcombank số 19037230263029 và Viettel Pay số 9704229207369643907, chuyển tiền vào tài khoản Vietcombank số 9966066326 mang tên Đinh Thị T, do K sử dụng.

4. Từ ngày 12/6/2021 đến 14/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “Ly Mb Quân Đội” là Trương Quang A4, sinh năm 1987, trú tại: Đinh Văn, Lâm Hà, Lâm Đồng tổng số 38 File excel có thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT với số tiền 7.200.000 đồng. A4 mua dữ liệu thông tin cá nhân để quảng cáo cho quán cà phê do A4 làm quản lý và sử dụng các tài khoản Vietcombank số 0561000578418 và VPBank số 870798369045, chuyển tiền vào các tài khoản VPBank số 197334762 và Vietcombank số 9966066326 mang tên Đinh Thị T, do K sử dụng.

5. Từ ngày 30/9/2021 đến ngày 26/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “Lê Như A5” là Lê Như A5, sinh năm 1988, trú tại: Lê Hoàn, Ngọc Lặc, Thanh Hóa tổng số 41 File Excel có thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT với số tiền 1.600.000 đồng. A5 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn dịch vụ vay tiêu dùng và sử dụng tài khoản VPBank số 120665782 chuyển tiền vào tài khoản Vietcombank số 9966066326 mang tên Đinh Thị T, do K sử dụng.

6. Từ ngày 30/7/2021 đến 02/9/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “Vay thế chấp” là Đỗ Văn A6, sinh năm 1985, trú tại: Khu phố Đông B, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tổng số 13 File excel có thông tin cá nhân (9 File thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT; 04 File có thông tin cá nhân khách hàng của MIRAE ASSET) với số tiền 700.000 đồng và gửi cho A6 03 File không có thông tin cá nhân. A6 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn dịch vụ vay tiêu dùng và sử dụng tài khoản Techcombank số 19033504142015 chuyển tiền vào tài khoản VPBank số 197334762 mang tên Nguyễn Văn K.

7. Từ ngày 12/6/2021 đến 14/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “Gia A7” là Võ Văn A7, sinh năm 1993, trú tại: Nghĩa Mỹ, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi tổng số 03 File excel và trao đổi cho A7 10 File PDF có thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT với tổng số tiền 2.200.000 đồng. A7 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn dịch vụ vay tiêu dùng và sử dụng các tài khoản TPBank số 04027678501 và VietinBank số 103001321753, chuyển tiền đến các tài khoản VP Bank số 197334762 mang tên Nguyễn Văn K và

Vietcombank số 9966066326 mang tên Đinh Thị T, do K sử dụng.

8. Từ ngày 09/4/2021 đến 28/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “Smile” là Lâm Gia A8, sinh năm 1995, trú tại: số 21L/26 Ngô Sỹ Liên, phường 14, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh tổng số 18 File excel thông tin cá nhân (17 File thông tin cá nhân khách hàng của FE CEDIT; 01 File thông tin cá nhân khách hàng của MIRAE ASSET) với số tiền 17.650.000 đồng. A8 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn bán mỹ phẩm và sử dụng các tài khoản BIDV số 18010000148470, TPBank số 03637472301 và TPBank số 170851854, chuyển tiền vào tài khoản VPBank số 197334762 mang tên Nguyễn Văn K.

9. Từ 26/5/2021 đến 07/7/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “Quang Tc” là Phạm Minh A9, sinh năm 2000, trú tại: Cần Giãng, xã Thành An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tổng số 07 File excel có thông tin cá nhân khách hàng của FE CEDIT với tổng số tiền 440.000 đồng. A9 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn dịch vụ vay tiêu dùng và sử dụng ví Momo số 01647997489 và tài khoản Vietcombank số 1021126313 chuyển tiền đến ví momo số 0567384816 mang tên Lê Thanh V, do K sử dụng và tài khoản VP Bank số 197334762 mang tên Nguyễn Văn K.

10. Ngày 30/9/2021 bán cho người sử dụng tài khoản zalo “Quanghung.mc-shin” là Nguyễn Quang A10, sinh năm 1993, trú tại: thôn Lương Ngoại, Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội 01 File excel có thông tin cá nhân khách hàng của FE CEDIT với số tiền 300.000 đồng. A10 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn bán bảo hiểm và sử dụng tài khoản Techcombank số 19035680486017 chuyển tiền vào tài khoản Vietcombank số 9966066326 mang tên Đinh Thị T, do K sử dụng.

11. Từ ngày 20/8/2021 đến ngày 25/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “A11” là Lê Văn A11, sinh năm 1989, trú tại: số 9 Đức Tiên, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa tổng số 124 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CEDIT với số tiền 12.100.000 đồng. A11 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn dịch vụ vay tiêu dùng và sử dụng các tài khoản TPBank số 03643221801, ví Momo số 0867029989 và MBBank số 2880123451996 chuyển tiền đến ví Momo số 0567384816 mang tên Lê Thanh V và tài khoản Vietcombank số 9966066326 mang tên Đinh Thị T, đều do K sử dụng.

12. Từ ngày 05/4/2021 đến ngày 29/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “Hà A12” là Dương Thị Hồng A12, sinh năm 1989, trú tại: số 04, ngõ 149, đường Lê Lợi, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình tổng số 210 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CEDIT với số tiền 10.705.000

đồng. A12 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn dịch vụ vay tiêu dùng và sử dụng tài khoản ví Momo số 0936.664.369 và VPBank số 159879445 chuyển tiền vào tài khoản ví Momo số 0567384816 mang tên Lê Thanh V và Agribank số 2310205324650 mang tên Vũ Thị H, đều do K sử dụng.

13. Từ ngày 01/5/2021 đến 16/6/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “Kim A13” là Đỗ Kim A13, sinh năm 1998, trú tại: tổ 1, phố Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên tổng số 74 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CEDIT với tổng số tiền 2.100.000 đồng. A13 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn dịch vụ vay tiêu dùng và sử dụng các tài khoản TPBank số 03707299401 và VPBank số 86943468 chuyển tiền đến tài khoản BIDV số 46010003925770 và VPBank số 197334762 của K.

14. Ngày 16/9/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “Thúy A14” là Bùi Thị Thúy A14, sinh năm 1993, trú tại: số 412 phố Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định 01 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CEDIT với số tiền 200.000 đồng. A14 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn dịch vụ vay tiêu dùng và sử dụng tài khoản Techcombank 19037245249014 chuyển tiền đến tài khoản Vietcombank số 9966066326 mang tên Đinh Thị T do K sử dụng.

15. Từ ngày 25/8/2021 đến ngày 24/9/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “A15” là Lê Thị Tuyết A15, sinh năm 1998, trú tại số 39/16 Ngô Mỹ, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tổng số 05 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CEDIT với số tiền 400.000 đồng. A15 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn dịch vụ vay tiêu dùng và sử dụng tài khoản Vietcombank số 1015482706 chuyển tiền vào tài khoản Vietcombank số 9966066326 mang tên Đinh Thị T do K sử dụng.

16. Ngày 09/10/2021 và 10/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “Vũ A16.thê” là Vũ Thế A16, sinh năm 1991, trú tại: tại thôn 8, xã Hòa Sơn, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk tổng số 02 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CEDIT với số tiền 16.000.000 đồng và gửi 01 file không có thông tin cá nhân cho Vũ Thế A16. A16 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn dịch vụ vay tiêu dùng và sử dụng tài khoản BIDV số 59010000913491 chuyển tiền vào tài khoản Vietcombank số 9966066326 mang tên Đinh Thị T do K sử dụng.

17. Ngày 14/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “Huỳnh A17” là Nguyễn Thị Huỳnh A17, sinh năm 1989, trú tại số 1/22 Bình Phước 15, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tổng số 02 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CEDIT với số tiền 90.000 đồng.

A17 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn dịch vụ vay tiêu dùng và sử dụng tài khoản ví momo 0985077953 chuyển tiền thanh toán đến tài khoản ví Momo 0945022425 mang tên Nguyễn Văn K.

18. Ngày 15/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “Phuong A18” là Nguyễn Đình Phương A18, sinh năm 1995, trú tại ô 11 Hòn Rớ, Phước Đông, Nha Trang, Khánh Hòa tổng số 08 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT với số tiền 6.185.000 đồng. A18 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn dịch vụ vay tiêu dùng và sử dụng tài khoản ví momo số 0899164499 chuyển tiền vào ví momo số 0945022425 mang tên Nguyễn Văn K.

19. Ngày 06/7/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “Phuong A19” là Nguyễn Thị Phương A19, sinh năm 1985, trú tại: K138/19 Phan Thanh, phường Thạch Gián, quận Thanh Khê, Đà Nẵng tổng số 08 File excel có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT với tổng số tiền 300.000 đồng. A19 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn dịch vụ vay tiêu dùng và sử dụng tài khoản OCB số 0053100008799004 chuyển tiền vào tài khoản VPbank số 197334762 mang tên Nguyễn Văn K.

20. Từ ngày 09/4/2021 đến 23/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “A20 Babie và Duy Thiện” là Nguyễn Thị A20, sinh năm 1996, trú tại: Phước Vĩnh, Phú Giáo, Bình Dương tổng số 26 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT với số tiền 1.830.000 đồng. A20 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn dịch vụ vay tiêu dùng và sử dụng các tài khoản VPBank số 190525473; ACB số 155169979; VPBank số 190492389; ví Momo số 01687754893; Vietcombank số 1020108666 chuyển tiền đến các tài khoản VPBank số 197334762 mang tên Nguyễn Văn K và Vietcombank số 9966066326 mang tên Đinh Thị T do K sử dụng.

21. Ngày 03/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “Sakura Thuydiem” là Phan Thị Thúy A21, sinh năm 1996, trú tại: Ấp 2, xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh tổng số 22 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT với tổng số tiền 1.300.000 đồng. A21 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn dịch vụ vay tiêu dùng và sử dụng tài khoản ví momo 01665065384 (nay là 0365065384) chuyển tiền đến tài khoản ví momo 0567384816 mang tên Lê Thanh V, do K sử dụng.

22. Từ 16/9/2021 đến ngày 27/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “Trần Minh A22” là Trần Minh A22, sinh năm 1997, trú tại: D407P, khu phố Bình Hòa, phường Bình Nhậm, thành phố Thuận An, Bình Dương tổng số 07 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT với số tiền 690.000 đồng. A22 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn dịch vụ vay

tiêu dùng và sử dụng tài khoản Vietcombank số 1020108666 chuyển tiền vào tài khoản Vietcombank số 9966066326 mang tên Đinh Thị T do K sử dụng.

23. Ngày 11/7/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “Nguyễn Văn A23” là Nguyễn Văn A23, sinh năm 1997, trú tại: 456, AMPM, tổ 42, khu 8, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương 01 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT với số tiền 90.000 đồng. A23 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn dịch vụ vay tiêu dùng và sử dụng tài khoản Vietcombank số 1020737482 chuyển tiền vào tài khoản VPBank số 197334762 mang tên Nguyễn Văn K.

24. Ngày 16/9/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “Thu A24” là Phạm Thị Thu A24, sinh năm 1999, trú tại: 66/12 Huỳnh Văn Nghệ, tổ 41, khu 5, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tổng số 03 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT với số tiền 300.000 đồng. A24 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn dịch vụ vay tiêu dùng và sử dụng tài khoản Vietcombank số 1019658570, chuyển tiền vào tài khoản Vietcombank số 9966066326 mang tên Đinh Thị T do K sử dụng.

25. Từ ngày 21/7/2021 đến ngày 15/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “A25 Bé” là Đinh Thị A25, sinh năm 1997, trú tại: 244/33/60 tổ 1, khu 5, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương tổng số 08 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT với số tiền 630.000 đồng. A25 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn dịch vụ vay tiêu dùng và sử dụng tài khoản ví momo số 01672855044 chuyển tiền vào ví momo số 0945022425 mang tên Nguyễn Văn K.

26. Ngày 19/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản “Viber” là Trần Thị Thùy A26, sinh năm 1997, trú tại: tổ 7, KV3, phường An Hòa, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tổng số 39 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT với số tiền 6.870.000 đồng. Mục đích A26 mua dữ liệu thông tin cá nhân để gọi điện tư vấn dịch vụ vay tiêu dùng và sử dụng tài khoản HDBank số 239704070001078, chuyển tiền vào tài khoản BIDV số 46010003459905 mang tên Nguyễn Văn K.

27. Ngày 09/5/2021, bán cho người sử dụng tài khoản Zalo “Phamthanhluan.muadta” mang tên Phan Thanh A27, sinh ngày 18/5/1990, địa chỉ: TT Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội tổng số 07 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT, với số tiền 500.000 đồng. Người mua chuyển tiền thanh toán từ tài khoản ví momo số 0916869687 mang tên Phan Thanh A27 vào tài khoản ví momo số 0945022425 mang tên Nguyễn Văn K.

28. Từ ngày 31/5/2021 đến 28/10/2021, bán cho người dùng tài khoản

Zalo “Dịch Vụ Cho Vay_ha_” là Phạm Thị Thúy A28, sinh năm 1992, trú tại: Phú Hội 1, Vạn Thắng, Vạn Ninh, Khánh Hòa tổng số 526 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng, với số tiền 234.718.000 đồng, tham gia giúp người mua kiểm tra thông tin khách hàng vay tiền với số tiền 1.500.000 đồng; gửi cho người mua 08 File không có dữ liệu thông tin cá nhân; nhận về từ người mua 292 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT. Người mua sử dụng các tài khoản ví momo số 0961925045 và VP Bank số 113979887 đều mang tên Phạm Thị Thúy A28, sinh năm 1992, trú tại: Phú Hội 1, Vạn Thắng, Vạn Ninh, Khánh Hòa chuyển tiền đến các tài khoản Vietcombank số 9966066326 mang tên Đinh Thị T và ví momo số 0567384816 mang tên Lê Thanh V, do K sử dụng.

29. Ngày 03/8/2021, bán cho người sử dụng tài khoản Zalo “Let it go” tổng số 103 File File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT với số tiền 1.000.000 đồng. Người mua sử dụng tài khoản TPBank số 02891959801 mang tên Trương Thành A29, sinh năm 1988, trú tại: Phòng 309, nhà 13 D2, chung cư Đông Phát, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa chuyển tiền vào tài khoản BIDV số 46010003459905 mang tên Nguyễn Văn K.

30. Ngày 13/8/2021, trao đổi với người sử dụng tài khoản Zalo “A30” 01 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT. Người mua sử dụng tài khoản ví momo số 01666009223 mang tên Phạm Quốc A30, sinh năm 1992, trú tại Phú Hội 1, xã Vạn Thắng, Vạn Ninh, Khánh Hòa chuyển thanh toán số tiền 1.200.000 đồng đến ví momo số 0567384816 mang tên Lê Thanh V, do K sử dụng.

31. Từ 10/6/2021 đến 26/6/2021, bán cho người sử dụng tài khoản Zalo “Cầm Hồng” tổng số 09 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT với số tiền 600.000 đồng. Người mua sử dụng tài khoản ví momo số 0902684864 mang tên Nguyễn Ngọc Huỳnh A31, sinh năm 1989, trú tại số 399/46/54 Liên Tỉnh 5, phường 5, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh A24 chuyển tiền đến tài khoản ví momo số 0567384816 mang tên Lê Thanh V, do K sử dụng.

32. Từ ngày 22/6/2021 đến 29/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “Quốc A32” tổng số 38 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT với số tiền 3.860.000đồng. Người mua sử dụng các tài khoản Sacombank số 9704035142396130 và Vietcombank số 1016383097 đều mang tên Phạm Quốc A32, sinh ngày 17/01/1997, địa chỉ: Thôn Thống Nhất, xã Đạt Nhan, huyện Bùi Đăng, tỉnh Bình Phước và tài khoản BIDV số 65010003326411 đều mang tên Phan Hoàng Liêm (không rõ địa chỉ) chuyển tiền đến tài khoản VPBank số 197334762 mang tên Nguyễn Văn K.

33. Từ ngày 22/7/2021 đến 27/7/2021, bán cho người sử dụng tài khoản Zalo “Tls Tvh” tổng số 10 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CEDIT với số tiền 890.000 đồng. Người mua chuyển tiền thanh toán từ tài khoản ví momo số 868780037 và tài khoản TPBank số 02353121401 đều mang tên Trần Văn A33, sinh năm 1991, trú tại: Phú Bình, Đại Thắng, Đại Lộc, Quảng Nam đến tài khoản VPbank số 197334762 mang tên Nguyễn Văn K và tài khoản Momo số 0567384816 mang tên Lê Thanh V do K sử dụng.

34. Từ 08/5/2021 đến 04/9/2021, bán cho người sử dụng tài khoản Zalo “Lý A34” tổng số 62 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CEDIT với số tiền 6.000.000 đồng. Người mua chuyển tiền thanh toán từ tài khoản Techcombank số 19034950582017 mang tên Lý Văn A34, sinh năm 1992, trú tại: Hành Phước, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi, đến tài khoản VPbank số 197334762 mang tên Nguyễn Văn K và tài khoản Vietcombank số 9966066326 mang tên Đinh Thị T do K sử dụng.

35. Ngày 14/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản Zalo “A35 Mirae” 01 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CEDIT với số tiền 100.000 đồng. Người mua chuyển tiền thanh toán từ tài khoản Techcombank số 19034446307013 mang tên Nguyễn Đức A35, sinh năm 2001, trú tại: xóm 14, thôn Nhơn Thuận, xã Tây Vĩnh, Tây Sơn, Bình Định đến tài khoản Vietcombank số 9966066326 mang tên Đinh Thị T, do K sử dụng.

36. Từ ngày 06/4/2021 đến 10/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản Zalo “Huỳnh A36” tổng số 392 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CEDIT với số tiền 41.680.974 đồng. Người mua chuyển tiền thanh toán từ tài khoản ví momo số 01699636489 mang tên Huỳnh Thị Thu A36, sinh năm 1996, trú tại: tổ 18, phường Tân Chính, Thanh Khê, Đà Nẵng đến tài khoản ví momo số 0945022425 mang tên Nguyễn Văn K và tài khoản ví momo số 0567384816 mang tên Lê Thanh V do K sử dụng.

37. Từ 18/6/2021 đến 02/7/2021, bán cho người sử dụng tài khoản Zalo “Ngọc A37” tổng số 05 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CEDIT với số tiền 390.000 đồng. Người mua chuyển tiền thanh toán từ tài khoản ví momo số 01218154542 mang tên Nguyễn Ngọc A37, sinh năm 1999, trú tại: KP Bình Đức 1, phường Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương đến tài khoản ví momo số 0567384816 mang tên Lê Thanh V do K sử dụng.

38. Từ 04/10/2021 đến 25/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản Zalo “Xù.shb-huế” tổng số 10 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CEDIT với số tiền 450.000 đồng. Người mua chuyển tiền thanh toán từ tài khoản SHB số 1013717897 mang tên Ko Can A38, sinh năm 1993, trú tại: số

41/165, Trần Phú, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, đến tài khoản Vietcombank số 9966066326 mang tên Đinh Thị T, do K sử dụng.

39. Từ ngày 29/6/2021 đến 27/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản Zalo “VƯƠNG CREDIT” tổng số 77 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CEDIT với số tiền 8.101.000 đồng. Người mua chuyển tiền thanh toán từ tài khoản Techcombank số 19037223290010 mang tên Nguyễn Quốc A39, sinh năm 1992, trú tại: TDP Phú Thọ 2, phường Ninh Diêm, Ninh Hòa, Khánh Hòa đến tài khoản VPBank số 197334762 mang tên Nguyễn Văn K và tài khoản Vietcombank số 9966066326 mang tên Đinh Thị T, do K sử dụng.

40. Ngày 10/4/2021 và 29/6/2021, bán cho người sử dụng khoản Zalo “Minh A40” 01 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CEDIT với số tiền 278.000 đồng. Người mua chuyển tiền thanh toán từ tài khoản Techcombank số 19034625115011 mang tên Nguyễn Minh A40, sinh năm 1995, trú tại: thôn 14, xã EaNing, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đến tài khoản VPBank số 197334762 mang tên Nguyễn Văn K.

41. Từ ngày 22/4/2021 đến 14/7/2021, bán cho người sử dụng tài khoản Zalo “Diễm A41” tổng số 04 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CEDIT với số tiền 720.000 đồng. Người mua chuyển tiền thanh toán từ tài khoản ví momo số 0965135021 mang tên Trần Thị Diễm A41, sinh năm 1997, trú tại: thôn Ngãi Hòa, Tập Ngãi, Tiểu Cần, Trà Vinh đến tài khoản ví momo số 0567384816 mang tên Lê Thanh V do K sử dụng và ví momo số 0945022425 mang tên Nguyễn Văn K.

42. Từ ngày 08/6/2021 đến 29/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản zalo “bingo...” tổng số 557 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CEDIT với số tiền 65.050.000 đồng và gửi 07 File không có dữ liệu thông tin cá nhân cho người này. Người mua chuyển tiền thanh toán từ tài khoản ví momo số 01635832052 mang tên Nguyễn Vũ Duy A42, sinh năm 1989, trú tại: 178C1 Đức Long 1, Gia Tân 2, Thống Nhất, Đồng Nai đến ví momo số 0567384816 mang tên Lê Thanh V do K sử dụng.

43. Từ ngày 19/5/2021 đến 22/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản Zalo “A43 Nguyễn” và tài khoản Zalo “Thiện Trí Sf” tổng số 10 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CEDIT với số tiền 640.000 đồng. Người mua chuyển tiền thanh toán từ tài khoản ví Momo số 01693942702 (nay là 0393942702) mang tên Nguyễn Thị Thùy A43, sinh năm 2000, trú tại: Phố Vinh, Đức Phổ, Quảng Ngãi đến tài khoản ví momo số 0567384816 mang tên Lê Thanh V do K sử dụng.

44. Ngày 21/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản Zalo

“Nuongdang” 01 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT với số tiền 63.690 đồng. Người mua chuyển tiền thanh toán vào tài khoản Vietcombank số 9966066326 (mã của giao dịch này là 17692103703) mang tên Đinh Thị T, do K sử dụng.

45. Ngày 21/10/2021, bán cho người dùng tài khoản zalo “KT.DATA DIENMAY 0971884872” 01 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT với số tiền 1.000.000 đồng. Người mua chuyển tiền thanh toán vào tài khoản Vietcombank số 9966066326 (mã của giao dịch này là 955740.211021.150002.5000) mang tên Đinh Thị T, do K sử dụng.

46. Từ ngày 15/10/2021 đến ngày 27/10/2021, bán cho người dùng tài khoản Viber “ĐP” tổng số 86 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT với số tiền 2.960.000 đồng và cho người này thuê máy tính qua mạng với số tiền 3.100.000 đồng. Người mua chuyển tiền thanh toán từ tài khoản SHB số 1012224679 mang tên Đỗ Văn A44, sinh ngày 10/5/1983, trú tại: xã Giao Tân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định đến tài khoản Vietcombank số 9966066326 mang tên Đinh Thị T, do K sử dụng.

47. Ngày 25/10/2021, bán cho người sử dụng tài khoản Viber “Data A45” tổng số 61 File có dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng của FE CREDIT với số tiền 1.930.000 đồng. Người mua chuyển tiền thanh toán từ tài khoản TPBank số 02570998701 mang tên Võ Kim A45, sinh năm 1996, trú tại: xã Đức Tân, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận, đến tài khoản BIDV số 46010003459905 mang tên Nguyễn Văn K.

Tại bản Kết luận giám định số 1700 ngày 31/5/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an thể hiện: Tìm thấy dữ liệu tin nhắn trong các ứng dụng: Facebook, Messenger; Zalo; Viber lưu trữ trong máy điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy M51, có số Imei 353544561687211 và 353914471687215 (của Nguyễn Văn K), kèm theo 02 sim (chi tiết gồm 694 tệp tin).

Tại Cáo trạng số: 70/CT-VKS-P2 ngày 25/10/2022, Viện kiểm sát nhân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 288 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo K, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 288; điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 24 tháng đến

30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 288 của Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo K từ 30 triệu đến 50 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 458.952.000 đồng của Nguyễn Văn K do bị cáo được hưởng lợi bất chính, đối trừ với số tiền 250.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, bị cáo K còn phải nộp số tiền là 208.952.000 đồng vào ngân sách Nhà nước. Về án phí: Bị cáo K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Nguyễn Văn K khai nhận hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo K tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với dữ liệu điện tử đã thu giữ, kết luận giám định, hồ sơ mở tài khoản và sao kê các tài khoản ngân hàng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng tháng 4/2020 đến ngày 29/10/2021, tại thôn Côi Hạ, xã Phạm Trấn, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương Nguyễn Văn K đã thuê tài khoản Pega7 của Phan Thành S, sinh năm 1977, trú tại số 194/2 Linh Đông, phường Linh Đông, Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 64.670.000 đồng. Sau đó khai thác thông tin cá nhân, thông qua việc sử dụng tài khoản Zalo “Dịch vụ Abc”, tài khoản Viber “Nguyễn A”, các tài khoản ví momo mang tên Lê Thanh V và Nguyễn Văn K, các tài khoản ngân hàng mang tên Đinh Thị T, Vũ Thị H và Nguyễn Văn K tiến hành bán, trao đổi 3841 File dữ liệu có thông tin cá nhân khách hàng của Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam thịnh vượng SMBC (FE CREDIT) và 07 File dữ liệu có thông tin cá nhân khách hàng Công ty Tài chính MIRAE ASSET Việt Nam (bán 3.103 File, trao đổi với L và

Nhân 579 File, gửi đề chào bán 166 File) cho tổng số 47 người. Số tiền thu được từ việc bán, trao đổi dữ liệu thông tin cá nhân qua sử dụng Zalo là 511.862.000 đồng (làm tròn), bán qua sử dụng Viber là 11.760.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Văn K thu lợi do bán thông tin cá nhân là 458.952.000 đồng.

Bị cáo K là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán, trao đổi dữ liệu thông tin cá nhân trên mạng máy tính, mạng viễn thông mà không được phép của chủ sở hữu thông tin là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì động cơ vụ lợi cá nhân vẫn cố ý thực hiện. Tổng số tiền bị cáo K thu lợi bất chính do bán thông tin cá nhân là 458.952.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn K đã đủ yếu tố cấu thành tội Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 288 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn K về tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo K thể hiện thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội nhưng thực tế hành vi mua bán, trao đổi dữ liệu thông tin của các cá nhân chưa gây ra thiệt hại; quá trình điều tra và tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 250.000.000 đồng thu lợi bất chính nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông, gây mất trật tự xã hội nên cần áp dụng hình phạt nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có thu nhập nên ngoài hình phạt chính cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 288 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Bị cáo thu lợi bất chính số tiền 458.952.000 đồng nên căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 458.952.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn K. Đối trừ với số tiền 250.000.000 đồng bị cáo K đã tự nguyện nộp trước tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương nên bị cáo còn phải nộp số tiền 208.952.000 đồng.

Đối với 01 bộ máy tính để bàn (gồm: 01 Cây máy tính thông số: Intel (R) Core (TM) i7 – 10700K CPU @ 3.8 GHz 3.79 GHz – RAM 16GB, 01 màn hình Samsung 21 inch); 01 ổ cứng máy tính Kingfast model: F6 PRO 240 GB; 01 USB màu trắng hiệu TOSHIBA 32GB; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy M51 là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, phát mại nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo K bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Văn K có gửi 166 File dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC và Công ty tài chính MIRAE ASSET Việt Nam cho 15 tài khoản Zalo, 09 tài khoản Viber, mục đích để chào bán, nhưng chưa bán được; Nguyễn Văn K làm trung gian bán thông tin cá nhân giúp cho 02 tài khoản zalo “Ngọc Quý” và “Ty.CTY HN” với tổng số tiền 750.000 đồng. Quá trình điều tra xác định Nguyễn Văn K không thu lợi từ các việc này nên không đặt ra để xử lý là có căn cứ, đúng quy định.

Đối với Dương Tùng L có hành vi trao đổi với K về việc giao cho L tài khoản Pega 7 để lấy dữ liệu thông tin cá nhân. L thấy K là nhân viên FECREDIT, được phép sử dụng tài khoản Pega 7. L cũng cần dữ liệu thông tin cá nhân để phục vụ cho việc tư vấn mở hồ sơ vay tiền nên đã sử dụng tài khoản Pega 7 mà K giao, lấy dữ liệu thông tin cá nhân khách hàng Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam thịnh vượng SMBC gửi cho K. L không biết K có mục đích bán các dữ liệu thông tin cá nhân mà L gửi. Do vậy Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương xác định L không đồng phạm với K là có căn cứ nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án.

Đối với hành vi Dương Tùng L sử dụng tài khoản Pega 7 mà K giao, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã cho L thực hiện lại việc truy cập đường link hệ thống của Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam thịnh vượng SMBC để sử dụng các tài khoản Pega 7 mà K giao nhưng không truy cập được. Đối với

hành vi L trao đổi dữ liệu thông tin cá nhân với K (K gửi cho L 18 File và L gửi cho K 43 File có dữ liệu thông tin cá nhân). Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương tách hành vi và tài liệu liên quan đến hành vi này của L để tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật là có căn cứ nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án.

Đối với Đoàn Phạm Thành N (người K giao tài khoản Pega 7), hiện N vắng mặt tại địa phương, chưa xác định được ở đâu. Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được chưa có căn cứ chứng minh N hoặc người nào khác là người trao đổi dữ liệu thông tin cá nhân với K. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương tách hành vi và tài liệu liên quan đến hành vi của Nhân để tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật là có căn cứ nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án.

Đối với Đinh Thị Mai C (đứng tên tài khoản ví momo nhận tiền K chuyển mua tài khoản Pega 7 cho K), quá trình điều tra xác định C là người sử dụng ví momo số 01247002700 và tài khoản Zalo “July (caner)”. Lời khai C trình bày không bán tài khoản Pega 7. Trước đây, C có quen một người bạn tên L, sinh năm 1996, ở TP.Hồ Chí Minh (không rõ địa chỉ cụ thể). Có nhiều lần L mượn điện thoại của C để sử dụng và nhờ nhận tiền do người khác chuyển bằng tài khoản ví momo 01247002700 của C. Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được, chưa xác định được C hoặc người nào khác là người nhận tiền của K chuyển mua tài khoản Pega 7. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương tách hành vi và tài liệu liên quan đến hành vi của người sử dụng các tài khoản Zalo và ví momo trên để tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật là có căn cứ nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án.

Đối với người có tên Phan Thanh S (đứng tên tài khoản ví momo nhận tiền K chuyển mua tài khoản Pega 7 cho K), quá trình điều tra xác định không có thông tin chủ tài khoản ví momo số 0911597342 tên Phan Thanh S; không có con người có tên Phan Thanh S, sinh năm 1977, trú tại 194/2 Linh Đông, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (đứng tên tài khoản Vietinbank số 108872655219). Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương tách hành vi và tài liệu liên quan đến người sử dụng các tài khoản ngân hàng nêu trên để tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật là có căn cứ nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án.

Đối với Lê Công A1 (Zalo: Lê Công A1); Nguyễn Thị Minh A2 (Zalo: Minh A2); Hồ Thị Minh A3 (Zalo: Minh A3); Trương Quang A4 (Zalo: Ly Mb Quân Đội); Lê Như A5 (Zalo: Lê Như A5); Đỗ Văn A6 (Zalo: Vay thế chấp); Võ Văn A7 (Zalo: Gia Lâm); Lâm Gia A8 (Zalo: Smile); Phạm Minh A9 (Zalo:

Quang Tc); Nguyễn Quang A10 (Zalo: Quanghung.mc-shin); Lê Văn A11 (Zalo: A11); Dương Thị Hồng A12 (Zalo: Hà A12); Đỗ Kim A13 (Zalo: Kim A13); Bùi Thị Thúy A14 (Zalo: Thúy A14); Lê Thị Tuyết A15 (Zalo: A15); Vũ Thế A16 (Zalo: Vũ A16.thê); Nguyễn Thị Huỳnh A17 (Zalo: Huỳnh A17); Nguyễn Đình Phương A18 (Zalo: Phương A18); Nguyễn Thị Phương A19 (Zalo: Phương A19); Nguyễn Thị A20 (Zalo: A20 Babie và Duy Thiện); Phan Thị Thúy A21 (Zalo: Sakura Thuydiem); Trần Minh A22 (Zalo: Trần Minh A22); Nguyễn Văn A23 (Zalo: Nguyễn Văn A23); Phạm Thị Thu A24 (Zalo: Thu A24); Đinh Thị A25 (Zalo: A25 Bé); Trần Thị Thùy A26 (Viber: A26) và những người sử dụng các tài khoản Zalo: Phamthanhtuan.muadta; Dịch Vụ Cho Vay_ha_; Let it go; Dương; Cẩm Hồng; Quốc Bình; Tls Tvh; Lý A34; A35 Mirae; Huỳnh A36; Ngọc A37; Xù.shb-huế; VƯƠNG CREDIT; Minh A40; Diễm A41; bingo....; A43 Nguyễn; Thiện Trí Sf; Nuongdang; KT.DATA DIENMAY 0971884872; Ngọc Quý; Ty.CTY HN, những người sử dụng tài khoản Viber: ĐP; Data Sang và đối với 15 tài khoản Zalo, 09 tài khoản Viber được K gửi dữ liệu gồm tài khoản Zalo: AD Phạm.mc, Đỗ Quý, Hợp tác thành công, Kiều trang, Phạm Lang Vy, Mr Phong, mua dta khánh.hoài, My, Na Mèo, Phố TP, Quảng Hà 0904845825, Thao, Thu A36, Em, Quốc Vron_Mirae Asset; tài khoản Viber: Phạm Thị Thúy Hà, Mis, Hưng MC, Kim; Thái, tùng nguyên, Chuyen Le, ĐP, Mua Data Khánh Hoài. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương tách hành vi và tài liệu liên quan đến hành vi của những người này để tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật là có căn cứ nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án.

Đối với Đinh Thị T, Lê Thanh V quá trình điều tra xác định những người này đều không biết K sử dụng tài khoản đứng tên mình để giao dịch bán, trao đổi dữ liệu thông tin cá nhân nên không đồng phạm với bị can K. Đinh Thị T, Lê Thanh V không cho K thuê hay mượn tài khoản nên không vi phạm quy định tại Nghị định Số 88 ngày 15/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng là có căn cứ nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án.

Đối với hành vi K mua 02 tài khoản ngân hàng của người khác gồm tài khoản Vietcombank số 9966066326 tên Đinh Thị T và tài khoản VietinBank số 105873718579 tên Đinh Thị Liên và mua 01 tài khoản ví momo số 0567384816 tên Lê Thanh V, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương đã chuyển tài liệu về việc vi phạm này của K cho Công an tỉnh Hải Dương để xử lý hành chính là có căn cứ nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án.

Đối với Vũ Thị H cho K mượn tài khoản Agribank số 2310205324650 và tài khoản BIDV số 46010003925770 của H nhưng không biết bị cáo K sử dụng các tài khoản trên để giao dịch bán, trao đổi dữ liệu thông tin cá nhân. Vì vậy, H không đồng phạm với K. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương chuyển tài liệu về việc vi phạm này của H cho Công an tỉnh Hải Dương để xử lý hành chính là có căn cứ nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 2, 3 Điều 288; điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106, Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội Sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 24 (Hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn K cho Ủy ban nhân dân xã Phạm Trán, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn K có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Phạm Trán, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn K 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về biện pháp tư pháp:

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước của Nguyễn Văn K số tiền 458.952.000 đồng. Đối trừ với số tiền 250.000.000 đồng bị cáo K đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000829 ngày 01/12/2022 và Biên lai thu tiền số AA/2021/0000807 ngày 03/10/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền còn lại là 208.952.000 đồng.

- Tịch thu, phát mại nộp ngân sách Nhà nước: 01 bộ máy tính để bàn (gồm: 01 Cây máy tính thông số: Intel (R) Core (TM) i7 – 10700K CPU @ 3.8 GHz 3.79 GHz – RAM 16GB, 01 màn hình Samsung 21 inch); 01 ổ cứng máy tính Kingfast model: F6 PRO 240 GB; 01 USB màu trắng hiệu TOSHIBA 32GB; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy M51. (Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương).

5. Về án phí, xử: Bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQCSĐT, CQTHAHS -CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV - CA tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Anh Tuyết

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2019/DS-PT
Ngày 11-4-2019
V/v “Tranh chấp bồi thường thiệt
hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín
bị xâm phạm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Tiên.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tòng;
Bà Nguyễn Thị Thúy Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Hứa Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 89/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 122/2019/QĐPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thanh N (tên thường gọi: Yên), sinh năm 1979; Địa chỉ: xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Phạm Văn T2, sinh năm 1985; Địa chỉ: phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị O (tên thường gọi: Quyên), sinh năm 1982; Địa chỉ: xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Bà Dương Thị T1, sinh năm 1956; Địa chỉ: xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

4. Người kháng cáo: Chị Đỗ Thị O

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 6 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đỗ Thanh N và người đại diện theo ủy quyền của anh N trình bày:

Anh N là Trưởng phòng Hàng hải của Công ty Bảo Việt Tây Ninh. Vào lúc 20 giờ, ngày 22-6-2018, chị O đã đăng hình ảnh của anh và đồng nghiệp kèm theo dòng trạng thái (status) trên tài khoản facebook của cá nhân chị O với nội dung: *“Nói cho cả nhà nghe ne!Cai loại thang nay no co hoc thuc, mẹ nó tẩn tảo nuôi nó an học thành tai, giờ mẹ nó mac nợ nó nó kêu mẹ nó chết đi lấy tiền đi đám ma mà trả nợ. Cái loại này ra ngoài nó hình thức lam, o nhà nó đối xử chưởi me nó”*. Ngay sau đó, chị O tiếp tục đăng tải hình ảnh của anh, gia đình cùng video quay cảnh mẹ anh là bà T1 đang nói chuyện điện thoại với vợ anh là chị Thoa kèm theo dòng trạng thái có nội dung: *“Nói cho cả nhà nè!Cái loại mẹ mình nuôi an học tan tao som hom, cuc kho, Bay gio lam phó phòng, o nha lâu mà chưởi mẹ mình như vậy ne! ra đường thi sống đạo đức lam, an noi chuyen chưởi người khác là k có học thuc, thay nguoi ngheo thi chuoai nay, chuoai no... Kêu mẹ thì chết đi lấy tiền làm đám ma mà trả nợ”*. Những dòng trạng thái trên, chị O đã đăng công khai trên facebook với tài khoản có tên Ngoan Do, đã có 19 lượt chia sẻ (share) 20 lượt thích (like) và nhiều bình luận (comment). Từ những thông tin sai sự thật chị O đã đăng trên mạng xã hội facebook, đã làm cho các anh em trong gia đình, bạn bè, đồng nghiệp và khách hàng có những suy nghĩ tiêu cực, hiểu nhầm về anh N. Một số người không hiểu chuyện đã có những bình luận mang tính chất xúc phạm và cố ý chia sẻ tràn lan trên mạng xã hội.

Sau khi yêu cầu chị O gỡ bỏ những thông tin đã đăng, nhưng không được chấp nhận, thì ngày 28-6-2018, anh đã yêu cầu quản trị mạng facebook gỡ bỏ những thông tin chị O đã đăng do có nội dung xấu, gây tổn hại cho người khác. Vào lúc 09 giờ 45 phút cùng ngày, quản trị mạng facebook đã gỡ bỏ những thông tin này và thông báo cho anh biết vào lúc 10 giờ, cùng ngày.

Những thông tin chị O đã đăng tải trên mạng xã hội đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, uy tín của anh, gây suy sụp tinh thần, mất uy tín, bị bạn bè, đồng nghiệp và khách hàng hiểu nhầm. Do đó anh yêu cầu chị O bồi thường tổn thất tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm với số tiền 13.000.000 đồng; xin lỗi công khai trên facebook và tại địa phương nơi cư trú của anh và chị O là ấp Ph, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn chị Đỗ Thị O trình bày:

Chị và anh N là anh em họ. Ngày 22-6-2018, do anh N gọi điện dùng những lời lẽ khó nghe để xúc phạm chị, nói chị là quán xuyến việc nhà anh N, chị lấy tiền lời của mẹ anh N. Vì bức xúc trước những lời lẽ của anh N nên tối cùng ngày, chị có đăng tải hình ảnh của anh N, bạn bè và video mẹ anh N đang nói chuyện điện thoại với vợ anh N, kèm theo những dòng trạng thái như anh N đã trình bày.

Ngày 28-8-2018, chị O có yêu cầu phản tố, cho rằng chị tham gia hội do mẹ anh N làm chủ thảo. Chị là người hốt hội chót nhưng mẹ anh N không đăng tiền hội cho chị, anh N hiểu lầm nên cho rằng chị cho mẹ anh N vay tiền để lấy tiền lãi, vì thế ngày 22-6-2018, anh N đã dùng những lời nói xúc phạm chị như: *“không có học thuc, xấu xa, đê tiện, bản cùng của xã hội, cha mẹ mày là thứ xấu xa, gia đình mày tàn ròi”*. Chị mới sinh em bé được 04 tháng, nhưng vì những lời nói xúc phạm của anh N dẫn đến tinh thần không ổn định nên bị mất sữa. Nay chị không đồng ý yêu

cầu khởi kiện của anh N và yêu cầu anh N phải bồi thường tổn thất tinh thần với số tiền là 27.000.000 đồng.

Ngày 13-9-2018, ngày 16-10-2018 và ngày 24-10-2018, chị O được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt.

Theo đơn khởi kiện ngày 06-9-2018 và bản tự khai ngày 04-10-2018, Bà Dương Thị T1 trình bày:

Bà là mẹ ruột của anh N. Trước đó, bà có làm chủ thảo hụi, do một số hụi viên hốt hụi nhưng không đóng lại tiền hụi chết, nên bà không có tiền để đăng hụi cho các hụi viên khác, trong đó có chị O. Bà nói với anh N là sẽ bán đất để trả nợ, nếu không bán đất để trả nợ chắc bà chết. Do trước đó anh N không đồng ý việc bà làm chủ thảo hụi nên khi nghe bà nói thì tức giận và nói với bà là mẹ có chết thì tiền đám ma cũng không đủ để trả nợ.

Đến khoảng 19 giờ 40 phút, ngày 22-6-2018, chị O điện thoại cho bà, yêu cầu bà đến nhà chị O vì chị O và anh N mới xảy ra tranh cãi. Khi đến, bà nghe chị O kể là anh N gọi điện dùng những lời lẽ khó nghe để xúc phạm chị O và cha chị O vì đã bán đất của ông bà nội để lại. Bà có gọi điện cho anh N thì anh N nói bà nghe lời chị O rồi tắt điện thoại nên bà gọi điện thoại cho vợ anh N là chị Thoa để hỏi. Bà có kể lại cho chị Thoa nghe nội dung cuộc nói chuyện giữa bà và anh N trước đó. Trong lúc bà nói chuyện với chị Thoa thì chị O đã lén lút dùng điện thoại quay lại sau đó sử dụng clip đã quay, đăng lên mạng xã hội facebook kèm hình ảnh của anh N và dòng trạng thái như anh N đã trình bày ở trên. Việc chị O tự ý quay hình ảnh của bà, sau đó đưa lên mạng xã hội đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng và làm xáo trộn cuộc sống của gia đình bà, làm bà cảm thấy nhục nhã và xấu hổ, không dám gặp ai. Bà có yêu cầu chị O gỡ những thông tin đã đăng nhưng chị O không gỡ. Do đó bà yêu cầu chị O bồi thường tổn thất tinh thần với số tiền 13.000.000 đồng và xin lỗi công khai trên facebook và tại địa phương nơi cư trú của của bà là ấp Ph, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Ngày 08-10-2018, bà T1 có đơn rút lại yêu cầu bồi thường 13.000.000 đồng tổn thất tinh thần.

Tại bản án sơ thẩm số 89/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 3 Điều 11, Điều 13, Điều 34, Điều 468, Điều 592 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Thanh N; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Dương Thị T1.

Buộc chị Đỗ Thị O bồi thường thiệt hại cho anh N 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng) và xin lỗi công khai đối với anh Đỗ Thanh N, Bà Dương Thị T1 tại Văn phòng ấp Ph, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh N và bà T1 về việc buộc chị O xin lỗi công khai đối với anh N và bà T1 trên trang mạng Facebook.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần của chị Đỗ Thị O và Bà Dương Thị T1.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo.

*** Nội dung kháng cáo:** Theo đơn kháng cáo đề ngày 04-12-2018 của chị Đỗ Thị O yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Tại Bản luận cứ đề ngày 01/4/2019 và tại phiên tòa phúc thẩm, chị O yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh N. Bởi các lý do sau: Thứ nhất: Chị không có hành vi trái pháp luật. Trang facebook là của cá nhân chị, chị không chia sẻ với người khác, nội dung đăng là đúng sự thật; Thứ hai: Anh N không chứng minh được có tổn thất tinh thần vì trong các lượt người thích, người chia sẻ và bình luận không có ai là bạn bè, đồng nghiệp và khách hàng của anh N; Thứ ba: Nguyên nhân chị đăng là do anh N xúc phạm chị trước, chị bị stress nên không kiềm chế được tức giận.

Ý kiến Kiểm sát viên:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Điều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- *Về nội dung:* Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị Đỗ Thị O. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 89/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị O thừa nhận nội dung những dòng trạng thái kèm hình ảnh anh Đỗ Thanh N, đoạn video Bà Dương Thị T1 đang nói chuyện điện thoại chị đăng ngày 22/6/2018 trên trang Facebook có tên Ngoan Do như anh N trình bày là đúng.

Xét thấy nội dung chị O đã đăng: “*Nói cho cả nhà nghe ne! Cai loại thang nay no co hoc thức, mẹ nó tần tảo nuôi nó an học thành tài, giờ mẹ nó mac nợ nó*”

nó kêu mẹ nó chết đi lấy tiền đi đám ma mà trả nợ. Cái loại này ra ngoài nó hình thức lam, ở nhà nó đối xử chưởi mẹ nó”. “Nói cho cả nhà nè! Cái loại mẹ mình nuôi an học tan tao som hom, cuc kho, Bay gio lam phó phòng, ở nhà lầu mà chưởi mẹ mình như vậy nè! ra đường thì sống đạo đức lam, an noi chuyen chưởi người khác là k có học thức, thay nguoi ngheo thi chuoai nay, chuoai no... Kêu mẹ thì chết đi lấy tiền làm đám ma mà trả nợ”. Ngoài ra đối chiếu đoạn video bà T1 đang nói chuyện điện thoại và bản luận cứ chị O cung cấp, không thể hiện việc bà T1 nói anh N yêu cầu bà T1 chết lấy tiền đám ma để trả nợ. Như vậy, ngoài những câu từ nói xấu anh N, chị O còn nói sai sự thật và đăng trên mạng xã hội cho nhiều người biết. Do đó, hành vi đăng tải thông tin xấu trên phương tiện thông tin đại chúng của chị O đã vi phạm Điều 34 Bộ luật dân sự. Vì vậy anh N cho rằng, việc chị O đã xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín anh N, làm anh tổn thất tinh thần; Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị O bồi thường tổn thất tinh thần và xin lỗi anh N là có căn cứ.

[2] Chị O cho rằng do chị tức giận vì tin nhắn trao đổi giữa chị O và anh Yên, có nội dung xúc phạm chị nên chị tức giận mới viết nội dung về anh N. Tuy nhiên anh N không thừa nhận những tin nhắn do chị O cung cấp. Mặt khác, sau khi phát hiện chị O đăng trên facebook, anh N và bà T1 đã yêu cầu chị O gỡ bỏ nhưng chị O đã không thực hiện.

Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng toàn bộ nội dung chị O nại ra khi kháng cáo đều đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét làm rõ, chị O không cung cấp chứng cứ gì mới. Do đó kháng cáo của chị O không có cơ sở chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Chị O phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Đỗ Thị O.

Căn cứ Khoản 3 Điều 11, Điều 13, Điều 32, Điều 32, Điều 34, Điều 468, và Điều 592 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Thanh N.

Buộc chị Đỗ Thị O bồi thường thiệt hại cho anh Đỗ Thanh N số tiền 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng) và phải xin lỗi công khai đối với anh Đỗ Thanh N tại Văn phòng ấp Ph, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Dương Thị T1:

Buộc chị Đỗ Thị O phải xin lỗi công khai đối với Bà Dương Thị T1 tại Văn phòng áp Ph, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Không chấp nhận yêu cầu của anh N và bà T1 về việc buộc chị O xin lỗi công khai đối với anh N và bà T1 trên trang mạng Facebook.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần của chị Đỗ Thị O và Bà Dương Thị T1.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đỗ Thị O phải chịu 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho anh Đỗ Thanh N 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018631 ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Đỗ Thị O phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị O đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) phí theo biên lai thu số 0019244 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND H.;
- Chi cục H.;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị An Tiên

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày 12 - 6- 2023
V/v Tranh chấp về yêu cầu bồi
thường thiệt hại do danh dự, nhân
phẩm, uy tín bị xâm phạm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Đạo

Ông Phan Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lan Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 và Thông báo về việc thay đổi ngày xét xử số 01/TB-TA ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị P, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn Q, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lưu Thị P trình bày:

Chị Lưu Thị P và chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1979, trú tại Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn là bạn bè có quen biết từ trước. Chị Lưu Thị P và chị

Nguyễn Thị K không thân thiết nhưng từ trước đến nay không có mâu thuẫn gì. Ngày 28/9/2022 chị Nguyễn Thị K đến gặp chị tại xưởng may Châu Thùy thuộc thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn để hỏi chị có phải nhắn tin qua điện thoại hẹn hò với chồng chị Nguyễn Thị K tên là Phương Anh L hay không, thì chị Lưu Thị P có giải thích là chị không có quan hệ bất chính với chồng chị Nguyễn Thị K (anh Phương Anh L) nhưng chị Nguyễn Thị K không nghe. Đến khoảng 17 giờ ngày 28/9/2022 chị Lưu Thị P phát hiện trên mạng xã hội Facebook bằng trang Facebook cá nhân của chị Nguyễn Thị K là “K Nguyễn Thị” có nội dung: “*Cả nhà mình ơi có ai biết người này k mấy tháng nay suốt ngày nt ho hẹn vào máy đt của chồng mình trác con này nó ngua k có thằng nào chọc hay sao .dung là cái loại gái kiếm tiền bo tay luôn*” và hình ảnh kèm theo là hình chụp lên chị Lưu Thị P và hình trang cá nhân của chị Lưu Thị P. Do chị Nguyễn Thị K ghen tuông và nghi ngờ chị quan hệ bất chính với chồng chị Nguyễn Thị K là anh Phương Anh L nên đã đăng bài viết xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của chị Lưu Thị P mặc dù chị đã giải thích là giữa chị với chồng chị Nguyễn Thị K (anh Phương Anh L) không có quan hệ tình cảm gì cả. Sau khi biết chị Nguyễn Thị K đăng công khai bài viết trên Facebook chị Lưu Thị P đã nhắn tin vào Facebook chị Nguyễn Thị K yêu cầu gỡ bài nhưng chị Nguyễn Thị K không thực hiện gỡ bỏ ngay mà đến trưa ngày hôm sau (trưa ngày 29/9/2022) thì chị Nguyễn Thị K mới gỡ bỏ.

Bản thân chị Lưu Thị P sau khi bị xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm, uy tín thì chị cũng không bị thiệt hại gì đến thu nhập (không bị mất, không bị hạn chế thu nhập), chị vẫn đi làm bình thường; chị chưa phải bỏ ra bất cứ một khoản tiền nào để chi phí liên quan đến việc chị Nguyễn Thị K đã thực hiện việc xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của chị (chị Lưu Thị P cũng chưa phải bỏ ra bất cứ một chi phí nào cho việc thu hồi, xóa bỏ các nội dung xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, chưa phải chi phí gì cho việc thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm, do chị Lưu Thị P không yêu cầu tổ chức xin lỗi công khai tại nơi cư trú nên chị cũng không bị mất chi phí cho việc đó).

Sau khi bị chị Nguyễn Thị K đăng lên Facebook với nội dung xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín đã làm chị Lưu Thị P phải suy nghĩ rất nhiều, làm ảnh hưởng đến tinh thần của chị, làm cho chị Lưu Thị P không được tự tin, thoải mái khi ra ngoài làm việc.

Vì vậy, theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị Lưu Thị P yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị K phải bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm và tổn thất tinh thần cho chị với số tiền là 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng), tuy nhiên tại phiên tòa chị Lưu Thị P yêu cầu chị Nguyễn Thị K phải bồi thường thiệt hại cho chị theo quy định của pháp luật; buộc chị Nguyễn Thị K phải công khai xin lỗi trên Facebook cá nhân của chị Nguyễn Thị K.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

Chị Nguyễn Thị K và anh Phương Anh L kết hôn hợp pháp với nhau vào năm 2000 và có 02 (hai) người con. Đến khoảng tháng 4 năm 2022 chị Nguyễn

Thị K phát hiện nick facebook (mạng xã hội) “Phượng Hoàng” nhắn tin vào facebook chồng chị với nội dung rất mùi mẫn và tình cảm (tin nhắn chị chưa kịp lưu, chồng chị đã xóa nên không có bằng chứng), chị có hỏi chồng chị nhưng chồng chị không nói.

Qua quá trình tìm hiểu và hỏi hàng xóm thì chị Nguyễn Thị K được biết nick facebook đó là của chị Lưu Thị P; địa chỉ thường trú: Thôn Q, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Chị Nguyễn Thị K có đến gặp trực tiếp chị Lưu Thị P nhằm để hỏi về nội dung những dòng tin nhắn nhưng chị Lưu Thị P không nhận là được nhắn tin cho chồng chị, nên chị Nguyễn Thị K có nói *“nếu không chị thì em sẽ đăng ảnh trang cá nhân của nick facebook Phượng Hoàng lên hỏi bạn bè xem nick facebook Phượng Hoàng là ai”*, đồng thời chị Lưu Thị P có thách thức chị Nguyễn Thị K *“cứ đăng lên mà hỏi”* và nói với chị Nguyễn Thị K là: *“Tao yêu anh ý 20 năm về trước và chúng tao yêu nhau”*. Chị Nguyễn Thị K nói với chị Lưu Thị P: *“Chuyện quá khứ em không quan tâm, em chỉ quan tâm hiện tại và nếu chị có được nhắn tin hò hẹn với chồng em thì chị dừng ngay để gia đình em được yên ấm”*.

Tối cùng ngày chị Nguyễn Thị K có lên facebook cá nhân của chị và đăng tin hỏi với nội dung: *“cả nhà ơi cho em hỏi có ai biết người này không? Không hiểu là thời gian này cứ thấy nhắn tin vào máy chồng em suốt, không hiểu làm ăn hay mưu mô gì (có ảnh đại diện trang cá nhân nick facebook Phượng Hoàng kèm theo bài đăng)”*. Hôm sau chị Lưu Thị P dùng nick facebook Phượng Hoàng nhắn tin cho chị hỏi tại sao lại đăng ảnh chị Lưu Thị P lên và nói sẽ kiện chị vì tội đăng ảnh chị Lưu Thị P lên.

Ngay sau ngày đăng tải chị Nguyễn Thị K nhận thấy những nội dung hỏi về nick facebook Phượng Hoàng không còn quan trọng nên chị đã gỡ bỏ nội dung đăng tải trên trang cá nhân của chị và tính đến thời điểm hiện tại trên trang cá nhân mạng xã hội của chị không còn bất cứ nội dung liên quan đến chị Lưu Thị P nữa.

Bản thân chị Nguyễn Thị K nhận thấy chị không đăng tải bất cứ thông tin nào về chị Lưu Thị P là sai sự thật. Vì vậy, chị Lưu Thị P yêu cầu chị bồi thường 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng) và công khai xin lỗi thì chị không nhất trí vì chị không dùng bất cứ lời lẽ hay hình ảnh nào xúc phạm, bịa đặt loan truyền sai sự thật nhằm xúc phạm nhân phẩm, danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lưu Thị P.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên bị đơn chị Nguyễn Thị K không đến tham gia mà không có lý do chính đáng, nguyên đơn chị Lưu Thị P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần theo quyết định đưa vụ án ra

xét xử, thủ tục phiên tòa được thực hiện đúng, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn chị Nguyễn Thị K chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lưu Thị P, buộc bị đơn chị Nguyễn Thị K phải bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho nguyên đơn chị Lưu Thị P từ 02 tháng đến 04 tháng lương cơ sở tương ứng với số tiền là 2.980.000 đồng (hai triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng) đến 5.960.000 đồng (năm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Buộc chị Nguyễn Thị K phải đăng công khai xin lỗi chị Lưu Thị P trên mạng xã hội Facebook bằng trang Facebook cá nhân của chị Nguyễn Thị K là “K Nguyễn Thị”. Về án phí: Chị Lưu Thị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lưu Thị P yêu cầu chị Nguyễn Thị K bồi thường do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm” theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do chị Nguyễn Thị K có nơi cư trú tại Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nên thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập, thông báo cho các đương sự yêu cầu viết bản khai theo quy định, cung cấp tài liệu chứng cứ và tham gia phiên họp và phiên hòa giải. Bị đơn chị Nguyễn Thị K vắng mặt tại phiên tòa lần hai, không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị K có ý kiến cho rằng chị không dùng bất cứ lời lẽ hay hình ảnh nào xúc phạm, bịa đặt loan truyền sai sự thật nhằm xúc phạm nhân phẩm, danh dự, uy tín hoặc gây thiệt hại đến quyền và

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Ngọc

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9